BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 5

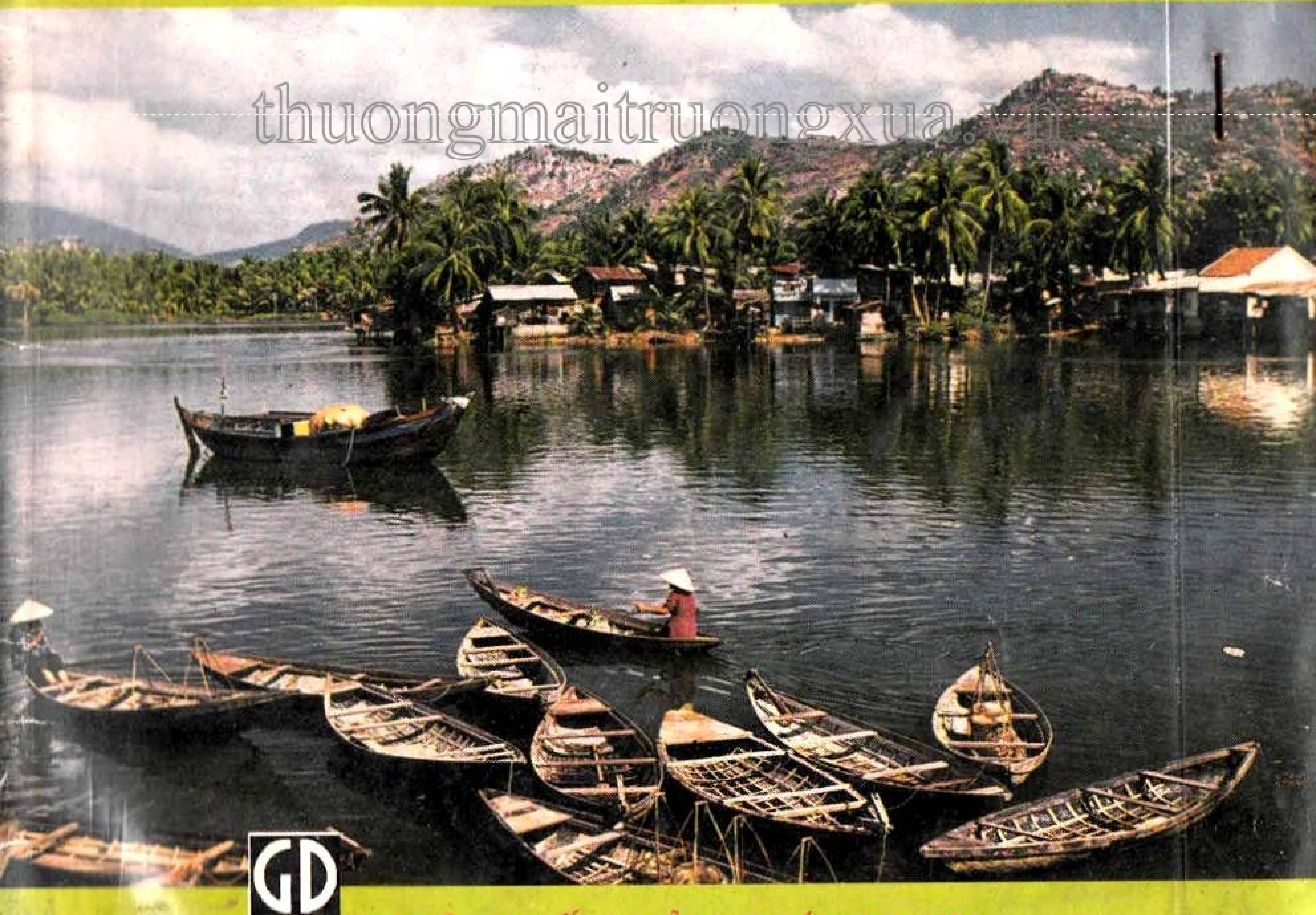

thuongmaitruongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÙI PHƯƠNG NGA - NGUYỄN THƯỢNG CHUNG
NGUYỄN MINH PHƯƠNG - PHẠM THỊ SEN
NGUYỄN HỮU CHÍ - LÊ ĐÌNH HÀ

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 5

ruongxua.vn

TỦ SÁCH GIA ĐÌNH
MAN THIỆN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1997

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc **PHẠM VĂN AN**
Tổng biên tập **NGUYỄN NHƯ Ý**

Biên soạn :
BÙI PHƯƠNG NGA
NGUYỄN THƯỢNG CHUNG
NGUYỄN MINH PHƯƠNG
PHẠM THỊ SEN
NGUYỄN HỮU CHÍ
LÊ ĐÌNH HÀ

Biên tập nội dung :
NGUYỄN THỊ THƯ
PHÍ CÔNG VIỆT
LÊ ĐÌNH HÀ
NGUYỄN HỒNG LIÊN

Biên tập mĩ thuật:
MINH HIỀN

Trình bày :
HOÀNG LÊ BÁCH

Sửa bản in :
VƯƠNG TRÌNH

Chế bản tại TRUNG TÂM CHẾ BẢN ĐỒ HỌA
(NXB GIÁO DỤC)

371 . (012) (075) / GD – 97 706 / 98 - 96 Mã số : 1H518m7

thuongmaitr

KHOA HỌC

ĐỒ VẬT THƯỜNG DÙNG

Bài 1 TRANG PHỤC

1. Một số loại trang phục

Quần áo, giầy dép, mũ nón, ... là những trang phục dùng hằng ngày để bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người.

Có nhiều loại trang phục. Tùy theo mục đích sử dụng, có thể phân biệt : trang phục ở nhà, đi làm, đi học, chơi thể thao, dự liên hoan, lễ tết, cưới hỏi, ma chay...

truongxua.vn

Hình 1 - Trang phục của học sinh.

Hình 2 - Trang phục của nhân viên hàng không

Hình 3 - Trang phục của người Việt.

thuongmaitr

Ngoài các trang phục mà các dân tộc trên thế giới đều có thể dùng, mỗi dân tộc lại có các trang phục riêng, đặc trưng cho dân tộc mình.

Hình 4 -
Trang phục của người La Hủ.

2. Lựa chọn trang phục

Chọn trang phục phải hợp lứa tuổi, hợp với hoàn cảnh học tập hay làm việc, hợp với điều kiện kinh tế của mỗi người. Song mặc trang phục nào thì cũng phải chú ý đến thời tiết. Trang phục mùa hè cần thoáng mát, chất vải thấm mồ hôi, màu sắc tươi sáng. Trang phục mùa đông phải dày, ấm, với những chất vải tốt, len, dạ. Điều quan trọng nữa của trang phục là phải phù hợp và hài hòa : hợp với thời tiết, với người mặc, hài hòa về màu sắc giữa áo, quần, giầy, mũ, túi đeo, ...

Hình 5 - Trang phục mùa hè.

ruongxua.vn

Hình 6 -
Trang phục mùa đông.

3. Giữ gìn và bảo quản trang phục

Sau khi dùng, quần, áo, khăn, tất phải được giặt, tẩy sạch sẽ. Nên chọn loại xà phòng hợp với từng loại vải, lụa, len, dạ... Khi phơi, cần chọn chỗ thoáng, nhiều ánh sáng để quần áo chóng khô. Với loại quần áo mặc ngoài có màu sắc, không nên phơi lâu ngoài nắng để khỏi bị bạc màu. Quần áo đã sạch phải được gấp lại hoặc treo trên mắc cho khỏi nhàu nát. Hòm, rương, tủ... đựng quần áo phải để nơi khô ráo và được đóng kín để tránh bụi, tránh gián, chuột... Có thể để băng phiến, hạt tiêu lẫn với quần áo để chống gián, nhạy...

Giầy dép phải được thường xuyên lau chùi, giầy da phải được đánh xi, dép phải được cọ rửa. Giầy dép chưa dùng đến phải để vào nơi quy định, có bao bọc để tránh bụi bặm và giữ cho bền, đẹp.

Quần áo, giầy dép, mũ nón, khăn, tất,... được gọi chung là trang phục. Có nhiều loại trang phục, tùy hoàn cảnh kinh tế, mỗi người phải chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, công việc, thời tiết, thẩm mĩ... Sau khi dùng, trang phục cần được làm sạch, cất giữ và bảo quản cho bền, đẹp.

thuongmaitr

Câu hỏi

1. Trang phục của mỗi người thường gồm những gì ? Em hãy tả trang phục thường dùng của một trong những dân tộc Việt Nam.

2. Tìm vài ví dụ cho thấy việc lựa chọn trang phục cần phải phù hợp với thời tiết, lứa tuổi và công việc của từng người.

3. Nêu một số kinh nghiệm về việc làm sạch, cất giữ, bảo quản trang phục của em hoặc gia đình em.

Bài 2. 3 ĐỒ DÙNG SINH HOẠT TRONG NHÀ

Trong một căn nhà thường có các phòng ở, bếp và khối vệ sinh. Phòng ở có thể là phòng khách (hay phòng sinh hoạt chung), các phòng ngủ và phòng làm việc. Nếu nhà chỉ có một phòng ở thì trong phòng ở đó cũng thường được chia thành khu vực tiếp khách, khu vực ngủ...

1. Đồ dùng trong phòng ở

Trong phòng ở thường có các đồ dùng : bàn, ghế, giường, tủ. Kích cỡ và kiểu dáng của những đồ dùng này khác nhau. Vật liệu chế tạo chúng cũng khác nhau. Có loại bàn ghế để ngồi học và làm việc. Có loại bàn ghế dùng để tiếp khách, có loại bàn ghế dùng để ngồi ăn uống. Về tủ, cũng có nhiều loại : tủ quần áo, tủ sách, tủ để đồ mĩ nghệ, đồ sứ, đồ thủy tinh trang trí cho phòng ở. Về giường, có giường đôi, giường đơn... Vật liệu làm những đồ dùng này là gỗ, mây, tre, kim loại...

Ngoài những đồ đạc nêu trên, trong phòng ở còn cần những tiện nghi khác : đèn điện, đèn dầu... để thắp sáng ; quạt, máy điều hòa nhiệt độ để làm mát ; bếp lửa, lò sưởi... để sưởi ấm. Trong nhiều phòng ở của Việt Nam hiện nay còn có máy thu thanh (ra-đi-ô cát-sét), máy thu hình (ti- vi)... Các phương tiện hiện đại này cung cấp nhiều thông tin, nâng cao trình độ văn hóa và rất tiện lợi trong việc giúp mọi người được giải trí ngay tại nhà.

Hình 7 - Đồ dùng trong phòng khách.

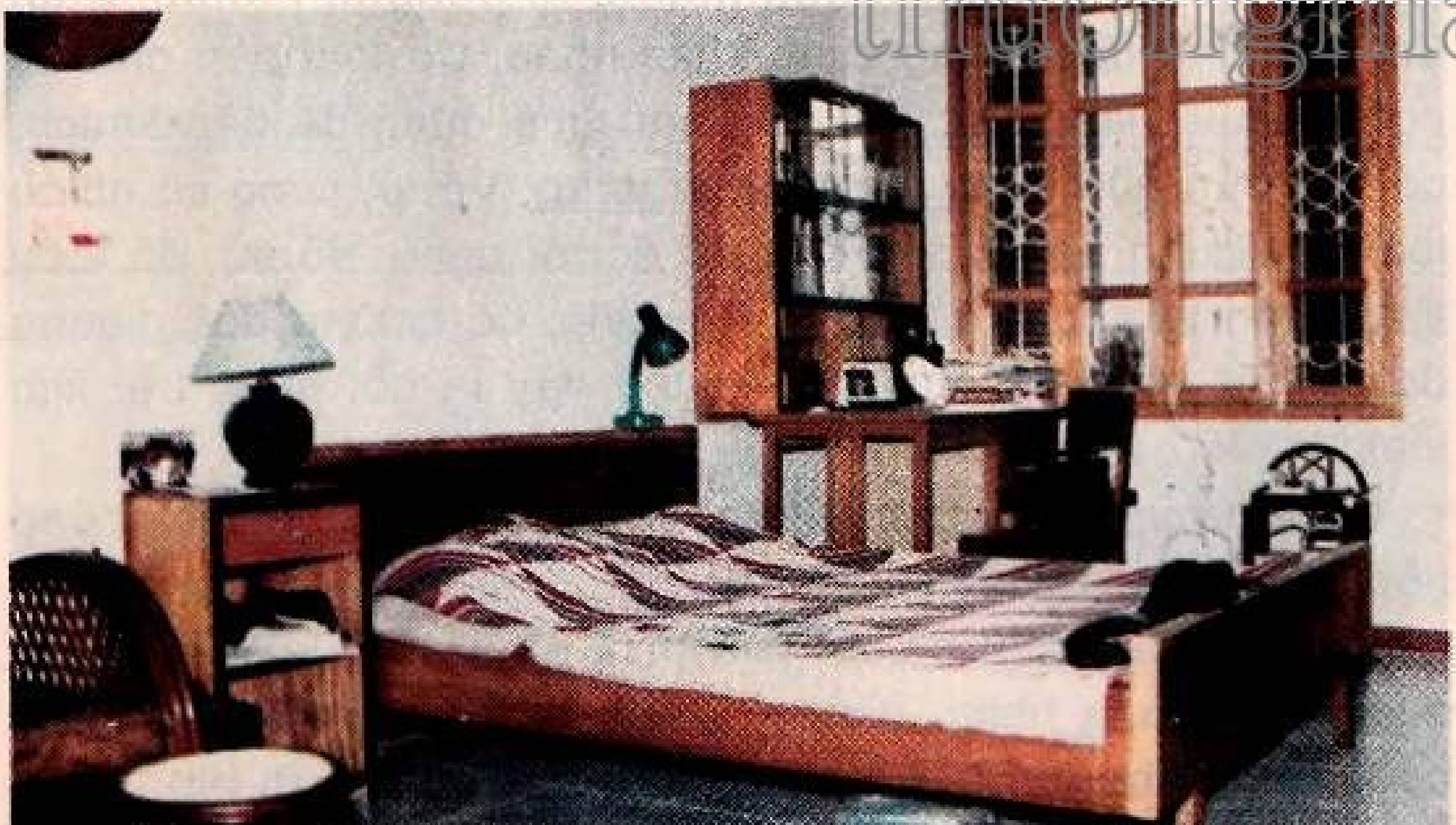

Hình 8 - Đồ dùng trong phòng ngủ.

2. Đồ dùng trong khối vệ sinh

Nơi tắm, rửa và đại tiện, tiểu tiện được gọi chung là khối vệ sinh. Mức độ hiện đại hay thô sơ của khối vệ sinh có thể khác nhau do điều kiện kinh tế, do cách quan niệm về vệ sinh của mỗi gia đình. Khối vệ sinh có thể là nơi để tắm, rửa và nơi đại tiện, tiểu tiện ; cũng có thể bố trí tách rời nơi tắm rửa với nơi đại tiện, tiểu tiện. Một khối vệ sinh được trang bị hiện đại thường có : chậu rửa, vòi tắm hoa sen, bệ xí tráng men, thậm chí cả bồn tắm lớn với máy giặt...

Hình 9 - Chậu rửa và bệ xí trong khối vệ sinh.

Trong điều kiện kinh tế còn hạn chế, đồ dùng để tắm rửa, giặt giũ thường là xô, chậu... Nếu là ở nông thôn, nơi tắm rửa cần được đặt gần nguồn nước (giếng, bể chứa...) ; nơi đại tiện, tiểu tiện thì phải xa nguồn nước. Để giữ vệ sinh, tốt nhất là dùng hố xí hai ngăn.

Mọi người phải giữ khối vệ sinh cho thật sạch. Những đồ dùng vệ sinh cá nhân như bàn chải đánh răng, khăn mặt, khăn tắm, lược... cần phải giữ sạch để tránh nấm mốc và các vi khuẩn gây bệnh.

3. Đồ dùng trong bếp

Trong bếp thường có các đồ dùng sau :

- Bếp để nấu nướng : bằng củi, bằng than, bằng dầu hay bằng điện, bằng ga...

- Dao, thớt, rổ, rá, nồi, soong, chảo... để chế biến, chứa đựng thức ăn tươi, sống và nấu nướng thức ăn.

- Bát, đĩa, đũa, thìa, ấm, chén... là những phương tiện giúp con người ăn uống tiện lợi, vệ sinh và lịch sự.

- Thùng, hộp, chai, lọ, vại... có nắp đậy để cất giữ và bảo quản lương thực, thực phẩm (gạo, thóc, đường, muối, gia vị...), chống ẩm, mốc, bụi bặm, gián, chuột, mối, mọt...

- Tủ lạnh để bảo quản và cất giữ các thực phẩm tươi sống (thịt, cá, trứng, sữa, rau quả...).

Cần bảo quản và giữ sạch những đồ dùng trong bếp.

Hình 10 - Đồ dùng trong bếp.

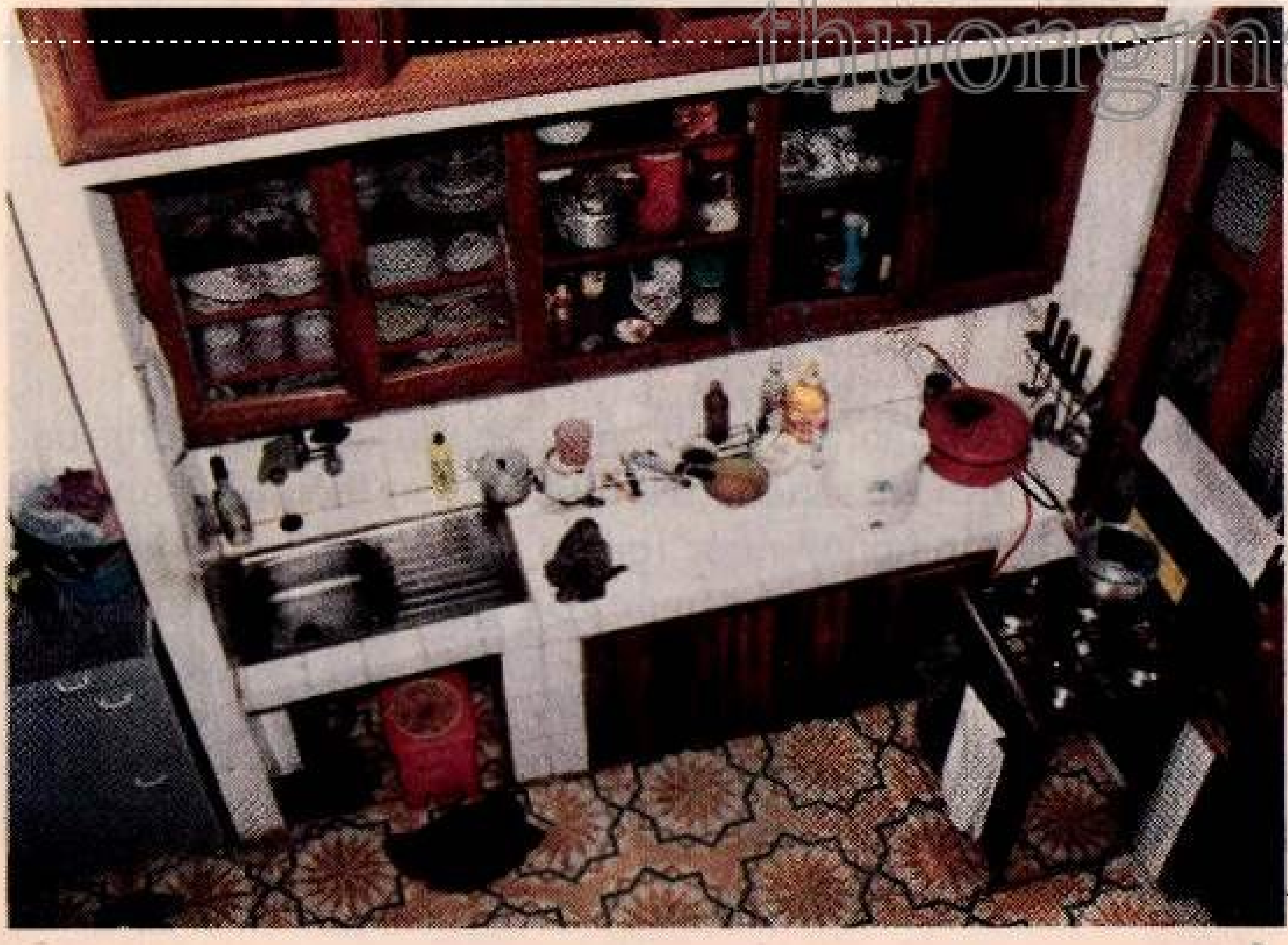

Hình 11 - Một góc phòng ở của đồng bào Gia-rai ở Tây Nguyên được dùng làm bếp.

truongxua.vn

Trong nhà, có nhiều loại đồ dùng giúp cho con người ăn, ở, nghỉ ngơi, làm việc, học tập được tiện lợi. Cần giữ gìn những đồ dùng này sạch sẽ và bền, đẹp.

Câu hỏi

1. Em hãy kể tên và nêu công dụng của một số đồ dùng trong phòng ở, trong khối vệ sinh và trong bếp.

2. Hằng ngày, em cần phải làm gì để giữ cho các đồ dùng trong nhà gọn gàng, sạch sẽ ?

Bài 4 ĐỒ DÙNG HỌC TẬP

1. Đồ dùng học tập các môn học

- Sách giáo khoa, sách đọc thêm ;
- Vở ghi, vở nháp, giấy làm bài kiểm tra, bìa cất giữ bài làm ;
- Bút bi, bút máy, bút chì, bút dạ các màu ;
- Thước, ê-ke, com-pa, tẩy ;
- Túi, cặp ;
- Các bộ sưu tập tranh, ảnh, bản đồ, tài liệu, mẫu vật (đá, quặng, kim loại, thực vật, động vật...) ;
- Các dụng cụ thí nghiệm, thực hành đơn giản thường dùng ở lớp (chai, cốc, lọ, chậu, ống nghiệm, nến, đèn cồn, nhiệt kế, dao, kéo...).

Trong các loại đồ dùng kể trên, em đã có những loại đồ dùng nào ? Em đã dùng và giữ gìn chúng ra sao ?

2. Đồ dùng để rèn luyện thân thể

thuongmaitr

a) Ngoài *việc tập thể dục* không dùng dụng cụ, ta có thể dùng *gậy, vòng, bóng, dây hoặc dải lụa*... để thêm hứng thú trong luyện tập.

b) Khi *chơi thể thao* nên có những đồ dùng phù hợp với sức khỏe, với sở thích, với khả năng của mỗi người và với hoàn cảnh của từng địa phương. Những đồ dùng đơn giản, thường dùng khi chơi thể thao là :

- *Bóng ném, bóng đá, bóng bàn, cầu*... kèm theo lưới và vợt để chơi bóng, chơi cầu.
- *Đệm, côn, đao, kiếm gỗ*... để tập võ, đấu vật...

c) Để rèn óc suy luận và tính kiên trì, thận trọng, nên có các loại *bàn cờ và quân cờ* để thi đấu.

d) Muốn luyện cho tinh mắt, khéo tay, phản ứng nhanh nhạy, có thể dùng các *máy chơi trò chơi điện tử* chạy bằng pin hoặc dùng máy vi tính...

3. Đồ dùng để luyện tập và hoạt động nghệ thuật

Chơi âm nhạc, hát, múa, kể chuyện, diễn kịch, vẽ, nặn, khắc, là những hoạt động nghệ thuật cần được luyện tập từ nhỏ.

Các hoạt động này đòi hỏi phải có những đồ dùng, phương tiện như :

a) Các loại *đàn, sáo, kèn, trống...* để tập và chơi âm nhạc, múa, hát...

b) Các loại *thuốc vẽ màu, chì màu, bút vẽ, giấy vẽ...* để tập vẽ trang trí, vẽ phong cảnh, vẽ vật hoặc vẽ người.

c) Kéo, dao, dao khắc, giấy màu... để tập cắt, dán, gấp các hình bằng giấy, để tập khắc tranh, tượng.

Để học tập văn hóa, thể dục thể thao và nghệ thuật đạt kết quả tốt, cần có đủ đồ dùng cần thiết. Phải biết sử dụng, giữ gìn các đồ dùng đó.

ruongxua.vn

Câu hỏi

1. Cần có những đồ dùng nào để học tốt các môn học ? Nên chọn, sử dụng, giữ gìn như thế nào từng đồ dùng sau :
Sách giáo khoa, vở ghi, bút chì, thước, com-pa ?

2. Kể tên những thứ đồ dùng thường thấy khi luyện tập thể dục, chơi thể thao.

3. Kể tên các dụng cụ âm nhạc mà em biết.

4. Khi vẽ tranh cần có những đồ dùng gì ?

THỰC HÀNH : ĐỒ DÙNG LAO ĐỘNG

1. Các hình ảnh dưới đây giới thiệu một số đồ dùng để lao động. Em hãy quan sát từng loại và nói về công dụng của chúng.

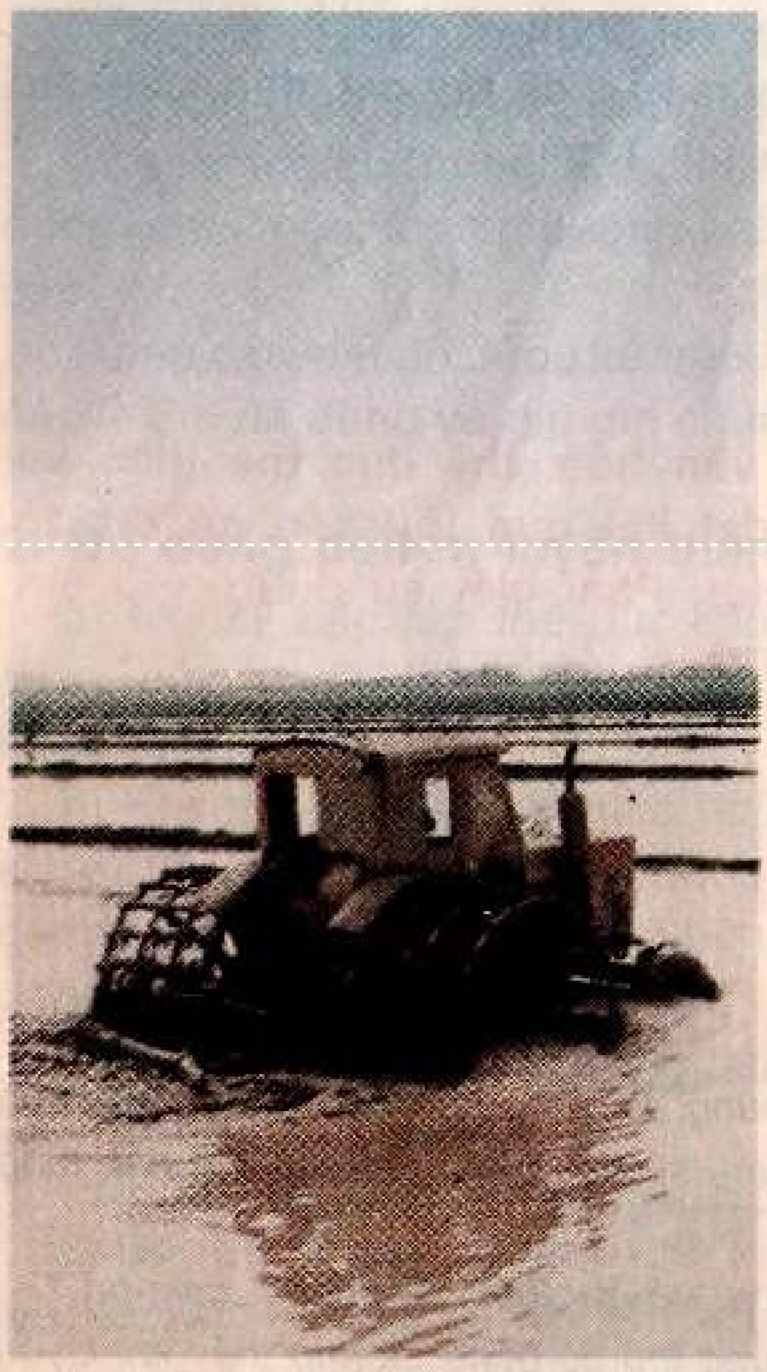

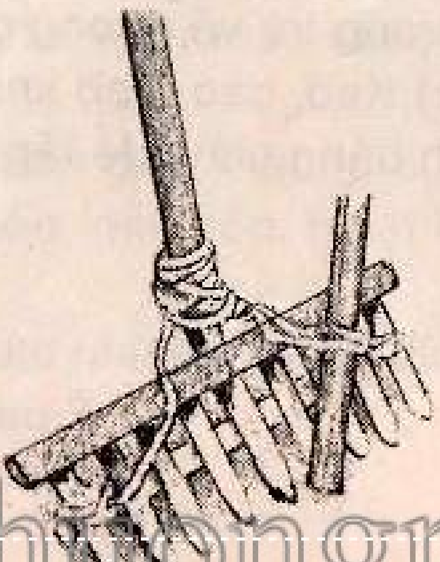

b) Bừa của người Sán Dìu ;

thuongmaitr

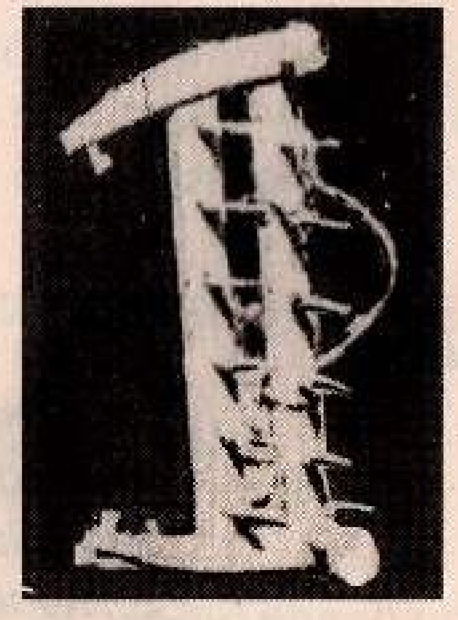

a) Bừa máy trên đồng ruộng ; c) Bừa gỗ của người Tu Di.

Hình 12 (a, b, c) - Một số loại bừa.

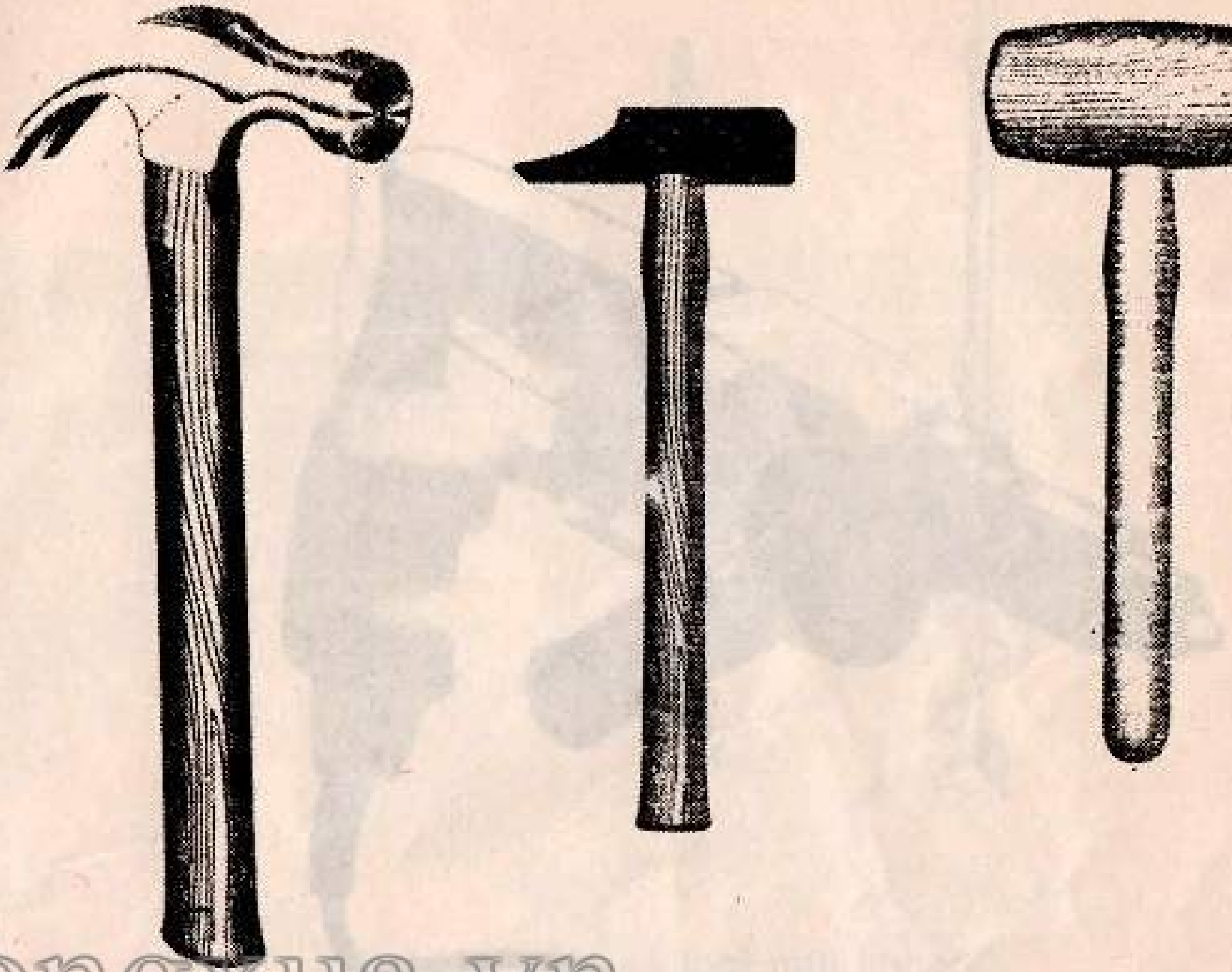

Hình 13 - Một số loại búa.

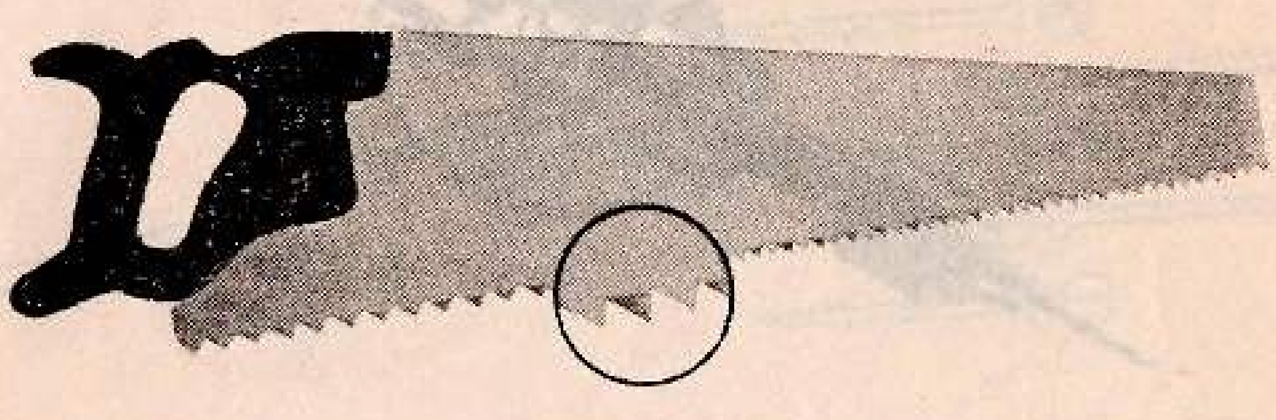

Hình 14 - Cưa tay.

ruongxua.vn

thuongmaitr

Hình15 (a, b) - Một số loại máy khoan.

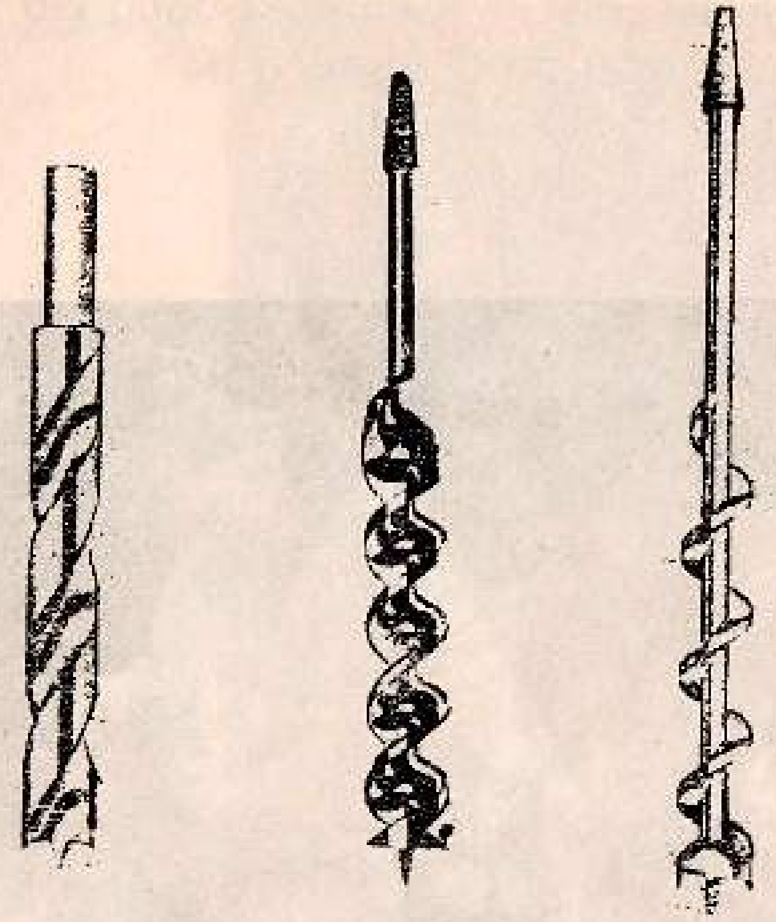

Hình16 - Một số loại mũi khoan.

ruongxua.vn

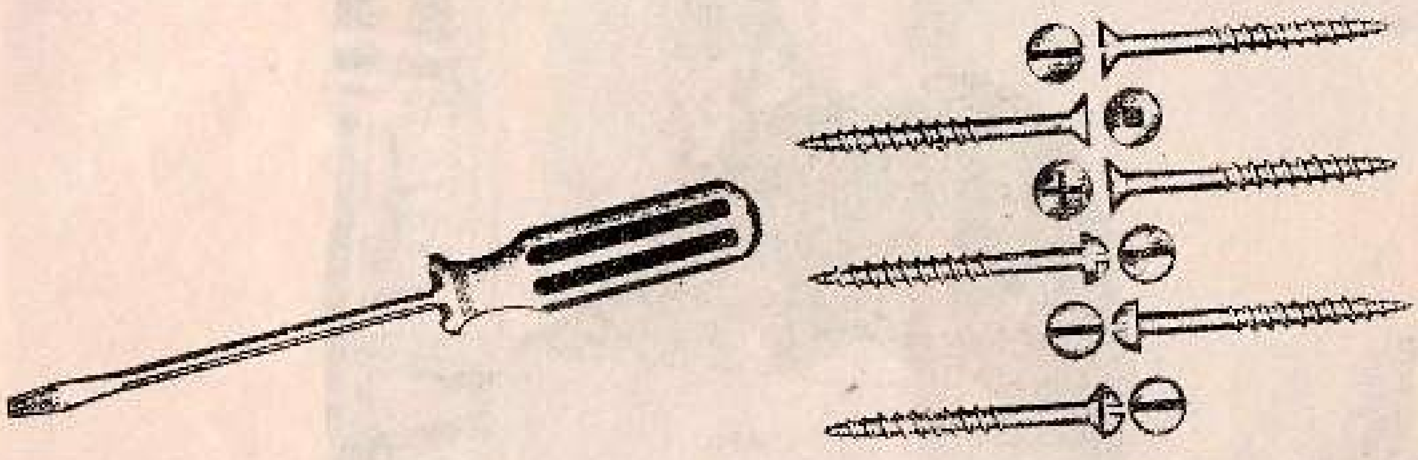

Hình17 - Tuốc-nơ-vít và một số loại đinh vít.

2. Quan sát hình ảnh một số hoạt động lao động dưới đây và kể tên các đồ dùng được sử dụng để :

a) Chạm gỗ ;

b) Dệt vải ;

c) May quần áo.

Hình 18 - Chạm gỗ.

Hình19 - Dệt vải.

Hình 20 - May quần áo.

ruongxua.vn

3. Hãy kể tên một số đồ dùng lao động của gia đình em. Những đồ dùng đó được sử dụng để làm gì ?

Mỗi loại lao động cần có các đồ dùng thích hợp. Trong lao động, cần biết dùng và giữ gìn bảo vệ chúng.

Bài 6

THỰC HÀNH : PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI

1. Em hãy quan sát các hình 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 :

a) Phân loại xem những hình nào chụp các phương tiện giao thông vận tải dùng ở đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường không ?

b) Kể tên các phương tiện giao thông vận tải ở từng hình. Trong số đó, những phương tiện nào là thô sơ, những phương tiện nào là hiện đại ?

2. Ở địa phương em có những loại đường giao thông nào ? Em hãy kể tên các phương tiện giao thông vận tải chủ yếu ở địa phương em.

Hình 21 - Máy bay trên đường băng.

Hình 22 - Xe bò kéo.

truongxua.vn

Hình 23 - Voi và người chuẩn bị lên đường.

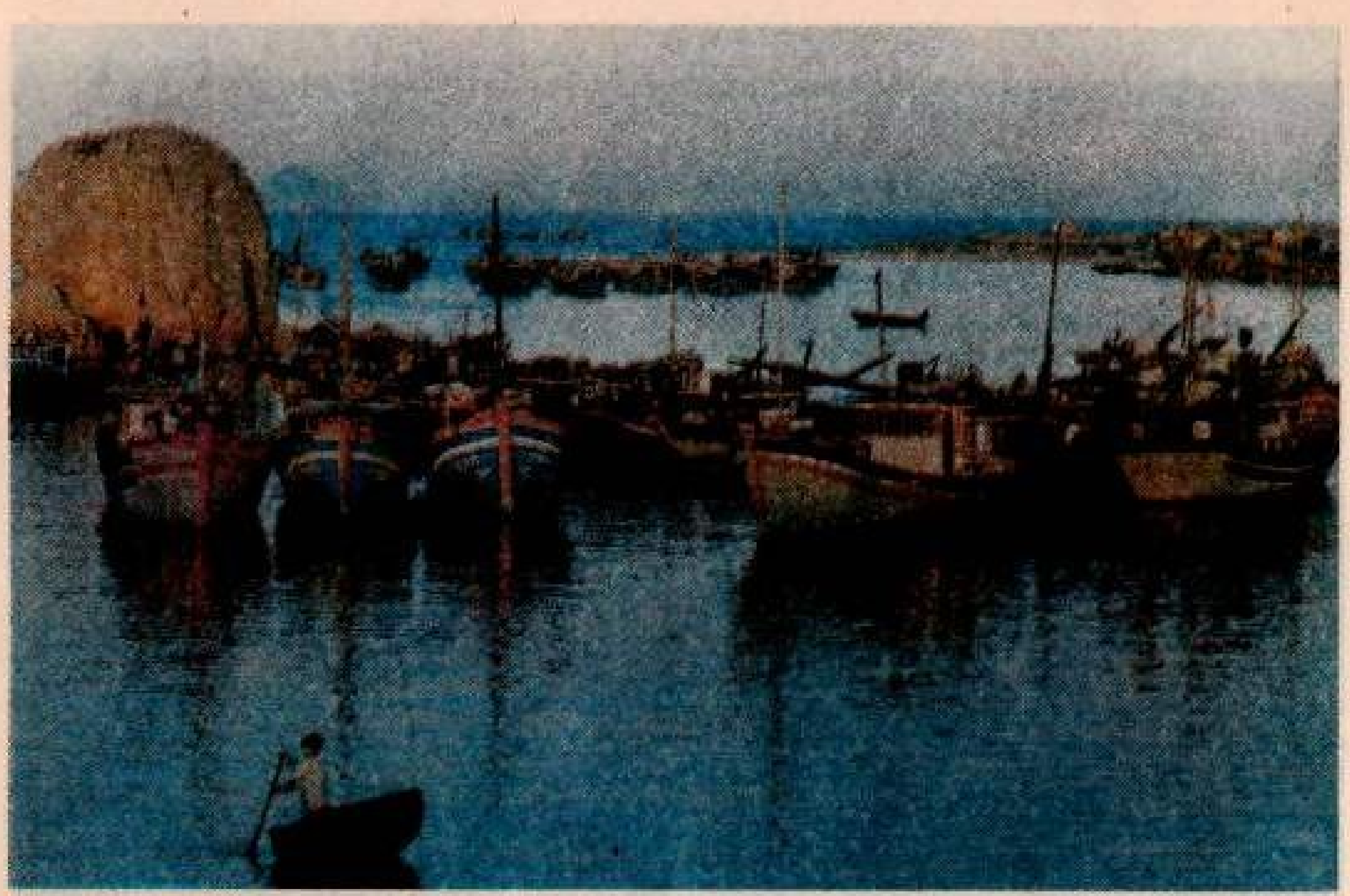

Hình 24 - Thuyền trên bến.

Hình 25 - Ô tô trên đường phố.

truongxua.vn

Hình 26 - Tàu hỏa trên đường sắt.

Hình 27 - Tàu thủy trên biển.

Để giúp con người đi lại và vận chuyển hàng hóa từ nơi này đến nơi khác, người ta cần đến các đường giao thông và các phương tiện giao thông vận tải khác nhau.

thuongmaitr

Bài 7 PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN

1. Các phương tiện thông tin đơn giản

Để thông báo tin tức cho nhau, từ lâu, người ta đã dùng các vật phát ra tín hiệu nhìn thấy hoặc nghe thấy từ xa như khói, cờ hiệu, lửa, pháo hiệu, đèn nháy, gương phản chiếu hoặc trống, mõ, chuông, còi.

2. Thư, điện báo, điện thoại

a. Thư

Trước đây, người ta thường dùng người, chim, chó... để chuyển thư.

uongxua.vn

Ngày nay, có thể gửi thư dễ dàng, thuận tiện, ít tốn kém đến hầu hết các nơi ở trong hoặc ngoài nước. Chỉ cần cho thư vào phong bì có dán tem, đề tên và địa chỉ của người nhận rồi đem bỏ vào thùng thư bưu điện là thư sẽ được chuyển đến nơi muốn gửi.

b. Điện báo

Khi cần báo tin khẩn cấp, ta có thể đến bưu điện để gửi điện báo. Chỉ cần ghi vào tờ mẫu in sẵn tên và địa chỉ người nhận, nội dung ngắn gọn, rõ ràng của bức điện và trả tiền ở quầy bưu điện là bức điện sẽ được gửi ngay đến nơi cần báo tin.

c. Điện thoại

Hiện nay, ở các cơ quan, trường học, xí nghiệp, cửa hàng, đồn công an, bệnh viện, chi nhánh bưu điện và một số nhà riêng đã có điện thoại để có thể trực tiếp nói chuyện giữa hai người ở xa nhau, có khi tới hàng vạn ki-lô-mét.

Muốn gọi điện thoại, phải có số máy của người cần nói chuyện. Người gọi nhấc máy lên, đặt ống nói ở gần miệng và áp ống nghe vào tai rồi quay (hoặc bấm) các chữ số theo số của máy muốn gọi. Chuông của máy muốn gọi kêu, người nhận tin nhấc máy lên và hai người nói chuyện trực tiếp với nhau.

3. Hệ thống truyền thanh - Máy thu thanh - Máy thu hình (ti - vi)

a. Hệ thống truyền thanh

Để truyền tin tới nhiều người, nhiều nơi, có thể dùng hệ thống truyền thanh. *Nhờ có ống nói (mi-crô), máy tăng âm và đường dây dẫn tới các loa* mà tin tức được truyền tới người nghe ở xa nơi phát tin.

b. Máy thu thanh

Máy thu thanh dùng để nghe các chương trình của đài phát thanh. Đài phát thanh phát ra làn sóng điện có thể truyền đi trong không trung mà không cần đến dây dẫn (gọi là sóng vô tuyến điện). Mỗi chương trình phát thanh được phát đi trên một số làn sóng đã định. Muốn nghe được một chương trình, cần điều chỉnh núm chọn sóng của máy thu thanh để thu được đúng làn sóng điện phát ra.

c. Máy thu hình (ti - vi)

Máy thu hình là máy thu các hình ảnh và âm thanh được phát đi từ đài truyền hình. Mỗi chương trình truyền hình phát đi trên các "kênh" theo các làn sóng điện nhất định, vào thời gian nhất định. Sóng điện này truyền các tín hiệu hình ảnh và âm thanh qua không gian, không cần dây dẫn đến những nơi xa đài phát trong vùng bán kính từ vài chục đến vài trăm ki-lô-mét. Khi điều chỉnh bấm đúng "kênh" của ti - vi để thu được làn sóng điện của chương trình truyền hình thì trên màn hình sẽ xuất hiện các hình ảnh và loa sẽ phát ra âm thanh.

thuongmaitr

Để trao đổi tin tức với nhau, có thể dùng nhiều loại phương tiện thông tin :
- Phương tiện phát tín hiệu bằng khói, lửa, ánh sáng hoặc tiếng động ;
- Thư, điện báo, điện thoại ;
- Hệ thống truyền thanh, máy thu thanh, máy thu hình.

Câu hỏi

1. Kể tên các phương tiện thông tin đơn giản thường dùng ở trường, ở đường phố, ở nơi công cộng.
2. Muốn báo tin cần những gì ? Hãy thực hành gửi thư chúc mừng sinh nhật của người thân ở xa.
3. Cần làm gì khi muốn thông báo tin bằng điện báo ? Bằng điện thoại ?
4. Khi dùng máy thu thanh phải làm gì để nghe được chương trình của đài phát thanh ?
5. Khi dùng ti - vi phải làm gì để xem được chương trình truyền hình phát đi ?

ruongxua.vn

Bài 8 ÔN TẬP : NHỮNG ĐỒ VẬT THƯỜNG DÙNG

1. Quần, áo, giầy, dép, khăn, mũ là những trang phục phải dùng hàng ngày để bảo vệ cơ thể, để sống văn minh, lịch sự. Phải chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, công việc, thẩm mĩ... Cần giữ gìn trang phục sạch sẽ.
2. Có thể phân loại đồ dùng trong nhà thành 3 nhóm chính :
a) Đồ dùng trong phòng ở, như bàn, ghế, tủ, giường, chăn,

màn, gối, đệm, quạt, đèn..., để phục vụ cho sinh hoạt, nghỉ ngơi, tiếp khách...

b) Đồ dùng trong khối vệ sinh như xô, chậu, khăn mặt, bàn chải đánh răng, bệ xí... để phục vụ cho việc tắm, giặt và đại tiện, tiểu tiện.

c) Đồ dùng trong bếp như bếp nấu, nồi, soong, chảo, bát, đũa, thìa, dao, thớt, rổ, rá... để phục vụ cho việc ăn, uống.

Cần biết cách sử dụng, giữ gìn các loại đồ dùng kể trên.

3. Hằng ngày, người ta phải sử dụng rất nhiều loại đồ dùng khác nhau để học tập văn hóa, tập luyện thể dục, thể thao, lao động nghệ thuật và sản xuất. Mỗi loại đồ dùng có một tác dụng riêng. Khi sử dụng ta phải giữ gìn cẩn thận.

4. Để giúp con người đi lại và vận chuyển hàng hóa, người ta có thể sử dụng rất nhiều loại phương tiện giao thông khác nhau để đi trên đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường không.

5. Để trao đổi tin tức với nhau, người ta có thể dùng nhiều loại phương tiện thông tin từ thô sơ đến hiện đại.

thuongmaitr

CÁC CHẤT THƯỜNG DÙNG

Bài 9 MỘT SỐ CHẤT THƯỜNG DÙNG

1. Các chất thường dùng trong cuộc sống hằng ngày

Để làm ra đồ ăn, thức uống, các đồ dùng sinh hoạt, học tập, lao động, các phương tiện vận tải, phương tiện thông tin, cần sử dụng những chất có trong tự nhiên hoặc do con người tạo ra.

Ví dụ :

Bánh đậu được làm bằng các chất bột đậu xanh, đường và mỡ. Quần áo được làm bằng vải lụa, len, hoặc dạ... Nhà được xây dựng bằng tre, nứa, gỗ hoặc vôi, cát, sỏi, xi măng, gạch, ngói, kính, sắt...

truongxua.vn

Ấm, soong, nồi thường bằng nhôm ; bát đĩa thường bằng sứ, sắt tráng men, thủy tinh hoặc chất dẻo (nhựa).

Máy thu thanh, ti-vi gồm nhiều chi tiết làm bằng các hợp kim, chất bán dẫn, chất dẻo...

2. Các chất thường thấy ở thể rắn, thể lỏng hoặc thể khí

a. Các chất ở thể rắn

Qua các ví dụ trên ta thấy đa số chất thường gặp ở thể rắn như gỗ, xi măng, cát thủy tinh, muối, đường, gạo, bột, kim loại, cao su, chất dẻo.

b. Các chất ở thể lỏng :

Dầu thực vật, dấm, rượu, nước ở nhiệt độ bình thường là các chất ở thể lỏng. Ở nhiệt độ cao ta có thể thấy sáp, thủy tinh, kim loại ở thể lỏng.

c. Các chất ở thể khí (hay hơi) :

Ta đã biết một số loại khí như ô-xi, ni-tơ, các-bô-níc và thường nghe nói đến các khí như : nê-on (trong đèn nê-on), hi-đrô (trong bóng bay...), khí đốt (trong các bình khí đốt). Chúng là những chất ở thể khí.

Khi nhiệt độ thay đổi thì một số chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác. Chẳng hạn sáp được đốt lên có thể nóng chảy và bốc hơi... ; khí ni-tơ làm lạnh trở thành ni-tơ lỏng dùng để bảo quản một số thuốc.

Các đồ dùng được làm ra bằng các chất. Các chất có thể ở thể rắn, thể lỏng hoặc thể khí.

Khi nhiệt độ thay đổi, một số chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác.

thuongmaitr

Câu hỏi

1. Kể tên một số chất thường dùng để làm ra chiếc xe đạp.

2. Vữa để xây nhà làm từ những chất nào ?

3. Nêu ví dụ cho thấy rằng một số chất có thể chuyển từ thể này sang thể khác.

Bài 10 # HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH

1. Vài ví dụ về hỗn hợp

Nhiều chất trộn lẫn với nhau tạo thành hỗn hợp.

Ví dụ :

- Cát, sỏi, xi măng trộn lẫn với nhau thành hỗn hợp dùng để làm vữa bê tông.
- Nước phù sa là hỗn hợp nước, đất, cát.
- Không khí ngoài đường phố là một hỗn hợp gồm các chất khí ni-tơ, ô-xi, các-bô-níc, hơi nước. Ngoài ra, còn có lẫn các khí độc do ô tô thải ra, bụi, vi khuẩn...

2. Vài ví dụ về dung dịch

Ta đã biết nước có thể hòa tan một số chất như muối, đường, dấm...

Rượu cũng có thể hòa tan muối, đường, tinh dầu quả...

Hỗn hợp của chất lỏng với chất bị hòa tan trong nó gọi là dung dịch.

Ví dụ :

- Pha dấm, đường, nước mắm vào nước lọc ta có dung dịch nước chấm.
- Khi cho quá nhiều đường vào nước thì có thể còn lại một số đường không tan được nữa mà đọng lại ở đáy cốc. Khi đó ta có một dung dịch nước đường bão hòa.

Nhiều chất trộn lẫn với nhau tạo thành hỗn hợp.
Hỗn hợp chất lỏng chứa các chất bị hòa tan gọi là dung dịch.

truongxua.vn

Câu hỏi

1. Kể tên một số hỗn hợp thường gặp. Kể tên một số dung dịch thường dùng ở nhà em.
2. Nước có lẫn cát sạch có phải là dung dịch không ?
3. Làm thế nào để có một dung dịch nước muối bão hòa ?

Bài 11

TÁCH CÁC CHẤT TRONG HỖN HỢP VÀ TRONG DUNG DỊCH

thuongmaitr

1. Tách các chất trong hỗn hợp

Có nhiều cách để tách các chất trong hỗn hợp :

a. Sàng sẩy hỗn hợp các chất rắn

- Đổ thóc đã xay vào sàng rồi lắc xoay tròn và sẩy nhiều lần. Ta thấy các hạt tấm và gạo lọt qua các lỗ thủng ở đáy sàng, trấu được tách ra khỏi gạo còn lại trên mặt sàng.
- Đổ gạo đã giã hay xát vào giần rồi lắc xoay tròn và sẩy nhẹ. Ta thấy cám cùng các hạt tấm nhỏ lọt qua các lỗ của giần và được tách ra khỏi gạo.

b. Lọc hỗn hợp chứa chất rắn không bị hòa tan trong nước

- Đổ hỗn hợp nước có lẫn cặn vào phễu có lót lớp giấy lọc hay bông thấm nước. Ta thấy nước chảy qua lớp lọc, các chất cặn bị giữ lại ở trên.

c. Làm lắng hỗn hợp các chất rắn không bị hòa tan vào nước

- Đổ gạo vào rá, đem vo trong nước, khuấy lên và chờ cho gạo lắng xuống. Ta thấy có một ít vụn trấu nổi lên mặt nước và một số sạn nhỏ đọng lại ở dưới lớp gạo. Đãi kĩ nhiều lần, ta tách được vụn trấu và sạn ra khỏi gạo.

d. Làm lắng hỗn hợp các chất lỏng không hòa tan vào nhau

- Đổ vài thìa dầu ăn vào nước đựng trong cốc, khuấy kĩ rồi để yên một lúc lâu. Ta thấy nước lắng xuống, dầu ăn nổi lên thành một lớp ở trên lớp nước. Để tách dầu ăn khỏi nước có thể gạn hay dùng ống hút.

2. Tách các chất trong dung dịch

a. Cất nước

Ở lớp 4 chúng ta đã học cách cất nước : đun hỗn hợp nước có chứa các chất bị hòa tan và các chất không bị hòa tan để nước sôi lên hóa thành hơi nước rồi làm lạnh để hơi nước ngưng tụ lại thành nước cất.

tuongxua.vn

b. Chưng phân đoạn các chất bị hòa tan trong dung dịch

- Đổ dung dịch gồm rượu đã hòa tan với nước và đường vào ấm rồi đem nung nóng. Ta thấy rượu sôi lên hóa thành hơi rượu trước khi nước sôi. Hơi rượu được dẫn qua ống nhựa đặt trong khay đựng nước đá bị lạnh ngưng tụ thành rượu. Rượu này chảy vào cốc hứng (hình 28).

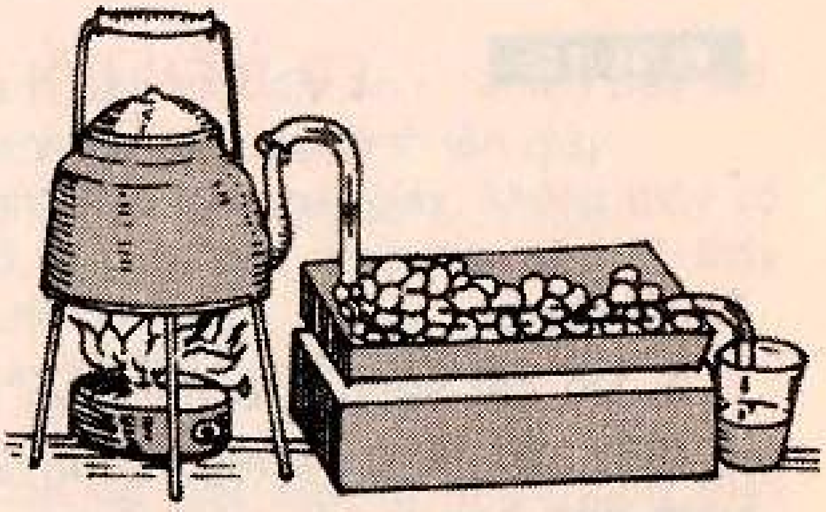

Hình 28 - Cất nước

Tiếp đó, nước sôi lên, hơi nước qua ống nhựa bị lạnh ngưng tụ thành nước, nước này chảy vào một cốc khác.

Đun cho đến khi nước vừa cạn hết thì ngừng lại. Dưới đáy ấm còn lại đường khô.

Có thể tách các chất trong hỗn hợp bằng cách sàng sẩy, lọc hoặc làm lắng.
Để tách các chất bị hòa tan trong dung dịch có thể dùng cách cất hoặc chưng phân đoạn.

Câu hỏi

1. Làm cách nào để tách cát ra khỏi sỏi ?

2. Có những cách nào để tách các mảnh đỗ xanh ra khỏi các mảnh vỏ đỗ ?

3. Để tách rượu đã bị hòa tan trong nước nên làm như thế nào ?

thuongmaitr

Bài 12

SỰ BIẾN ĐỔI HÓA HỌC CỦA CÁC CHẤT

1. Ví dụ :

a. Đổ cát sạch vào nước và khuấy đều lên. Sau một lúc, ta thấy cát lắng xuống thành lớp nằm bên dưới lớp nước. Đem gạn hay lọc ta có thể thu được cát và nước giống như cũ. Đem đun nóng nước có cát, chúng vẫn không bị biến đổi thành chất khác.

Như vậy, *cát và nước đều không bị biến đổi thành chất khác khi trộn lẫn với nhau và được đun nóng.*

b. Hòa tan đường vào nước rồi đem chưng cất, ta lại thu được nước và đường.

Như vậy *đường và nước cũng không bị biến đổi thành chất khác khi hòa tan vào nhau thành dung dịch.*

c. Cho một ít đường trắng vào ống nghiệm hay thìa sứ rồi đem đun nóng trên ngọn lửa nhỏ. Ta thấy đường *bị biến đổi thành chất khác* có màu nâu thẫm, có vị đắng, đồng thời có khói khét bốc lên.

Sự biến đổi từ chất này thành chất khác gọi là sự biến đổi hóa học.

2. Vai trò của nhiệt và ánh sáng trong biến đổi hóa học

a. Vai trò của nhiệt

- Sự biến đổi hóa học có thể xảy ra khi đun nóng các chất như ở thí nghiệm đun đường.

Khi nung đá vôi trong lò tới nhiệt độ đủ cao thì thấy có sự biến đổi hóa học tạo ra *vôi sống và khí các-bô-níc.*

Em hãy làm thí nghiệm sau :

> Vắt nước chanh vào một đĩa nhỏ. Nhúng đầu tăm vào nước chanh và viết tên mình lên giấy.
> Khi nước chanh khô trên mặt giấy, không thấy có chữ. Đem hơ tờ giấy trên ngọn lửa nến sẽ thấy hiện ra các chữ màu nâu.
> Hiện tượng này chứng tỏ điều gì ?

- Sự biến đổi hóa học còn có thể xảy ra khi không đun các chất.

Chẳng hạn cho vôi sống vào nước thì chúng bị biến đổi trở thành vôi tôi dẻo quánh kèm theo sự tỏa nhiệt.

truongxua.vn

Như vậy, *sự biến đổi hóa học có thể xảy ra khi đun nóng hay khi không đun nóng các chất.*

b. Vai trò của ánh sáng

- Quần áo màu, tranh ảnh màu khi phơi nắng bị ố và bạc màu.

- Khi bị chiếu sáng, lớp chất trên bề mặt phim ảnh và giấy ảnh rất dễ bị biến đổi thành chất khác có màu thẫm.

Các hiện tượng trên chứng tỏ rằng *ánh sáng có thể gây ra sự biến đổi hóa học của các chất.*

Sự biến đổi từ chất này thành chất khác gọi là sự biến đổi hóa học.

Sự biến đổi hóa học có thể xảy ra dưới tác dụng của nhiệt và ánh sáng.

thuongmaitr

Câu hỏi

1. Nêu các ví dụ về sự biến đổi hóa học.

2. Sự biến đổi hóa học xảy ra trong các trường hợp nào kể sau :

- Hòa tan đường vào nước,

- Thả vôi sống vào nước,

- Ngâm sỏi vào dấm,

- Đốt cháy ngọn nến (đèn cầy).

3. Nêu ví dụ chứng tỏ ánh sáng có thể gây ra biến đổi hóa học.

Bài 13

THAN MỎ

1. Các loại than mỏ và tính chất của chúng

Tại một số vùng trên Trái Đất, người ta đào được những quặng có thể đem đốt cháy giống như than củi gọi là *than mỏ*.

Có nhiều loại than mỏ với độ cứng, màu sắc và khả năng tỏa nhiệt khác nhau :

a. *Than bùn* (than li-nhít) thường xốp, màu nâu thẫm, tỏa nhiệt kém than củi.

b. *Than đá non* (than bi-tum) hơi cứng, đen xỉn, tỏa nhiệt tốt.

c. *Than đá già* (than an-tơ-ra-sít) rất cứng, giòn, đen bóng, tỏa nhiệt rất tốt.

Phần lớn than mỏ được tạo thành từ cách đây vài trăm triệu năm do cây rừng ở vùng ngập nước bị chết hàng loạt, chìm xuống dưới bùn, bị mục nát, biến đổi rất chậm ở nhiệt độ cao và sức ép lớn của nhiều lớp khác chồng chất lên trên.

ruongxua.vn

2. Khai thác than mỏ

Nếu than

- Tại một số vùng có nhiều than tập trung gần mặt đất (gọi là mỏ than lộ thiên), người ta chỉ cần đào, bỏ đi lớp bùn hay đất đá phủ bên ngoài là có thể lấy được than.

- Đa số các mỏ than nằm ở sâu dưới lòng đất. Người ta phải đào các giếng đến nơi có than rồi đào các đường hầm lò chạy ngang để lấy than đưa lên.

3. Công dụng của than mỏ

- Than bùn, than đá vụn (than cám) được trộn lẫn với bùn, rồi đem nặn hay đóng khuôn làm thành than *quả bàng, than tổ ong* dùng để *đun nấu.*

- Than đá khó bắt lửa nhưng khi đã bốc cháy thì tỏa nhiều nhiệt, tạo được nhiệt độ cao hơn than bùn và than củi.

Than đá được dùng để *đốt nóng* ở các lò rèn, lò nung, lò hơi.

- Một lượng khá lớn than đá được *luyện thành than cốc* dùng để nấu thép, để làm các điện cực than (như lõi pin đèn) và để làm chất đốt.

Than đá được nghiền vụn, cho vào lò kín bằng kim loại rồi đốt nóng tới khoảng 1000°C. Than không bốc cháy vì thiếu không khí, các chất lẫn trong than bị biến đổi thành các khí và bay đi ; phần còn lại trong lò sau khi được làm lạnh bằng nước trở thành than cốc rất cứng, không bị vụn ra trong lò nấu thép, khi đốt cháy có thể tạo ra được nhiệt độ cao hơn so với than đá.

- Khi luyện than cốc người ta còn thu được *khí than* và *hắc ín.*

Khí than được dùng để đốt lò trong nhà máy.

Hắc ín dùng làm nhựa trải đường, để chế ra nhiều sản phẩm có giá trị như nước hoa, thuốc nhuộm, sợi nhân tạo, len tổng hợp...

Than bùn, than đá non, than đá già là các loại than mỏ có độ cứng, màu sắc và khả năng tỏa nhiệt khác nhau.
Chúng được khai thác từ các mỏ than ở gần mặt đất hoặc ở sâu dưới đất.
Than mỏ được dùng làm chất đốt, để chế ra than cốc, khí than, nhựa đường, thuốc nhuộm, nước hoa, len tổng hợp...

thuongmaitr

Câu hỏi

1. *Kể tên một số loại than mỏ. Mỗi loại có những tính chất gì ?*
2. *Người ta lấy được than mỏ ở đâu ? Bằng cách nào ?*
3. *Than mỏ được dùng để làm gì ?*

Bài 14 DẦU MỎ

ruongxua.vn

1. Một số tính chất của dầu mỏ

Dầu mỏ nằm trong lớp đá xốp ở dưới các lớp đất, lớp đá cứng và lớp phiến sét rất dày. Dưới lớp dầu mỏ thường có một lớp nước nằm trên nền đá không thấm nước (hình 32). Trên lớp dầu mỏ thường có lớp khí mỏ dầu.

Vùng tập trung nhiều dầu mỏ gọi là *mỏ dầu.*

Hình 29 - Sơ đồ mỏ dầu.

Dầu mỏ lấy từ các mỏ dầu lên là *dầu thô*.

Dầu thô là một *chất lỏng nhớt, màu nâu vàng hoặc đen, không tan trong nước, nổi trên nước, dễ loang rộng ra.*

2. Khai thác và chưng cất dầu mỏ

a. Muốn khai thác dầu mỏ cần dựng các tháp khoan để khoan các giếng sâu tới tận tầng đá xốp có chứa dầu. Dầu mỏ phun lên theo các lỗ khoan của giếng dầu (hoặc được hút lên bằng bơm) có thể lẫn với khí của mỏ dầu và nước.

b. Dầu thô được đưa tới các bể chứa dầu bằng tàu chở dầu hoặc bằng đường ống dẫn dầu.

Dầu thô cần được "lọc" bởi các nhà máy lọc dầu để lấy ra các chất khác nhau như : xăng, dầu hỏa, dầu đi-ê-zen, dầu nhờn, nhựa đường, pa-ra-phin (hình 30).

thuongmaitr

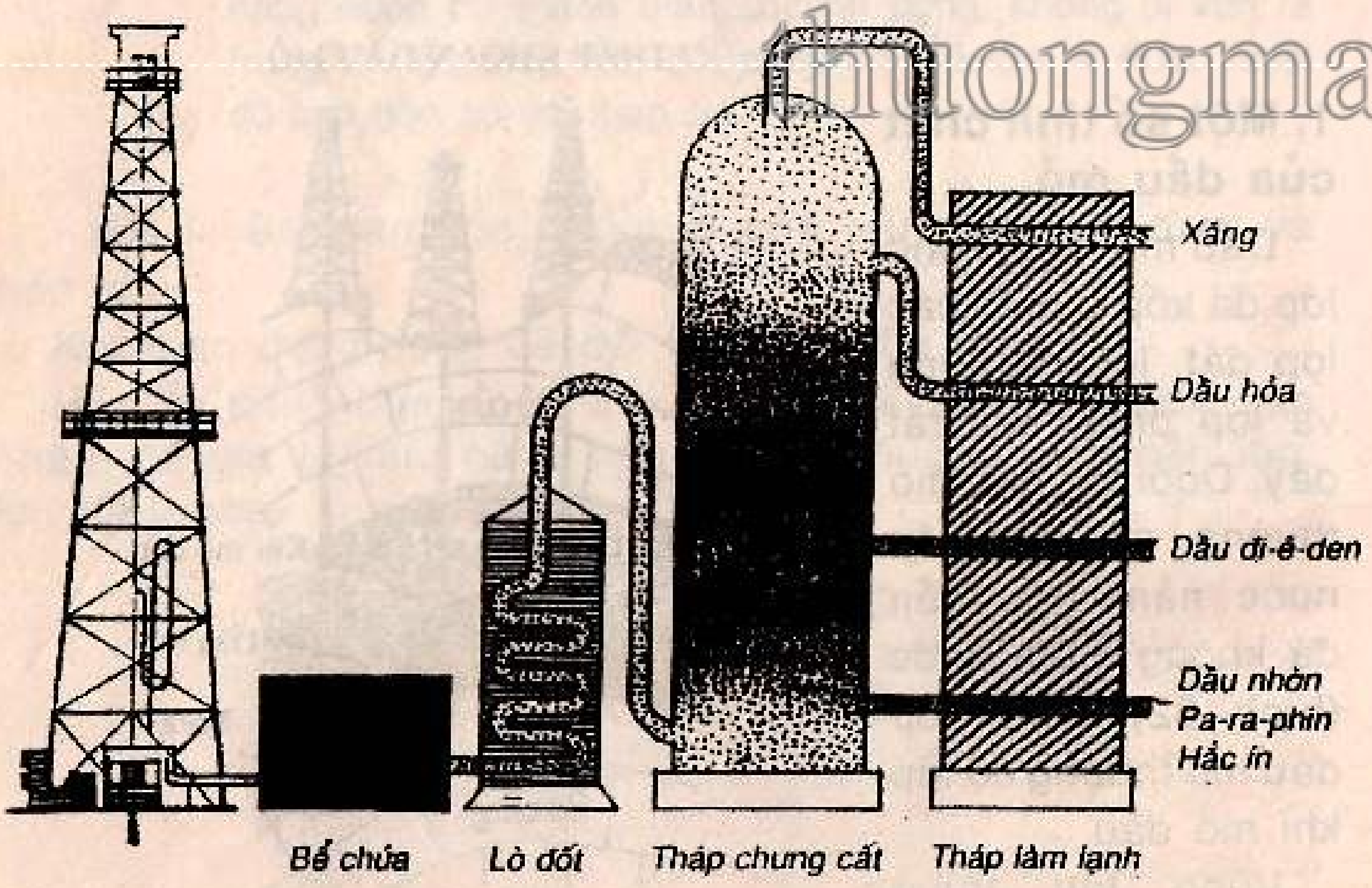

Hình 30 - Sơ đồ khai thác và chưng cất dầu mỏ.

3. Công dụng của dầu mỏ

Từ dầu mỏ có thể tách ra :

- Xăng dùng cho động cơ xe máy, ôtô, máy bay ;
- Dầu hỏa để thắp đèn, đun nấu ;
- Dầu đi-ê-zen dùng cho động cơ xe tải, đầu máy tàu hỏa, tàu biển ;
- Dầu nhờn để bôi trơn máy móc ;
- Nhựa đường để trải đường ;
- Pa-ra-phin để làm nến.

Có thể chế ra nước hoa, thuốc nhuộm, thuốc chữa bệnh, tơ sợi nhân tạo, len tổng hợp, nhiều loại chất dẻo từ dầu mỏ.

Dầu mỏ được lấy lên từ các mỏ dầu nằm sâu dưới các lớp đất đá.

ruongxua.vn

Dầu mỏ được tách ra thành :

- Xăng dùng cho ôtô, xe máy ;

- Dầu hỏa để đun nấu ;

- Dầu nhờn để bôi trơn máy móc ;

- Nhựa đường để trải đường ;

- Pa-ra-phin và các chất để làm nước hoa, thuốc nhuộm, sợi tổng hợp...

Câu hỏi

1. Dầu mỏ được lấy ra từ đâu ? Nó có những tính chất gì ?

2. Từ dầu mỏ có thể lấy ra những chất nào ?

3. Nêu công dụng của các chất lấy ra từ dầu mỏ.

Bài 15 # KIM LOẠI VÀ HỢP KIM

a. Ta thường gặp những đồ vật làm bằng *sắt, đồng, nhôm, chì, thiếc, vàng, bạc*... Những chất này được chế ra từ các quặng kim loại và được gọi là *kim loại*.

b. Mỗi kim loại có thể pha trộn với kim loại khác hoặc chất khác tạo thành chất mới gọi là *hợp kim*. Chẳng hạn gang, thép là hợp kim của sắt và các-bon ; đồng thau là hợp kim của đồng và kẽm...

c. Nhờ có kim loại và hợp kim, người ta làm ra nhà cao tầng, đường sắt, xe đạp, ô tô, máy bay..., dao, kéo, kìm, búa, cày, cuốc, soong, chảo, tủ lạnh..., đèn điện, quạt điện, điện thoại, máy thu thanh, ti-vi...

1. Sắt

- Sắt là kim loại được dùng từ cách đây 6000 năm. Hiện nay, sắt là kim loại được dùng nhiều nhất để làm ra máy móc và đồ vật thường gặp.

Tính chất của sắt

- Sắt có tính dẻo, dễ uốn, dễ kéo dài thành sợi, dễ rèn dập. Sắt màu xám trắng, có ánh kim, nặng gấp gần 8 lần nước (với cùng thể tích). Sắt nóng chảy ở nhiệt độ cao (trên $1500^{o}C$).

- Sắt có trong các "thiên thạch", là các khối chất rắn từ ngoài Trái Đất rơi xuống. Sắt cũng có trong các quặng sắt.

Hình 31 - Sơ đồ bổ dọc của lò cao.

- Để sản xuất sắt, người ta nung quặng sắt trong "lò cao" (hình 31). Khi nung, sắt nóng chảy đọng ở đáy lò cao có chứa than cốc tạo thành gang lỏng. Khi mở cửa ở đáy lò cao, gang lỏng chảy ra các khuôn, nguội dần đi thành các khối gang.

- Gang là hợp kim của sắt và các-bon, gang rất cứng, giòn, không thể uốn hay kéo thành sợi.

- Loại bớt các-bon trong gang và thêm vào đó một vài chất khác, ta có *hợp kim của sắt gọi là thép.* Thép có những tính chất tốt hơn sắt : cứng hơn, bền hơn, dẻo hơn.

2. Đồng

- Đồng là kim loại được con người tìm ra và sử dụng sớm nhất.

- Đồng mềm hơn sắt, dẻo, dễ uốn, dễ dát mỏng hơn sắt. Đồng có màu đỏ, có ánh kim, nhưng dễ bị xỉn màu. Đồng hơi nặng hơn sắt, nóng chảy ở nhiệt độ thấp hơn sắt (trên $1000^{\circ}C$) và dẫn nhiệt tốt hơn sắt.

truongxua.vn

- Đôi khi có thể tìm thấy đồng trong tự nhiên. Nhưng phần lớn đồng được chế tạo từ quặng đồng lẫn với một số chất khác tại các mỏ đồng.

- Đồng được dùng để sản xuất đồ điện và dây dẫn điện, các bộ phận của ôtô, tàu biển. Khoảng một phần ba số đồng được dùng để chế các hợp kim đồng - kẽm, đồng - thiếc... với những tính chất tốt hơn đồng.

Kim loại là vật liệu không thể thiếu trong sản xuất và đời sống hiện nay.
Sắt và các hợp kim chứa sắt như gang, thép được dùng để sản xuất ra nhiều thứ đồ dùng, máy móc, tàu xe, cầu, đường sắt...
Đồng được dùng để sản xuất ra các dụng cụ điện, dây dẫn điện... để sản xuất ra các hợp kim chứa đồng.

Câu hỏi

1. Hãy kể tên những đồ dùng hay bộ phận bằng sắt, thép mà em thường thấy. Xe đạp, kéo, bừa, ô tô...

2. Hãy so sánh các tính chất của sắt và đồng mà em biết.

3. Kể tên một số bộ phận làm bằng đồng mà em đã thấy.

Bài 16

KIM LOẠI VÀ HỢP KIM (tiếp theo)

3. Kẽm

- Kẽm là kim loại nhẹ hơn sắt, màu trắng xanh, nóng chảy ở 420°C, khó bị gỉ.
- Người ta tìm thấy kẽm ở trong các quặng lẫn với các chất khác như đồng, lưu huỳnh...
- Từ quặng kẽm lẫn với đồng, người ta đã chế ra *hợp kim đồng thau.* Đồng thau khá bền, chống gỉ tốt, dẻo, dễ gò thành các đồ dùng.
- Kẽm được dùng để tráng hoặc mạ thành lớp vỏ chống gỉ cho sắt, thép, như tôn tráng kẽm để lợp mái nhà, làm rương, hòm, gầm cầu, cột điện thép mạ kẽm. Kẽm còn được dùng để làm pin, làm thuốc nhuộm, sơn.

4. Thiếc

- Thiếc là kim loại có màu trắng bạc, mềm hơn, dẻo hơn và hơi nặng hơn kẽm. Thiếc ít gỉ, chậm bị mờ xỉn trong không khí, dễ nóng chảy (nóng chảy ở nhiệt độ 234°C).

thuongmaitr

- Thiếc thường thấy trong quặng thiếc. Để lấy được thiếc, người ta nung quặng thiếc trong các lò điện.

- Thiếc được dùng để mạ thành một lớp rất mỏng lên bề mặt các lá thép mỏng. Sắt mạ thiếc (thường gọi là sắt tây) không bị gỉ, không gây độc hại nên thường dùng làm vỏ đồ hộp.

- Thiếc dùng để chế ra một hợp kim chứa đồng rất cứng, khó gỉ, bền hơn đồng, thường gọi là *đồng đỏ* (đồng mắt cua hay đồng thiếc). Người xưa đã biết dùng đồng đỏ để làm rìu, làm vũ khí trước khi biết dùng sắt, thép.

- Thiếc còn dùng để chế ra các hợp kim chì - thiếc dễ nóng chảy, ít bị ăn mòn...

5. Chì

- Chì là kim loại nặng, mềm, dẻo, màu xám xanh, khó gỉ, nóng chảy ở 327°C.

- Chì thường thấy trong quặng chì lẫn với lưu huỳnh ở gần mặt đất. Người ta nung chảy quặng chì trong lò, rồi dùng lò điện để luyện lấy chì nguyên chất...

- Chì được dùng để làm các tấm chì bảo vệ nhằm tránh các tia phóng xạ hoặc để làm các tấm cực ắc-quy chì...

Các hợp kim của chì với thiếc, đồng... chống gỉ tốt, dễ nóng chảy... được dùng làm thiếc hàn, dây cầu chì, chữ in, đạn súng hơi, vỏ dây cáp ngầm và làm sơn chống gỉ.

Kẽm chống gỉ tốt thường dùng để tráng hoặc mạ thành lớp bảo vệ các chi tiết bằng sắt thép và chế ra đồng thau.

Thiếc chống gỉ tốt và dễ nóng chảy, thường dùng để mạ sắt làm vỏ đồ hộp, để chế ra đồng đỏ và thiếc hàn.

Chì rất nặng, mềm, khó gỉ, được dùng làm vỏ cáp ngầm, làm cực ắc-quy chì, làm tấm chắn các tia phóng xạ và chế ra các hợp kim dễ nóng chảy.

Câu hỏi

1. Hãy so sánh các tính chất của kẽm và thiếc ; mỗi kim loại đó được dùng làm gì ?

2. Hãy kể các tính chất của chì ; chì được dùng làm gì ?

3. Hãy kể tên các đồ vật làm bằng thiếc, kẽm, chì hoặc các hợp kim của chúng.

Bài 17. KIM LOẠI VÀ HỢP KIM (tiếp theo)

6. Kền (ni-ken)

- Kền là kim loại nặng hơn sắt, rất cứng, không gỉ, màu trắng bạc, có ánh kim, nóng chảy ở 1453°C.
- Kền được tìm ra từ cách đây gần 2500 năm, trong quặng kền có chứa đồng và lưu huỳnh. Để lấy được kền phải nung quặng kền trong lò điện.
- Kền được dùng để mạ thành lớp mỏng trên mặt các vật bằng sắt, thép, đồng để chống gỉ và làm đẹp...

Kền dùng làm các bản cực của ắc-quy kền.

Các hợp kim của kền với thép, đồng, kẽm, thiếc... là các vật liệu không gỉ và chịu được nhiệt độ cao.

7. Nhôm

- Nhôm là kim loại nhẹ hơn sắt gần 3 lần, màu trắng bạc, nóng chảy ở 660°C. Nhôm rất bền, khó bị gỉ, dẫn nhiệt tốt.
- Nhôm có rất nhiều trong đất sét nhưng khó tách khỏi các chất có trong đó. Phần lớn nhôm được lấy từ loại quặng được

gọi là "bô-xít", bằng cách dùng lò điện. Vì vậy, nhôm chỉ được sản xuất ra nhiều và rẻ từ khi công nghiệp điện phát triển mạnh.

- Nhôm mới chỉ được dùng từ hơn một trăm năm qua, nhưng hiện nay lượng nhôm được sử dụng nhiều, chỉ thua sắt. Nhôm và các hợp kim nhôm với đồng, kẽm... do nhẹ, bền, dẫn nhiệt tốt nên ngày càng được dùng nhiều để làm các đồ dùng trong nhà và làm máy bay.

Kền rất cứng, có ánh kim, không gỉ, thường dùng để mạ lên mặt các vật bằng thép, bằng đồng và để chế ra các hợp kim không gỉ, chịu được nhiệt độ cao.

Nhôm và các hợp kim của nhôm nhẹ, bền, rẻ nên được dùng rất nhiều để làm các đồ dùng trong nhà và làm máy bay.

Câu hỏi

1. So sánh các tính chất của kền và nhôm mà em biết.

2. Kể tên các đồ dùng bằng nhôm và hợp kim của nhôm.

3. Kền được dùng làm gì ?

Bài 18

KIM LOẠI VÀ HỢP KIM (tiếp theo)

8. Bạc

- Bạc là kim loại quý, nặng gấp gần 4 lần nhôm, màu trắng bạc, có ánh kim, nóng chảy ở 960°C, rất bền, khó bị các chất khác làm biến đổi, dẫn nhiệt rất tốt.

- Đôi khi có thể tìm thấy bạc nguyên chất trong tự nhiên nhưng phần lớn bạc lẫn trong quặng với chì, đồng hoặc vàng.

- Từ xưa, người ta đã dùng bạc để làm tiền, làm đồ trang sức, vật trang trí, dao, thìa...

Hiện nay, người ta hay dùng bạc để chống gỉ và làm đẹp các vật bằng kim loại.

- Bạc còn được dùng để làm phim ảnh, giấy ảnh, thuốc chữa bệnh... và làm gương soi.

thuongmaitr

9. Thủy ngân

- Thủy ngân là kim loại ở thể lỏng, lóng lánh như bạc, nặng hơn bạc, rất linh động, không làm ướt giấy, vải hoặc da tay. Thủy ngân dẫn nhiệt tốt.

Thủy ngân có thể đông đặc khi gặp lạnh và dễ bay hơi. Hơi thủy ngân rất độc hại. Thủy ngân hòa tan vàng.

- Thủy ngân được dùng làm nhiệt kế, làm đèn ống và để luyện vàng.

10. Vàng

- Vàng là kim loại rất quý, nặng gần gấp đôi bạc, màu vàng, có ánh kim, mềm, rất dẻo, rất bền, khó bị các chất khác gây ra biến đổi hóa học.

Vàng nóng chảy ở 1060°C, dẫn nhiệt rất tốt.

Vàng dễ dát mỏng thành những lá mỏng đến mức ánh sáng có thể truyền qua được.

- Ở một số vùng có thể lấy được vàng từ các quặng chứa nhiều vàng ở rất sâu dưới đất hoặc từ cát lẫn vàng ở dưới lòng suối, lòng sông... Khi cho cát sỏi có lẫn vàng vào thủy ngân, thủy ngân sẽ hòa tan các hạt vàng nhỏ li ti. Sau đó tách thủy ngân ra sẽ lấy được vàng.

- Vàng được dùng để làm tiền, làm đồ trang sức, để mạ trang trí các mái cung điện và các vật quý như vỏ đồng hồ, huân chương.

ruongxua.vn

Vàng, bạc là kim loại quý, rất bền, không bị gỉ, thường dùng để làm đồ trang sức, để mạ lên các vật quý.

Thủy ngân là kim loại ở thể lỏng dùng để làm nhiệt kế, làm đèn ống và luyện vàng.

Câu hỏi

1. Kể những tính chất của vàng và bạc.

2. Thủy ngân có những tính chất gì ? Được dùng để làm gì ?

Bài 19 CAO SU

1. Nhựa cây cao su

- Khi rạch vào thân cây cao su, người ta thấy từ vết rạch chảy ra một dòng nhựa lỏng màu trắng ngà không bị tan trong nước. Đó là nhựa cây cao su. Từ nhựa cao su lỏng, người ta lấy ra *nhựa cao su đặc.*

- Dùng tay bóp nhẹ một miếng nhựa cao su đặc thì thấy hình dạng nó thay đổi, thôi bóp thì nó trở lại hình dạng như lúc đầu. Người ta bảo rằng *nhựa cao su đàn hồi tốt.*

Nhựa cao su đặc nhẹ hơn nước, không thấm nước, tan trong xăng, dầu.

- Khi để lâu ngày ở chỗ lạnh, nhựa cao su đặc bị cứng lại, rạn nứt ra. Khi gặp nóng nó nhão ra, dính bết.

Do những nhược điểm này mà cách đây khoảng 150 năm, nhựa cây cao su chưa được sử dụng trong thực tế.

thuongmaitr

2. Cao su

- Năm 1838, người ta đã tìm ra cách chế được *chất cao su có tính đàn hồi tốt, ít bị biến đổi khi gặp nóng, lạnh và ít bị tan trong một số chất lỏng.*

- Chất này được tạo ra bằng cách luyện nhựa cây *cao su với lưu huỳnh,* gọi là cao su tự nhiên.

- *Cao su tự nhiên* được dùng ngày càng nhiều để làm ra vô số đồ vật thường gặp hiện nay như săm, lốp xe, bóng, đệm, má phanh, dây cua roa, vòng đệm ở vòi nước, ở nồi hấp, lớp đệm chống thấm nước ở mái nhà, ở cửa kính, vỏ dây điện và nhiều chi tiết ở các đồ điện...

- Người ta còn chế ra *cao su nhân tạo* (còn gọi là cao su tổng hợp) *từ dầu mỏ.* Khoảng một nửa số lốp xe đang dùng hiện nay được làm bằng cao su nhân tạo, có độ bền cao và ít bị mài mòn hơn so với cao su tự nhiên.

Cao su tự nhiên được chế ra từ nhựa cây cao su và lưu huỳnh. Cao su nhân tạo được chế ra từ than đá và dầu mỏ. Cao su có tính đàn hồi tốt, ít bị biến đổi khi gặp nóng lạnh, ít bị tan trong một số chất lỏng.

Cao su được dùng nhiều để làm săm, lốp, làm các chi tiết của một số đồ điện, máy móc và đồ dùng trong nhà.

Câu hỏi

1. Kể tên một số đồ dùng bằng cao su mà em đã thấy.

2. Làm cách nào để chế ra được cao su tự nhiên ?

3. So sánh các tính chất của cao su tự nhiên và cao su nhân tạo.

truongxua.vn

Bài 20 GỐM, THỦY TINH

1. Gốm

Các đồ vật làm bằng *đất nung không tráng men* hoặc *đất nung có tráng men sành, men sứ* đều được gọi là đồ *gốm.*

a. Đất nung không tráng men

- Gạch, ngói, nồi đất... là các đồ bằng đất nung không tráng men.

- Chúng làm bằng đất sét trộn lẫn với một ít cát, nhào kĩ với nước, đem nặn hay đóng khuôn theo hình đồ vật, đem phơi hay sấy rồi đưa vào lò nung nóng tới nhiệt độ khoảng 900^oC.

- Đồ đất nung không tráng men thường xốp, thấm nước qua các lỗ nhỏ li ti từ bề mặt vào bên trong. Chúng dễ bị vỡ do va đập.

b. Sành

- Có nhiều đồ vật thường dùng bằng sành như chum, vại, ống máng, chậu cây cảnh...
- Chúng cũng được làm bằng đất nung giống như khi làm gạch nhưng trước khi đưa vào lò để nung nóng tới khoảng 1000°C, chúng cần được nhúng vào chất men sành lỏng.
- Đồ sành có lớp men nhẵn bóng phủ kín khắp bề mặt nên không thấm nước. Chúng rất cứng, giòn, bền hơn, đẹp hơn đồ đất nung không tráng men.

c. Sứ

- Chúng ta thường gặp nhiều loại đồ vật bằng sứ như bát, đĩa, ấm, chén, bình hoa, gạch men kính, một số chi tiết để lắp dây dẫn điện tại các cột điện và máy biến thế điện...
- Chúng được làm bằng đất sét trắng, nghiền mịn, nhào kĩ với nước, đem nặn đóng khuôn, sấy khô, vẽ hoa trang trí và nhúng vào chất men sứ lỏng rồi cho vào lò nung để nung nóng tới 1400°C.
- Đồ sứ có phủ ở mặt ngoài một lớp men sứ mỏng trong suốt, láng bóng nên không thấm nước, chịu được nhiệt độ cao, đẹp hơn, thanh mảnh hơn, đắt tiền hơn đồ sành.

thuongmaitr

2. Thủy tinh

- Chung quanh ta có rất nhiều đồ vật bằng thủy tinh như chai, lọ, cốc, vỏ bóng đèn, kính cửa sổ, gương soi, kính đeo mắt, nhiệt kế...
- Dùng cát trắng có hạt óng ánh trộn với vôi và chất sô đa, đem đun trong lò tới 1500°C, ta được thủy tinh lỏng trong suốt. Dùng hơi để thổi thủy tinh lỏng vào các khuôn có hình

các đồ vật (chai, cốc, vỏ bóng đèn...) rồi ủ cho nguội từ từ, ta được các đồ thủy tinh.

- Thủy tinh là chất trong suốt, ở thể rắn, cứng, giòn, dễ bị vỡ, không thấm các chất lỏng.

- Ngoài các loại thủy tinh thông thường còn có những loại thủy tinh chất lượng cao, rất trong, chịu được nóng lạnh, bền, khó vỡ để làm chai lọ trong phòng thí nghiệm, đồ dùng y tế, kính xây dựng, vỏ đèn hình ti-vi, mắt kính của máy ảnh, ống nhòm...

Có nhiều loại đồ dùng làm bằng gốm như gạch, nồi đất, vại sành, đĩa sứ.

Đồ gốm được làm bằng đất sét nhào với nước, đem nặn hay đóng khuôn, sấy khô, không tráng men hoặc có tráng men rồi đem nung nóng đến những nhiệt độ khác nhau.

Thủy tinh làm bằng cát trắng trộn với vôi và chất sô đa, đem đun cho chảy ra ngoài rồi để nguội.

Thủy tinh được dùng để làm chai lọ, bóng đèn, kính cửa sổ...

Câu hỏi

1. Kể tên một số đồ vật được làm bằng gốm (sành, sứ, đất nung không tráng men).

2. Hãy chỉ ra những điểm khác nhau giữa các loại đồ gốm kể trên.

3. Thủy tinh được làm như thế nào ?

4. Kể tên một số đồ dùng làm bằng thủy tinh.

ruongxua.vn

Bài 21 VÔI, XI MĂNG

1. Vôi

- Khi xếp đá vôi và than vào trong lò vôi và đốt lò cho than cháy mạnh thì đá vôi bị than nung nóng sẽ sinh ra khí các-bô-níc và vôi sống màu trắng dễ hút nước, dễ làm bỏng da...

- Khi thả từ từ vào nước thì vôi sống nở ra thành *vôi tôi* dẻo quánh, đồng thời nước bị nóng lên, bốc hơi.

Vôi tôi để ngoài không khí dần dần rắn lại vì kết hợp với khí các-bô-níc trong không khí để trở thành đá vôi. Khi rắn lại nó bị giảm thể tích và bị rạn nứt.

Người ta thường trộn vôi tôi với cát (cứ 1 xẻng vôi tôi thì trộn với 2 hoặc 3 xẻng cát) và nước để làm *vữa xây tường, trát tường*... Vữa xây khi khô sẽ rắn và không bị nứt nhưng dễ hút nước.

thuongmaitr

2. Xi măng

đặc điểm tính chất

- Xi măng do các nhà máy sản xuất là một chất bột mịn màu xám xanh (hoặc nâu đất).

Dùng đất sét, đá vôi và một số chất phụ thêm, đem nghiền nhỏ, trộn đều với nước rồi đem nung trong lò có nhiệt độ chừng 1600°C để được các viên "cơ-lanh-ke" màu xám. Nghiền nhỏ cơ-lanh-ke thành bột mịn ta được *xi măng*.

- Khi trộn với một ít nước, xi măng không tan ra mà trở nên dẻo và rất chóng bị khô, kết thành tảng, cứng như đá, có nhiều vết rạn trên bề mặt.

Trộn cát với xi măng và nước, ta được *vữa xi măng* cứng không kém xi măng. Vữa xi măng không bị rạn, không thấm nước, thường dùng để trát tường phía ngoài trời, trát bên trong các bể chứa, xây móng nhà.

Trộn đều xi măng, cát, sỏi với nước rồi đổ vào các khuôn gỗ bên trong có đặt sẵn những thanh thép để làm lõi, sau nhiều ngày, dỡ bỏ khuôn ra, ta có những khối "bê tông cốt thép". "Bê tông cốt thép" thường được dùng để làm cột, giầm, sàn của nhà cao tầng hoặc làm cầu, đập nước.

Nung đá vôi ta được vôi sống. Vôi sống thả vào nước trở thành vôi tôi. Vôi tôi trộn với cát và nước thành vữa dùng để xây tường, trát tường.

Xi măng được sản xuất bằng cách nung đất sét, đá vôi... ở nhiệt độ cao rồi nghiền nhỏ thành bột mịn.

Xi măng trộn với cát và nước tạo thành vữa xi măng dùng để trát bể chứa, xây móng nhà.

truongxua.vn

Dùng xi măng, cát, sỏi trộn đều với nước rồi đổ vào các khuôn có cốt thép, ta được bê tông cốt thép dùng để xây dựng nhà cao tầng, cầu, đập nước...

Câu hỏi

1. Đá vôi, vôi sống, vôi tôi khác nhau như thế nào ? Người ta thường dùng vôi tôi để làm gì ?

2. Xi măng được sản xuất như thế nào ?

3. Xi măng thường được dùng để làm gì ?

Bài 22

ÔN TẬP : CÁC CHẤT THƯỜNG DÙNG

1. Các đồ dùng được làm ra từ các *chất* khác nhau. Các chất có thể ở *thể rắn, thể lỏng hoặc thể khí.* Khi nhiệt độ thay đổi, một số chất có thể *chuyển từ thể này sang thể khác.*

2. Nhiều chất trộn lẫn với nhau tạo thành *hỗn hợp.* Hỗn hợp của chất lỏng với chất bị hòa tan gọi là *dung dịch.* Để tách các chất chứa trong một hỗn hợp có thể dùng cách lọc, *cho lắng đọng* thành các lớp chất khác nhau, hoặc chưng cất dung dịch.

3. Sự biến đổi từ chất này sang chất khác gọi là *sự biến đổi hóa học.* Biến đổi hóa học thường xảy ra *dưới tác dụng của nhiệt và của ánh sáng.*

4. *Than mỏ* có nhiều loại với độ cứng, màu sắc và khả năng tỏa nhiệt khác nhau : *than bùn, than đá non, than đá già.*

Than mỏ được dùng làm chất đốt, để sản xuất ra than cốc, khí than, thuốc nhuộm, sợi tổng hợp, các chất dẻo...

5. *Dầu mỏ* được lấy lên từ các mỏ dầu nằm sâu dưới các lớp đất đá.

Từ dầu mỏ có thể sản xuất ra :

Xăng dùng cho ôtô, *dầu hỏa* để đun nấu, thắp đèn ; *dầu đi-ê-den* dùng cho tàu, *nhựa đường* để trải đường, *dầu nhờn* để bôi trơn...

6. *Kim loại được chế ra từ các quặng kim loại*

- *Sắt* và các hợp kim chứa sắt (gang, thép) được dùng để làm ra phần lớn đồ dùng, máy móc, tàu, xe, cầu, đường sắt...
- *Đồng* được dùng để làm ra các đồ điện, dây điện, nhiều bộ phận của ôtô, tàu, xe và chế ra các hợp kim có chứa đồng (đồng thau, đồng đỏ...).
- *Kẽm* thường được dùng để mạ thành lớp bảo vệ bề mặt các vật bằng sắt, thép và để chế ra hợp kim đồng thau.

thuongmaitr

- *Thiếc* dùng để mạ các lá thép mỏng dùng làm vỏ đồ hộp, để chế ra hợp kim đồng đỏ và thiếc hàn.

- *Chì* thường được dùng làm cực ắc-quy, làm tấm chắn tia phóng xạ và chế hợp kim dễ nóng chảy.

- *Kền (ni-ken)* thường dùng để mạ lên bề mặt các vật bằng sắt, thép, đồng và để chế ra các hợp kim không gỉ, chịu được nhiệt độ cao.

- *Nhôm* là kim loại được dùng nhiều thứ nhì (sau sắt) để chế các hợp kim nhôm làm ra các đồ dùng trong nhà.

- *Vàng, bạc* là các kim loại quý thường dùng để làm đồ trang sức, để mạ lên các đồ vật quý.

- Thủy ngân là kim loại ở thể lỏng, được dùng làm nhiệt kế, làm đèn ống và để luyện vàng.

7. *Cao su tự nhiên* được sản xuất ra từ nhựa cây cao su và lưu huỳnh.

Cao su nhân tạo được sản xuất ra từ than đá hoặc dầu mỏ.

Cao su được dùng để làm săm, lốp, làm các chi tiết của đồ điện, máy móc và đồ dùng trong nhà.

8. *Đồ gốm (đồ đất nung không tráng men, đồ sành, đồ sứ)*

Đồ gốm được làm từ đất sét, cát... Đồ gốm được dùng nhiều như gạch, ngói, vại, bình, chậu sành, bát, đĩa, ấm, chén sứ...

Đồ thủy tinh được sản xuất từ cát trắng, sô đa. Rất nhiều đồ dùng như chai, lọ, kính cửa sổ, mắt kính được làm bằng thủy tinh.

9. *Đá vôi* đem nung, cho ta *vôi sống.* Vôi sống thả vào nước biến đổi thành *vôi tôi.* Vôi tôi đem trộn với cát và nước tạo thành vữa để xây tường, trát tường.

10. *Xi măng* được sản xuất bằng cách nung đất sét, đá vôi... ở nhiệt độ cao rồi đem nghiền thành bột mịn.

Xi măng trộn với cát và nước tạo thành vữa xi măng để xây móng nhà, trát bể chứa.

Bê tông cốt thép được dùng để làm nhà cao tầng, cầu, đập nước.

MỘT SỐ LOẠI NĂNG LƯỢNG THƯỜNG DÙNG

Bài 23 NĂNG LƯỢNG

1. Năng lượng

Thí nghiệm 1 :

- Đặt một viên phấn trên mặt bàn, nó nằm nguyên tại chỗ. Muốn đưa viên phấn lên cao, cần dùng tay dịch chuyển nó một đoạn.
- Thả viên phấn từ trên cao, nó rơi xuống do bị Trái Đất hút ; khi chạm vào mặt đất, viên phấn bị vỡ thành nhiều mẩu và văng ra xa nhau. thì hình dạng

thuongmaitr

Thí nghiệm 2 :

- Quệt que diêm vào vỏ bao, thuốc diêm bốc cháy làm cháy gỗ diêm thành tàn than.
- Hơ đồng tiền kim loại vào ngọn lửa, đồng tiền nóng lên. Thổi tắt ngọn lửa, đồng tiền không thể tiếp tục nóng lên nữa. chất, hình dạng

Thí nghiệm 3 :

Dùng tay di đi di lại đồng tiền trên mặt quyển vở nhiều lần, đồng tiền cũng nóng lên. nhiệt độ

Thí nghiệm 4 :

Đặt chiếc ô tô đồ chơi có gắn động cơ điện, đèn và còi lên mặt bàn. Khi chưa lắp pin, ô tô không hoạt động. Lắp pin vào để tạo ra dòng điện thì thấy động cơ quay, đèn sáng, còi kêu.

vị trí, âm thanh, ánh sáng.

Trong các thí nghiệm trên, *khi thấy một vật bị biến đổi* (viên phấn dịch chuyển lên cao, rơi xuống, vỡ ra, văng đi ; thuốc diêm và gỗ diêm cháy thành lửa và than, đồng tiền nóng lên, động cơ quay, đèn sáng, còi kêu...) ta nói rằng *vật đó đã nhận được năng lượng*. Năng lượng này do các vật khác cung cấp (do tay người, Trái Đất, sàn nhà, ngọn lửa, dòng điện của pin...).

2. Năng lượng cần cho mọi hoạt động

a. Trong các hoạt động khi sinh hoạt (như đi lại, ăn mặc, tắm giặt, vui chơi...) và khi làm việc (học hành, viết, nặn, vẽ, làm việc nhà, lao động sản xuất...), ta đều phải dùng tay chân, các đồ dùng, phương tiện máy móc để gây các biến đổi về vị trí, hình dạng, nhiệt độ, ánh sáng, âm thanh theo ý muốn của con người.

Muốn gây ra các biến đổi, cần phải cung cấp năng lượng. Vì vậy, *bất kì hoạt động nào cũng cần dùng năng lượng*.

ruongxua.vn

b. Làm tiếp các thí nghiệm ở mục 1.

- Đưa viên phấn cao hơn lần trước, tay ta cầm di chuyển một đoạn dài hơn. Thả viên phấn ra, nó rơi được một đoạn dài hơn. Khi chạm vào sàn nhà, viên phấn bị vỡ thành nhiều mẩu hơn và văng đi xa hơn do được cung cấp năng lượng nhiều hơn.
- Cho que diêm cháy càng lâu thì càng nhiều chất bị biến thành chất khác và đồng tiền càng nóng lên nhiều hơn do nhận được nhiều năng lượng hơn.
- Cọ xát đồng tiền mạnh hơn, nhiều lần hơn để cung cấp nhiều năng lượng hơn thì đồng tiền nóng lên nhiều hơn.
- Cho ôtô hoạt động lâu thì động cơ quay chậm hơn, đèn kém sáng, còi kêu yếu hơn vì năng lượng cung cấp bởi dòng điện bị giảm so với khi pin còn mới.

Từ nhiều thí nghiệm và quan sát thực tế, có thể kết luận : *Một vật bị biến đổi càng nhiều khi nó nhận được càng nhiều năng lượng*.

Khi thấy một vật bị biến đổi về vị trí, hình dạng, nhiệt độ, độ sáng, âm thanh..., ta nói rằng vật đó đã được cung cấp năng lượng. Bất kì hoạt động nào cũng đều cần dùng năng lượng.
Hoạt động càng nhiều, càng cần nhiều năng lượng.

Câu hỏi

1. Trình bày một thí nghiệm chứng tỏ rằng một vật bị thay đổi vị trí khi nhận được năng lượng.
2. Thí nghiệm như thế nào để chứng tỏ rằng vật bị thay đổi nhiệt độ khi được cung cấp năng lượng ?
3. Vì sao khi hoạt động cần dùng năng lượng ?

thuongmaitr

Bài 24

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CỦA MẶT TRỜI, GIÓ, NƯỚC CHẢY

1. Sử dụng năng lượng của Mặt Trời

Ta đã biết, Mặt Trời có khả năng chiếu sáng và sưởi ấm các vật, giúp cho cây cỏ mọc xanh tốt, người và các động vật sống khỏe mạnh và hoạt động bình thường. Năng lượng Mặt Trời còn gây ra nắng, mưa, gió, bão trên Trái Đất.

- Từ lâu người ta đã biết dùng năng lượng của Mặt Trời để phơi khô quần áo, thóc, hạt cà phê... và làm muối từ nước biển.
- Hiện nay đã có các "lò Mặt Trời" dùng gương tập trung ánh nắng vào nồi chứa để đun nấu hoặc để tạo ra hơi nước nóng dùng cho việc sưởi ấm hoặc quay máy phát điện.

- Một số đồng hồ điện tử đeo tay, máy tính bỏ túi, con tàu vũ trụ (hình 32) hoạt động rất tốt nhờ dùng các "pin Mặt Trời" có thể tạo ra các dòng điện khi được Mặt Trời chiếu sáng.

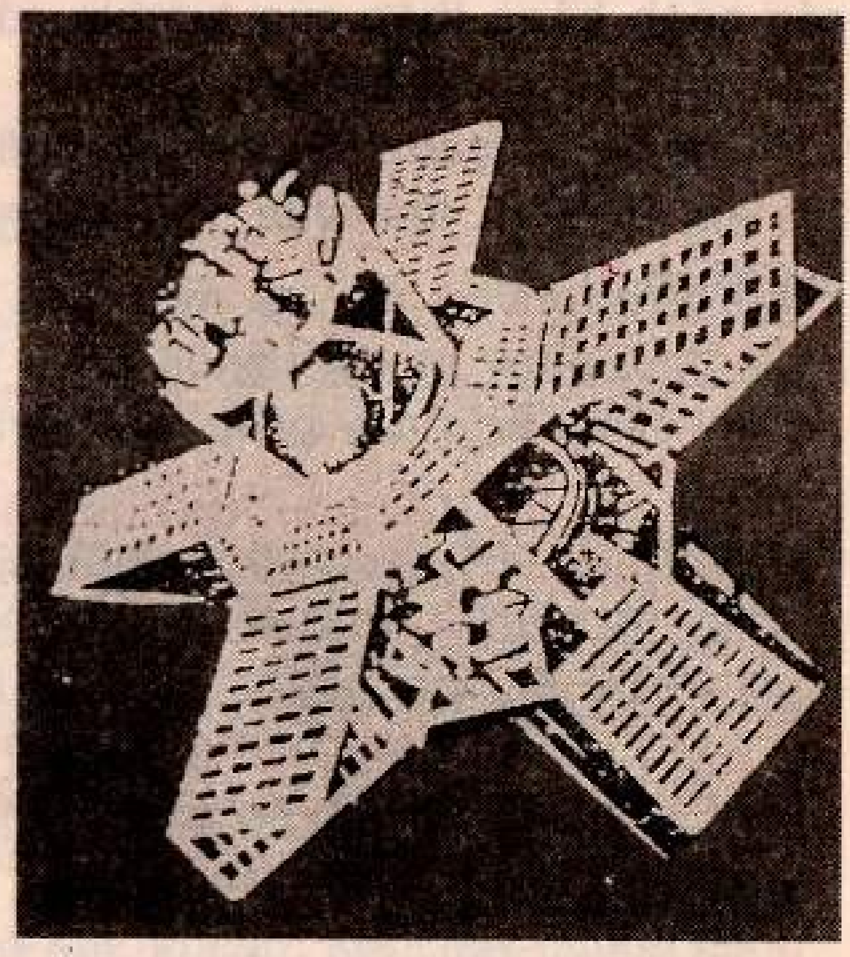

Hình 32 - Các tấm pin Mặt Trời của tàu vũ trụ.

2. Sử dụng năng lượng của gió

- Từ lâu con người đã biết dùng năng lượng của gió để đẩy thuyền buồm, quạt thóc, làm quay cánh quạt của cối xay gió.

ruongxua.vn

- Hiện nay ở một số vùng có gió thổi thường xuyên, người ta đã dựng các tháp cao để lắp các cánh quạt quay được nhờ năng lượng của gió. Cánh quạt làm quay máy phát điện để tạo ra dòng điện dùng cho việc thắp sáng, đun nấu, bơm nước, chạy ti-vi...

3. Sử dụng năng lượng của nước chảy

- Để chở gỗ, tre, nứa... từ vùng cao về đồng bằng, người ta thường đóng chúng thành bè rồi thả cho trôi theo dòng nước.

- Dòng nước chảy có thể làm quay các bánh xe nước để đưa nước lên cao dùng cho trồng trọt, chăn nuôi, sinh hoạt của nhân dân ở ven bờ suối.

- Năng lượng của dòng nước chảy từ đập chứa nước xuống các cánh bằng thép của tua-bin có thể làm quay máy phát điện tại các nhà máy thủy điện.

Nước ta có các nhà máy thủy điện loại lớn (ở Hòa Bình, Trị An, Y-a-ly), loại vừa và loại nhỏ (ở Thác Bà, Tà Sa, Đa Nhim...).

Năng lượng của Mặt Trời được dùng để chiếu sáng, sưởi ấm, làm khô, đun nấu, chạy máy phát điện.

Năng lượng của gió được dùng để đẩy thuyền buồm, để quay cánh quạt của cối xay gió hoặc của máy phát điện.

Năng lượng của nước chảy thường dùng để chở hàng xuôi dòng sông, để làm quay bánh xe nước hoặc làm quay tua bin ở nhà máy thủy điện.

thuongmaitr

Câu hỏi

1. Vì sao chúng ta cần đến năng lượng của Mặt Trời ?

2. Người ta thường dùng năng lượng của gió để làm gì ?

3. Năng lượng của nước chảy hiện nay được dùng nhiều nhất vào việc gì ? Ở đâu ?

Bài 25

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CỦA CHẤT ĐỐT

1. Sử dụng các chất đốt rắn

- *Củi, gỗ, tre, nứa, lá khô, rơm rạ...* là những chất đốt thường dùng để đun nấu ở vùng nông thôn và vùng rừng núi vì dễ kiếm. Ngày nay, chúng được dùng vào nhiều việc khác có lợi hơn.

- *Than củi, than quả bàng, than tổ ong...* là chất đốt thường được dùng để đun nấu trong một số gia đình. Chúng dễ dùng, gọn, thuận tiện, tương đối rẻ tiền, nhưng sinh ra nhiều khí độc hại.

- *Than đá, than cốc* được dùng để đốt lò trên tàu hỏa, trong nhà máy nhiệt điện (tạo ra hơi nước nóng làm quay máy phát điện), trong các lò rèn, lò cao. Khi cháy chúng cũng sinh ra khí độc.

ruongxua.vn

2. Sử dụng các chất đốt lỏng

- *Cồn đốt, dầu hỏa* thường được dùng để đun nấu bằng đèn cồn hoặc bếp dầu. Hiện nay ở những nơi chưa có điện, người ta vẫn dùng dầu hỏa để thắp sáng.

- *Xăng* là chất đốt dùng cho xe máy, ôtô, máy bay.

- *Dầu đi-ê-den* nặng hơn và rẻ hơn xăng, thường dùng cho các động cơ có sức kéo mạnh của ôtô tải, tàu hỏa, tàu thủy, máy phát điện...

Các chất đốt lỏng đều dễ bay hơi và dễ bốc cháy khi để gần lửa. Vì vậy, cần đựng chúng trong các bình kín, đặt xa lửa để tránh tai họa do cháy, nổ và hơi độc.

Các khí sinh ra khi chất đốt lỏng bốc cháy làm cho không khí bị ô nhiễm.

4. Sử dụng các chất đốt khí

Ở vùng có mỏ dầu, người ta có thể khoan sâu vào lòng đất để lấy lên một loại khí cháy được gọi là khí mỏ dầu.

Khí đốt được nén vào trong các bình chứa bằng thép để dùng cho các "bếp ga" tại các gia đình (hình 33).

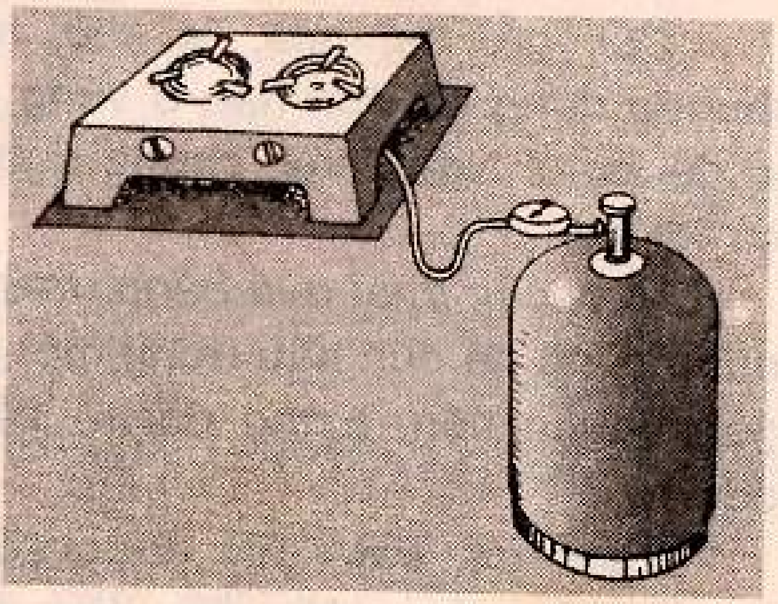

Hình 33 - Bếp ga và bình chứa khí đốt.

thuongmaitr

- Ở một số vùng nông thôn, có thể dùng "khí sinh học" được tạo ra trong các bể chứa có ủ chất thải, mùn, rác, phân súc vật... để làm chất đốt.

- Ở một số nước có những mỏ chứa rất nhiều khí đốt tự nhiên. Người ta khoan tới mỏ, lấy khí đốt lên và đưa đến các nhà máy hay các gia đình bằng đường ống dẫn khí.

Khi dùng bếp khí đốt phải cẩn thận để tránh cháy nổ. Dùng xong phải đóng kín khóa ở vòi của bình chứa, tránh để khí đốt bay ra trong phòng kín có thể gây ngạt thở, chết người hay cháy, nổ.

Tất cả các chất đốt khi cháy đều sinh ra khí các-bô-níc cùng nhiều loại khí và chất độc khác làm nhiễm bẩn không khí, có hại cho người, động vật, thực vật ; làm han gỉ các đồ dùng, máy móc bằng kim loại...

Vì vậy, cần có những ống khói để dẫn chúng lên cao, hoặc có các biện pháp để làm sạch, khử độc các chất thải ở trong khói nhà máy.

Có nhiều loại chất đốt. Khi được đốt cháy, chất đốt sẽ cung cấp năng lượng để đun nóng, để thắp sáng, để chạy máy, để sản xuất ra điện... Chất đốt có ba thể : rắn, lỏng, khí.
Chất đốt khi cháy sinh ra khí độc làm nhiễm bẩn không khí.

Câu hỏi

1. Kể tên những chất đốt rắn. Ở nhà em thường dùng loại chất đốt nào để đun nấu ? Cần chú ý điều gì khi dùng chất đốt đó ?
2. Em đã biết những loại chất đốt lỏng nào ? Cần chú ý điều gì khi dùng chất đốt lỏng ?
3. Có những loại khí đốt nào ? Khi sử dụng khí đốt phải chú ý những điều gì ?

truongxua.vn

Bài 26

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CỦA NAM CHÂM

1. Đá nam châm và nam châm

Trong tự nhiên có một số quặng có *khả năng hút các vật bằng sắt, thép*, người ta gọi đó là *đá nam châm*. Tính chất hút sắt thép của đá nam châm được gọi là *tính chất từ.*

Các vật bằng thép như kéo, kim khâu, lưỡi dao cạo... sau khi bị hút hoặc quệt vào đá nam châm cũng trở thành vật có tính chất từ. Chúng đã *được nhiễm từ* và được gọi là *nam châm.*

2. Một số thí nghiệm với nam châm

Thí nghiệm 1 :

Lần lượt đưa lại gần từng đầu và gần phần giữa của một thanh nam châm một số vật nhỏ bằng sắt, bằng thép như kim khâu, lưỡi dao cạo ; bằng đồng, nhôm, chì, bằng nhựa, bằng giấy, vải, gỗ.

Ta thấy :

- Nam châm chỉ hút các vật bằng sắt, thép ;
- *Nam châm hút các vật bằng sắt thép mạnh nhất ở hai đầu của nó, đó là hai cực từ.*

Thí nghiệm 2 :

Quệt nhiều lần mũi nhọn của đinh bằng sắt và mũi nhọn của kim khâu bằng thép vào một cực từ của nam châm. Sau đó, lần lượt đưa từng đầu kim lại gần các vật nhỏ bằng sắt, thép, nhôm, nhựa, gỗ, giấy ...

Ta thấy : kim thép hút được sắt ở cả hai đầu của nó. Nó trở thành một *nam châm có hai cực từ.*

Thí nghiệm 3 :

Thả nhẹ nhàng chiếc kim khâu đã nhiễm từ để cho nó nổi lên trên mặt nước đựng trong một chiếc đĩa. Ta thấy : một đầu kim luôn chỉ về phương Nam, đầu kia luôn chỉ về phương Bắc (hình 34).

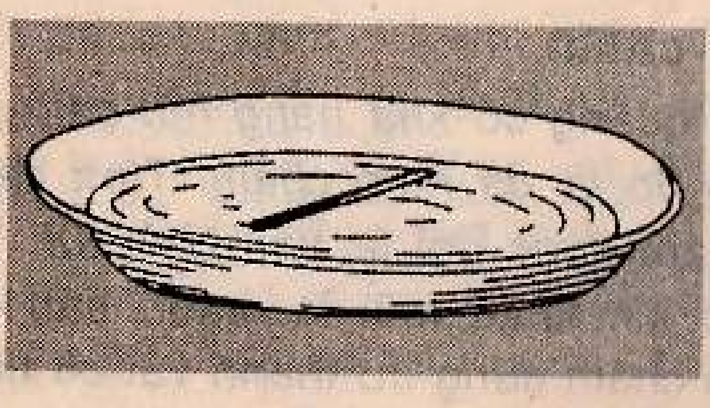

Hình 34 - Kim nam châm.

Như vậy, *mỗi nam châm (kim chỉ nam) có hai cực từ có tính chất khác nhau. Cực từ chỉ về phương Nam được gọi là cực Nam, cực từ chỉ về phương Bắc gọi là cực Bắc.*

Dựa vào tính chất này người ta có thể dùng nam châm để xác định phương hướng...

3. Sử dụng năng lượng của nam châm

- Nam châm có khả năng hút, hoặc làm dịch chuyển các vật bằng sắt, thép... Như vậy, *nam châm có mang năng lượng*.
- Người ta dùng năng lượng của nam châm để hút các vật bằng sắt, thép, để tách quặng sắt, những vật bằng sắt, thép ra khỏi chất khác.
- Nam châm là một bộ phận quan trọng trong các máy phát điện, động cơ điện và trong một số đồ điện (điện thoại, máy thu thanh, máy thu hình, động cơ để chạy các đồ chơi dùng pin).

công dụng của nam châm

áp nhẹ vào các vật ... vật, đồ hút vào sắt thép thì nó là nam châm

tuongxua.vn

Đá nam châm và nam châm là những vật có tính chất từ, chúng hút các vật bằng sắt, thép.
Mỗi nam châm đều có hai cực từ : cực Nam và cực Bắc. Nam châm được dùng để tách sắt, thép ra khỏi các vật khác, để chế tạo máy phát điện, động cơ điện và một số đồ điện.

quẹt nhiều mũi kim vào thanh nam châm nó sẽ trở thành nam châm có 2 cực từ

Câu hỏi

1. *Nam châm có tính chất gì ? Làm thế nào để nhận biết một vật có phải là nam châm hay không ?*
2. *Làm cách nào để chiếc kim khâu trở thành một nam châm ?*
3. *Thí nghiệm nào chứng tỏ rằng mỗi nam châm có hai cực từ gọi là cực Nam và cực Bắc ?* II
4. *Kể một số công dụng của nam châm.*

Bài 27

SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN ĐỂ THẮP SÁNG

1. Năng lượng điện

Thực tế cho thấy "dòng điện" có khả năng thực hiện rất nhiều việc như thắp sáng, đun nóng, quạt mát, bơm nước, xát gạo, chạy ti-vi... Người ta bảo rằng dòng điện có mang năng lượng, gọi là *năng lượng điện*.

Chúng ta hãy làm quen với việc dùng năng lượng điện (thường gọi tắt là dùng điện) để thắp sáng qua một số thí nghiệm đơn giản.

2. Sử dụng năng lượng điện để thắp sáng

thuongmaitr

Thí nghiệm 1 :

Dùng *pin, bóng đèn pin, các dây đồng* có vỏ bọc bằng nhựa (nối với các đầu dây đã được cạo sạch nối liền với nhau thành một dây liên tiếp, không có chỗ nào bị hở như ở hình 35 để tạo ra một *mạch điện kín*.

Ta thấy bóng đèn phát ra ánh sáng.

Thí nghiệm trên cho thấy : *pin đã tạo ra trong mạch điện kín một dòng điện*.

Dòng điện này chạy qua dây tóc của bóng đèn làm cho dây tóc bị nóng tới mức phát ra ánh sáng.

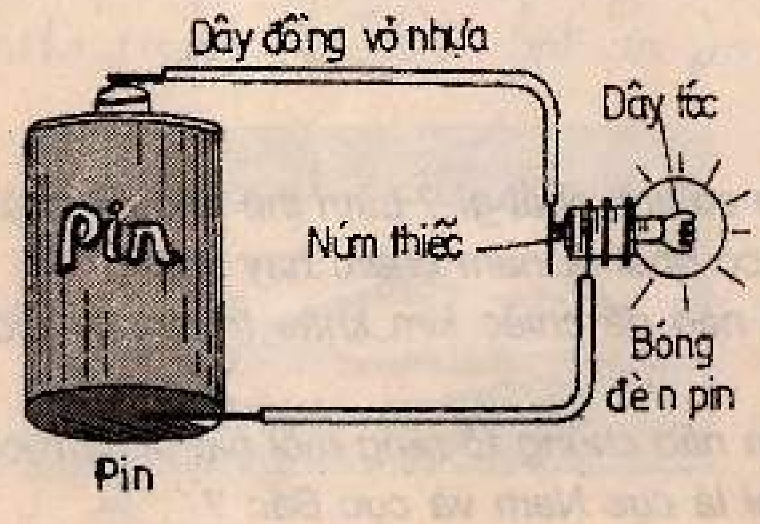

Hình 35 - Mạch điện kín.

Thí nghiệm 2 :

Tách một đầu dây đồng đang nối liền với núm của pin (hoặc với núm thiếc ở đáy bóng đèn) để tạo ra một chỗ hở trong mạch, ta thấy đèn không phát sáng nữa.

Như vậy, *khi mạch bị hở thì trong mạch không có dòng điện.*

Thí nghiệm 3 :

- Đặt chèn vào chỗ hở của mạch ở hình 35 một số vật bằng kim loại (nhu đồng, nhôm, sắt...) ta lại thấy đèn sáng, trong mạch lại có dòng điện.

Điều này chứng tỏ rằng : dòng điện có thể chạy qua các vật bằng kim loại.

Các vật cho dòng điện chạy qua gọi là vật dẫn điện.

Thí nghiệm 4 :

truongxua.vn

Đặt chèn vào chỗ hở của mạch trên các vật bằng nhựa, cao su, sứ, thủy tinh, gỗ khô, bìa... thì thấy đèn không sáng. Những vật này không cho dòng điện chạy qua.

Các vật không cho dòng điện chạy qua gọi là vật cách điện.

Dòng điện có mang năng lượng, gọi là năng lượng điện.
Dòng điện được tạo ra bằng pin trong mạch điện kín gồm các vật dẫn điện được nối liền với nhau.
Vật cho dòng điện chạy qua gọi là vật dẫn điện.
Vật không cho dòng điện chạy qua gọi là vật cách điện.

Câu hỏi

1. Kể một số ví dụ cho thấy rằng dòng điện mang năng lượng.

2. Làm cách nào để tạo ra được dòng điện chạy qua dây tóc của một bóng đèn pin ?

3. Vật dẫn điện có tính chất gì ? Kể tên vài vật dẫn điện.

4. Vật cách điện có tính chất gì ? Kể tên vài vật cách điện.

Bài 28 SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN ĐỂ THẮP SÁNG (tiếp theo)

2. Sử dụng năng lượng điện để thắp sáng (tiếp theo)

Thí nghiệm 5 :

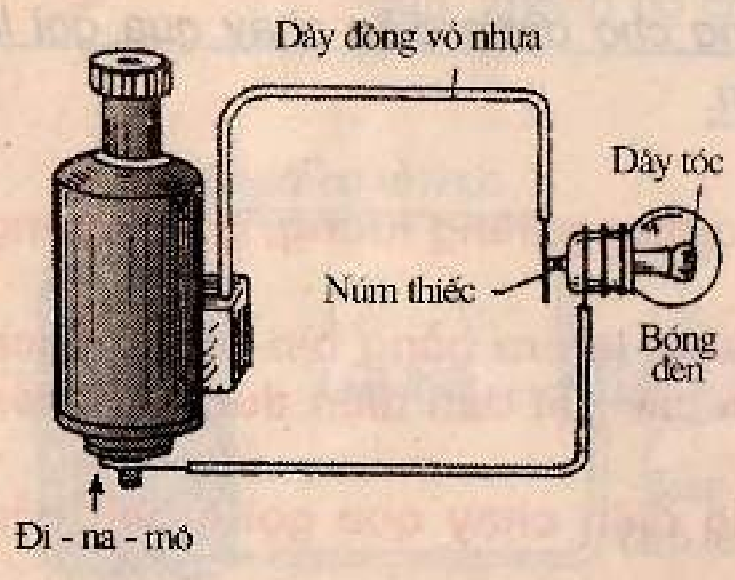

Hình 36 - Khi không quay đi-na-mô thì đèn không sáng.

Thay thế chiếc pin bằng chiếc đi-na-mô (bình điện) của xe đạp và dùng các dây đồng có vỏ nhựa (mà hai đầu dây được cạo sạch) để nối đi-na-mô với một bóng đèn nhỏ thành mạch kín như ở hình 36, ta thấy đèn không sáng.

Khi lấy tay quay trục đi-na-mô thì thấy đèn phát sáng. Quay càng nhanh thì đèn càng sáng.

thuongmaitr

Như vậy, *khi quay đi-na-mô thì trong mạch kín có dòng điện.*
Dòng điện này chạy qua dây tóc bóng đèn làm cho dây tóc nóng lên và phát sáng. Quay càng nhanh thì dòng điện càng mạnh, nhờ đó đèn càng sáng hơn.

Thí nghiệm 6 :

Lắp một bóng đèn điện có dây tóc vào một chiếc *đui đèn* có 2 dây đồng bọc nhựa được nối với 2 chân cắm bằng đồng thau của một *phích cắm điện* như ở hình 37. Lắp 2 chân cắm này vào 2 lỗ của *ổ lấy điện* đã được mắc vào đường dây cấp điện (do nhà máy điện nối tới từng nhà), ta thấy đèn phát sáng.
Khi đó dòng điện chạy trong mạch kín từ một lỗ của ổ lấy điện qua dây tóc bóng đèn tới lỗ còn lại đã làm cho dây tóc nóng đến mức phát ra ánh sáng chói lọi.

truongxua.vn

đèn nê ông - đèn dài, đèn tròn, đèn ngủ, đèn để bàn

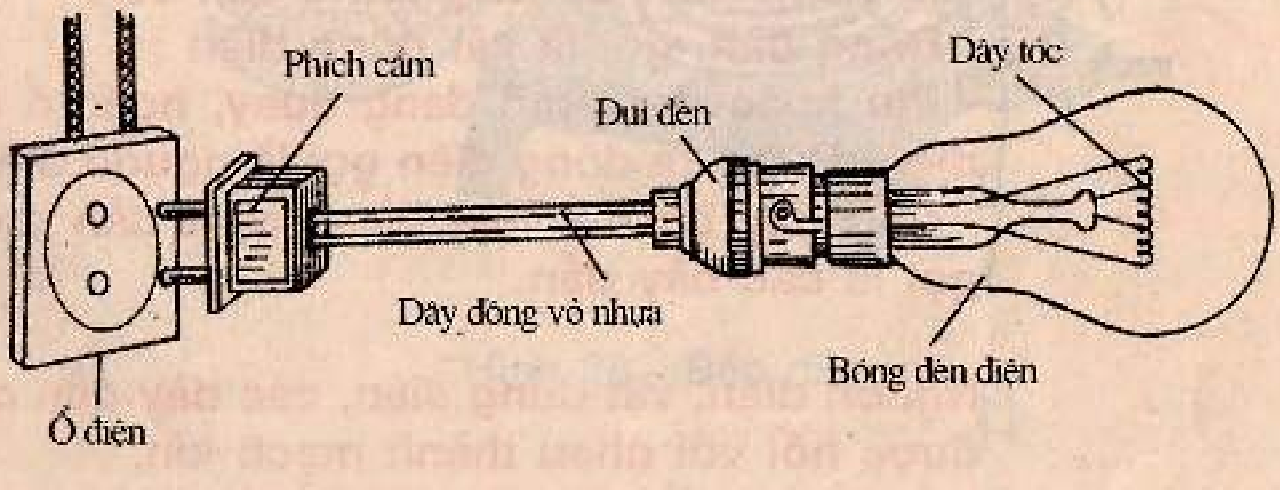

Hình 37 - Các bộ phận của một đèn điện.

- Để tiện việc bật và tắt đèn, người ta mắc thêm vào mạch điện một khóa *đóng- ngắt điện* (công tắc, cầu dao điện). Muốn vậy, chỉ cần cắt đứt một dây dẫn thành hai đoạn rồi đem nối 2 đầu dây vừa cắt ra này với hai đầu của cái đóng - ngắt điện. Khi bật công tắc hay đóng cầu dao điện thì mạch kín nên đèn sáng, khi tắt công tắc hay mở cầu dao điện thì mạch hở, đèn không sáng.

Ngoài các loại *đèn có dây tóc*, người ta còn dùng *đèn ống* phát ra ánh sáng dịu như ánh sáng ban ngày và các *đèn chứa khí nê-on, hơi nat-ri, hoặc hơi thủy ngân... để phát ra ánh sáng màu đỏ, vàng hoặc xanh lục rất rực rỡ...*

thuongmaitr

Qua các thí nghiệm kể trên, chúng ta nhận thấy :

Khi dùng điện để thắp sáng cần có :
- Bóng đèn, gọi là vật dùng điện ;
- Pin hoặc đi-na-mô đang quay, hoặc ổ lấy điện để tạo ra dòng điện gọi là nguồn điện ;
- Các dây để nối làm bằng chất dẫn điện, gọi là các dây dẫn.

Nguồn điện, vật dùng điện, các dây dẫn cần được nối với nhau thành mạch kín.
Để bật hay tắt đèn, người ta dùng cái đóng - ngắt điện.

Câu hỏi

1. Để thắp sáng bằng dòng điện cần có những thứ gì ? Chúng cần được mắc với nhau như thế nào ?
2. Em biết những loại đèn nào dùng để thắp sáng bằng điện ?
3. Kể tên những nguồn điện mà em biết.
4. Làm thế nào để dễ dàng bật hay tắt một đèn điện ?

Bài 29 SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN ĐỂ ĐỐT NÓNG

1. Bếp điện

Bếp điện (hình 38) là *vật dùng điện* để đun nấu. Nó gồm có :

truongxua.vn

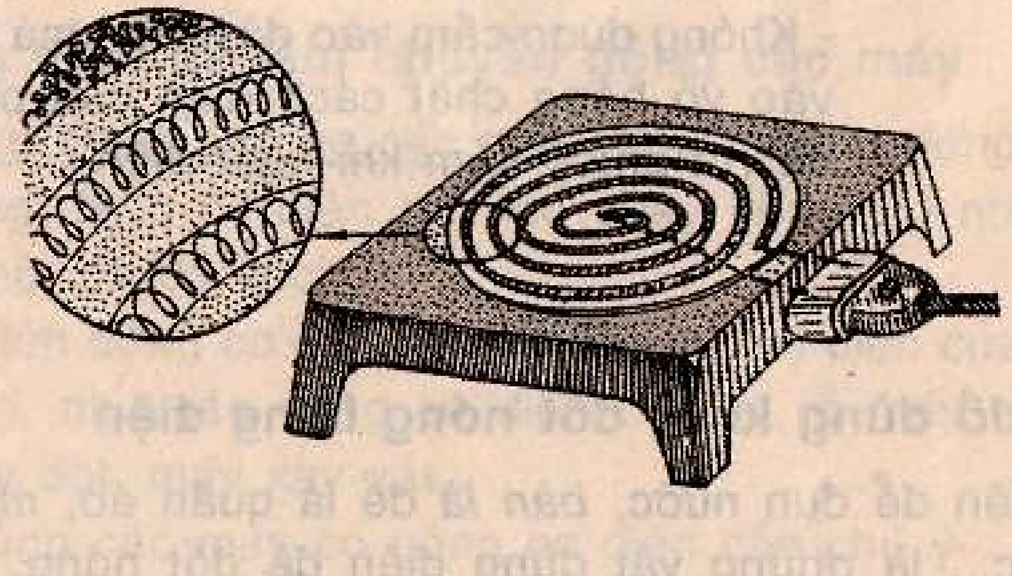

Hình 38 - Bếp điện.

- Một sợi dây xoắn bằng hợp kim ni-ken - crôm hay may-xo.
- Một đế bằng sứ cách điện và chịu được nhiệt độ cao, có đường rãnh để chứa dây xoắn.

- Một vỏ bằng sắt tráng men có gắn ổ lấy điện được nối với hai đầu dây xoắn.

- Dây dẫn để đưa điện từ ổ lấy điện tới bếp điện gồm hai dây đồng có nhiều sợi nhỏ và có vỏ bằng cao su bọc vải. Mỗi dây được nối với một đầu của chiếc *phích cắm.*

- *Nguồn điện* dùng cho bếp điện là *ổ lấy điện* được nối với đường dây dẫn của nhà máy điện.

Khi lắp phích cắm của bếp điện vào ổ lấy điện thì dòng điện qua dây xoắn làm nó nóng đỏ và tỏa nhiệt.

Chú ý :

- Không được chạm tay, hoặc đặt đáy soong nhôm chạm vào dây xoắn để tránh bị điện giật.
- Không để nước, bụi bẩn, thức ăn rơi vào rãnh đặt dây xoắn làm cho nó bị gỉ.
- Không được cầm vào dây điện mà phải cầm vào vỏ bằng chất cách điện của phích cắm để rút phích cắm khi ngắt điện.

2. Các đồ dùng khác đốt nóng bằng điện

Ấm điện để đun nước, *bàn là* để là quần áo, *mỏ hàn* để hàn thiếc... là những vật dùng điện để đốt nóng. Bộ phận chính của mỗi đồ dùng này cũng là một dây xoắn bằng hợp kim được lắp trong lõi sứ cách điện và được cách điện cẩn thận với vỏ bảo vệ.

Khi lắp vào ổ lấy điện thành mạch kín thì dây xoắn nóng lên và tỏa nhiệt.

thuongmaitr

Bếp điện, ấm điện, bàn là, mỏ hàn điện... là những đồ dùng được đốt nóng bằng điện. Bộ phận chính của chúng là một dây xoắn bằng hợp kim, khi có dòng điện chạy qua thì dây xoắn nóng đỏ lên và tỏa nhiệt ra xung quanh.

Câu hỏi

1. Kể tên một số đồ dùng đốt nóng bằng điện.

2. Bếp điện gồm những bộ phận nào ?
Thường dùng với nguồn điện nào ?

220V 110V.

Bài 30 SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN ĐỂ CHẠY MÁY

ruongxua.vn

1. Dùng điện để làm chuyển động các máy

Để làm chuyển động các máy có thể dùng *động cơ điện*. Có những động cơ điện rất nhỏ chạy bằng pin như thường thấy ở một số đồ chơi.

Phần lớn động cơ điện chạy bằng nguồn điện của các nhà máy điện, như các động cơ điện ở quạt, ở máy bơm, máy tiện, máy dệt, máy xay xát...

Khi dùng các máy có động cơ điện cần chú ý :

- Giữ gìn động cơ điện sạch sẽ, khô ráo.
- Lau sạch và bôi dầu nhờn vào trục động cơ để nó quay trơn.
- Nếu thấy động cơ quay rất chậm hoặc không quay được và nóng lên thì phải ngắt điện ngay và đem đi kiểm tra, sửa chữa.

2. Dùng điện để làm hoạt động một số phương tiện

- Để có thể truyền tin đi xa bằng *máy điện báo, điện thoại*, cần mắc các phương tiện này vào nguồn điện và đường dây dẫn của bưu điện.

- Để *đồng hồ điện tử, máy tính bỏ túi, máy thu thanh bán dẫn xách tay*... hoạt động được, cần có dòng điện tạo ra bởi các loại pin.

- Để *ti-vi, máy tính* làm việc được, cần dùng dòng điện của nhà máy điện dẫn đến ổ lấy điện.

- Để *mạ kền* lên mặt các vật cần chống gỉ, người ta đặt các vật vào bể mạ đựng dung dịch có chứa muối kền và cho dòng điện chạy qua dung dịch đó.

- Để *luyện nhôm*, người ta cho dòng điện chạy qua lò luyện chứa chất được nung nóng chảy gồm quặng nhôm và một số chất khác... Nhờ biết cách luyện nhôm bằng dòng điện, người ta mới có được nhiều nhôm để làm ra đồ dùng nhẹ, bền, tốt và rẻ.

thuongmaitr

Quạt, bơm nước, máy điện... có thể chuyển động khi có dòng điện chạy qua động cơ điện lắp ở trong chúng.

Điện thoại, điện báo, đồng hồ điện tử, ti-vi, bể mạ, lò luyện nhôm chỉ hoạt động được nhờ có năng lượng của dòng điện.

Câu hỏi

1. Kể tên một số đồ dùng, máy móc có động cơ điện.

2. Động cơ điện dùng để làm gì ? Làm thế nào để động cơ điện hoạt động được ?

3. Nêu một số ví dụ về những việc chỉ có thể làm được nhờ dùng năng lượng điện.

Bài 31 TRÁNH LÃNG PHÍ VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN KHI DÙNG ĐIỆN

1. Tránh lãng phí khi dùng điện

Dùng điện (tức là dùng năng lượng điện) có thể làm được nhiều việc. Nhưng khi dùng điện, ta phải trả tiền điện. Vì vậy, ta cần sử dụng điện hợp lí, tránh lãng phí.

Mỗi hộ dùng điện đều có một *công tơ điện*. Đó là máy đếm số năng lượng điện đã dùng (hình 39). Căn cứ vào đó, người ta tính được số tiền điện phải trả.

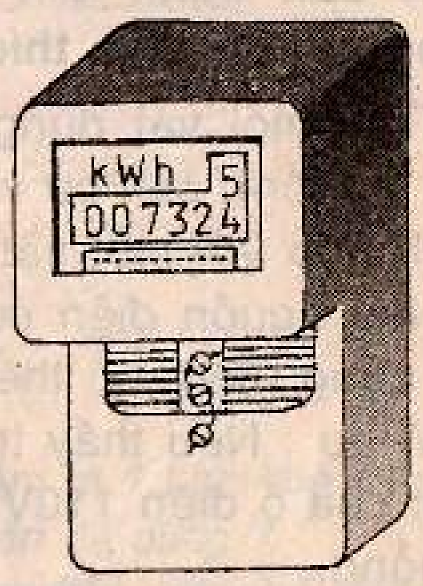

Hình 39 - Công tơ điện.

truongxua.vn

Để tránh lãng phí, tiết kiệm được tiền điện, cần chú ý :

- Chỉ dùng điện khi cần thiết, ra khỏi phòng nhớ tắt đèn, tắt quạt, tắt ti-vi...
- Tiết kiệm điện khi đun nấu, sưởi, là quần áo (vì những việc này cần dùng nhiều năng lượng điện).

2. Đảm bảo an toàn khi dùng điện

a. Cần đề phòng điện giật

Nếu sơ ý sờ tay vào chỗ dây dẫn điện bị hở hoặc chạm phải các bộ phận kim loại đang có điện thì người sẽ bị điện giật, có thể nguy hiểm đến tính mạng. Vì vậy cần nhớ :

- Tuyệt đối không chạm tay vào chỗ hở của đường dây hoặc vào các bộ phận kim loại nghi là có điện. Không cầm các vật bằng kim loại cắm vào ổ lấy điện.

- Khi thấy dây điện bị đứt, cần tránh xa.

b. Cần tránh làm hỏng vật dùng điện bằng cách chọn đúng nguồn điện thích hợp

Trên mỗi vật dùng điện thường có ghi chữ số kèm theo chữ V (vôn), căn cứ vào đó, người ta có thể chọn nguồn điện thích hợp với mỗi vật dùng điện.

Nếu nguồn điện có số vôn lớn hơn số vôn quy định của vật dùng điện, có thể làm hỏng vật đó.

Ví dụ : Nếu thấy trên bóng đèn có ghi 110V thì cần dùng điện của ổ điện 110V. Nếu dùng điện của ổ 220V thì đèn sẽ bị hỏng.

c. Cần đề phòng dòng điện quá mạnh gây cháy đường dây và cháy nhà

thuongmaitr

Khi sử dụng đồng thời quá nhiều vật dùng điện, hoặc khi lõi của 2 dây dẫn điện bị chạm, chập vào nhau thì dòng điện trong dây sẽ rất mạnh, dây bị nóng có thể làm bốc cháy lớp vỏ nhựa và gây ra cháy nhà.

Để đề phòng, người ta thường mắc thêm vào đường dây dẫn của mạch điện một đoạn dây chì lắp ở nắp của một hộp sứ gọi là *cầu chì* (hình 40). Khi dòng điện quá mạnh, đoạn dây chì sẽ nóng chảy khiến cho mạch điện bị ngắt, tránh được những sự cố nguy hiểm về điện.

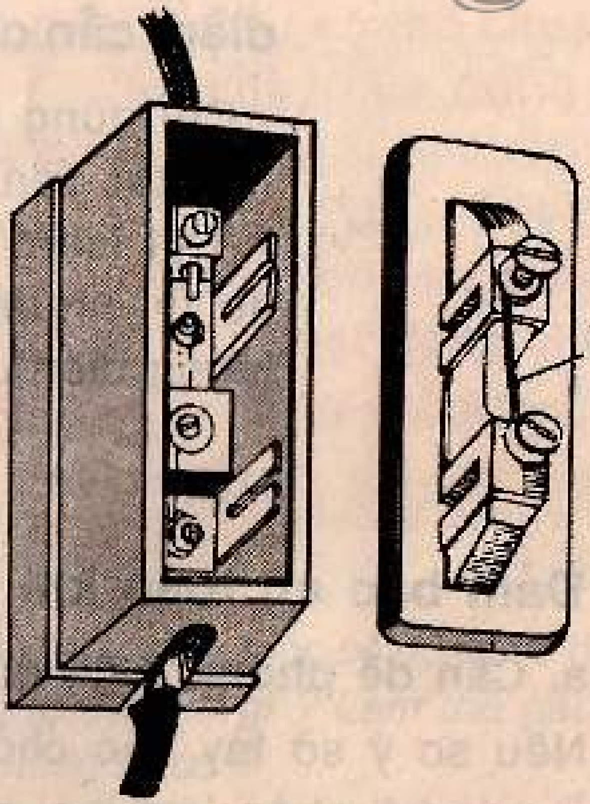

Hình 40 - Cầu chì

Khi dây chì bị chảy, phải mở cầu dao điện, tìm xem có chỗ nào bị chập, sửa chỗ chập rồi thay dây chì khác. Tuyệt đối không được thay dây chì bằng dây sắt hay đồng.

Để đo năng lượng điện đã dùng, người ta dùng công tơ điện.
Dùng điện cần phải tiết kiệm, tránh lãng phí.
Khi dùng điện phải bảo đảm an toàn, không để bị điện giật, tránh làm hỏng vật dùng điện, hoặc làm cháy đường dây.

Câu hỏi

1. *Công tơ điện dùng để làm gì ? Làm thế nào để tính được số năng lượng điện đã dùng ?*
2. *Để tránh lãng phí, tiết kiệm điện, cần phải làm gì ?*
3. *Làm thế nào để tránh gây ra hỏng vật dùng điện ?*
4. *Vì sao cần phải mắc cầu chì vào đường dây của vật dùng điện ?*
5. *Phải làm gì để tránh bị điện giật ?*

uongxua.vn

Bài 32

ÔN TẬP : NĂNG LƯỢNG

1. Khi một vật bị biến đổi về vị trí, hình dạng, nhiệt độ, độ sáng hay âm thanh, ta nói rằng vật đó đã được cung cấp năng lượng.

Bất kì hoạt động nào cũng cần dùng năng lượng.

2. *Năng lượng của ánh sáng Mặt Trời* có sẵn rất nhiều, nhưng mới chỉ được dùng một phần nhỏ để chiếu sáng, làm khô, sưởi ấm, để đun nấu, để tạo ra dòng điện.

- *Năng lượng của gió* được dùng để đẩy thuyền buồm, để quay cánh quạt của máy phát điện hoặc máy bơm nước.

- *Năng lượng của nước chảy* thường dùng để đưa thuyền trôi xuôi dòng sông, để làm quay guồng nước, làm quay tua-bin của máy phát điện.

3. *Các chất đốt* khi bị đốt cháy sẽ tỏa ra nhiệt, dùng để đun nóng, thắp sáng, chạy máy, sản xuất ra điện. Chất đốt có 3 thể : rắn, lỏng, khí ; khi cháy, chúng sinh ra khí độc, chất thải.

4. *Đá nam châm và nam châm* là những vật có tính chất từ :

Chúng hút các vật bằng sắt thép, chúng mang năng lượng.

Mỗi nam châm *luôn luôn có 2 cực từ :* cực Bắc và cực Nam.

Nam châm được dùng để hút sắt, thép ra khỏi các vật khác, để chế tạo một số đồ dùng điện, máy phát điện...

5. *Dòng điện* có khả năng thực hiện nhiều công việc : thắp sáng, đun nóng, quạt mát, chạy máy bơm, chạy ti-vi... Nó mang theo năng lượng gọi là năng lượng điện.

- Khi dùng *điện để thắp sáng* cần có : bóng đèn (vật dùng điện), pin (nguồn điện), dây đồng dẫn điện có vỏ nhựa cách điện (dây dẫn). Nguồn điện, vật dùng điện, dây dẫn cần được *nối với nhau thành mạch kín.*

Để điều khiển việc dùng điện cần dùng *khóa đóng - ngắt điện.*

- Bếp điện, ấm điện, bàn là, mỏ hàn điện... là những đồ dùng để đốt nóng bằng dòng điện. Bộ phận chính của chúng là một dây xoắn bằng hợp kim kền - crôm. Khi dùng dây dẫn mắc chúng vào nguồn điện thành mạch kín thì dòng điện chạy qua dây xoắn sẽ làm dây đó nóng đỏ lên và tỏa nhiệt ra xung quanh.

- Quạt điện, bơm nước, máy tiện... có thể chuyển động khi có dòng điện chạy qua *động cơ điện* lắp trong chúng.

- Điện báo, điện thoại, đồng hồ điện tử, ti-vi... *chỉ hoạt động được nhờ có năng lượng của dòng điện.*

thuongmaitr

- Dùng năng lượng của dòng điện có thể *mạ kền, luyện nhôm.*

6. Năng lượng điện sử dụng được đo bằng *công tơ điện.* Cần tránh lãng phí điện để tiết kiệm tiền điện phải trả.

Khi dùng điện phải chú ý đảm bảo an toàn. *Để phòng bị điện giật, tránh làm hỏng vật dùng điện* (do chọn sai nguồn điện), *tránh làm cháy đường dây dẫn* (do bị chạm, chập) bằng cách dùng *cầu chì.*

Bài 33 KIỂM TRA

ruongxua.vn

SỰ SINH SẢN Ở THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

Bài 34 SỰ SINH SẢN Ở THỰC VẬT CÓ HOA

Sinh sản là đặc tính chung của sinh vật trong đó có thực vật để bảo tồn nòi giống.

1. Cơ quan sinh sản

Hoa là cơ quan sinh sản của những loài thực vật có hoa.

Cơ quan sinh dục đực gọi là nhị đực. Nhị đực gồm : hạt phấn, bao phấn và chỉ nhị (hình 41 a, b, c).

Cơ quan sinh dục cái gọi là nhị cái. Nhị cái gồm : đầu, vòi, bầu và các tiểu noãn (hình 41d, e, g, h).

thuongmaitr

Ở một số cây như cam, táo, bưởi, hồng... thì trên cùng một hoa có cả nhị đực và nhị cái (hình 42).

Một số cây như mướp, bầu, bí... có hoa đực riêng (chỉ có nhị đực) và hoa cái riêng (chỉ có nhị cái).

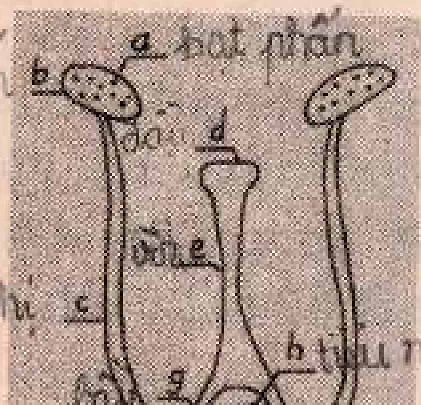

Hình 41 - Sơ đồ nhị đực và nhị cái.

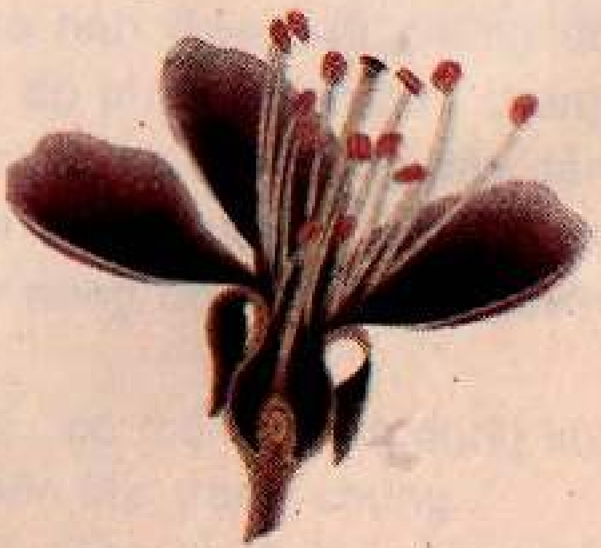

Hình 42 - Cắt dọc một hoa có cả nhị đực và nhị cái.

2. Sự thụ phấn

Hiện tượng đầu nhị cái nhận được những hạt phấn của nhị đực gọi là sự thụ phấn (hình 43).

Sự thụ phấn thường xảy ra nhờ sự giúp đỡ của gió, nước, côn trùng, con người...

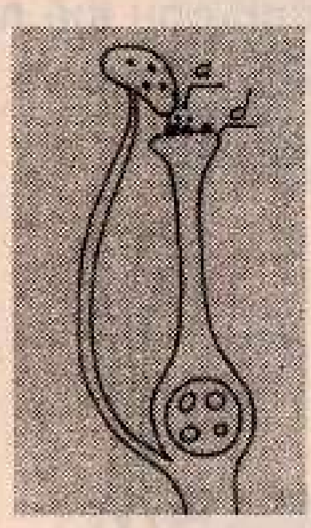

Hình 43 - Sơ đồ sự thụ phấn.

Hình 44 - Sự thụ phấn nhờ côn trùng.

ruongxua.vn

Hoa là cơ quan sinh sản của thực vật có hoa. Nhị đực gồm hạt phấn, bao phấn và chỉ nhị. Nhị cái gồm đầu, vòi, bầu và các tiểu noãn. Hiện tượng đầu nhị cái nhận được các hạt phấn của nhị đực gọi là sự thụ phấn.

Câu hỏi và bài tập

1. Sưu tầm hoa của một số loài thực vật. Quan sát nhị đực và nhị cái của các hoa đó.

2. Hãy chỉ ra từng bộ phận của nhị đực và nhị cái trong hình 41.

3. Sự thụ phấn ở thực vật là gì ? Kể tên một số cây thụ phấn nhờ gió, một số cây thụ phấn nhờ sâu bọ.

Bài 35

SỰ SINH SẢN Ở THỰC VẬT CÓ HOA (tiếp theo)

3. Quá trình tạo thành hạt

Quan sát một số quả bổ đôi, ta thấy bên trong có hạt. Ta hãy tìm hiểu xem những hạt đó được tạo thành như thế nào ?

Sau khi thụ phấn, hạt hút chất nhầy ở đầu nhị cái và mọc ra ống phấn (hình 45a).

Ống phấn dài ra đâm qua vòi nhị cái đến tiểu noãn (hình 45b). Khi đầu ống phấn gặp tiểu noãn thì tế bào sinh dục đực (tinh trùng) của đầu ống phấn sẽ kết hợp với tế bào sinh dục cái (trứng) của tiểu noãn tạo thành hợp tử. Hợp tử sẽ phát triển thành hạt.

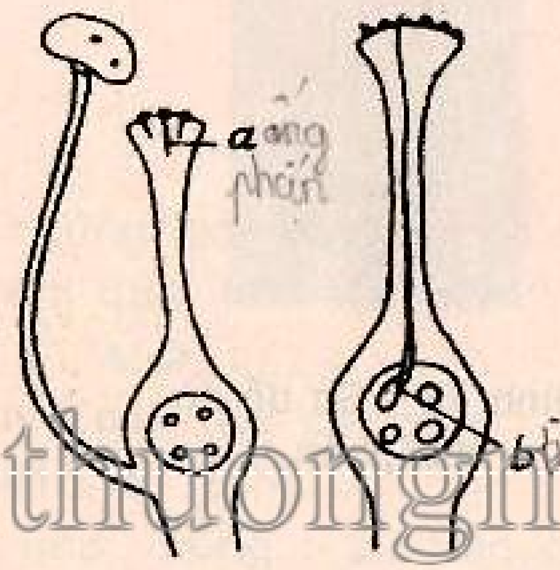

Hình 45 (a, b)
Sơ đồ quá trình tạo thành hạt.
a) Hạt phấn mọc ra ống phấn ;
b) Ống phấn gặp tiểu noãn.

4. Sự tạo quả

Khi hạt phát triển thì hoa tàn (hình 46), để lại hạt nằm trong bầu nhị cái. Bầu nhị cái phát triển dần thành quả (hình 47).

Sau khi thụ phấn, ống phấn sẽ mọc ra từ hạt phấn đâm qua vòi nhị cái đến tiểu noãn. Ở đó, tinh trùng kết hợp với trứng để tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành hạt. Bầu nhị cái cũng phát triển thành quả để bảo vệ hạt.

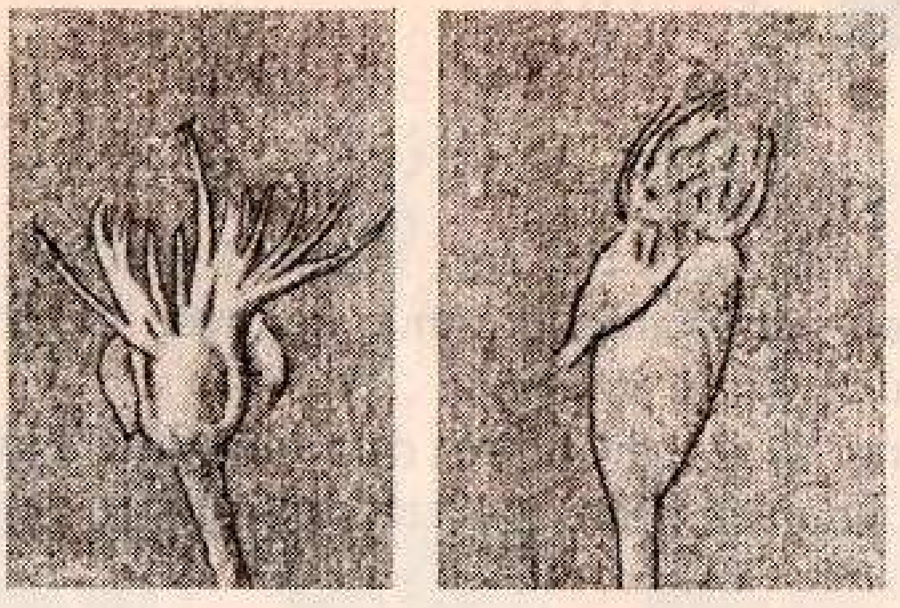

Hình 46 - Hoa tàn.

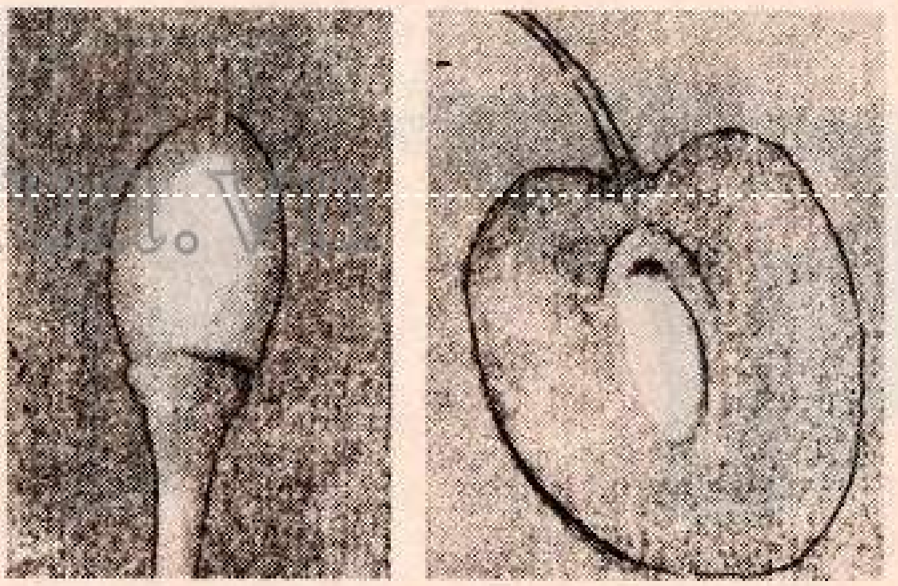

Hình 47 - Bầu phát triển thành quả.

Câu hỏi

1. Nêu quá trình tạo thành hạt.

2. Kể tên các bộ phận của hạt. Phần nào của hạt sẽ phát triển thành cây con ?

3. Bộ phận nào của nhị cái sẽ tạo thành quả ? Quả có nhiệm vụ gì ?

Bài 36 THỰC HÀNH : TRỒNG CÂY BẰNG HẠT (cây đậu)

Gieo hạt đậu (hoặc hạt ngô, mướp...) vào chỗ đất ẩm ướt, sau đó, quan sát và theo dõi thường xuyên ta sẽ nhận thấy :

- Hạt phình lên vì hút nước ;
- Vỏ hạt nứt để rễ mầm nhú ra cắm xuống đất (hình 48a) ;
- Xung quanh rễ mầm mọc ra nhiều rễ con (hình 48b).

a) b)

Hình 48 (a, b) - Sự phát triển của rễ mầm.

thuongmaitr

- Sau vài ngày, rễ mầm mọc dài hơn nữa. Thân mầm lớn lên, dài ra và chui lên khỏi mặt đất mang theo hạt (hình 49a).
- Hai mảnh hạt xòe ra, hai lá của cây nở ra, lớn dần. Thân cây dài thêm (hình 49b).
- Dần dần hai mầm hạt nhỏ và teo đi rồi rụng xuống.
- Cây bắt đầu đâm chồi, rễ mọc nhiều thêm (hình 49c).

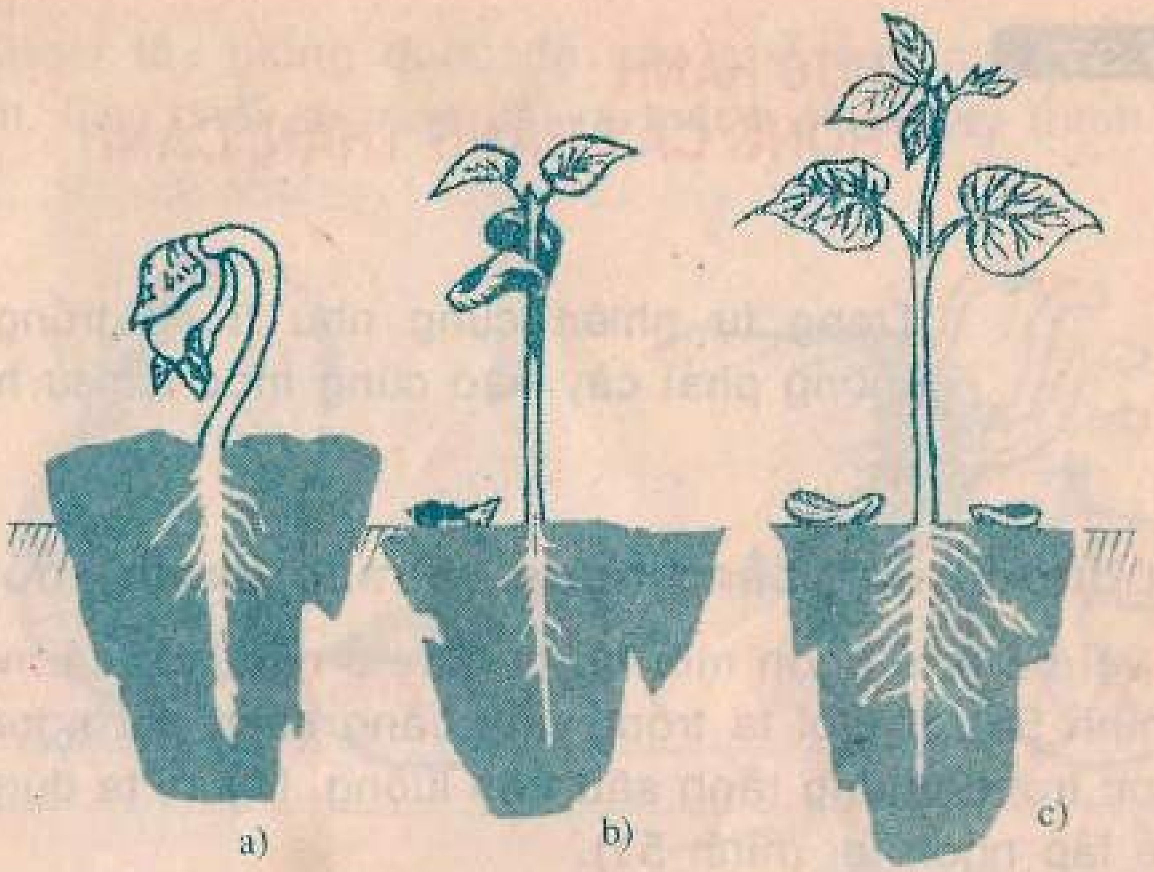

Hình 49 (a, b, c) -
a, b) Sự phát triển của thân mầm ;
c) Sự phát triển của cây đậu.

ruongxua.vn

Hạt nảy mầm khi có đủ độ ẩm và nhiệt độ thích hợp. Hạt phình lên, vỏ nứt ra, rễ mầm nhú ra cắm xuống đất, thân mầm dài ra, nhô lên khỏi mặt đất và lớn dần thành cây con.

Bài tập *Gieo vài hạt đậu hoặc ngô, mướp..., theo dõi từ lúc hạt nảy mầm cho đến khi mọc thành cây con. Nếu có điều kiện, tiếp tục chăm sóc cây cho tới khi cây ra hoa, kết quả.*

Bài 37

THỰC HÀNH : TRỒNG CÂY BẰNG THÂN, CÀNH

Trong tự nhiên cũng như trong trồng trọt, không phải cây nào cũng mọc lên từ hạt.

1. Mía được trồng bằng ngọn và mọc thành khóm

Lật vài bẹ lá ở ngọn mía ra, ta thấy ở mỗi mắt có một cái chồi (hình 50). Người ta trồng mía bằng cách đặt ngọn mía nằm dọc trong những rãnh sâu trên luống. Người ta dùng tro, trấu để lấp ngọn lại (hình 51).

Các chồi nảy mầm, đâm lên khỏi mặt đất thành những khóm mía (hình 52).

thuongmaitr

Hình 50

Hình 51

Hình 52

2. Khoai tây được trồng bằng củ

Trên củ khoai tây có nhiều chỗ lõm vào. Mỗi chỗ lõm đó có một chồi (hình 53).

Khoai tây giống được để vào chỗ ẩm, mát cho dễ nảy mầm. Các chồi sẽ mọc dài ra thành mầm cây (hình 54).

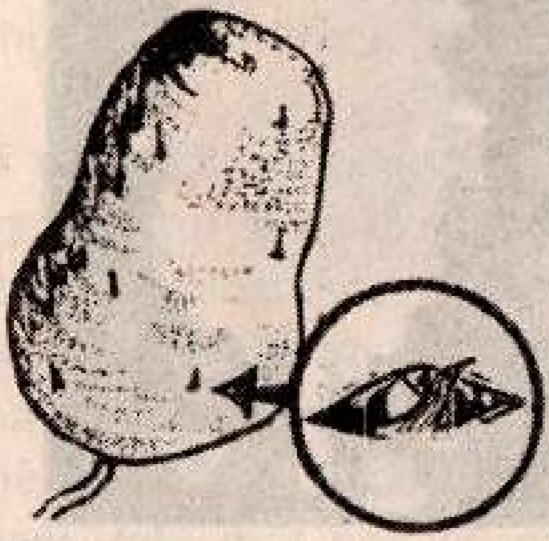

Hình 53 - Chồi của khoai tây.

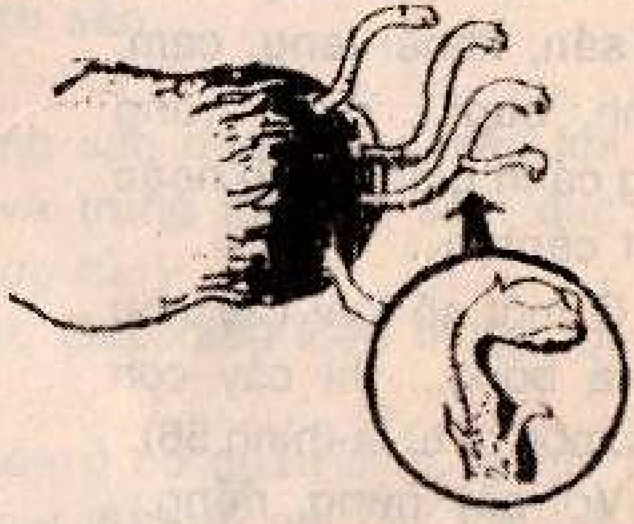

Hình 54 - Mầm của khoai tây.

Đặt củ khoai đã nảy mầm vào luống đất xốp có bón phân rồi lấp đất lại. Sau đó, mầm sẽ dài ra và chui lên khỏi mặt đất ; hai, ba tháng sau, cây có củ (hình 55).

truongxua.vn

Củ khoai tây chính là những cành mọc dưới đất phình to ra và chứa nhiều tinh bột.

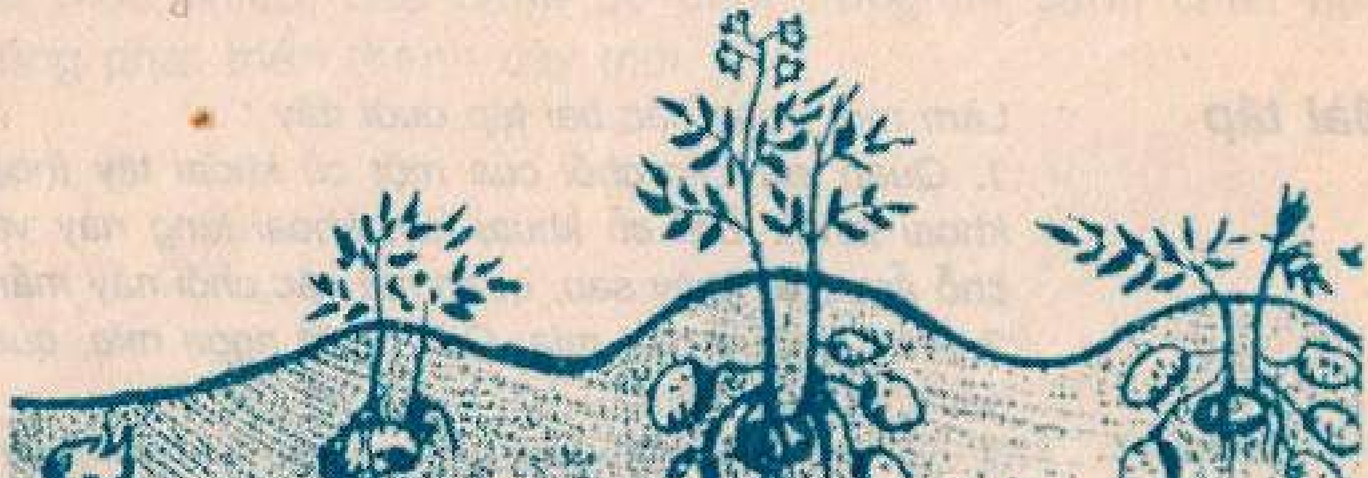

Hình 55 - Sự phát triển của cây khoai tây.

3. Một số cây được trồng bằng cách giâm cành hoặc chiết cành.

- Nhiều loài cây khác như sắn, khoai lang, cam, chanh, bưởi... được trồng bằng cách giâm cành hoặc chiết cành.

- Ở một số loài cây như cây lá bỏng... thì cây con được mọc ra từ lá (hình 56).

- Với cây gừng, riềng... thì cây con được mọc ra từ thân rễ.

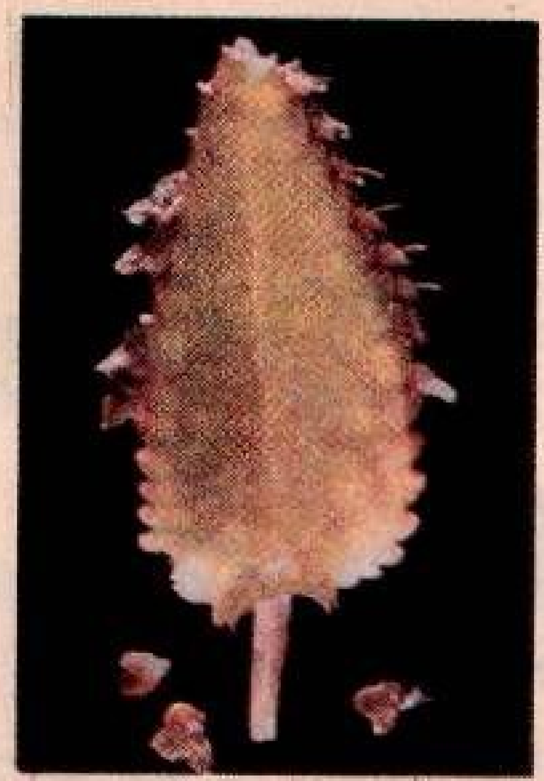

Hình 56 - Cây con được mọc ra từ lá bỏng.

thuongmaitr

Ở một số loài thực vật, từ thân, cành, lá, rễ của chúng đều có thể sinh ra cây mới.

Bài tập

Làm một trong các bài tập dưới đây :

1. Quan sát các chồi của một củ khoai tây (hoặc khoai lang). Đặt củ khoai tây, khoai lang này vào chỗ ẩm. Vài ngày sau, quan sát các chồi nảy mầm.

2. Xem chồi ở mắt mía. Giâm một ngọn mía, quan sát chồi nảy mầm.

3. Cắt vài ngọn dây khoai lang (hoặc vài hom sắn). Đặt dây khoai lang xuống đất sâu độ hai gang tay, cho ngọn lên khỏi mặt đất và lấp đất lại. Độ mươi ngày sau, nhổ lên xem các rễ mọc ra.

Bài 38

ÔN TẬP : SỰ SINH SẢN Ở THỰC VẬT

Thực vật có nhiều cách sinh sản.

1. Ở thực vật có hoa, việc sinh sản được thực hiện khi tinh trùng (tế bào sinh dục đực) và trứng (tế bào sinh dục cái) kết hợp với nhau tạo thành hợp tử.

Hợp tử phát triển thành hạt. Gặp điều kiện thuận lợi, hạt sẽ nảy mầm thành cây con.

Việc sinh sản được thực hiện ở cơ quan sinh sản là hoa. Có loài, trên một hoa có cả nhị đực và nhị cái. Lại có loài, hoa đực và hoa cái riêng biệt.

2. Ở một số thực vật, cây mới được sinh ra từ một bộ phận (như thân, cành, rễ hoặc lá) của cây cũ (cây mẹ).

Ví dụ :

ruongxua.vn

Nếu đem cắm xuống đất một cành từ cây mẹ của sắn, dâu tằm... thì cành đó sẽ bén rễ mọc thành cây con. Hoặc, có thể chiết cành theo cách : bóc một khoanh vỏ của một cành từ cây mẹ (cam, chanh, bưởi, quýt...) rồi uốn cong cành đó vùi vào đất (hay dùng đất bó quanh) cho rễ đâm ra, khi rễ đã mọc nhiều, cưa cành đó đem trồng thì cành chiết này cũng phát triển thành cây mới.

Câu hỏi và bài tập

1. Sưu tầm các loài hoa khác nhau ; chỉ ra nhị đực, nhị cái của những bông hoa đó.

2. Hãy kể tên một số cây có thể mọc từ cành, lá, rễ của cây mẹ.

Bài 40 SỰ SINH SẢN CỦA RUỒI

1. Ruồi đẻ trứng

Ruồi thường tìm nơi bẩn hay nơi có xác động vật để đẻ trứng.

2. Sự phát triển của trứng ruồi

- Trứng ruồi nở thành ròi. Vì vậy, ở những nơi bẩn có thể thấy nhung nhúc ngàn vạn con ròi có màu trắng.
- Ròi lớn dần và nở thành nhộng.
- Nhộng nở thành ruồi.

3. Sự phát triển của ruồi

Ruồi con rất chóng lớn, sau 13 ngày đã là ruồi trưởng thành và bắt đầu sinh sản. Ruồi trưởng thành sống từ 20 đến 30 ngày. Trong

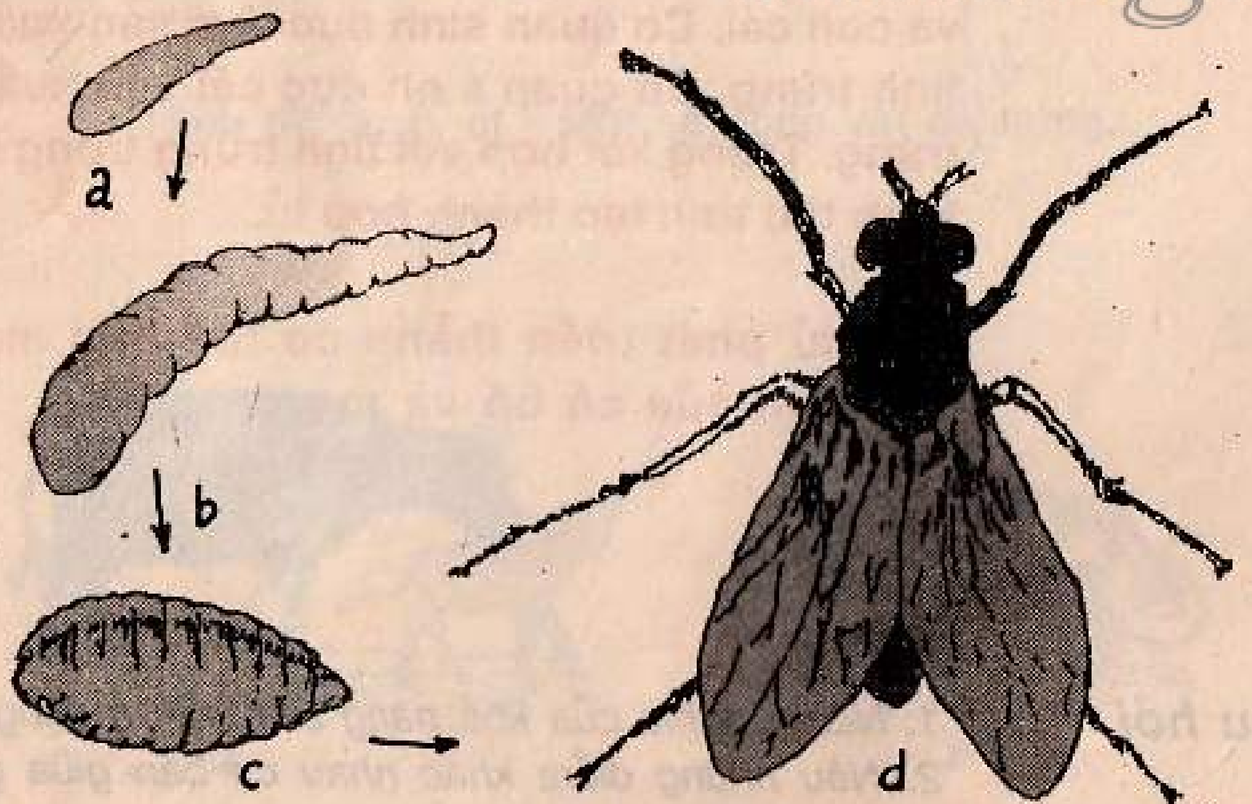

Hình 59 (a, b, c, d) - Vòng đời của ruồi.
a) Trứng ; b) Ròi ; c) Nhộng ; d) Ruồi.

thời gian đó nó đẻ liên tục 6-7 lần, mỗi lần khoảng 100 trứng. Theo cách đó thì, sau một vụ hè, một cặp vợ chồng ruồi đã có 1 triệu ruồi con, cháu, chắt, chút, chít...

Ruồi sinh sản nhiều vào mùa hè nóng bức. Trứng của nó cũng phát triển nhanh vào mùa hè. Mùa đông, nhộng ruồi nằm trong kén, chờ nở vào mùa hè sau.

Ruồi là loài côn trùng nguy hiểm, là vật trung gian truyền đi nhiều mầm bệnh đặc biệt là bệnh tả.

Cách diệt ruồi tốt nhất là giữ vệ sinh nơi ở, nơi chăn nuôi... để trứng ruồi không có điều kiện nở và dòi không phát triển được. Ngoài ra còn có những cách diệt ruồi khác như dùng vỉ đập ruồi, thuốc diệt ruồi...

ruongxua.vn

Ruồi đẻ ra trứng. Trứng nở thành dòi. Dòi nở thành nhộng. Nhộng nở thành ruồi. Về mùa hè, ruồi sinh nở rất nhanh.

Ruồi là vật trung gian truyền đi nhiều mầm bệnh nguy hiểm. Cần diệt trừ bằng nhiều cách, đặc biệt là phải giữ vệ sinh nhà ở, chuồng trại chăn nuôi...

Câu hỏi

1. Chỉ vào hình 59 và nói vòng đời của một con ruồi.

2. Tại sao ta phải tích cực diệt ruồi và giữ vệ sinh nơi ở ?

Bài 41 SỰ SINH SẢN CỦA ẾCH

1. Ếch đẻ trứng dưới nước

Sau cơn mưa lớn, ao hồ ngập nước. Nhìn kĩ dọc bờ ao, hồ, sẽ thấy những chùm trứng, nhỏ tròn, trắng nhờ, lềnh bềnh trên mặt nước. Đó là trứng ếch (hình 60a).

thuongmaitr

Hình 60 (a, b, c, d, e, g, h) - Vòng đời của ếch.
a) Trứng ếch ; b, c, d) Nòng nọc ; e) Nòng nọc đang mọc chân ; g, h) Nòng nọc biến thành ếch và nhảy lên bờ.

2. Trứng ếch nở ra nòng nọc

Nòng nọc được nở ra từ trứng ếch nhưng hình thù lại khác ếch. Đầu của nòng nọc tròn, đuôi dài và dẹp. Nòng nọc sống dưới nước và lớn dần.

3. Nòng nọc phát triển thành ếch

Khi nòng nọc lớn thì chân bắt đầu mọc và dài dần ra, đuôi cũng ngắn dần lại cho tới khi thành ếch con và nhảy lên bờ (hình 60 e, g, h).

Đầu mùa mưa, ếch trưởng thành xuống ao, hồ để đẻ trứng.

ruongxua.vn

Ếch đẻ trứng dưới nước. Trứng ếch nở thành nòng nọc. Nòng nọc phát triển thành ếch. Vào đầu mùa mưa, ếch trưởng thành lại xuống ao để đẻ trứng.

Câu hỏi

1. Ta có thể nhìn thấy trứng ếch ở đâu ? Nó có đặc điểm gì ?
2. Nhìn vào hình 60 và tả hình dáng con nòng nọc.
3. Khi nào nòng nọc trở thành ếch ? Ếch trưởng thành sống ở đâu ? Nó đẻ trứng ở đâu ?

Bài 42

SỰ SINH SẢN VÀ NUÔI CON CỦA CHIM

Trong tự nhiên, chim sống theo đàn hay theo đôi. Chúng thường tha cỏ, rễ cây... về làm tổ.

1. Chim đẻ trứng và ấp trứng

Chim mái đẻ trứng trong tổ và ấp trứng. Chim trống đôi khi ấp thay cho chim mái.

2. Trứng nở thành chim con

Sau một thời gian, trứng nở thành chim con. Chim con mổ vỏ trứng thoát ra ngoài.

Quá trình

thuongmaitr

3. Sự nuôi con của chim

Chim con mới nở còn yếu ớt, chưa đủ lông, đủ cánh. Chim bố và chim mẹ tha mồi về mớm cho chúng. Chúng lớn dần. Khi đã mọc đủ lông, đủ cánh, chúng sẽ tập bay để tự tìm kiếm thức ăn, sống cuộc đời mới độc lập với bố mẹ.

Chim thường biết làm tổ. Chim mái đẻ trứng vào tổ và ấp trứng. Sau một thời gian, trứng nở thành chim con. Chim con được bố mẹ nuôi cho đến khi đủ lông, cánh thì có thể tự kiếm ăn.

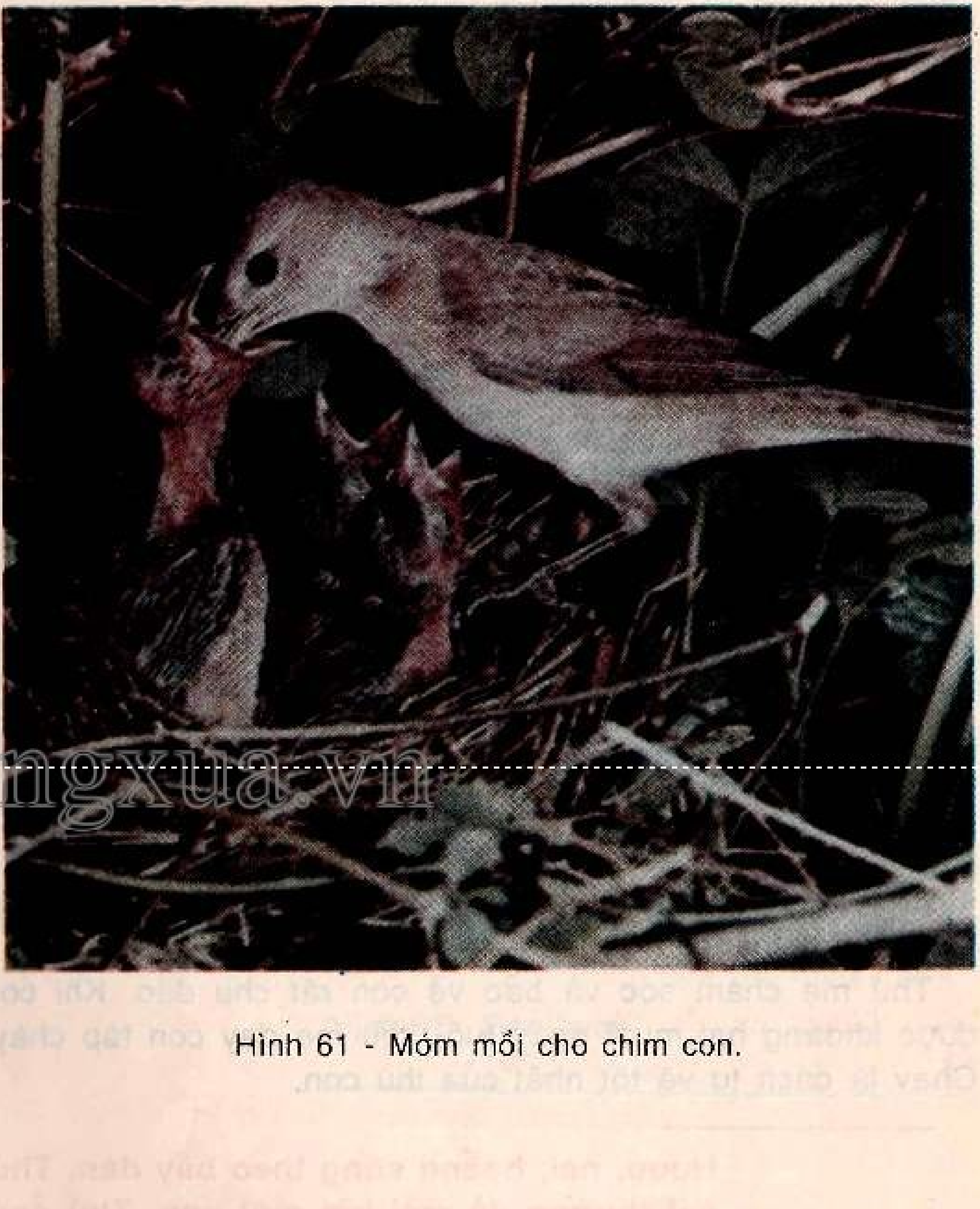

Hình 61 - Mớm mồi cho chim con.

Câu hỏi

1. Chim thường làm tổ bằng gì và ở đâu ?

2. Khi nào chim con có thể tự kiếm ăn ?

Bài 43

SỰ SINH SẢN VÀ NUÔI CON CỦA HƯƠU, NAI, HOẴNG

Hươu, nai, hoẵng là những loài thú ăn cỏ, ăn lá cây. Chúng sống thành bầy đàn.

1. Hươu, nai, hoẵng là những loài thú đẻ con

Sắp đến ngày sinh, thú cái thường bỏ đàn, đi tìm khoảng rừng trống vắng để đẻ. Mỗi lứa nó đẻ một con.

2. Nuôi con

Thú con mới đẻ chỉ sau vài chục phút (hoặc một giờ) đã có thể đi lại. Mặc dù bước đi chập chững, nó vẫn biết dò tìm vú mẹ. Sữa mẹ là loại thức ăn giàu dinh dưỡng cho thú non phát triển.

Sau một tháng tuổi, ngoài sữa mẹ, thú non có thể ăn thêm cỏ non và lá non. Thời gian bú sữa mẹ của thú non có thể từ 3 đến 4 tháng.

Thú mẹ chăm sóc và bảo vệ con rất chu đáo. Khi con được khoảng hai mươi ngày tuổi, thú mẹ dạy con tập chạy. Chạy là cách tự vệ tốt nhất của thú con.

Hươu, nai, hoẵng sống theo bầy đàn. Thú cái thường đẻ mỗi lứa một con. Thú con vừa sinh ra đã biết đi và biết bú mẹ. Sữa mẹ giàu dinh dưỡng là thức ăn tốt để thú con lớn nhanh và khỏe mạnh. Thú mẹ chăm sóc và bảo vệ con rất chu đáo. Chúng dạy con tập chạy để trốn kẻ thù.

thuongmaitr

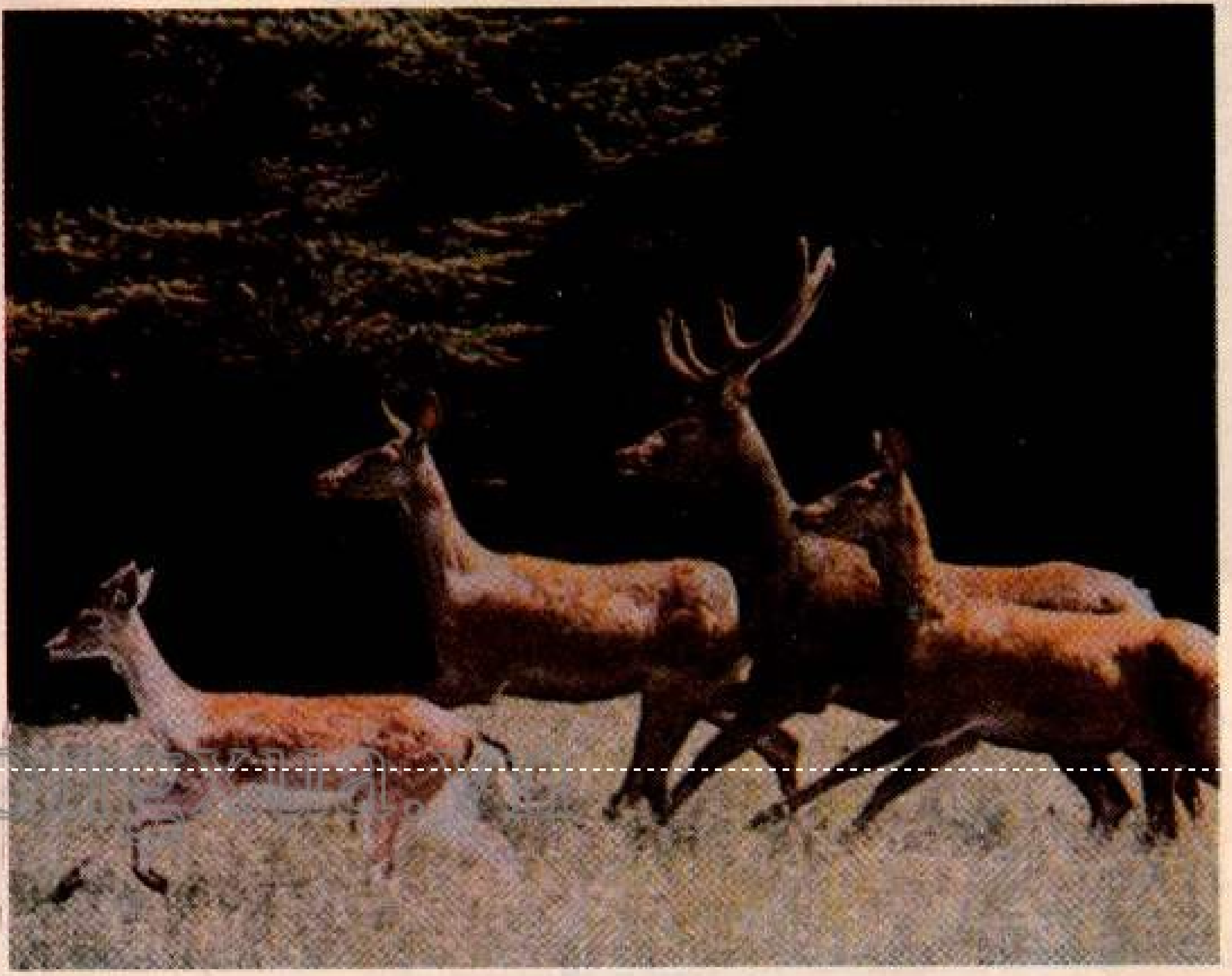

Hình 62 - Đàn hươu.

Câu hỏi

1. Hươu, nai, hoẵng là những loài thú ăn cỏ sống riêng lẻ hay sống theo bầy đàn ? Con cái thường đẻ ở đâu ?

2. Thú non mới sinh ra đã có những khả năng gì ?

3. Thú mẹ bảo vệ và dạy con tự vệ như thế nào ?

Bài 44 SỰ SINH SẢN VÀ NUÔI CON CỦA HỔ

Hổ là loài thú ăn thịt, sống đơn độc, chỉ sống đôi vào mùa sinh sản, đó là mùa xuân và mùa hè.

1. Hổ là loài thú đẻ con

Hổ cái mang thai khoảng ba tháng rưỡi, mỗi lứa đẻ từ 2 đến 4 con.

thuongmaitr

2. Nuôi con

Hổ con lúc mới sinh, chỉ bằng con mèo và rất yếu ớt. Vì vậy, hổ mẹ phải tìm nơi kín đáo để đẻ và suốt tuần đầu nó phải ấp ủ, bảo vệ đàn con. Chỉ khi quá đói, nó mới rời con đi kiếm mồi.

Hổ con bú sữa mẹ và lớn rất nhanh. Khi đã được hai tháng tuổi, hổ mẹ sẽ dạy nó cách săn mồi. Lúc đầu, theo dấu hiệu của mẹ, hổ con nằm phục xuống đất, cách con mồi một khoảng nhất định để quan sát hổ mẹ săn mồi thế nào. Sau đó, nó cùng mẹ săn mồi và cuối cùng, nó tự mình săn mồi dưới sự theo dõi của mẹ.

Hổ con sống với mẹ từ một năm rưỡi đến hai năm. Sau đó, nó sống độc lập. Đến ba, bốn năm tuổi, nó đã là hổ trưởng thành và có thể sinh sản. Hổ có thể sống tới 35 năm.

Hình 63 - Hổ săn mồi.

truongxua.vn

Hổ là loài thú sống đơn độc, chỉ sống đôi vào mùa sinh sản. Hổ đẻ mỗi lứa từ 2 đến 4 con. Hổ con lúc mới sinh rất yếu ớt nên hổ mẹ phải ấp ủ, bảo vệ chúng suốt tuần đầu. Khi hổ con được hai tháng tuổi, hổ mẹ dạy chúng săn mồi. Từ một năm rưỡi đến hai năm tuổi hổ con có thể sống độc lập.

Câu hỏi

1. Hổ thường sinh sản vào mùa nào ?

2. Vì sao hổ mẹ không rời con suốt tuần đầu sau khi sinh ?

3. Khi nào hổ mẹ dạy con săn mồi ? Khi nào hổ con có thể sống độc lập ?

Bài 45 SỰ SINH SẢN VÀ NUÔI CON CỦA KHỈ

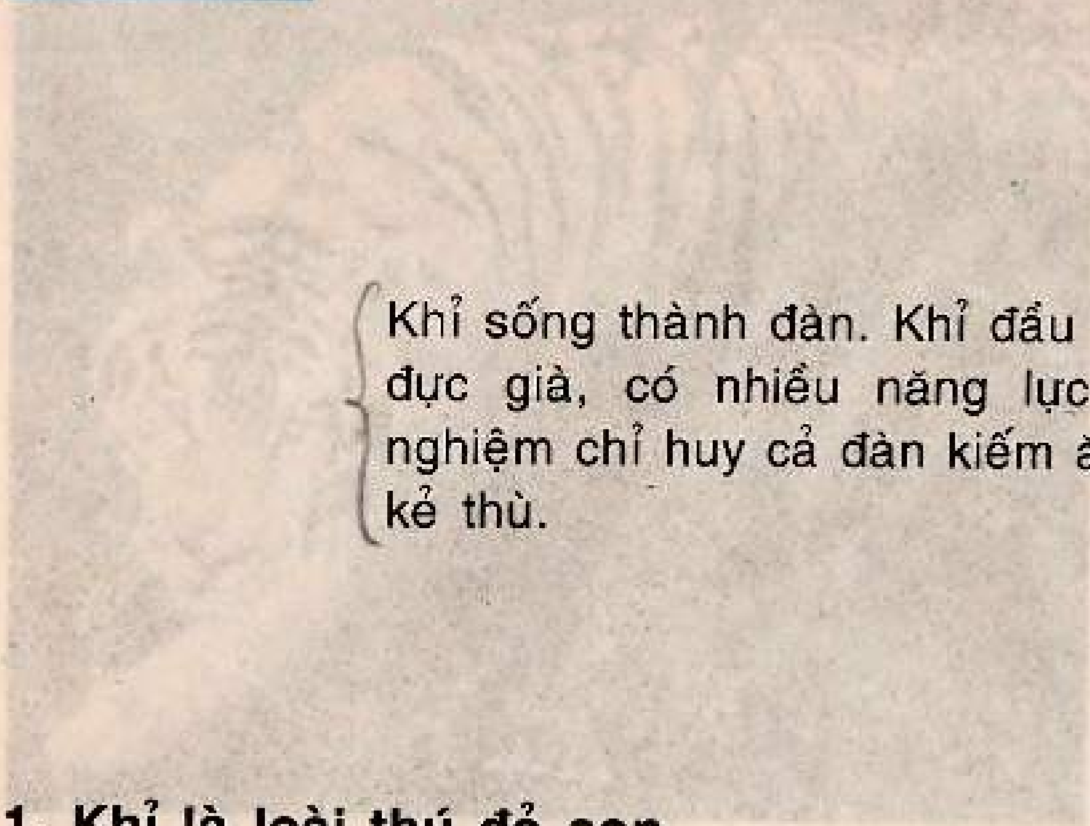

Khỉ sống thành đàn. Khỉ đầu đàn là một khỉ đực già, có nhiều năng lực và giàu kinh nghiệm chỉ huy cả đàn kiếm ăn và chống lại kẻ thù.

1. Khỉ là loài thú đẻ con

Khỉ cái mang thai khoảng 9 tháng, mỗi lần đẻ một con nặng từ 250g đến 400g. Khỉ sơ sinh có bộ lông thưa, ngắn và nhạt màu hơn so với khỉ mẹ.

thuongmaitr

2. Nuôi con

Vừa ra đời, khỉ đã biết bú mẹ và bú suốt nửa tháng đầu. Sau đó, nó có thể rời mẹ để leo trèo, nhảy nhót, đùa nghịch. Khi cảm thấy có điều nguy hiểm, nó chạy về với mẹ, bám chặt mẹ. Sau 6 tuần, khỉ con có thể ăn được những thức ăn đặc và cứng. Sau 5, 6 tháng tuổi, nó được cai sữa và có thể tự tìm lấy quả non để ăn. Sau khi con cai sữa một tuần, nó rời hẳn khỏi khỉ mẹ và kiếm ăn độc lập cùng với bầy đàn. Khỉ có thể sống tới 21 năm.

Khỉ mẹ có đôi bàn tay khéo léo, có thể bắt chấy, rận cho con. Khi nuôi con, nếu khỉ con chết, khỉ mẹ không chịu rời con, nó bỏ ăn, buồn bã mấy ngày liền.

Khỉ sống theo đàn, khỉ cái mỗi lần đẻ một con. Khỉ mẹ nuôi và chăm sóc con rất chu đáo. Sau 5, 6 tháng tuổi, khỉ con được cai sữa và biết tự tìm kiếm hoa quả. Sau một năm tuổi, khỉ con có thể sống tự lập.

Câu hỏi

1. Khỉ con mới sinh có đặc điểm gì ?
2. Khi nào khỉ con biết leo trèo ? Khi nào nó được cai sữa ? Khi nào nó có thể sống tự lập ?
3. Khỉ mẹ nuôi nấng chăm sóc khỉ con như thế nào ?

Bài 46

ÔN TẬP : SỰ SINH SẢN CỦA ĐỘNG VẬT

ruongxua.vn

1. Sinh sản là đặc tính chung của động vật để bảo tồn và duy trì nòi giống.
2. Đa số động vật có con đực và con cái phân biệt. Tinh trùng của con đực kết hợp với trứng của con cái (sự thụ tinh) tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành con, mang những đặc tính của cả bố và mẹ.
3. Động vật chia thành hai nhóm : nhóm đẻ trứng và nhóm đẻ con.
4. Đa số động vật đẻ trứng không biết ấp trứng và nuôi con, trừ một số loài (như chim).
5. Hầu hết động vật có vú đẻ con và nuôi con bằng sữa ở giai đoạn sơ sinh. Chúng biết nuôi con, biết dạy con cách kiếm ăn, cách tự vệ.

Bài 47, 48 ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

1. Em hãy đọc kĩ câu hỏi và các câu trả lời cho sẵn để chọn ra một câu trả lời đúng.

Hiện tượng đầu nhị cái nhận được những hạt phấn của nhị đực gọi là gì ?

a) Sự nảy mầm c) Sự kết hợp
b) Sự thụ phấn d) Sự sinh sản

2. Trong những trường hợp dưới đây, trường hợp nào miêu tả quá trình tạo thành hạt ?

a) Đầu nhị cái nhận được các hạt phấn.
b) Ong bướm bay từ hoa đực sang hoa cái.
c) Ống phấn được mọc ra từ hạt phấn và đâm qua vòi nhị cái.
d) Sau khi thụ phấn, hạt phấn mọc ra ống phấn. Ống phấn phát triển dài ra gặp tiểu noãn. Khi đó tinh trùng của đầu ống phấn sẽ kết hợp với trứng của tiểu noãn tạo thành hợp tử. Hợp tử sẽ phát triển thành hạt.

3. Trong số các bộ phận của hoa cái : đầu, vòi, bầu và các tiểu noãn, bộ phận nào sau này sẽ phát triển thành quả ?

4. Trong những trường hợp dưới đây, trường hợp nào chỉ thời điểm xảy ra quá trình thụ tinh ở động vật ?

a) Khi con đực và con cái gặp nhau.
b) Khi cơ quan sinh dục đực tạo ra tinh trùng.
c) Khi cơ quan sinh dục cái tạo ra trứng
d) Khi tinh trùng kết hợp với trứng tạo ra hợp tử.

5. Hãy điền vào chỗ trống những từ thích hợp để hoàn thành sơ đồ "vòng đời của ruồi" dưới đây :

... → ... → ... → Ruồi

6. Hãy điền vào chỗ trống những từ thích hợp để hoàn thành sơ đồ "vòng đời của ếch" dưới đây :

Trứng → .... → ....

7. Hãy kể tên một số động vật đẻ con và nói lên những nét chính về cách nuôi và dạy con của chúng.

ruongxua.vn

SỰ SINH SẢN VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CƠ THỂ NGƯỜI

Bài 49, 50 SỰ SINH SẢN Ở NGƯỜI

Giống như động vật, nhờ có đặc tính sinh sản mà loài người đã bảo tồn được nòi giống.

Loài người có hai giới : giới nam và giới nữ. Ngoài những đặc điểm chung, giữa nam và nữ có sự khác biệt, trong đó có sự khác biệt về cấu tạo và chức phận của cơ quan sinh sản.

Hình 64 - Học sinh nam và học sinh nữ.

Hình 65 - Các nam, nữ thanh niên (dân tộc Ba-na).

Đến tuổi trưởng thành các cơ quan sinh sản mới phát triển. Cơ quan sinh dục nam tạo ra tinh trùng. Cơ quan sinh dục nữ tạo ra trứng.

truongxua.vn

Trong quá trình thụ tinh, thường chỉ có một trong số rất nhiều tinh trùng của người bố kết hợp với một tế bào trứng của người mẹ tạo thành hợp tử. Hợp tử phát triển thành phôi rồi thành bào thai.

Suốt thời gian nằm trong bụng mẹ, bào thai được sưởi ấm bởi nhiệt độ của người mẹ. Khi sinh ra, đứa trẻ mang những đặc tính của cả bố lẫn mẹ.

Sức khỏe của bố và đặc biệt là sức khỏe của mẹ trong thời kì mang thai có ảnh hưởng quyết định đến sức khỏe của trẻ sơ sinh.

Hình 66 - Tinh trùng (phóng to)

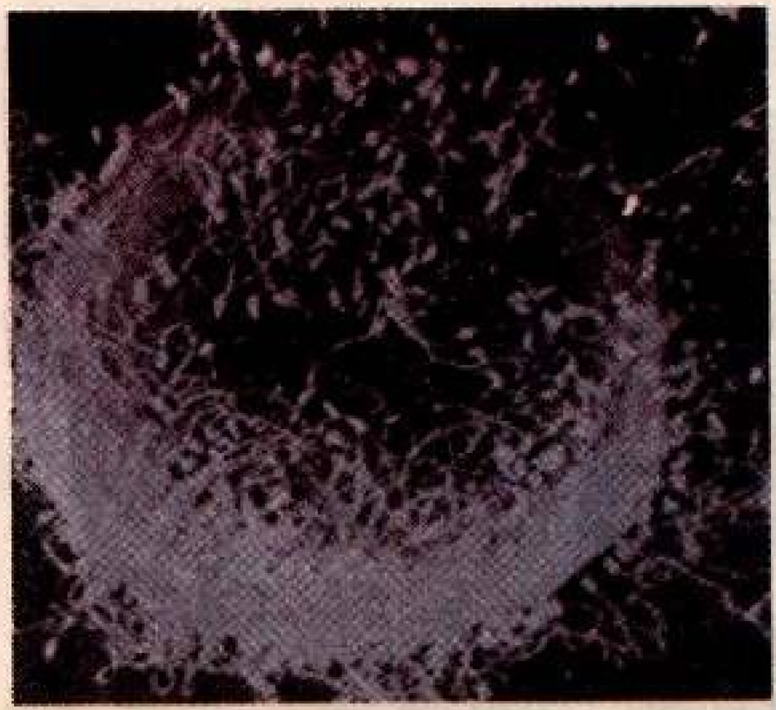

Hình 67 - Trứng và các tinh trùng (phóng to).

Hình 68 - Bào thai được 6 tuần.

Nếu người bố mắc một số bệnh như lậu, giang mai, AIDS... thì những bệnh đó sẽ truyền cho người mẹ (và ngược lại).

Mẹ mắc bệnh lại truyền cho con khi còn là bào thai hay ngay lúc mới sinh ra.

Muốn bảo vệ nòi giống, muốn trẻ sơ sinh khỏe mạnh, các bậc cha mẹ cần phòng tránh để không bị lây nhiễm những căn bệnh kể trên.

Khác với loài vật, loài người sống thành xã hội và đạt tới trình độ văn minh cao, nên có khả năng làm chủ sự sinh sản của mình. Trẻ em sinh ra được bố mẹ, gia đình và xã hội nuôi nấng, chăm sóc, dạy dỗ cho đến khi trưởng thành.

Loài người phải sinh sản để bảo tồn nòi giống.

Con mang những đặc điểm của cả bố lẫn mẹ. Sức khỏe của bố, sức khỏe của mẹ trong thời kì có thai sẽ ảnh hưởng quyết định đến sức khỏe của trẻ sơ sinh.

Khác loài vật, con người có khả năng làm chủ sự sinh sản của mình.

Trẻ sinh ra được bố mẹ, gia đình và xã hội nuôi nấng, dạy dỗ cho đến khi trưởng thành.

Câu hỏi

1. Loài người có khả năng gì để duy trì và bảo tồn nòi giống ?

2. Sức khỏe của bố, mẹ phải thế nào để con sinh ra được khỏe mạnh ?

3. Khả năng sinh sản và việc nuôi dạy con của loài người khác loài vật ở điểm nào ?

truongxua.vn

Bài 51

VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ THỂ TRẺ MỚI SINH

1. Hệ hô hấp và tuần hoàn bắt đầu hoạt động độc lập

Khi còn trong bụng mẹ, trẻ sống nhờ vào *sự nuôi dưỡng* của mẹ. Tách khỏi cơ thể mẹ, trẻ cất tiếng khóc chào đời. Tiếng khóc giúp tăng cường cử động hô hấp, làm các phế nang nở rộng để không khí tràn vào và khí các-bô-níc thoát ra ngoài. Đồng thời với hô hấp, hệ tuần hoàn cũng bắt đầu hoạt động độc lập. Nếu đứa trẻ không khóc được thì có nghĩa là nó đã bị ngạt, cần phải làm những động tác cấp cứu (hô

hấp nhân tạo, xoa bóp tim nhẹ nhàng...). Đặc biệt phải giữ cho trẻ đủ ấm.

Quan sát đứa trẻ, nếu thấy da nó hồng hào thì có thể biết là phổi và tim của nó làm việc tốt. Tim của trẻ sơ sinh đập đều từ 120 đến 150 lần trong một phút. Nhịp thở liên tiếp nhau khoảng 50 lần trong một phút.

2. Cân nặng, chiều cao, vòng đầu

Theo số liệu thống kê, tính trung bình ở trẻ sơ sinh, bé trai nặng từ 2kg8 đến 3kg8, cao từ 48cm đến 52cm ; bé gái nặng từ 2kg7 đến 3kg6, cao từ 47cm đến 51cm. Vòng đầu (ở cả bé trai, bé gái) từ 33cm đến 35cm.

Đối với trẻ sơ sinh Việt Nam, các chỉ số trên có thể thấp hơn.

Khi còn trong bụng mẹ, trẻ sống nhờ vào sự nuôi dưỡng của mẹ. Khi mới lọt lòng, trẻ cất tiếng khóc chào đời, chứng tỏ bộ máy hô hấp và tuần hoàn của nó đã bắt đầu hoạt động độc lập.
Theo dõi nhịp tim, nhịp thở, cân nặng, chiều cao... của trẻ sơ sinh sẽ biết được tình trạng sức khỏe của trẻ.

thuongmaitr

Câu hỏi

1. Tiếng khóc chào đời của trẻ sơ sinh thể hiện điều gì ?
2. Nêu vài số đo trung bình về cân nặng, chiều cao của trẻ sơ sinh.
3. Tại sao phải theo dõi nhịp tim, nhịp thở, cân nặng và chiều cao của trẻ sơ sinh ?

Bài 52

SỰ LỚN LÊN VỀ CHIỀU CAO CỦA CƠ THỂ NGƯỜI

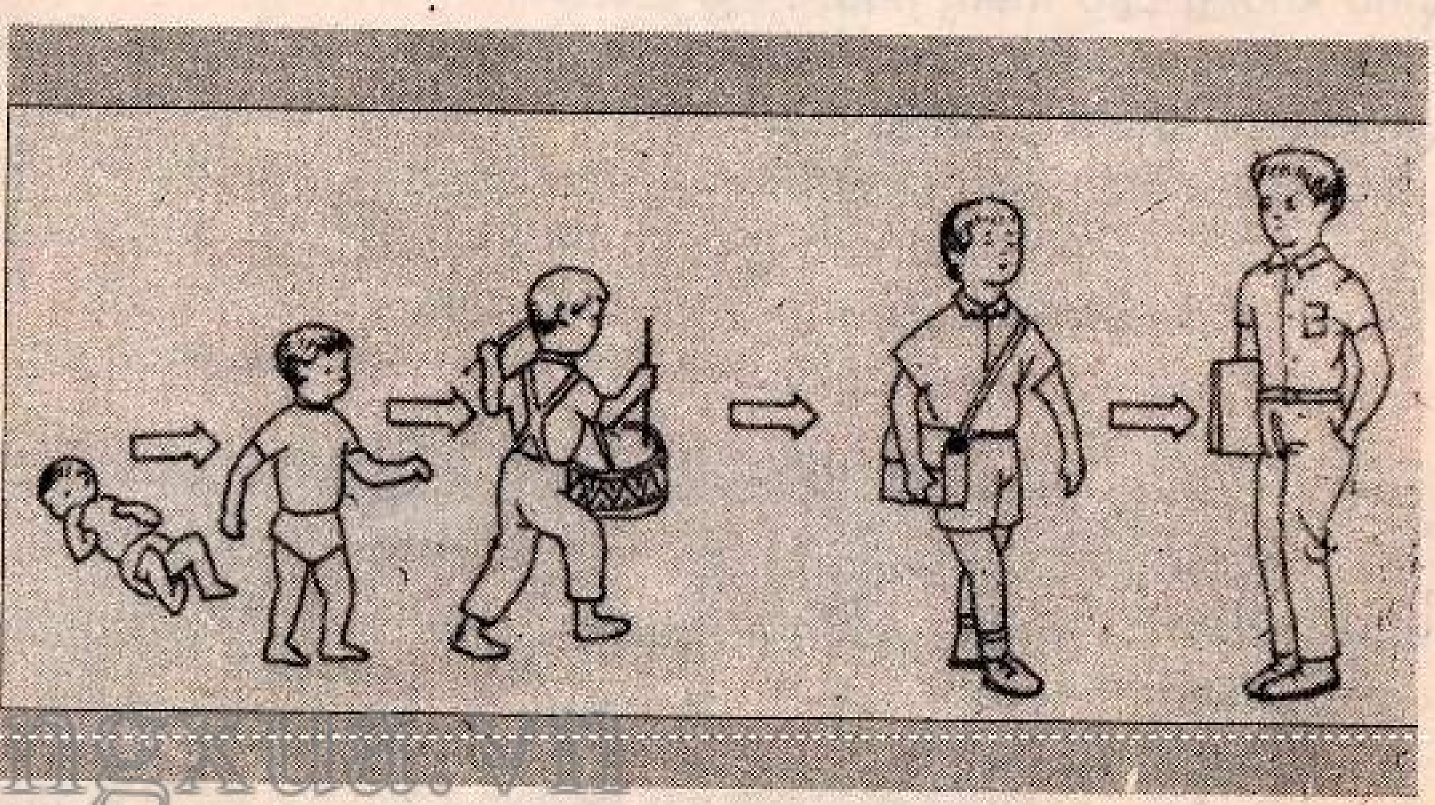

Hình 69 - Sự thay đổi về chiều cao và khả năng hoạt động của trẻ mới sinh đến tuổi đi học.

Từ lúc mới sinh đến lúc trưởng thành, các cơ quan trong cơ thể người về kích thước và khả năng hoạt động luôn có những thay đổi và phát triển. Riêng chiều cao phát triển nhanh theo 3 giai đoạn sau :

Giai đoạn đầu (từ khi lọt lòng đến 3 tuổi) : chiều cao tăng lên rất nhanh.

Giai đoạn thứ hai (từ 3 đến 10 tuổi ở con gái và đến 12 tuổi ở con trai) : chiều cao vẫn tiếp tục tăng nhanh nhưng không tăng nhanh bằng giai đoạn đầu.

Giai đoạn thứ ba (từ 11 đến 15 tuổi ở con gái và từ 13 đến 17 tuổi ở con trai) : chiều cao tiếp tục tăng rất nhanh. Ở giai đoạn này, cơ thể người còn có nhiều biến đổi quan trọng để chuyển dần từ trẻ em thành người lớn.

Ở tuổi trưởng thành (khoảng trên 20 tuổi) con người gần như không cao thêm nữa.

Vì vậy, nếu được nuôi dưỡng tốt thì cơ thể trẻ em sẽ phát triển bình thường, khỏe mạnh.

Từ lúc lọt lòng đến lúc trưởng thành, các cơ quan trong cơ thể người có nhiều biến đổi, đặc biệt về chiều cao. Ở tuổi trưởng thành, con người hầu như không cao thêm nữa.

Câu hỏi và bài tập

1. Nêu các giai đoạn phát triển chiều cao của cơ thể người.

2. Đến độ tuổi nào con người không cao lên được nữa ? Hiểu biết này sẽ giúp ích gì cho các em trong sinh hoạt, rèn luyện thân thể.

3. Tự theo dõi cân nặng và chiều cao của em.

thuongmaitr

Bài 53, 54 ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA : SỰ SINH SẢN Ở NGƯỜI

1. Trong số những dấu hiệu dưới đây, dấu hiệu nào là cơ bản nhất để phân biệt giữa nam giới và nữ giới ?

a) Cách để tóc

b) Cấu tạo của cơ quan sinh dục

c) Cách ăn mặc

d) Giọng nói, cử chỉ, điệu bộ

2. Hãy chọn những từ phù hợp để điền vào chỗ trống cho đúng ý nghĩa của các câu sau :

a) Trứng đã kết hợp với tinh trùng được gọi là

b) Hợp tử phát triển thành

c) Phôi phát triển thành

3. Trong số các bệnh : AIDS, lậu, cúm, lao, giang mai, bệnh nào bị lây qua đường sinh sản ?

4. Để biết tình trạng sức khỏe của trẻ sơ sinh, người ta thường phải theo dõi và quan sát những dấu hiệu nào ?

5. Hãy dùng số thứ tự 1, 2, 3 để xếp lại vị trí của 3 hình sau cho đúng với quá trình sinh sản của người.

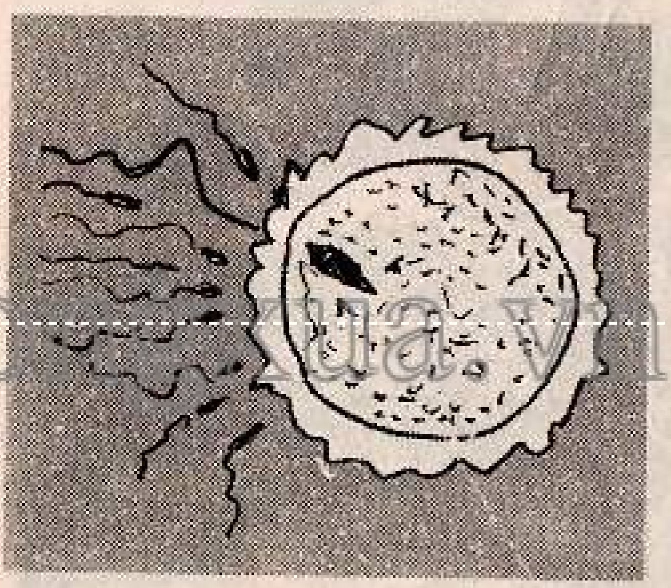

a) Sự thụ tinh ;

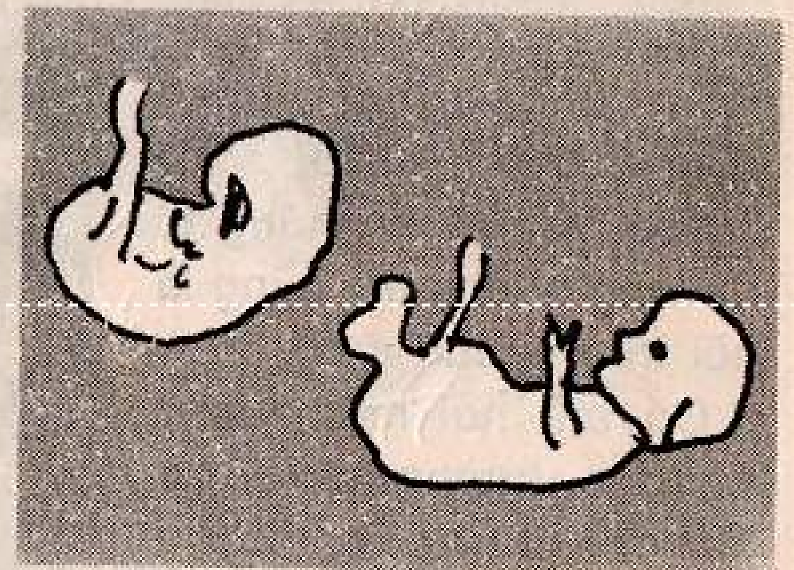

b) Sự phát triển của phôi ;

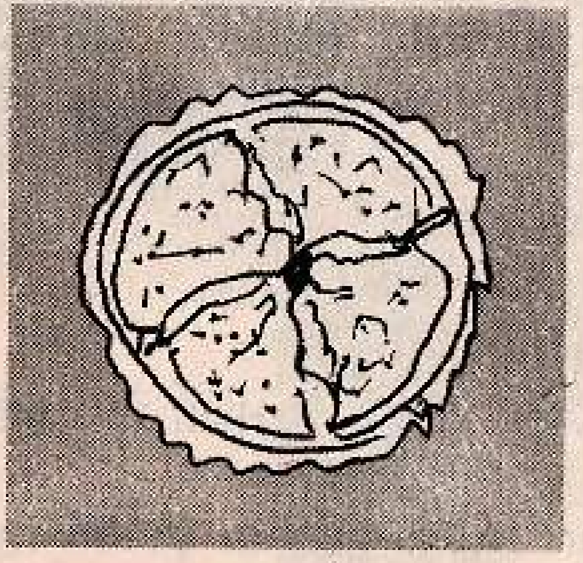

c) Hợp tử.

Hình 70 (a, b, c)

CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG

Bài 55 MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN

1. Môi trường

Em sống ở gần một khu rừng, bên một dòng sông hay ở vùng ven biển, ở phố xá hay làng quê... Dù sống ở đâu thì tất cả những gì có xung quanh em cũng là môi trường của em.

Có thể nói môi trường là nhà ở, trường học, làng, xóm của em... Cũng có thể nói, môi trường là tất cả những gì trên Trái Đất này : biển cả, sông ngòi, hồ ao, đất đai, sinh vật... khí quyển, Mặt Trời...

Hình 71 - Môi trường rừng.

Như vậy, môi trường bao gồm những thành phần tự nhiên như địa hình, khí hậu, thực vật, động vật, con người... và những thành phần do con người làm ra (nhân tạo) như làng mạc, thành phố, công trường, nhà máy...

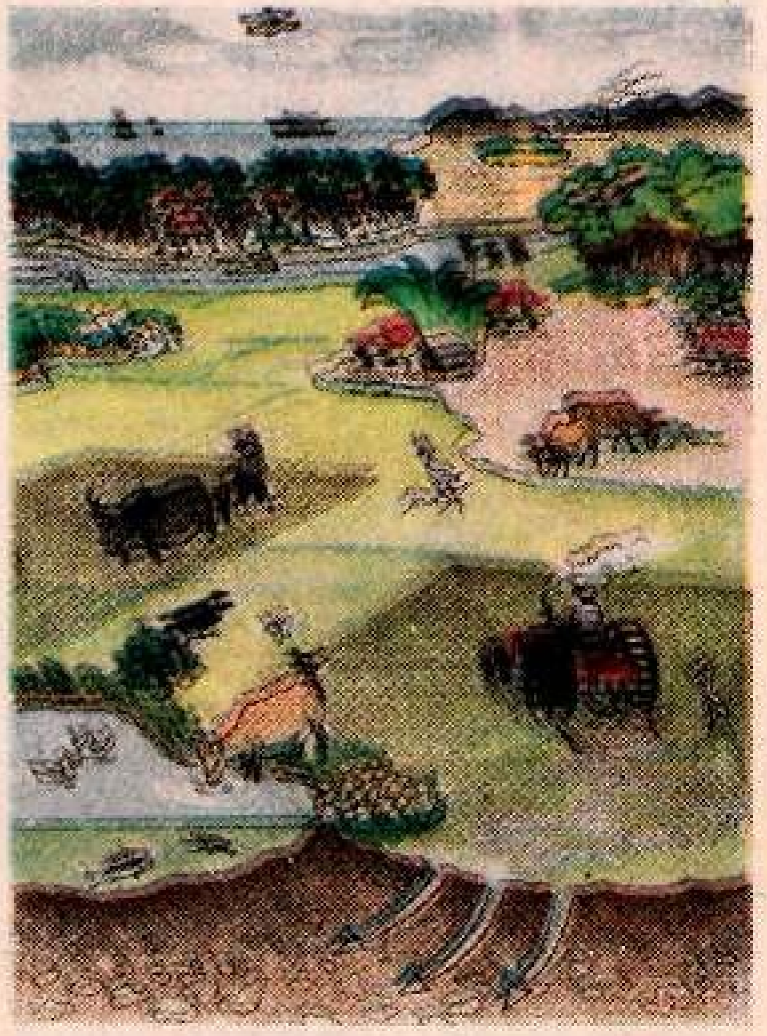

Hình 72 -
Môi trường làng quê.

ruongxua.vn

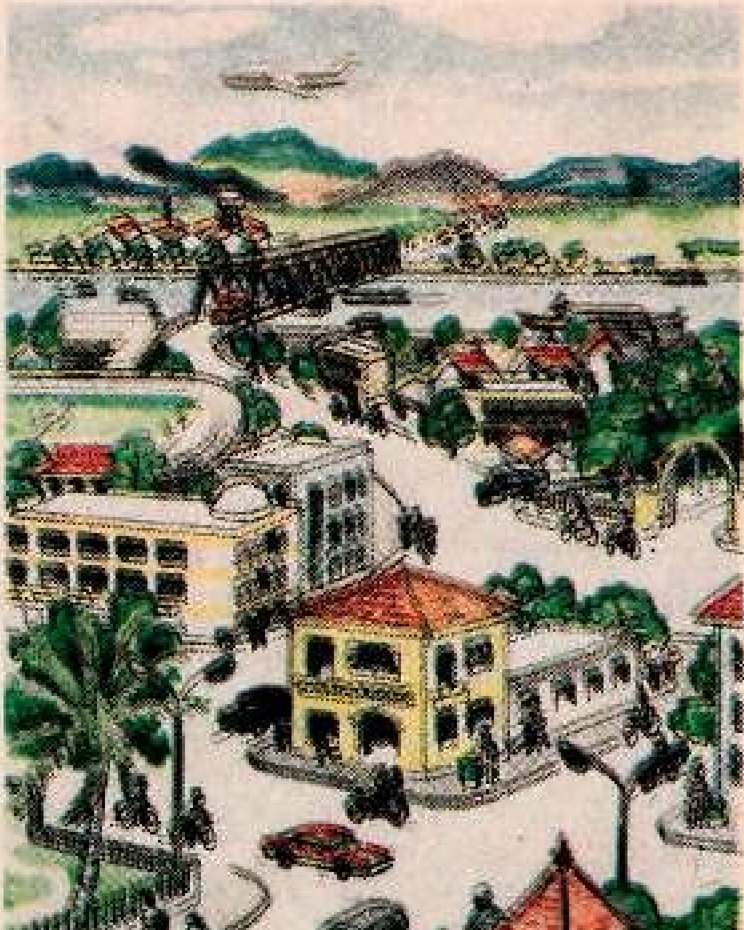

Hình 73 -
Môi trường đô thị.

2. Tài nguyên

Tài nguyên là những "của cải" có sẵn trong môi trường như không khí, nước, năng lượng Mặt Trời, các khoáng sản, đất đai, sinh vật... được con người sử dụng, khai thác cho lợi ích của bản thân và cộng đồng.

Môi trường bao gồm các thành phần tự nhiên và các thành phần nhân tạo bao quanh con người có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên.

Con người sử dụng, khai thác các tài nguyên sẵn có của tự nhiên như không khí, nước, khoáng sản, đất đai, thực vật, động vật... để phục vụ đời sống và sản xuất.

thuongmaitr

Câu hỏi

1. Quan sát các hình 70, 71, 72 và kể ra các thành phần tạo nên môi trường trong các hình vẽ đó.
2. Hãy kể tên các thành phần của môi trường tự nhiên và nhân tạo ở nơi em sống. Em có nhận xét gì về điều kiện vệ sinh ở đó ?
3. Tài nguyên là gì ? Kể tên các tài nguyên thường được sử dụng trong đời sống và sản xuất.

Bài 56 VAI TRÒ CỦA MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, con người ngày càng biết cách sử dụng, khai thác môi trường tự nhiên một cách triệt để hơn.

Môi trường tự nhiên cung cấp cho con người :

- Thức ăn, nước uống, khí thở, nơi ở, nơi làm việc, nơi vui chơi giải trí...
- Các nguyên liệu và nhiên liệu như quặng kim loại, than đá, dầu mỏ, năng lượng Mặt Trời, sức gió, sức nước... được dùng trong sản xuất, làm cho đời sống con người ngày càng được nâng cao hơn.

Môi trường còn là nơi tiếp nhận những chất thải trong sinh hoạt hàng ngày trong quá trình sản xuất, trong những hoạt động khác của con người.

Trong một giai đoạn lịch sử dài, con người quen coi tự nhiên như nguồn cung cấp "của cải" vô tận. Vì vậy, môi trường tự nhiên bị con người khai thác đến cạn kiệt. Con người còn thải vô tội vạ nhiều chất độc hại vào tự nhiên, làm cho môi trường tự nhiên ở nhiều nơi bị ô nhiễm nặng nề, ảnh hưởng có hại đến sức khỏe. Giờ đây, con người ngày càng hiểu rằng : việc sử dụng, khai thác tài nguyên thiên nhiên phải đi đôi với bảo vệ và giữ gìn thiên nhiên để thiên nhiên không chống lại con người.

truongxua.vn

Môi trường tự nhiên cung cấp cho con người những thứ cần dùng cho đời sống, cho lao động sản xuất ra những của cải mới. Nếu con người tiếp tục sử dụng và khai thác tài nguyên một cách bừa bãi sẽ làm cho tài nguyên bị cạn kiệt và môi trường bị ô nhiễm, gây ảnh hưởng tai hại cho đời sống và sức khỏe.

Ngày nay, chúng ta vừa sử dụng và khai thác tự nhiên, vừa phải giữ gìn, bảo vệ tự nhiên.

Câu hỏi

1. Hãy tìm ra những ví dụ chứng tỏ môi trường tự nhiên có vai trò quan trọng đối với đời sống con người.

2. Tài nguyên tự nhiên trên Trái Đất có phải là vô tận không ?

3. Vì sao sử dụng tiết kiệm điện, nước, chất đốt... cũng là góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên ?

thuongmaitr

Bài 57 ẢNH HƯỞNG CỦA CON NGƯỜI ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Hoạt động của con người có thể làm ảnh hưởng tốt hoặc ngược lại ảnh hưởng xấu đến môi trường. Bảo vệ môi trường có nghĩa là làm cho môi trường trở nên tốt đẹp hơn, trong sạch hơn. Sự ô nhiễm làm môi trường trở nên độc hại.

Những hình ảnh dưới đây là ví dụ minh họa cho việc bảo vệ và gây ô nhiễm môi trường của con người.

Hình 74 - Ươm giống cây để trồng rừng.

ruongxua.vn

Hình 75 - Bom nguyên tử.

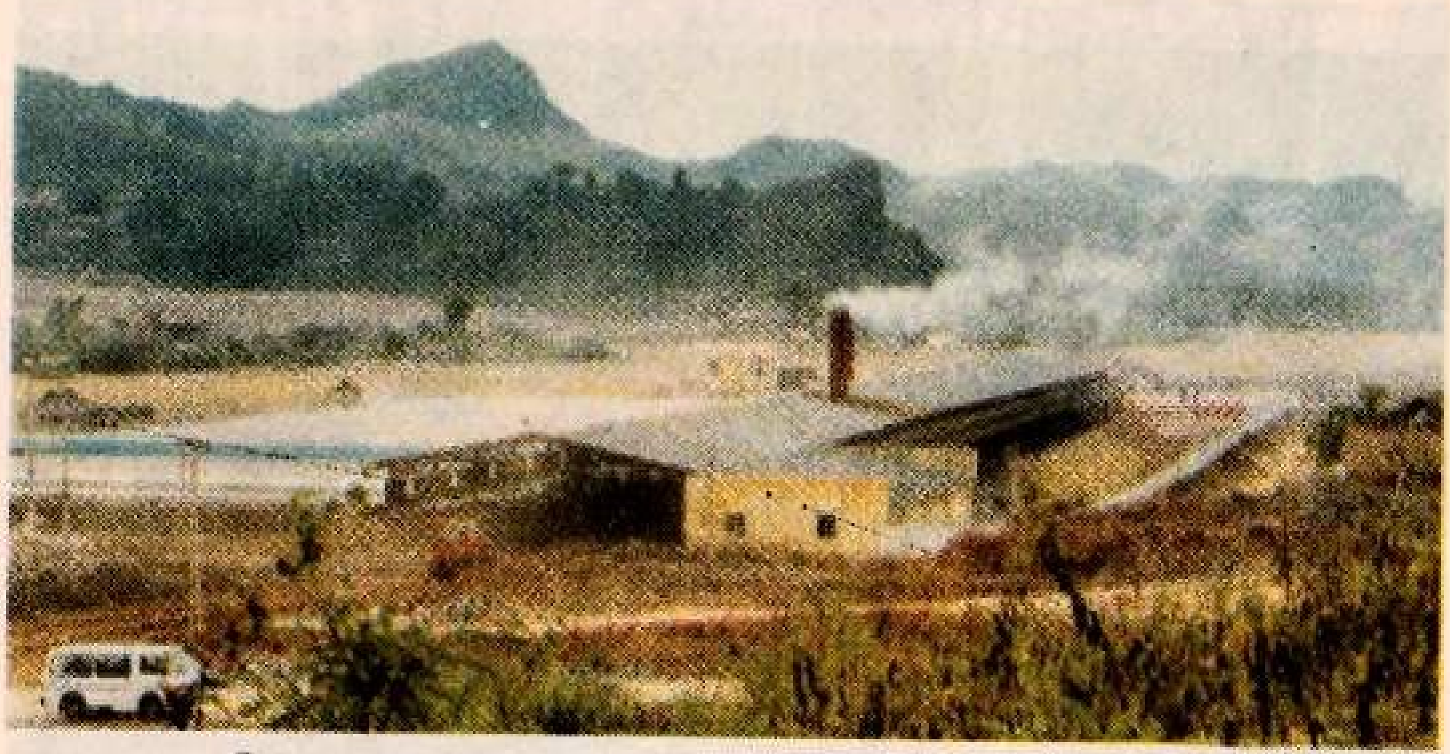

Hình 76 - Phá rừng để làm nhà máy.

Có ba yếu tố chính ảnh hưởng có hại cho môi trường là :

- Sự gia tăng dân số quá nhanh.
- Sự phát triển của các ngành công nghiệp.
- Việc lạm dụng công nghệ, máy móc trong khai thác tài nguyên và sản xuất của cải vật chất.

Đây là những vấn đề mà tất cả các quốc gia trên thế giới đều quan tâm và tìm cách giải quyết để làm sao cho đất nước vẫn phát triển kinh tế, nâng cao mức sống cho dân, mà vẫn không "phá vỡ", không làm "hỏng" môi trường tự nhiên.

Hình 77 - Trồng cây ven biển để chắn sóng.

Hình 78 - Mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng) sau mấy chục năm khai thác.

Hình 79 - Giữ rừng cây xanh tốt.

truongxua.vn

Hoạt động của con người có thể có ảnh hưởng tốt hoặc xấu đến môi trường.

Có ba yếu tố chính gây hại cho môi trường là dân số tăng nhanh, các ngành công nghiệp phát triển và sự lạm dụng công nghệ trong khai thác tài nguyên và sản xuất. Đây là những vấn đề đặt ra cho các quốc gia và các nhà khoa học trên thế giới phải suy nghĩ và giải quyết.

Câu hỏi

1. Em hãy chọn ra hai hình minh họa ảnh hưởng tốt của con người đối với môi trường. Phân tích rõ tác dụng bảo vệ môi trường được thể hiện trong từng hình.

2. Em hãy chọn ra hai hình minh họa ảnh hưởng xấu của con người đối với môi trường. Phân tích rõ tác hại đối với môi trường trong từng hình.

3. Kể ra những yếu tố gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Bài 58 DÂN SỐ VÀ DIỆN TÍCH ĐẤT TRỒNG

1. Chiều hướng phát triển dân số ở Việt Nam

Quan sát và đọc chú thích dưới các hình 80, 81, 82 xem dân số Việt Nam phát triển theo chiều hướng nào ?

tăng nhanh

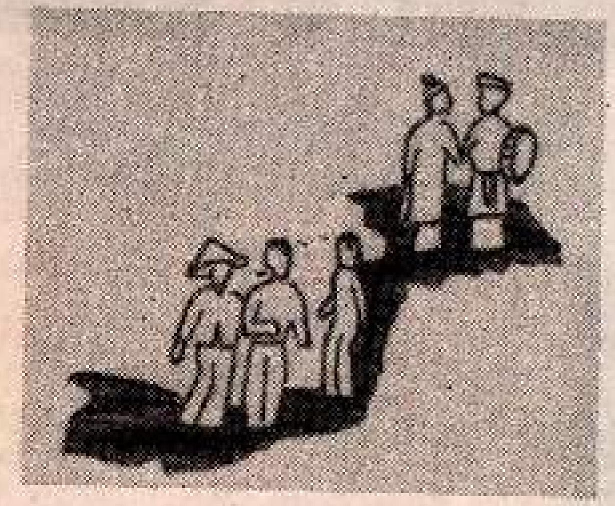

Hình 80
Năm 1945 : 23 triệu người

mật độ dân số còn thưa thớt, đất rộng.

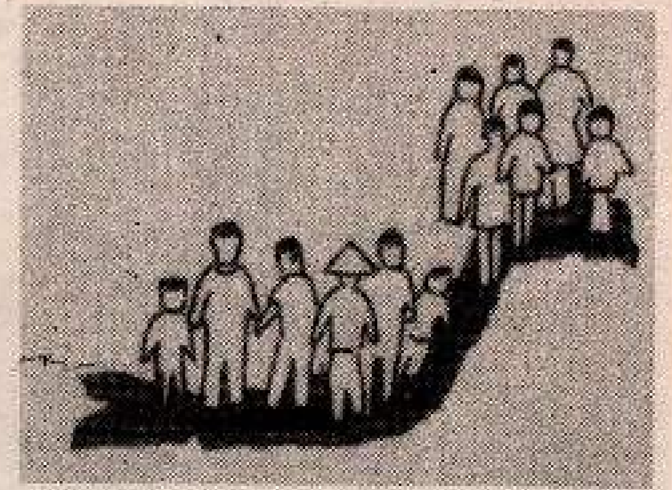

Hình 81
Năm 1989 : 64 triệu người

thuongmaitr

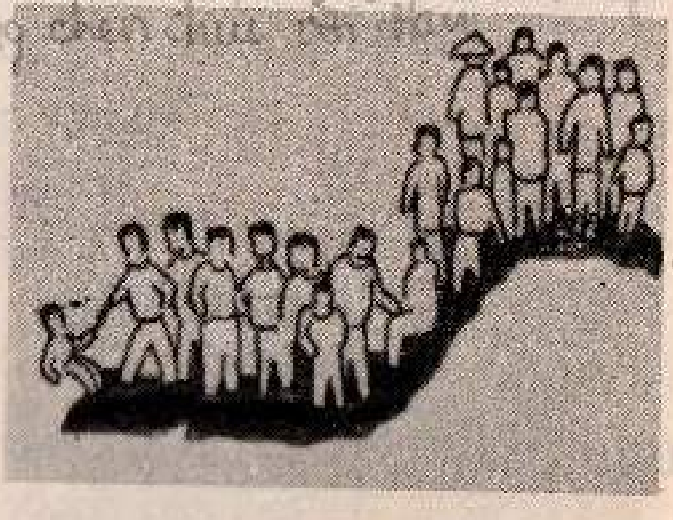

Hình 82 - Năm 2000 : ???

tăng gần gấp 4 lần

2. Hậu quả của sự gia tăng dân số

Diện tích đất trồng bị thu hẹp.

Quan sát hình 83, 84 để :

- Tìm ra những thay đổi trong môi trường sống ở đây.
- Giải thích nguyên nhân dẫn đến những thay đổi đó.

Hình 83 - Môi trường xưa.

ruongxua.vn

Hình 84 - Môi trường nay.

Theo tính toán của các nhà khoa học, năm 1990 diện tích đất canh tác tính theo đầu người ở :

- Việt Nam là 0,11 ha,
- Trung Quốc là 0,25 ha,
- Tây Âu là 2,17 ha.

Vậy theo em, nước ta là nước có tài nguyên đất tính theo đầu người như thế nào ?

Dân số Việt Nam ngày càng tăng nhanh. Diện tích đất trồng ngày càng bị thu hẹp.

Câu hỏi

1. Dân số Việt Nam ngày càng phát triển theo hướng nào ?

2. Diện tích đất canh tác của Việt Nam hiện đang phát triển theo hướng nào ?

3. Nếu dân số tiếp tục tăng nhanh như hiện nay thì điều gì sẽ xảy ra đối với tài nguyên đất ?

4. Em biết gì về cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình hiện nay ở nước ta ?

thuongmaitr

Bài 59 DÂN SỐ VÀ TÀI NGUYÊN RỪNG

Dân số nước ta tăng quá nhanh và mức tiêu dùng của người dân về ăn, ở, mặc, học hành... cao hơn trước, đã buộc người ta khai thác gần như cạn kiệt các nguồn tài nguyên tự nhiên, trong đó có rừng.

1. Rừng ở Việt Nam đang bị tàn phá nghiêm trọng và hậu quả của việc phá rừng

a. Rừng không được bảo vệ nghiêm ngặt, bị khai thác bừa bãi

- Người ta đốt rừng để làm nương rẫy, để lấy đất làm nhà, để khai thác mỏ...
- Người ta chặt cây để khai thác gỗ dùng cho công nghiệp, để đóng đồ đạc, để xuất khẩu và lấy củi đun.

Hiện nay, theo ước tính, mỗi năm nước ta mất đi khoảng 20 vạn héc-ta rừng. Với tốc độ tàn phá như vậy thì sang thế kỉ XXI, Việt Nam sẽ không còn rừng.

Hình 85 - Nạn phá rừng.

b. Hậu quả của việc phá rừng

Việc suy giảm nhanh chóng diện tích rừng đã làm cho :

- Khí hậu bị thay đổi. Ở nước ta, hiện nay, mùa hè thường nóng hơn trước và mùa đông thường rét hơn ; lũ lụt, hạn hán... xảy ra nhiều và gây tác hại nghiêm trọng hơn.
- Đất bị xói mòn trở nên bạc mầu.
- Động vật và thực vật quý hiếm giảm dần, một số loài có thể bị diệt vong.

2. Rừng là tài nguyên quý có thể phục hồi được nhưng phải mất nhiều thời gian, tiền của và công sức (hình 86).

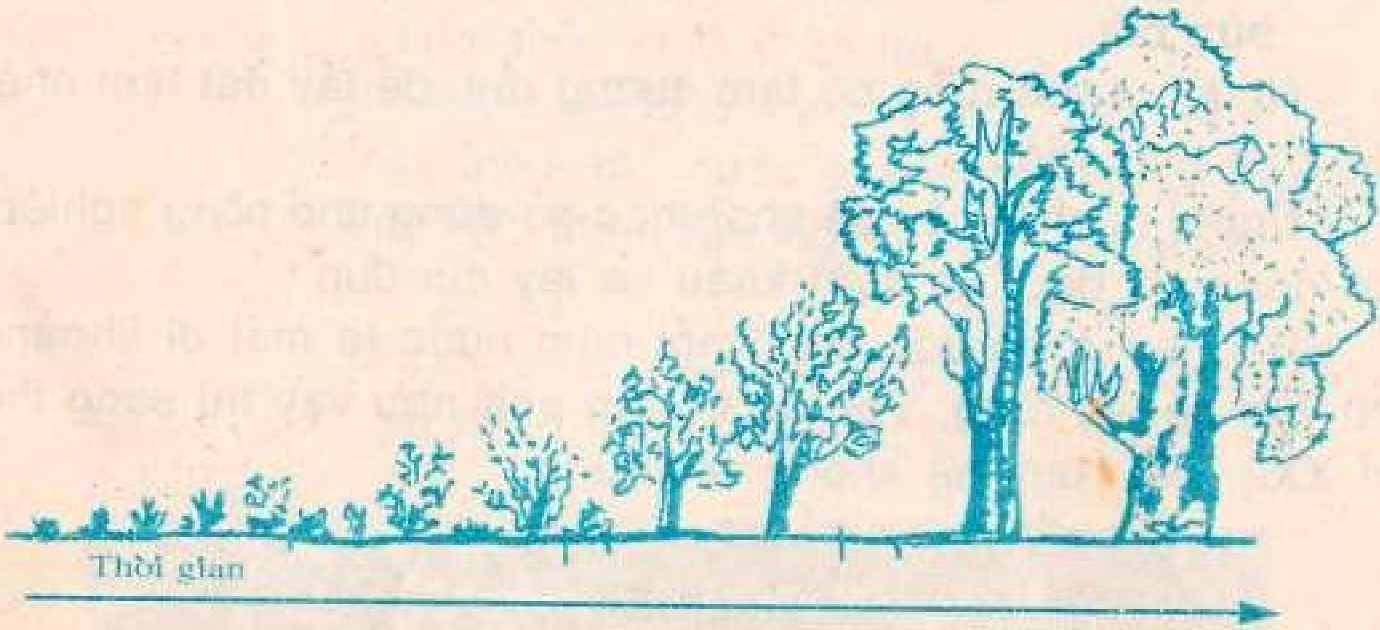

Hình 86 - Một ví dụ về thời gian để cho cây rừng mọc lại (mỗi khoảng cách ước chừng từ 5 - 10 năm hoặc lâu hơn, tùy loài cây).

thuongmaitr

Rừng là tài nguyên quý của nước ta. Hiện nay, rừng đang bị tàn phá nặng nề, làm cho khí hậu thay đổi, đất đai bạc mầu, động vật, thực vật quý hiếm có nguy cơ bị tiêu diệt. Mỗi công dân phải có nhiệm vụ bảo vệ rừng.

Câu hỏi

1. Nêu những nguyên nhân thúc đẩy con người phá rừng.

2. Việc phá rừng đã dẫn đến những hậu quả gì ?

3. Sưu tầm những thông tin về việc trồng rừng và bảo vệ rừng qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Bài 60 DÂN SỐ VÀ SỰ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG ĐẤT

Dân số tăng nhanh, lương thực cần phải được sản xuất nhiều hơn để nuôi sống số người tăng lên. Vì diện tích đất trồng lương thực có hạn nên con người phải tìm biện pháp để tăng sản lượng trên những diện tích đã canh tác.

Ngoài các biện pháp như chọn giống, làm thủy lợi, cơ giới hóa nông nghiệp..., con người phải tăng cường bón phân hóa học, sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ dại để tăng sản lượng.

Phân hóa học, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ làm giảm chất mùn, độ phì nhiêu của đất, gây ô nhiễm đất đai, ô nhiễm nguồn nước. Thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ còn làm chết nhiều loài sinh vật có ích trên đồng ruộng. Ta có sơ đồ :

ruongxua.vn

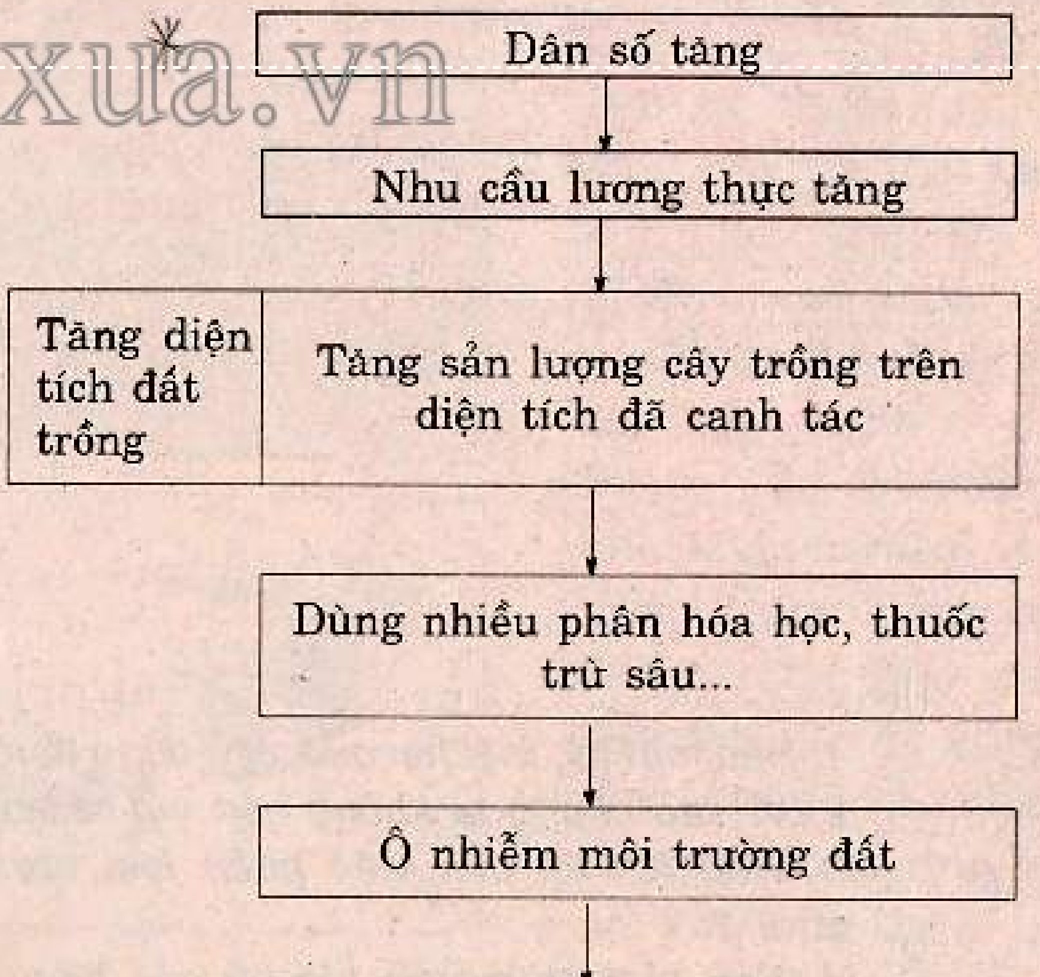

Dân số đông, lượng rác thải ra cũng tăng lên. Ví dụ : Ở Hà Nội, từ năm 1981 đến năm 1987, dân số tăng 1,2 lần, khối lượng rác tăng 1,4 lần. Rác thải chưa được thu gom và xử lí, tạo ra ô nhiễm môi trường đất.

Dân số tăng quá nhanh buộc con người phải khai thác triệt để đất canh tác để nâng cao sản lượng lương thực đồng thời cũng thải ra nhiều rác hơn.

Việc sử dụng nhiều phân hóa học, thuốc trừ sâu và thuốc trừ cỏ dại, việc xử lí rác không hợp vệ sinh là những nguyên nhân gây nhiễm bẩn đất. Đất bị nhiễm bẩn gây hại cho cây trồng, cho sức khỏe của người...

thuongmaitr

Câu hỏi

1. Nêu mặt lợi, mặt hại của việc dùng thuốc trừ sâu.

2. Vì sao chúng ta không nên vứt rác bừa bãi ?

3. Nêu ích lợi của việc phân loại rác trước khi xử lí ?

4. Sưu tầm những tin tức về các biện pháp diệt trừ sâu bọ không dùng chất hóa học.

SỰ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ VÀ NƯỚC

1. Sự ô nhiễm môi trường không khí

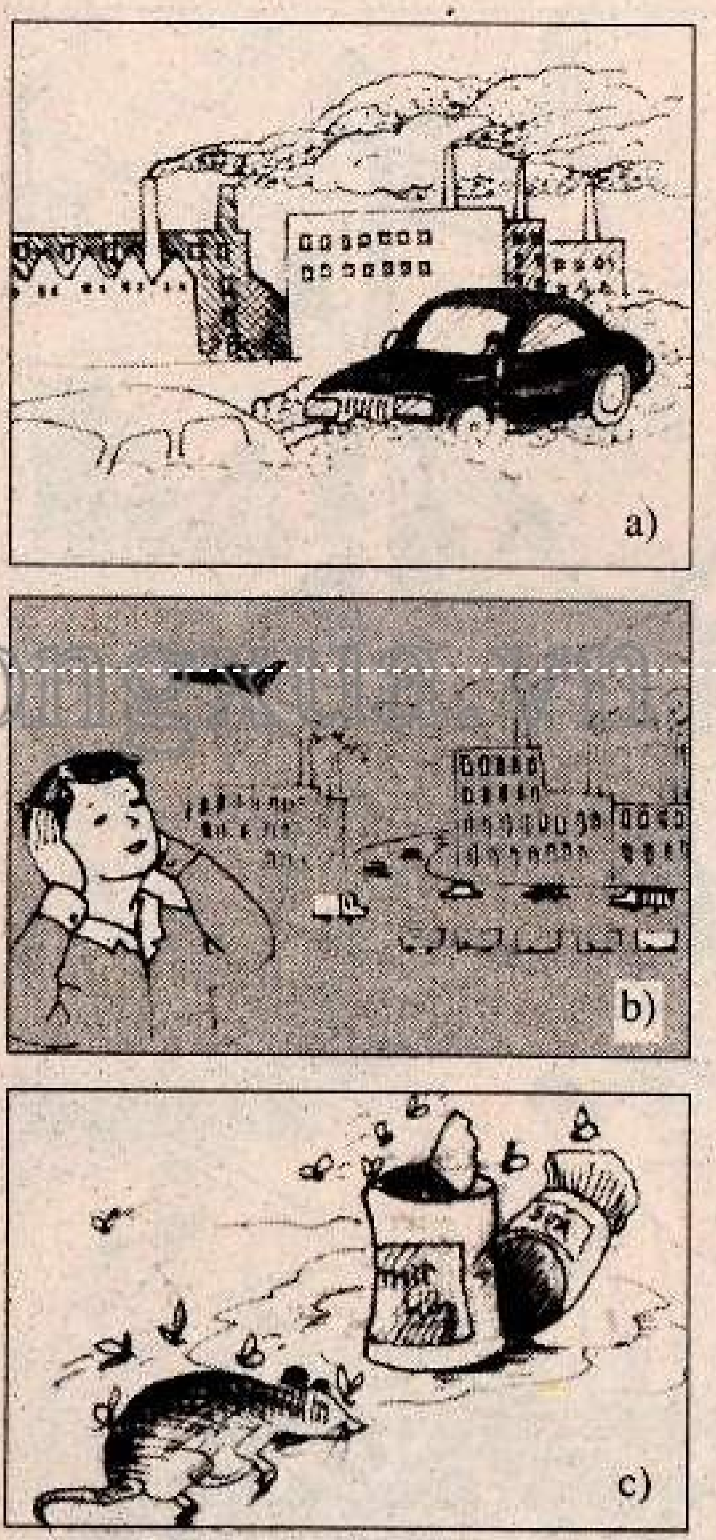

Hình 87 (a, b, c) - Sự ô nhiễm môi trường không khí.

Những hình ảnh ở hình 87 (a, b, c) diễn tả cảnh ô nhiễm môi trường không khí. Em hãy miêu tả và kể tên các nguồn gây ô nhiễm không khí ở từng hình.

Nước ta tuy chưa phải là nước công nghiệp nhưng vẫn có các ngành : năng lượng, vật liệu xây dựng, hóa chất, luyện kim, giấy, đường, dệt, cao su, thuốc lá... Các nhà máy này đã thải vào không khí nhiều chất khí độc hại, nhiều bụi và khói.

Ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... sự ô nhiễm không khí khá nghiêm trọng do tiếng ồn và lượng bụi lớn từ các phương tiện giao thông vận tải, từ các công trường xây dựng và nhiều hoạt động khác. Lượng bụi ở một số khu vực theo tính toán đã vượt từ 3 đến 11 lần tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

Rác thải công nghiệp và rác thải sinh hoạt ở những thành phố này cũng chưa được thu gom và xử lí đúng cách, làm cho nhiều loại vi khuẩn gây bệnh cho người và động vật có điều kiện phát triển. Đó cũng là nguồn gây ô nhiễm không khí đáng lo ngại.

2. Sự ô nhiễm môi trường nước

Em hãy quan sát hình 88 và tìm ra các nguyên nhân làm nhiễm bẩn nguồn nước. Nước ta đã có một số nguồn nước bị nhiễm bẩn do phải nhận nước thải chưa được xử lí từ các thành phố và các khu công nghiệp. Nhiều kênh, ngòi, ao, hồ hoặc từng khúc sông (như khúc sông Cầu ở Thái Nguyên, khúc sông Hồng ở Việt Trì) đã chuyển sang màu đen và bốc mùi hôi hám. Hệ thống thoát nước của nhiều thành phố đã quá cũ và không tương xứng với số dân ngày càng gia tăng. Khả năng thoát nước

Hình 88

kém đã gây nên tình trạng ngập úng vào mùa mưa, làm ô nhiễm toàn bộ môi trường ở nhiều vùng.

Ngoài ra, ở các đô thị, người ta thường mới thu gom được 10 - 60% lượng rác, số còn lại đều được thải ra sông, hồ, mương, rãnh... làm nước bị bẩn và tắc nghẽn dòng chảy.

Không khí và nguồn nước ở nhiều vùng của nước ta bị nhiễm bẩn. Mỗi người dân phải có ý thức và trách nhiệm khắc phục tình trạng này.

Câu hỏi

1. Kể tên các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí và nước.

2. Nêu tình trạng môi trường không khí và nguồn nước ở nơi em sống.

3. Hàng ngày em nên làm gì để giữ vệ sinh môi trường xung quanh ?

truongxua.vn

Bài 62 MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bảo vệ môi trường không phải là việc riêng của một quốc gia nào, một tổ chức nào, đó là nhiệm vụ chung của mọi người trên thế giới. Mỗi chúng ta, tùy lứa tuổi, công việc và nơi sống đều có thể góp phần bảo vệ môi trường. Dưới đây là một số hình ảnh nhằm minh họa ý kiến trên :

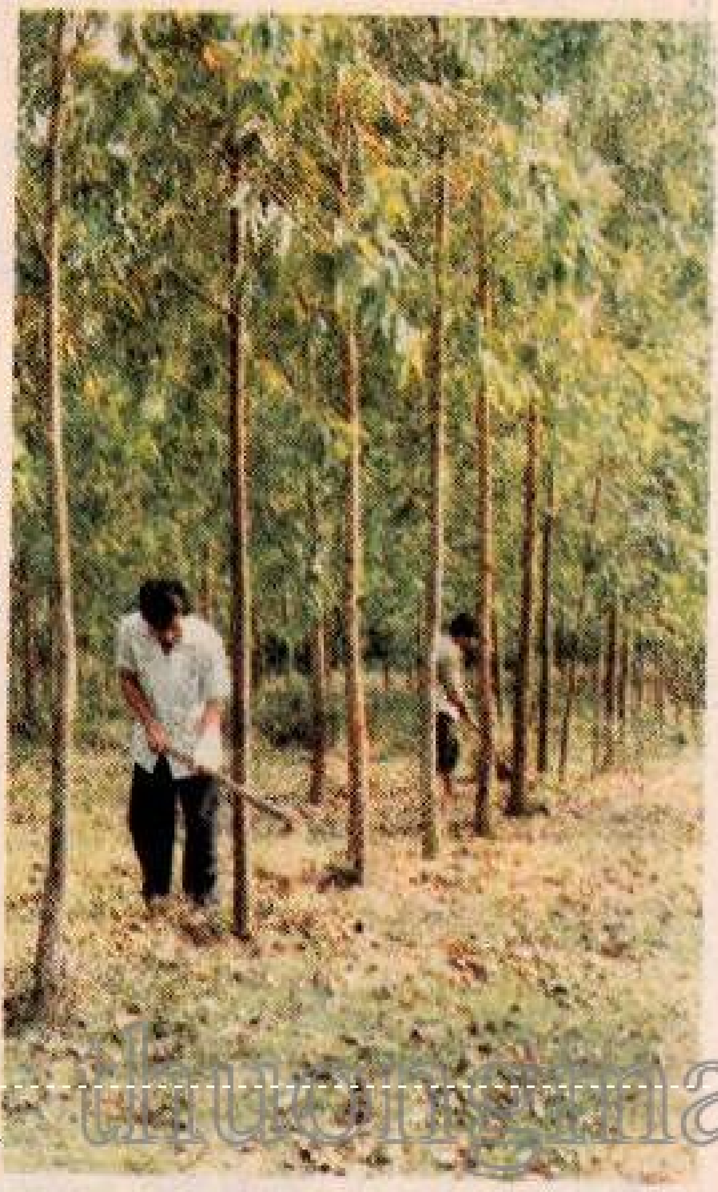

Hình 89 - Tuyên truyền và gương mẫu thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

Hình 90 - Trồng và chăm sóc rừng. ▶

thuongmaitr

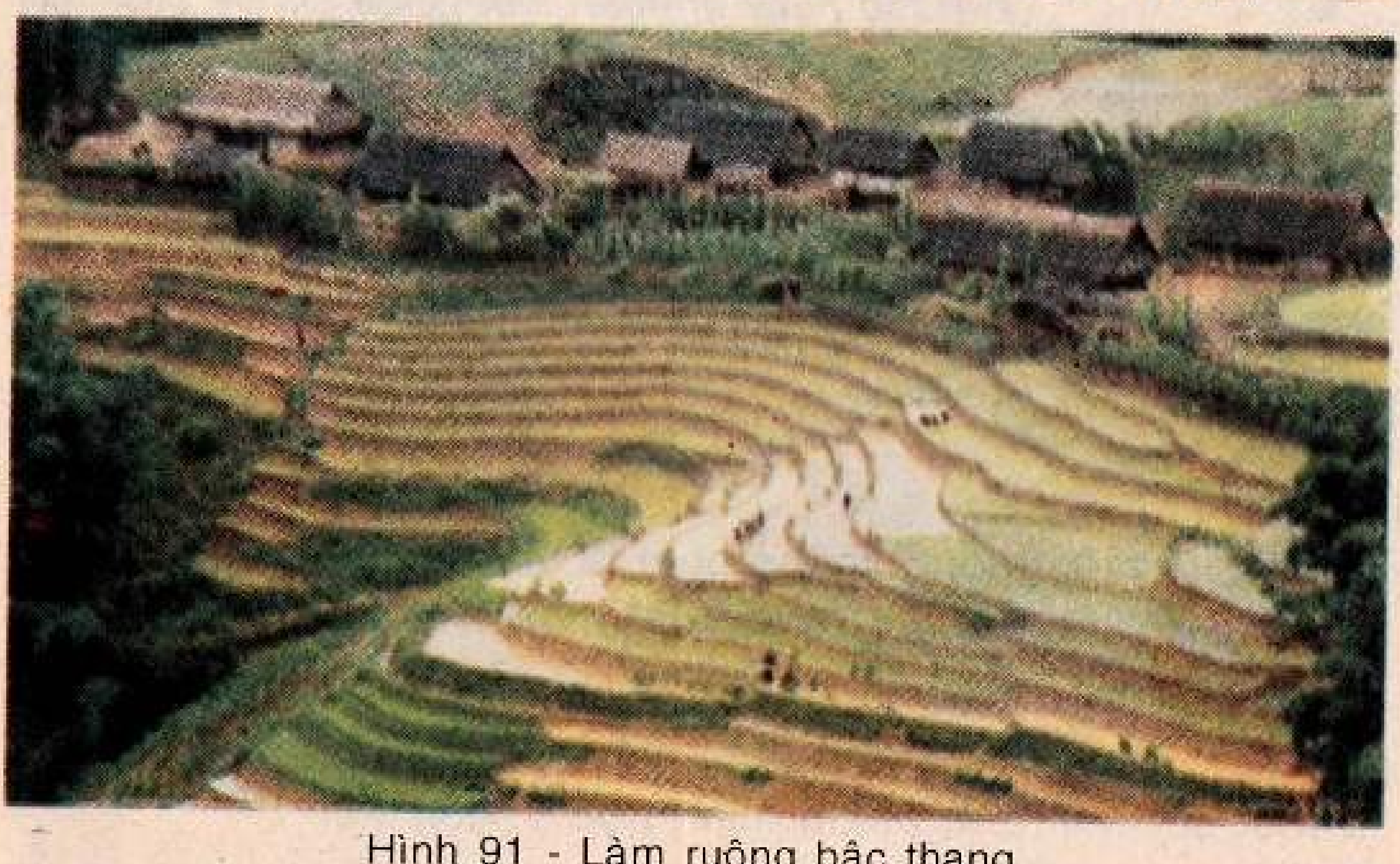

Hình 91 - Làm ruộng bậc thang.

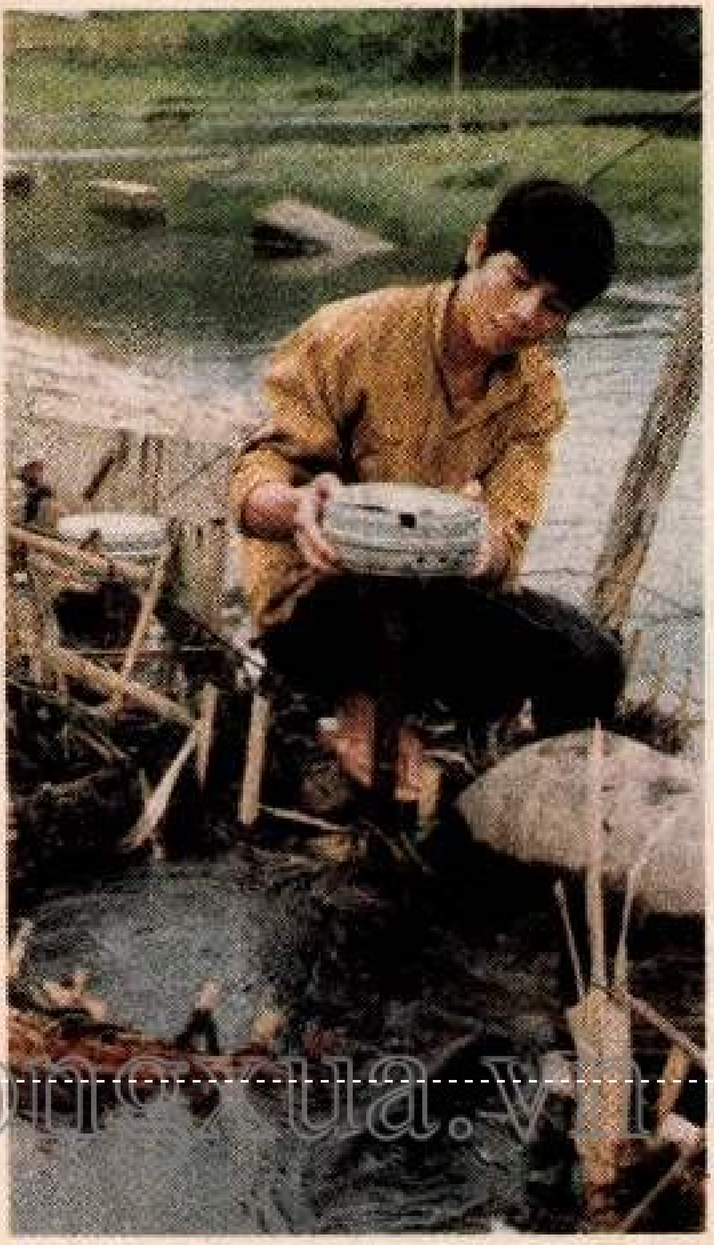

Hình 93 - Ủ phân trâu, bò, lợn để làm khí đốt (khí bi-ô-ga).

Hình 92 - Dùng sức nước để tạo ra dòng điện phục vụ sinh hoạt ở vùng núi.

Hình 94 - Sử dụng khí bi-ô-ga để đun, nấu.

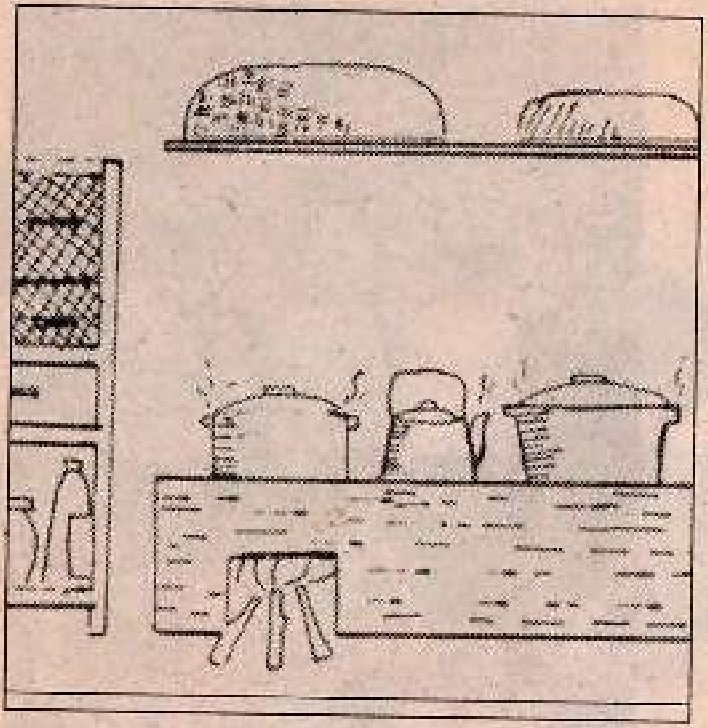

Hình 95 - Dùng bếp đun cải tiến để đỡ khói.

Hình 96 - Dọn vệ sinh cho môi trường sạch sẽ.

Việc giữ gìn, bảo vệ môi trường trong sạch là nhiệm vụ chung của mọi người. Nếu có ý thức thì ai cũng làm được.

thuongmaitr

Câu hỏi

1. Quan sát từ hình 89 đến hình 96 và phân tích tác dụng tốt của việc làm ở mỗi hình đối với môi trường.

2. Ngoài các biện pháp bảo vệ môi trường được thể hiện bằng các hình ảnh trong bài, em còn biết những cách làm nào khác ?

3. Em có thể làm gì để giữ gìn nhà cửa, trường, lớp, xóm, làng sạch, đẹp ? Không xả rác, không nhổ bừa bãi, làm vệ sinh lớp học.

Bài 63

THỰC HÀNH : LÀM VỆ SINH LỚP HỌC, SÂN TRƯỜNG

Bài 64 ÔN TẬP : CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Con người là một thành phần của môi trường tự nhiên.

Trong quá trình sống, con người vừa chịu ảnh hưởng của môi trường, vừa tác động trở lại làm môi trường thay đổi mạnh mẽ.

2. Ngày nay, con người đã nhận thấy hậu quả của việc gia tăng quá nhanh dân số, của các tác động kĩ thuật đến tự nhiên và sự thiếu ý thức, thiếu hiểu biết về tự nhiên đã làm môi trường bị hủy hoại. Nhiều khoáng sản quý bị cạn kiệt, nhiều động vật, thực vật bị tiêu diệt ; đất, nước, không khí bị nhiễm bẩn... Tình hình đó đã gây hại cho đời sống, cho sức khỏe của con người.

3. Ở Việt Nam, dân số tăng quá nhanh, ruộng đất bình quân theo đầu người ngày càng giảm. Rừng bị tàn phá nặng nề. Tuy chưa phải là nước công nghiệp phát triển, nhưng do thiếu ý thức giữ gìn, do thiếu hiểu biết về môi trường, nên ở nhiều nơi, môi trường đất, không khí, nước... cũng đã bị nhiễm bẩn nặng nề.

4. Bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi ở, nơi học tập, nơi làm việc, nơi vui chơi giải trí... là nhiệm vụ chung của các quốc gia, các tổ chức và của mọi người trên thế giới.

Bài 65 ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI NĂM

1. Trong số những câu dưới đây, câu nào nêu được đầy đủ các thành phần tạo nên môi trường ?

a) Làng mạc, nhà máy.

b) Những người cùng chung sống trong cộng đồng.

truongxua.vn

c) Tất cả các yếu tố tự nhiên và nhân tạo xung quanh (kể cả con người).

d) Không khí, nước, đất đai.

2. Trong số các định nghĩa về sự ô nhiễm không khí dưới đây, theo em định nghĩa nào là đủ và đúng nhất ?

Ô nhiễm không khí là :

a) Bầu không khí đầy khói, bụi.

b) Bầu không khí đầy vi khuẩn.

c) Những tiếng ồn không chịu nổi.

d) Sự có mặt của tất cả các loại vật chất (khói, bụi, khí độc, tiếng ồn, vi khuẩn...) làm cho thành phần của không khí thay đổi theo hướng có hại cho sức khỏe, sự sống của các sinh vật.

3. Hãy chọn ra câu trả lời đúng cho câu hỏi sau :

Điều gì sẽ xảy ra khi có quá nhiều khói, khí độc thải vào không khí ?

a) Không khí trở nên nặng hơn.

b) Không khí bị ô nhiễm.

c) Không khí chuyển động.

d) Không khí bay cao.

4. Yếu tố nào được nêu ra dưới đây có thể làm ô nhiễm nước ?

a) Không khí ;

b) Nhiệt độ ;

c) Chất bẩn ;

d) Ánh sáng Mặt Trời.

5. Trong những biện pháp kể dưới đây, theo em, biện pháp nào là đúng nhất để giữ cho nước sông, nước suối ở địa phương em được sạch ?

a) Không bơi lội ở sông, suối.

b) Không vứt rác xuống sông, suối.

c) Phun chất hóa học xuống nước để diệt vi khuẩn.

d) Chặt cây cối ven bờ.

thuongmaitr

6. Trong số những cách chống ô nhiễm không khí kể dưới đây, theo em cách nào là tốt nhất ?

a) Di chuyển các nhà máy lên vùng núi.

b) Đốt cháy rác thải.

c) Giảm sự đi lại của xe cộ sử dụng xăng dầu.

d) Giảm tối đa việc sử dụng các loại chất đốt (than, xăng, dầu...) và thay thế bằng nguồn năng lượng sạch (Mặt Trời, gió, sức nước).

7. Trong số các biện pháp làm tăng sản lượng lương thực trên diện tích đất canh tác, biện pháp nào sẽ làm ô nhiễm môi trường đất ?

a) Cơ khí hóa nông nghiệp ;

b) Chọn giống tốt ;

c) Tăng cường bón phân hóa học và sử dụng thuốc trừ sâu ;

d) Tăng cường làm thủy lợi.

8. Hãy sắp xếp lại những nội dung ghi trong cột tài nguyên cho tương ứng với những nội dung đã ghi trong cột vị trí.

ruongxua.vn

Vị trí	Tài nguyên
1. Dưới lòng đất	3 a. Không khí
2. Trên mặt đất	1 b. Các loại khoáng sản
3. Bao quanh Trái Đất	2 c. Sinh vật, đất trồng, nước

9. Em đồng ý với ý kiến nào dưới đây :

a) Tài nguyên trên Trái Đất là vô tận, con người cứ việc sử dụng thoải mái.

b) Tài nguyên trên Trái Đất là có hạn nên phải sử dụng có kế hoạch và tiết kiệm.

Em hãy đưa ra những ví dụ để bảo vệ và chứng minh cho ý kiến của mình.

10. Khi những cây ở trong rừng bị chặt như hình 97

a) Điều gì sẽ xảy ra đối với đất đai ở đó ?

b) Tại sao lũ lụt hay xảy ra khi rừng đầu nguồn bị phá hủy ?

11. Em hãy quan sát hình ảnh dưới đây :

a) Em hãy mô tả cảnh quan hình 98.

b) Theo em, nguyên nhân nào đã dẫn đến hiện tượng trên ?

c) Muốn cải tạo quả đồi này, ta phải làm gì ?

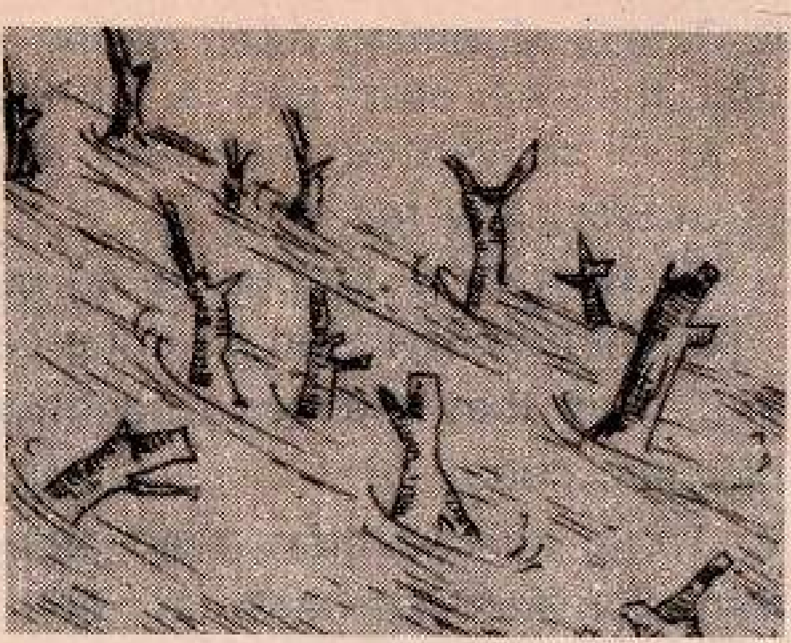

Hình 97

Hình 98

thuongmaitr

ĐỊA LÍ

Phần 1

ĐỊA LÍ VIỆT NAM

ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

Bài 1

VỊ TRÍ, GIỚI HẠN VÀ HÌNH DẠNG CỦA NƯỚC TA

uongxua.vn

1. Giới hạn, hình dạng và diện tích

Đất nước ta vừa có đất liền, vừa có biển và đảo. Phần đất liền của nước ta hẹp ngang, nhưng lại kéo dài theo phương Bắc - Nam và có hình dạng giống chữ S. Diện tích phần đất liền vào khoảng 330000km^2, thuộc loại trung bình trên thế giới.

Biển bao bọc phía Đông, phía Nam phần đất liền và rộng hơn phần đất liền nhiều lần. Vùng biển của nước ta có nhiều đảo và quần đảo.

2. Vị trí của nước ta

Nước ta nằm trên bán đảo Đông Dương, ở khu vực Đông Nam Á, trong vòng đai nhiệt đới Bắc bán cầu, rất gần với đường giao thông quốc tế trên biển.

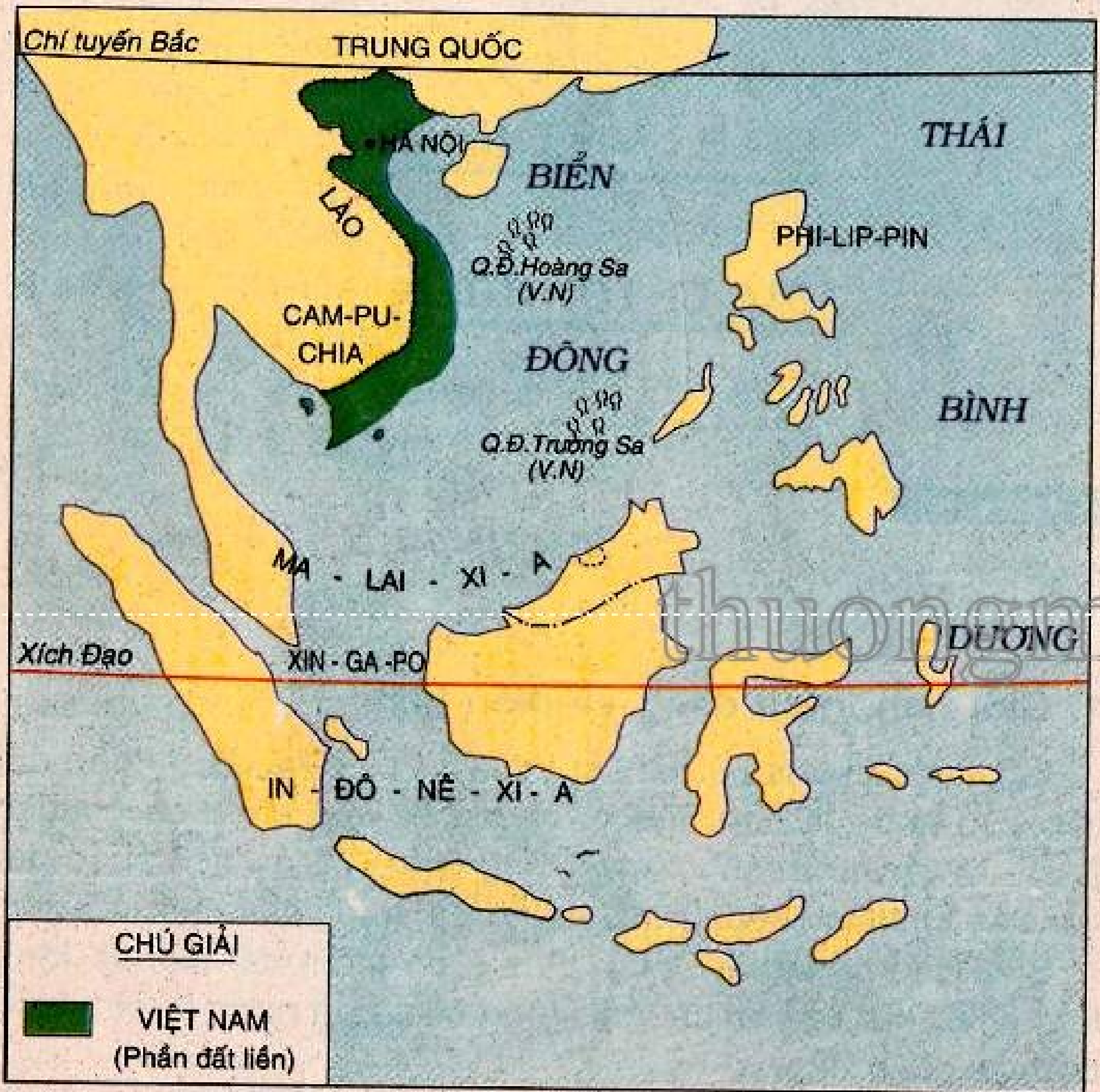

Hình 1 - Lược đồ Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á.

Lược đồ Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á (hình 1) sẽ cho ta biết phần đất liền và biển của nước ta giáp những nước nào.

Với các điều kiện nêu trên, nước ta có nhiều thuận lợi cho việc phát triển kinh tế.

Lãnh thổ nước ta gồm phần đất liền có hình chữ S và một bộ phận rộng lớn của Biển Đông với nhiều đảo và quần đảo.
Nước ta nằm trên bán đảo Đông Dương, ở khu vực Đông Nam Á, trong vòng đai nhiệt đới Bắc bán cầu.

Câu hỏi

1. Nước ta nằm ở khu vực nào ? Giáp những nước nào ?
2. Phần đất liền của nước ta có diện tích là bao nhiêu ? Hình dạng có gì đặc biệt ?
3. Em hãy chỉ vị trí, giới hạn của nước ta trên lược đồ Việt Nam trong khu vực Đông Nam Á.

ruongxua.vn

Bài 2

THỰC HÀNH : ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN

1. Địa hình

Đọc bảng chú giải rồi quan sát trên lược đồ địa hình (hình 2) và cho biết :

- Ở nước ta, địa hình đồng bằng hay đồi núi có diện tích lớn hơn.

Hình 2 - Lược đồ địa hình (phần đất liền).

- Tên và vị trí của các dãy núi có dáng hình cánh cung, có hướng Tây Bắc - Đông Nam và của các cao nguyên.

- Vị trí đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và các đồng bằng ven biển miền Trung .

2. Khoáng sản

Dựa vào lược đồ khoáng sản (hình 3), em hãy :

- Đọc trong bảng chú giải những loại khoáng sản và kí hiệu của chúng.

- Chỉ trên lược đồ nước ta những khu vực có mỏ than, sắt, a-pa-tit, bô-xit, dầu mỏ, khí đốt.

$\frac{3}{4}$ diện tích đất liền của nước ta là đồi núi.

Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là hai đồng bằng châu thổ lớn nhất.

truongxua.vn

Nước ta có nhiều loại khoáng sản như than đá ở Quảng Ninh, a-pa-tit ở Lào Cai, bô-xit ở Tây Nguyên, dầu mỏ ở Biển Đông...

Câu hỏi

1. Đặc điểm nổi bật của địa hình phần đất liền nước ta là gì ? Hãy tìm trên lược đồ rồi nêu vị trí các dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của nước ta.

2. Hãy tìm trên lược đồ các khu vực có mỏ than, sắt, a-pa-tit, bô-xit, dầu mỏ, khí đốt.

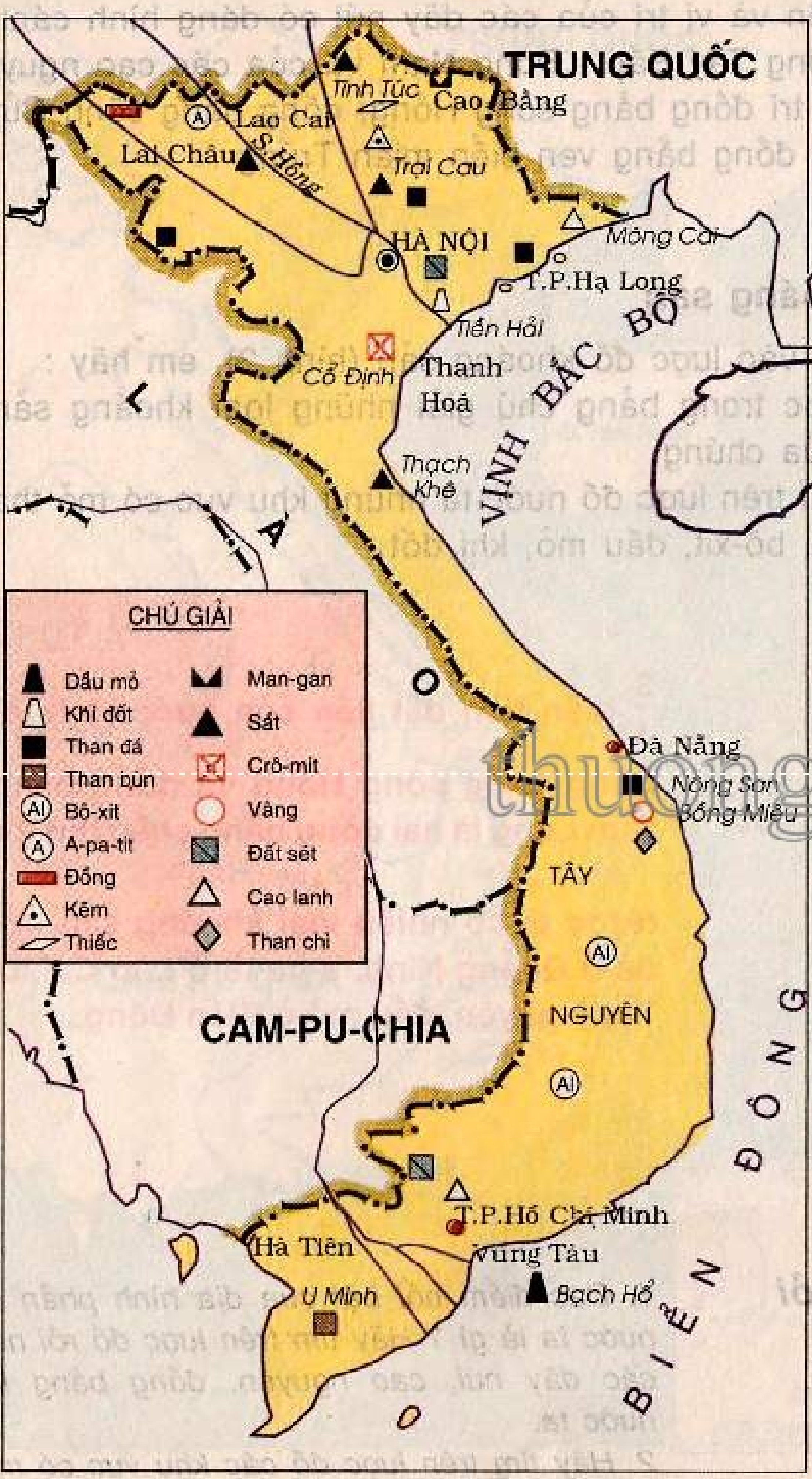

Hình 3 - Lược đồ khoáng sản (phần đất liền).

Bài 3 KHÍ HẬU

1. Nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa

Nước Việt Nam nằm trong vòng đai nhiệt đới nên khí hậu nói chung là nóng. Mặt khác, do vị trí gần biển, lại nằm trong vùng có gió mùa nên nước ta có mưa nhiều và gió mưa thay đổi theo mùa.

Trong một năm, ở nước ta có hai mùa gió chính : gió mùa mùa đông thổi từ tháng 11 đến tháng 4, từ hướng Bắc hay Đông Bắc tới, có đặc điểm là khô nên thời kì này rất ít mưa. Gió mùa mùa hạ thổi từ tháng 5 đến tháng 10, từ hướng Tây Nam hoặc Đông Nam tới. Gió mùa mùa hạ thường từ biển thổi vào nên rất ẩm và đem nhiều mưa đến cho nước ta.

Nhiệt độ cao, gió và mưa thay đổi theo mùa là những đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa.

truongxua.vn

2. Khí hậu giữa các miền có sự khác biệt

Do hình dạng kéo dài, địa hình cao thấp khác nhau nên khí hậu nước ta có sự khác biệt giữa miền Bắc và miền Nam, giữa vùng thấp và vùng cao.

Ở miền Bắc (từ đèo Hải Vân trở ra) khí hậu phân thành hai mùa rõ rệt, đó là mùa hạ và mùa đông. Mùa hạ (từ tháng 5 đến tháng 10) trời thường nóng và có nhiều mưa. Đầu mùa, ở một số vùng có gió Tây Nam từ phía nước Lào thổi sang làm cho thời tiết rất khô và nóng, nhiệt độ lên tới 37^oC-38^oC. Mùa đông (từ tháng 11 đến tháng 4) trời rét và ít mưa, do có gió lạnh từ phía Bắc thổi về.

Ở miền Nam (từ đèo Hải Vân trở vào) do không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên khí hậu nóng đều quanh năm, chỉ có mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa (từ tháng 5 đến

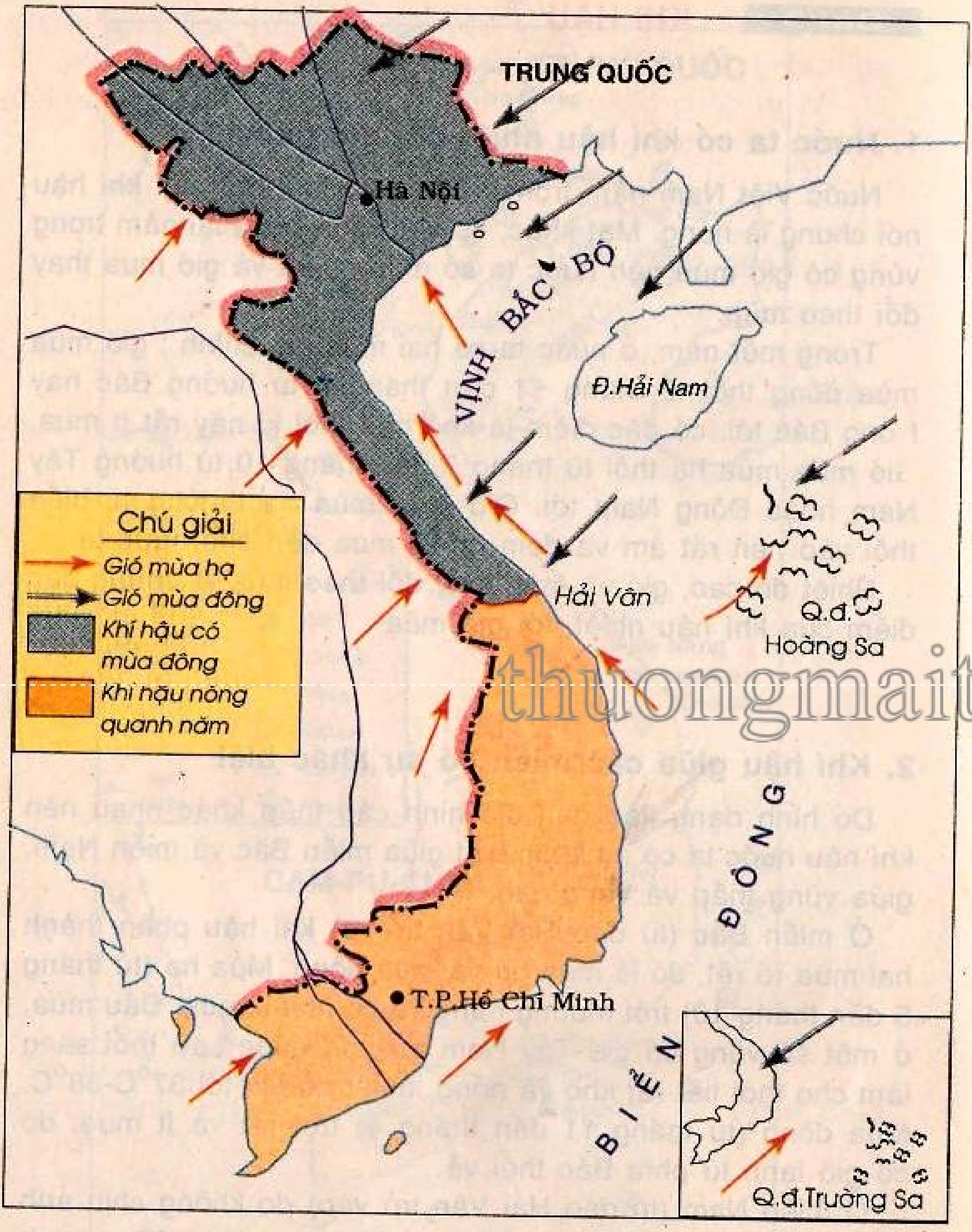

Hình 4 - Lược đồ khí hậu.

thuongmaitr

tháng 10) thường xuyên có mưa to. Mùa khô (từ tháng 11 đến tháng 4) bầu trời xanh ngắt, ban ngày nắng chói chang, ban đêm mát mẻ.

Ở những vùng núi cao, nhiệt độ thường thấp hơn ở những vùng thấp.

3. Nước ta hay có bão

Vào mùa hạ và mùa thu, nước ta thường bị những cơn bão từ Biển Đông đổ vào gây nhiều thiệt hại về nhà cửa, mùa màng... vì bão có gió rất to và mưa rất lớn.

Nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa, có một mùa mưa nhiều và một mùa ít mưa, hay có bão vào mùa hạ và mùa thu.
Khí hậu miền Bắc lạnh về mùa đông, khí hậu miền Nam nóng quanh năm.

tuongxua.vn

Câu hỏi

1. Hãy nêu đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta.
2. Khí hậu miền Bắc và miền Nam khác nhau như thế nào ? Tại sao lại có sự khác nhau đó ?
3. Hãy xác định hướng gió mùa đông, mùa hạ và hai miền khí hậu khác nhau của nước ta trên lược đồ (hình 4).
4. Khí hậu gió mùa có ảnh hưởng gì tới đời sống và sản xuất của nhân dân ta ?

Bài 4 SÔNG NGÒI

1. Nước ta có rất nhiều sông nhưng ít sông lớn

Nước ta có tới hàng nghìn con sông lớn nhỏ (chưa kể các sông đào và kênh, mương).

Ở miền Bắc, hệ thống sông Hồng là lớn nhất, sau đó đến hệ thống sông Thái Bình. Ở miền Nam, hệ thống sông Cửu Long (đoạn hạ lưu của sông Mê Công) là lớn nhất, sau đó đến hệ thống sông Đồng Nai. Miền Trung cũng có nhiều sông nhưng phần nhiều là sông nhỏ, ngắn, dốc ; lớn hơn cả là sông Mã, sông Cả.

2. Sông ngòi nước ta có lượng nước lớn và thay đổi theo mùa

Do khí hậu có mùa mưa và mùa khô nên mức nước của sông ngòi nước ta cũng lên xuống theo mùa. Vào mùa mưa, nước sông dâng lên nhanh chóng, có khi ngập cả hai bờ, ào ạt chảy từ vùng núi về đồng bằng gây lũ lụt. Đó là mùa lũ của sông. Lượng nước trong mùa lũ chiếm tới $\frac{2}{3}$ lượng nước cả năm. Vào mùa khô, mức nước các sông hạ thấp, lòng sông trơ ra những khoảng đất trống và bãi cát. Đó là mùa cạn của sông.

Nước sông lên xuống theo mùa ảnh hưởng nhiều tới đời sống và sản xuất của nhân dân ta.

3. Sông nước ta có nhiều phù sa

Nhiều sông của nước ta rất đục, đặc biệt là vào mùa lũ, vì trong nước có chứa nhiều phù sa (bùn, cát). Phù sa này là do nước mưa bào mòn bề mặt đất ở nhiều nơi đưa xuống

Hình 5 - Lược đồ sông ngòi (phần đất liền).

truongxua.vn

sông. Trong các sông ở miền Bắc thì sông Hồng có nhiều phù sa nhất.

Nước ta có nhiều sông nhưng ít sông lớn. Sông của nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa và có nhiều phù sa.

Câu hỏi

1. Sông ngòi nước ta có đặc điểm gì ?
2. Tại sao sông ngòi nước ta lại có mức nước lên xuống theo mùa ?
3. Tìm và chỉ trên lược đồ các sông đã được nêu tên ở trong bài học trên.
4. Nước sông lên xuống theo mùa có những ảnh hưởng gì tới đời sống và sản xuất của nhân dân ta ?

① Em hãy kể tên một số con sông lớn ở miền Trung, Bắc, Nam.

Bài 5 VÙNG BIỂN NƯỚC TA

thuongmaitr

1. Vị trí và đặc điểm của vùng biển nước ta

Vùng biển nước ta là một bộ phận của Biển Đông.

Nằm trong vùng có khí hậu nóng quanh năm, biển của nước ta không bao giờ đóng băng ; vì vậy việc đánh bắt hải sản và giao thông trên biển rất thuận lợi. Tuy nhiên, biển miền Bắc và biển miền Trung hay có bão về mùa hạ và mùa thu, gây nhiều thiệt hại cho những vùng ven biển và tàu thuyền trên biển.

Hiện tượng nước biển hàng ngày dâng lên, hạ xuống đều đặn gọi là thủy triều. Nhân dân vùng ven biển thường lợi dụng thủy triều để lấy nước biển làm muối và ra khơi đánh bắt cá tôm...

Trong biển nước ta, vào mùa đông có dòng nước chảy từ phía Đông Bắc xuống và vào mùa hạ có dòng nước chảy từ phía Tây Nam lên, gọi là dòng biển. Những dòng biển này đã đem đến cho nước ta nhiều cá và vận chuyển phù sa bồi đắp cho đồng bằng ven biển.

2. Biển có vai trò lớn đối với nước ta

Biển là nguồn cung cấp hơi nước thường xuyên cho những cơn mưa ở nước ta. Nhờ có gió biển mà khí hậu nước ta trở nên mát ẩm vào mùa hạ, đỡ khô hạn về mùa đông.

Ven biển nước ta có nhiều phong cảnh đẹp, bãi tắm tốt. Đó là những nơi du lịch và nghỉ mát hấp dẫn như vịnh Hạ Long, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Cửa Lò, Non Nước, Nha Trang, Vũng Tàu...

Biển nước ta có nhiều loài hải sản. Riêng cá có tới hàng trăm loại, trong đó có những loại cá ngon nổi tiếng như cá chim, cá thu... Tôm cũng có hàng chục loại, to nhất là tôm hùm. Một số loài hải sản khác cũng rất quý như hải sâm, mực, rau câu, trai ngọc, đồi mồi v.v... Hiện nay, hàng năm chúng ta đánh bắt được khoảng 1 triệu tấn hải sản.

ruongxua.vn

Biển còn là một kho muối khổng lồ. Đáy biển có chứa các mỏ dầu, khí.

Đường bờ biển dài, vùng biển rộng là điều kiện thuận lợi cho nước ta phát triển giao thông đường biển, mở rộng giao lưu với nước ngoài.

Vùng biển nước ta là một bộ phận của Biển Đông. Biển điều hòa khí hậu, có nhiều nơi du lịch, nghỉ mát, là kho tài nguyên và là đường giao thông quan trọng.

Câu hỏi

1. Em hãy nêu vị trí và đặc điểm của biển nước ta.

2. Biển có vai trò như thế nào đối với nước ta ?

3. Em hãy kể tên những hải sản của biển nước ta mà em biết.

Bài 6 THỰC HÀNH : ĐẤT VÀ ĐỘNG, THỰC VẬT

1. Các loại đất ở nước ta

Em hãy quan sát lược đồ các loại đất (hình 6) rồi ghi vào vở theo mẫu ở bảng dưới đây :

Tên loại đất	Tên vùng mà loại đất đó chiếm diện tích nhiều nhất
Đất phù sa	- Đồng bằng châu thổ sông Hồng ĐB ven biển miền Trung ĐB sông Cửu Long
Đất phe ra lít Đất phe ra lít trên đá vôi Đất đỏ ba-dan Đất phù sa cổ	Trường Sơn Bắc Núi đồi phía Bắc Tây Nguyên Đông Nam Bộ

Chú thích : Đất phe-ra-lít được hình thành ở vùng đồi núi, có màu đỏ vàng và nghèo mùn nhưng nếu được hình thành trên đá vôi và đá ba-dan (đất đỏ ba-dan) thì tơi xốp, phì nhiêu hơn.

thuongmaitr

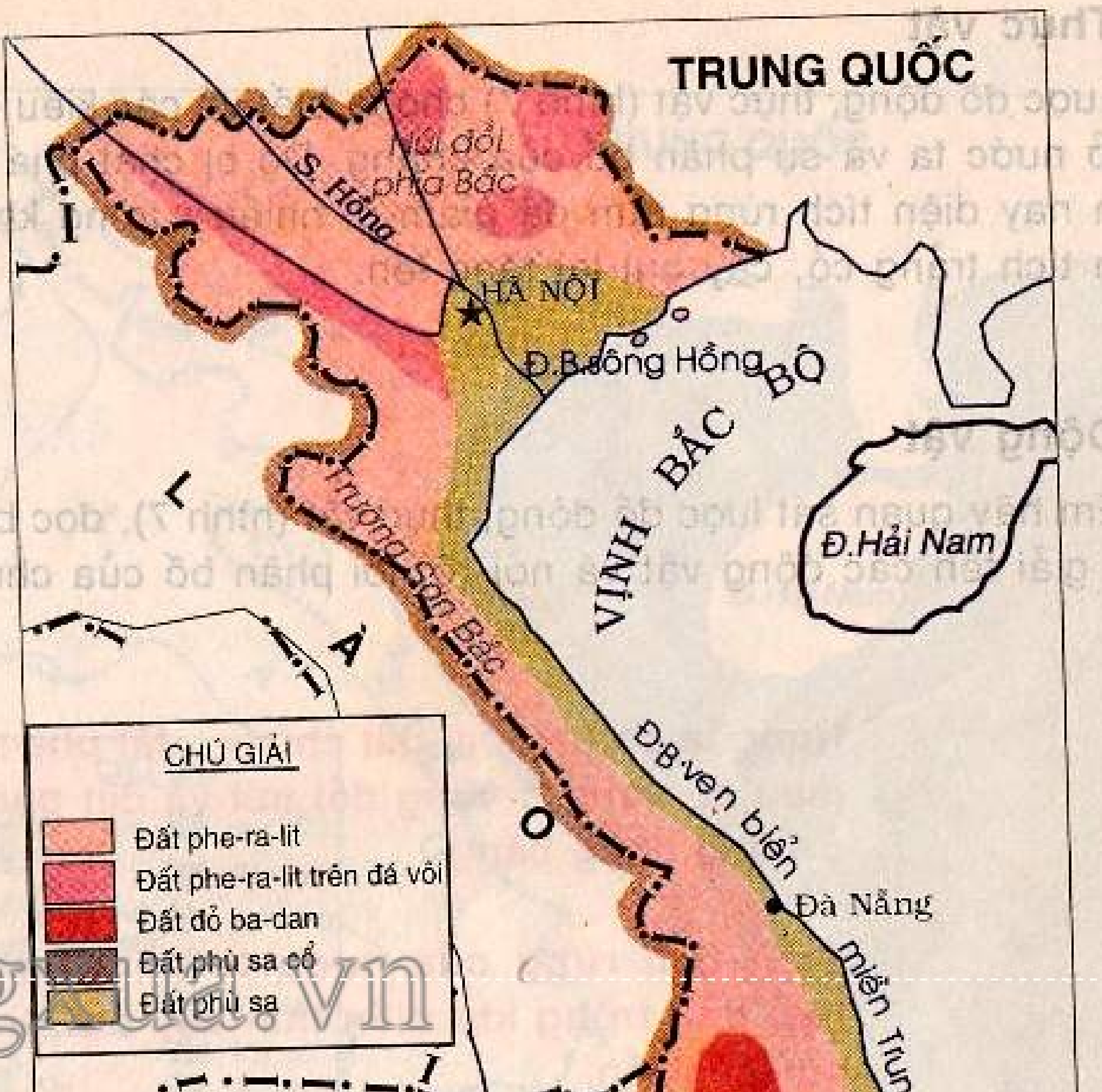

Hình 6 - Lược đồ các loại đất (phần đất liền).

truongxua.vn

2. Thực vật

Lược đồ động, thực vật (hình 7) cho ta biết về các kiểu rừng có ở nước ta và sự phân bố của chúng. Do bị chặt phá nên hiện nay diện tích rừng rậm đã giảm đi nhiều ; trong khi đó diện tích trảng cỏ, cây bụi lại tăng lên.

3. Động vật

Em hãy quan sát lược đồ động, thực vật (hình 7), đọc bảng chú giải tên các động vật và nói rõ nơi phân bố của chúng.

Nước ta có hai loại đất chính : đất phe-ra-lít màu đỏ vàng ở vùng đồi núi và đất phù sa ở vùng đồng bằng.

Diện tích rừng của nước ta đang bị thu hẹp dần trong khi diện tích cây bụi, trảng cỏ tăng lên.

Nước ta có nhiều loài động vật song số lượng đang giảm dần do bị đánh bắt nhiều.

Câu hỏi

1. Tìm trên lược đồ nơi có đất phe-ra-lít, đất đỏ ba dan và đất phù sa.

2. Tìm trên lược đồ nơi có rừng rậm, rừng thưa, rừng ngập mặn ; ở nơi đó có những con vật gì ?

3. Cần phải làm gì để giảm diện tích đất trống đồi trọc (nơi chỉ có cây bụi, trảng cỏ) ? cần phải trồng cây gây rừng để giảm dt đất trống đồi trọc .

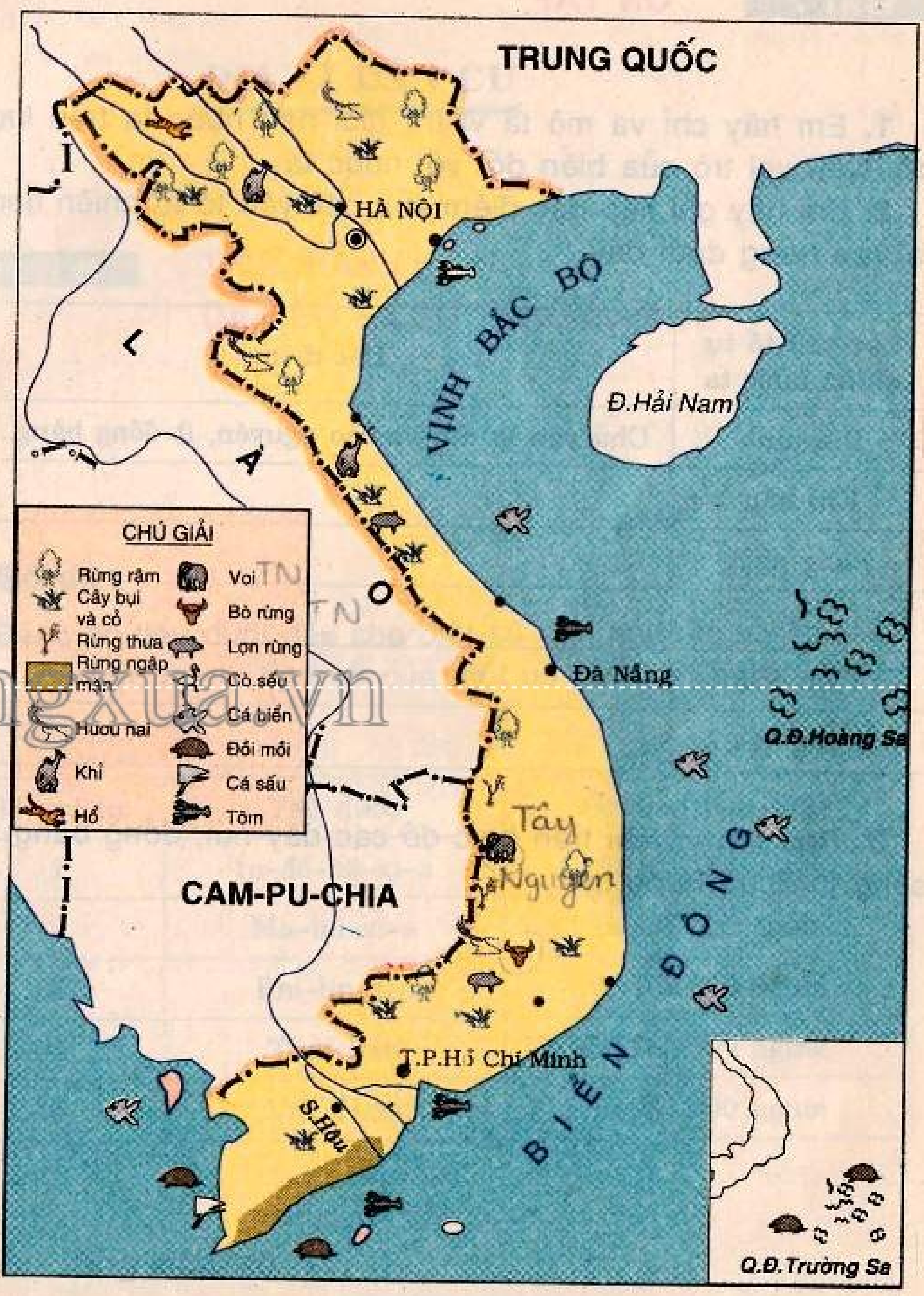

Hình 7 - Lược đồ động, thực vật.

Bài 7 ÔN TẬP

1. Em hãy chỉ và mô tả vị trí, giới hạn nước ta trên lược đồ. Nêu vai trò của biển đối với nước ta.

2. Em hãy ghi tiếp đặc điểm của các yếu tố tự nhiên nước ta vào bảng dưới đây :

Các yếu tố tự nhiên nước ta	Đặc điểm
Địa hình	Chủ yếu là núi và cao nguyên, ít đồng bằng...
Khí hậu	
Sông ngòi	
Đất	
Thực vật	
Động vật	

thuongmaitr

3. Nêu tên và chỉ trên lược đồ các dãy núi, đồng bằng và sông lớn của nước ta.

ĐỊA LÍ DÂN CƯ

Bài 8

THỰC HÀNH :
DÂN SỐ VÀ SỰ TĂNG DÂN SỐ

1. Số dân

Bảng số liệu dưới đây cho biết số dân nước ta và so sánh dân số nước ta với dân số của một số nước ở khu vực Đông Nam Á.

uongxua.vn

Số thứ tự	Tên nước	Số dân năm 1994
1	In-đô-nê-xi-a	194 615 000 người
2	Ma-lai-xi-a	19 695 000 người
3	Phi-lip-pin	66 188 000 người
4	Thái Lan	58 183 000 người
5	Việt Nam	72 931 000 người

2. Sự tăng dân số

Đọc biểu đồ dân số Việt Nam (hình 8) rồi điền vào bảng dưới đây ; sau đó nhận xét về tình hình tăng dân số của nước ta.

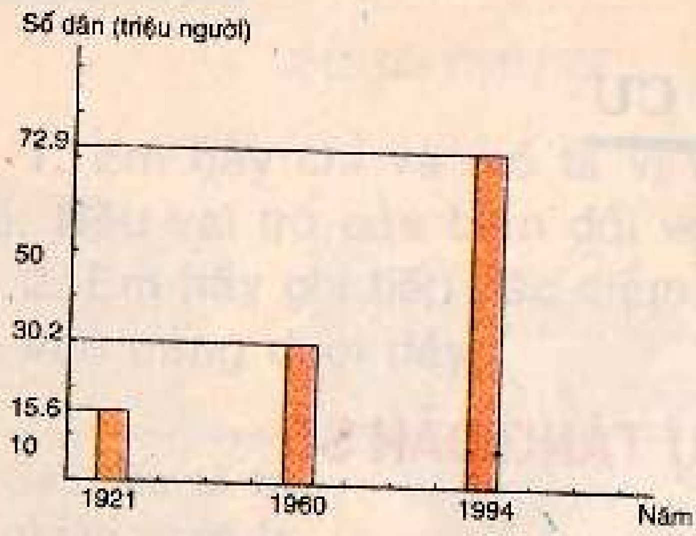

Hình 8 - Biểu đồ dân số Việt Nam.

Năm	Số dân Việt Nam (triệu người)
1921	....
1960	....
1994	....

3. Hậu quả của sự tăng dân số

Trong khi diện tích đất không tăng thêm, đất nước ta còn nghèo thì sự tăng dân số nhanh sẽ gây nhiều tác hại đến việc đảm bảo các nhu cầu về ăn, mặc, ở, học hành, đi lại, chăm sóc sức khỏe... của nhân dân.

Nước ta có dân số đông đứng hàng thứ hai ở Đông Nam Á. Dân số tăng nhanh gây nhiều khó khăn cho việc nâng cao đời sống của nhân dân ta. 2

Câu hỏi

1. Hãy nêu đặc điểm của dân số và sự tăng dân số ở nước ta.

2. Dân số tăng nhanh gây nên những khó khăn gì cho việc đảm bảo các nhu cầu về ăn, mặc, ở, học hành... của nhân dân ta ? Tìm một vài ví dụ cụ thể ở địa phương em. gây ra nạn thất nghiệp. không đủ ăn, sức khỏe o được chăm sóc.

Bài 9

CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM. SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ

1. Việt Nam là nước có nhiều dân tộc

Nước ta có 54 dân tộc. Dân tộc Kinh có số dân đông nhất, chiếm trên $\frac{4}{5}$ dân số cả nước. Người Kinh sống chủ yếu ở các đồng bằng. Các dân tộc ít người còn lại chỉ chiếm chưa đến $\frac{1}{5}$ dân số cả nước ; họ sống chủ yếu ở vùng núi và cao nguyên.

Em hãy kể tên một số dân tộc ít người ở vùng núi phía Bắc và ở Tây Nguyên.

2. Mật độ dân số nước ta cao

Mật độ dân số là số dân trung bình sống trên 1km^2.

ruongxua.vn

Qua bảng số liệu dưới đây, ta thấy Việt Nam là nước có mật độ dân số cao so với mật độ dân số trung bình của toàn thế giới và của một số nước ở châu Á.

Số thứ tự	Tên nước	Mật độ dân số năm 1994 (người / km^2)
1	Toàn thế giới	42
2	Cam-pu-chia	55
3	Lào	20
4	Trung Quốc	126
5	Việt Nam	220

3. Dân cư nước ta phân bố không đều giữa các vùng

Quan sát lược đồ mật độ dân cư (hình 9) và cho biết dân cư nước ta tập trung đông đúc ở vùng nào , vùng nào dân cư thưa thớt ?

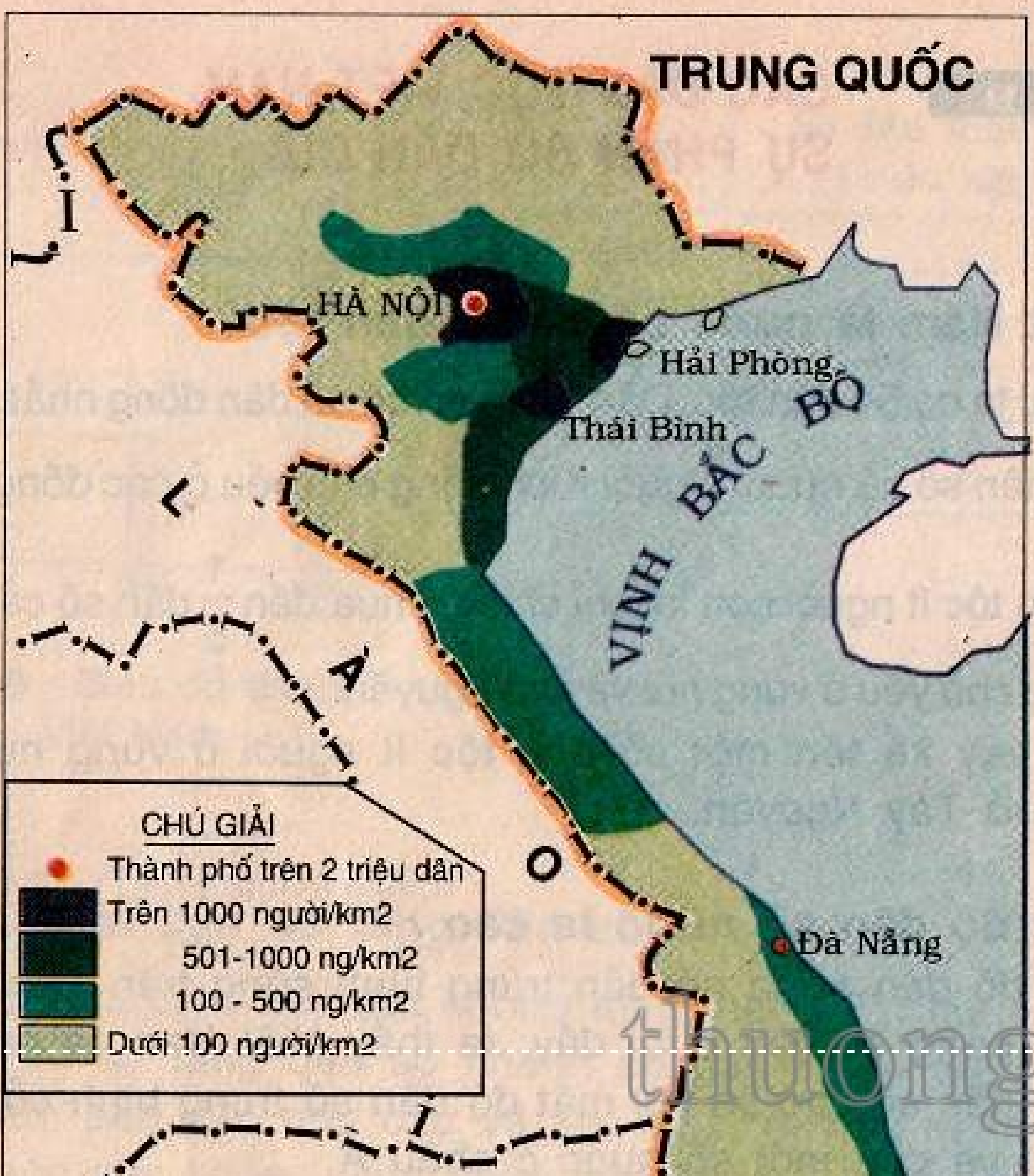

Hình 9 - Lược đồ mật độ dân cư (phần đất liền).

Như vậy, ở đồng bằng đất chật người đông, thừa sức lao động. Ở miền núi, đất rộng, nhiều tài nguyên nhưng lại thiếu sức lao động. Do đó, nước ta cần có kế hoạch điều chỉnh dân cư giữa các vùng.

Hơn $\frac{4}{5}$ dân số nước ta sống ở nông thôn vì phần lớn dân cư nước ta làm nghề nông. Chỉ có gần $\frac{1}{5}$ dân số sống ở thành thị.

Việt Nam là nước có nhiều dân tộc, trong đó người Kinh có số dân đông nhất. Mật độ dân số nước ta cao. Dân cư phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi, giữa thành thị và nông thôn.

ruongxua.vn

Câu hỏi

1. Nước ta có bao nhiêu dân tộc ? Dân tộc nào có số dân đông nhất ? Dân tộc Kinh sống chủ yếu ở đâu ? Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở đâu ?
2. Nêu đặc điểm của mật độ dân số và sự phân bố dân cư nước ta.

ĐỊA LÍ KINH TẾ

Bài 10 NÔNG NGHIỆP

1. Việt Nam là nước nông nghiệp

Số liệu về tỉ lệ người lao động và tỉ lệ đóng góp của ngành nông nghiệp trong nền kinh tế cho thấy vai trò quan trọng của nông nghiệp ở nước ta.

Tuy nông nghiệp có vai trò quan trọng nhưng đất nông nghiệp ở nước ta lại không có nhiều. Tính trung bình mỗi

thuongmaitr

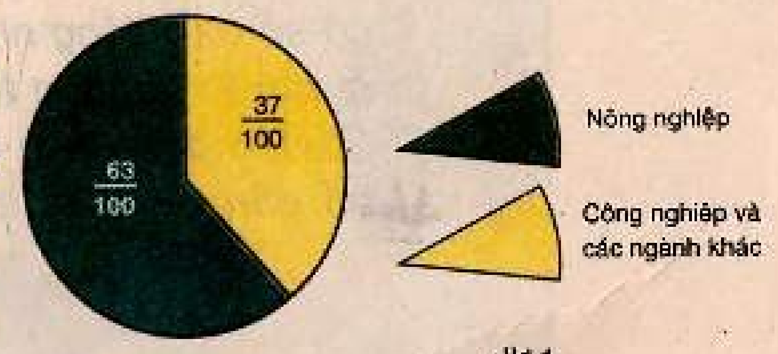

Hình 10 - Biểu đồ về tỉ lệ người lao động nông nghiệp trong nền kinh tế nước ta.

Hình 11 - Biểu đồ về tỉ lệ đóng góp của ngành nông nghiệp trong tổng sản phẩm quốc dân.

người dân Việt Nam chỉ có khoảng 0,1 ha đất nông nghiệp, so với nhiều nước là rất thấp. Nếu dân số tăng nhanh thì số đất nông nghiệp tính cho mỗi người dân giảm càng mạnh.

2. Trong nông nghiệp, trồng trọt là ngành sản xuất chính

Trồng trọt :

- Cây lương thực : lúa, hoa màu (ngô, khoai, sắn...)
- Cây công nghiệp :
  + Cây dài ngày : chè, cao su, cà phê...
  + Cây ngắn ngày : mía, thuốc lá, đay, cói...
- Rau đậu, hoa và cây ăn quả.
- Trồng rừng

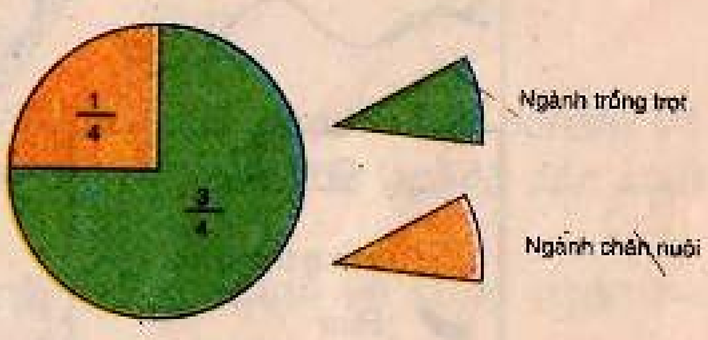

Hình 12 - Biểu đồ tỉ lệ đóng góp của ngành trồng trọt và ngành chăn nuôi trong nông nghiệp.

tuongxua.vn

Biểu đồ (hình 12) cho thấy ngành trồng trọt là ngành sản xuất chính trong nông nghiệp nước ta.

Do có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nên ở nước ta các cây trồng chính đều là cây xứ nóng. Cây lúa được trồng nhiều nhất và tập trung ở các đồng bằng. Năm 1995, nước ta thu hoạch được hơn 27,5 triệu tấn lúa. Mấy năm nay, nước ta là một trong những nước xuất khẩu nhiều gạo trên thế giới.

Nông dân ở miền Bắc và ở những vùng núi cao, nơi có khí hậu mát mẻ còn trồng được rau màu ôn đới như khoai tây, su hào, bắp cải, cà chua...

- Em hãy quan sát lược đồ phân bố cây trồng (hình 13) và cho biết các vùng trồng cây công nghiệp dài ngày ở nước ta.

Hình 13 - Lược đồ phân bố cây trồng (phần đất liền).

Việt Nam là nước nông nghiệp nhưng diện tích đất nông nghiệp không nhiều.

Trồng trọt là ngành sản xuất chính trong nông nghiệp. Lúa là nông phẩm chủ yếu, cây lúa được trồng nhiều ở các đồng bằng.

Ngoài ra, nông dân còn trồng thêm các loại cây khác như hoa màu, cây công nghiệp, rau v.v...

Câu hỏi

1. Tại sao nói Việt Nam là nước nông nghiệp và trong nông nghiệp thì trồng trọt là ngành sản xuất chính ?

2. Nêu một số cây trồng chính và vùng phân bố chủ yếu của chúng.

3. Tại sao ở nước ta lại trồng nhiều loại cây xứ nóng ?

4. Quê em trồng cây gì nhiều nhất ?

truongxua.vn

Bài 11

THỰC HÀNH : NÔNG NGHIỆP (tiếp theo)

3. Ngành chăn nuôi

- Em hãy kể các sản phẩm của ngành chăn nuôi và nêu công dụng của các sản phẩm đó.

- Sau khi đọc bảng số liệu dưới đây, em hãy nhận xét về sự thay đổi số lượng gia súc, gia cầm ở nước ta trong thời gian qua.

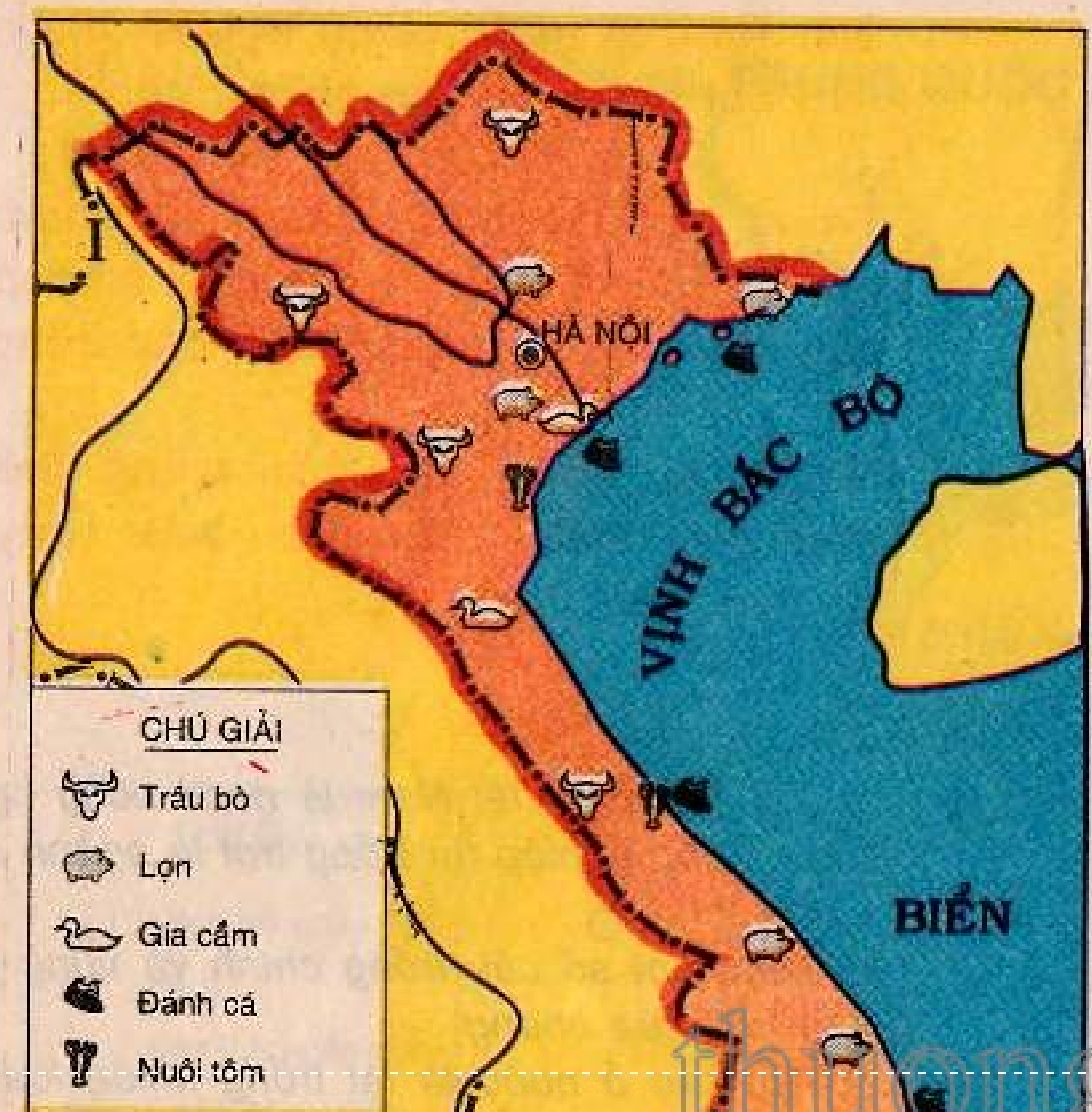

Hình 14 - Lược đồ phân bố ngành chăn nuôi và đánh bắt cá ven bờ.

thuongmaitr

	Năm 1980 (nghìn con)	Năm 1990 (nghìn con)
Trâu	2 313	2 919
Bò	1 664	3 218
Lợn	10 001	12 538
Gia cầm	64 500	110 100

- Dựa vào lược đồ (hình 14), em hãy nêu tên những vật nuôi và vùng phân bố chính của những vật nuôi đó.

4. Ngành thủy sản (đánh bắt và nuôi tôm, cá...)

- Em hãy kể những điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển ngành thủy sản ở nước ta.
- Chỉ trên lược đồ những vùng đánh bắt cá ven bờ của nước ta.

ruongxua.vn

Chăn nuôi là ngành có vai trò to lớn trong đời sống và sản xuất của nhân dân ta. Số lượng gia súc, gia cầm ngày càng tăng. Trâu, bò, dê được nuôi nhiều ở miền núi ; lợn, gia cầm nuôi nhiều ở đồng bằng ; tôm, cua, cá được nuôi nhiều ở sông, hồ và vùng ven biển.

Câu hỏi

1. Nêu vai trò của ngành chăn nuôi đối với sản xuất và đời sống.

2. Tìm trên lược đồ (hình 14) những nơi chăn nuôi gia súc lớn, gia súc nhỏ, gia cầm và những vùng đánh bắt cá ven bờ ở nước ta.

Bài 12 CÔNG NGHIỆP

1. Nước ta có nền công nghiệp trẻ

So với nhiều nước trên thế giới thì nước ta có nền công nghiệp còn rất trẻ. Phần lớn các nhà máy của nước ta mới được xây dựng trong khoảng vài chục năm trở lại đây. Tuy thế, ngành công nghiệp cũng đóng góp được hơn $\frac{1}{5}$ tổng sản phẩm quốc dân của nước ta (năm 1993).

2. Công nghiệp nước ta có nhiều ngành

Ngành công nghiệp	Sản phẩm
- Khai thác khoáng sản	- Than đá, dầu mỏ, quặng sắt...
- Điện (nhiệt điện, thủy điện)	- Điện
- Luyện kim	- Gang, thép, đồng, thiếc...
- Cơ khí (sản xuất, lắp ráp, sửa chữa)	- Các loại máy móc, các phương tiện giao thông : tàu, xe...
- Hóa chất	- Phân bón, thuốc trừ sâu, xà phòng...
- Dệt, may mặc	- Các loại vải, quần áo...
- Chế biến lương thực, thực phẩm	- Gạo, đường, bánh kẹo, rượu bia...
- Sản xuất các đồ dùng khác	- Dụng cụ y tế, đồ dùng gia đình...

Bảng thống kê trên cho thấy, nước ta có nhiều ngành công nghiệp với nhiều loại sản phẩm khác nhau.

3. Ngành thủ công truyền thống

Nước ta có hàng trăm nghề thủ công. Đó là những nghề chủ yếu dựa vào sự khéo tay và nguồn nguyên liệu sẵn có.

Đa số nhân dân vừa làm nghề nông, vừa làm nghề thủ công. Họ thường dùng thời gian rỗi rãi để sản xuất thêm nhiều hàng hóa nhằm tăng thu nhập cho gia đình.

Một số địa phương có những mặt hàng nổi tiếng từ xưa như lụa tơ tằm Hà Đông, Quảng Nam ; chiếu Nga Sơn, Kim Sơn ; hàng đồi mồi Kiên Giang ; đồ gốm Bát Tràng, Biên Hòa v.v...

Các ngành công nghiệp và thủ công của nước ta đã sản xuất ra được nhiều mặt hàng phục vụ trong nước và một phần cho xuất khẩu. Tuy nhiên, chúng ta cần phải sản xuất thêm nhiều mặt hàng và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nền công nghiệp của nước ta còn trẻ, song có khá nhiều ngành và có nhiều đóng góp cho nền kinh tế đất nước. Nghề thủ công có ở khắp nơi trên đất nước.

truongxua.vn

Câu hỏi

1. Tại sao nói nền công nghiệp nước ta còn trẻ và có nhiều ngành ?

2. Ngoài các sản phẩm đã nêu trong bảng, hãy kể thêm những sản phẩm công nghiệp khác ở nước ta.

3. Địa phương em có những ngành công nghiệp và thủ công nào ?

Bài 13

THỰC HÀNH : SỰ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Dựa vào lược đồ phân bố các ngành công nghiệp (hình 15), em hãy cho biết :

- Các ngành công nghiệp khai thác than, dầu mỏ, a-pa-tit và công nghiệp điện lực, cơ khí, dệt, may mặc, thực phẩm tập trung ở những địa phương nào ?
- Kể tên các ngành công nghiệp có ở Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.

Công nghiệp khai khoáng phát triển ở những nơi có mỏ khoáng sản. Các ngành công nghiệp khác của nước ta tập trung chủ yếu ở đồng bằng và vùng ven biển.
Các trung tâm công nghiệp Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh... là nơi có nhiều ngành công nghiệp.

thuongmaitr

Câu hỏi

1. Tìm trên lược đồ (hình 15) những nơi có ngành công nghiệp khai thác than, a-pa-tit, dầu mỏ và công nghiệp cơ khí.

2. Dựa vào lược đồ để điền vào bảng sau :

Trung tâm	Các ngành công nghiệp chính
Hà Nội TP. Hồ Chí Minh Đà Nẵng	

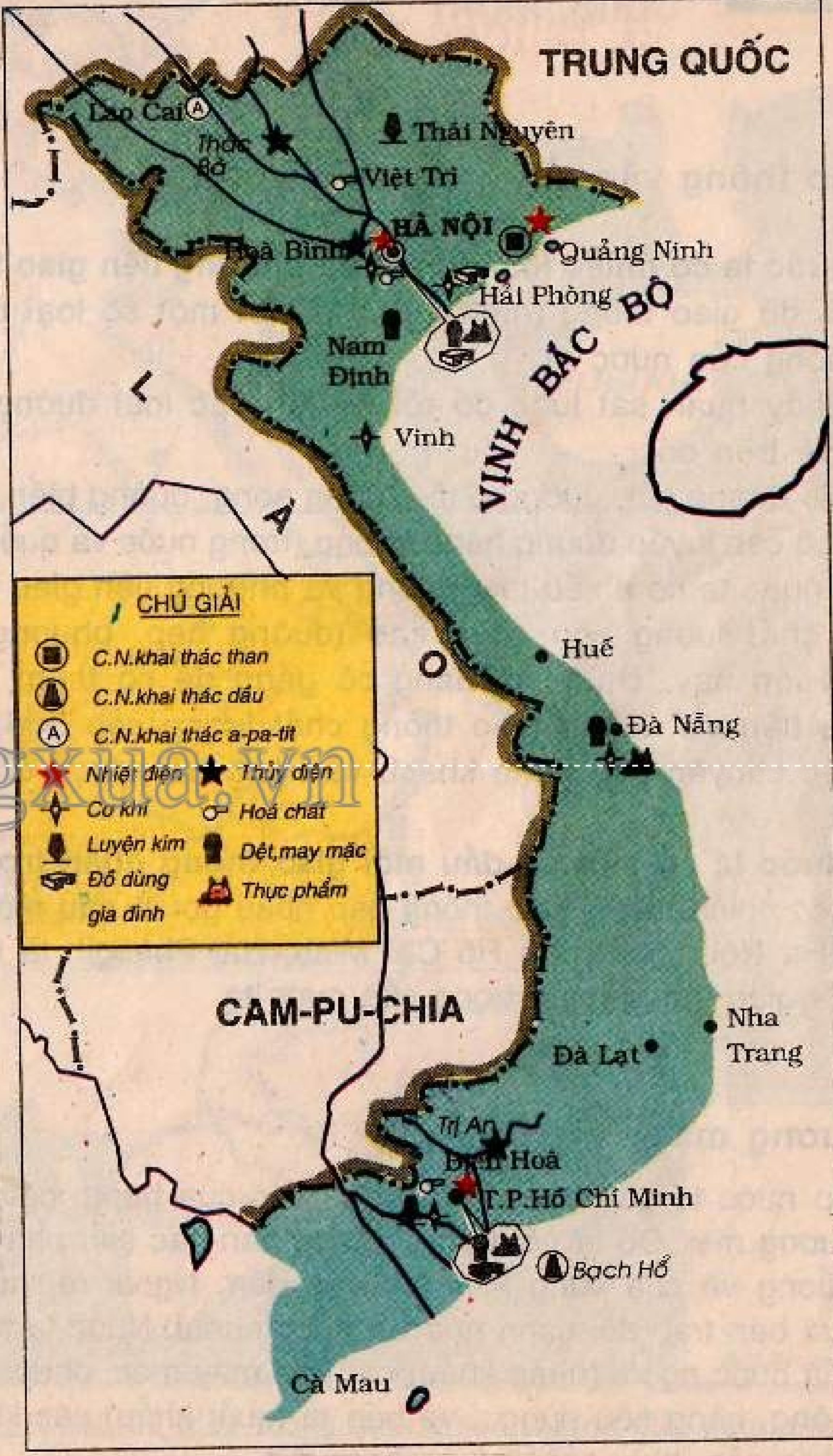

truongxua.vn

Hình 15 - Lược đồ phân bố các ngành công nghiệp (phần đất liền).

Bài 14

GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

1. Giao thông vận tải

a. Nước ta có nhiều loại đường và phương tiện giao thông

Lược đồ giao thông (hình 16) cho biết một số loại đường giao thông của nước ta.

Em hãy quan sát lược đồ rồi kể tên các loại đường giao thông vẽ trên đó.

Ngoài đường sắt, đường ô tô, đường sông, đường biển, nước ta còn có các tuyến đường hàng không (trong nước và quốc tế).

Tuy nước ta có nhiều loại đường và phương tiện giao thông nhưng chất lượng còn chưa cao (đường hẹp, phương tiện cũ...). Hiện nay, chúng ta đang cố gắng để có thêm nhiều phương tiện và đường giao thông chất lượng cao hơn, giúp cho việc chuyên chở hành khách và hàng hóa được tốt hơn.

thuongmaitr

b. Nước ta có một số đầu mối giao thông quan trọng

Nơi có nhiều tuyến giao thông gặp nhau gọi là đầu mối giao thông. Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng... là những đầu mối giao thông quan trọng của nước ta.

2. Thương mại

Khắp nước ta đâu cũng có chợ và các cửa hàng, các trung tâm thương mại. Đó là nơi trao đổi mua bán các sản phẩm của địa phương và của vùng khác chuyển đến. Ngoài ra, nước ta còn mua bán trao đổi hàng hóa với nước ngoài. Nước ta thường mua của nước ngoài (nhập khẩu) các loại máy móc, phương tiện giao thông, hàng tiêu dùng... và bán ra (xuất khẩu) các khoáng sản, nông sản, thủy sản...

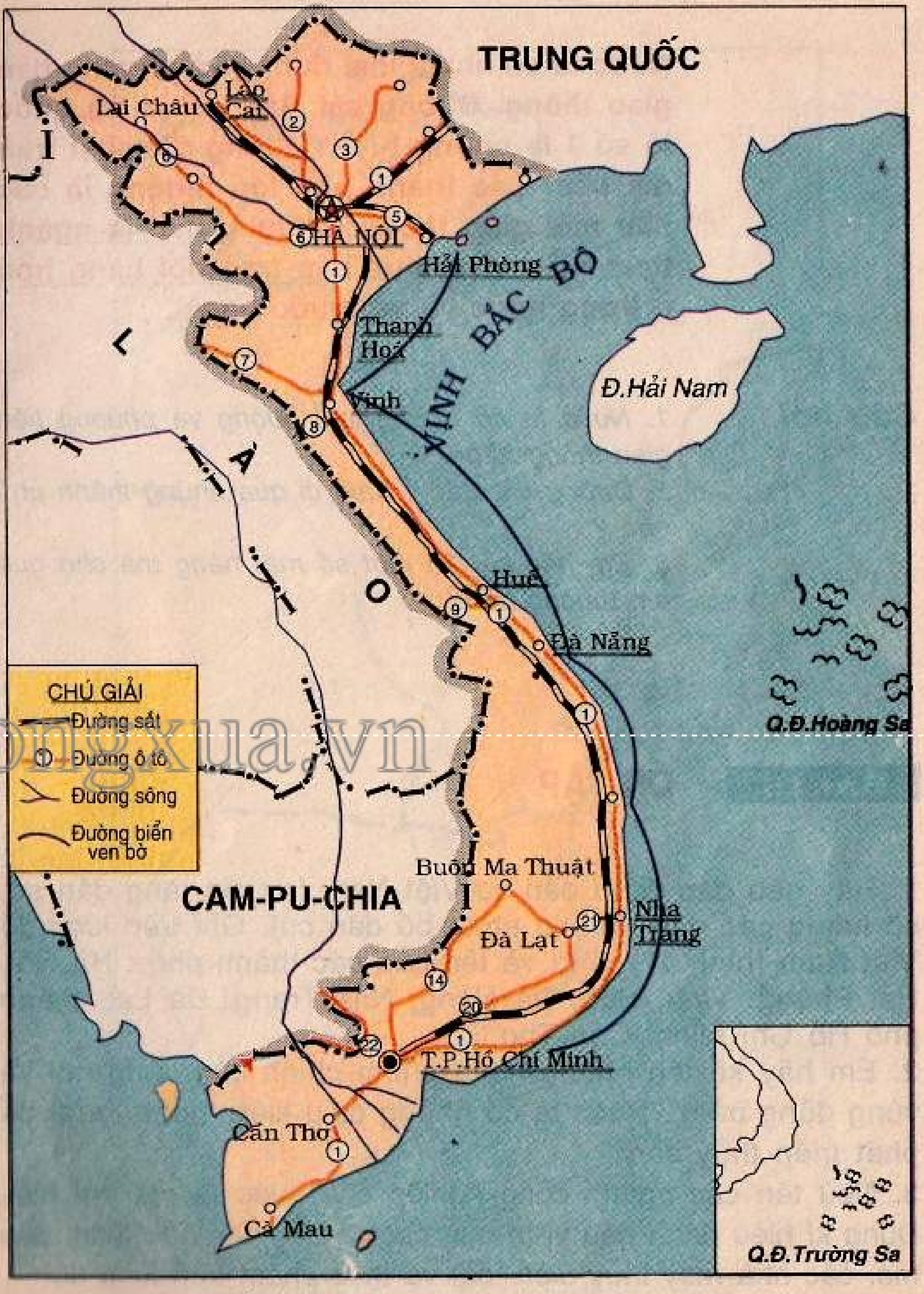

Hình 16 - Lược đồ giao thông đường sắt, đường ôtô, đường sông và đường biển ven bờ.

Nước ta có nhiều loại đường và phương tiện giao thông. Đường sắt Bắc - Nam và quốc lộ số 1 là những tuyến đường dài nhất trên đất liền. Các thành phố lớn thường là các đầu mối giao thông. Thương mại là ngành thực hiện việc mua bán trao đổi hàng hóa ở trong nước và với nước ngoài.

Câu hỏi

1. Nước ta có những loại đường và phương tiện giao thông nào ?

2. Đường sắt Bắc - Nam đi qua những thành phố nào ?

3. Em hãy kể tên một số mặt hàng mà chợ quê em thường bán.

thuongmaitr

Bài 15 ÔN TẬP

1. Hãy nêu đặc điểm dân cư Việt Nam (sự gia tăng dân số, số lượng các dân tộc, sự phân bố dân cư). Ghi trên lược đồ Việt Nam (hình 17) vị trí và tên của các thành phố : Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

2. Em hãy kể tên những nông phẩm chính của vùng núi và vùng đồng bằng. Nước ta có những điều kiện thuận lợi gì để phát triển thủy sản ?

3. Nêu tên các ngành công nghiệp của nước ta mà em biết. Dùng kí hiệu đánh dấu vị trí của các cơ sở khai thác than, dầu mỏ, các nhà máy thủy điện, dệt và thực phẩm trên lược đồ.

4. Nước ta có những loại đường giao thông nào ? Hãy nêu tên những đầu mối giao thông quan trọng ở nước ta.

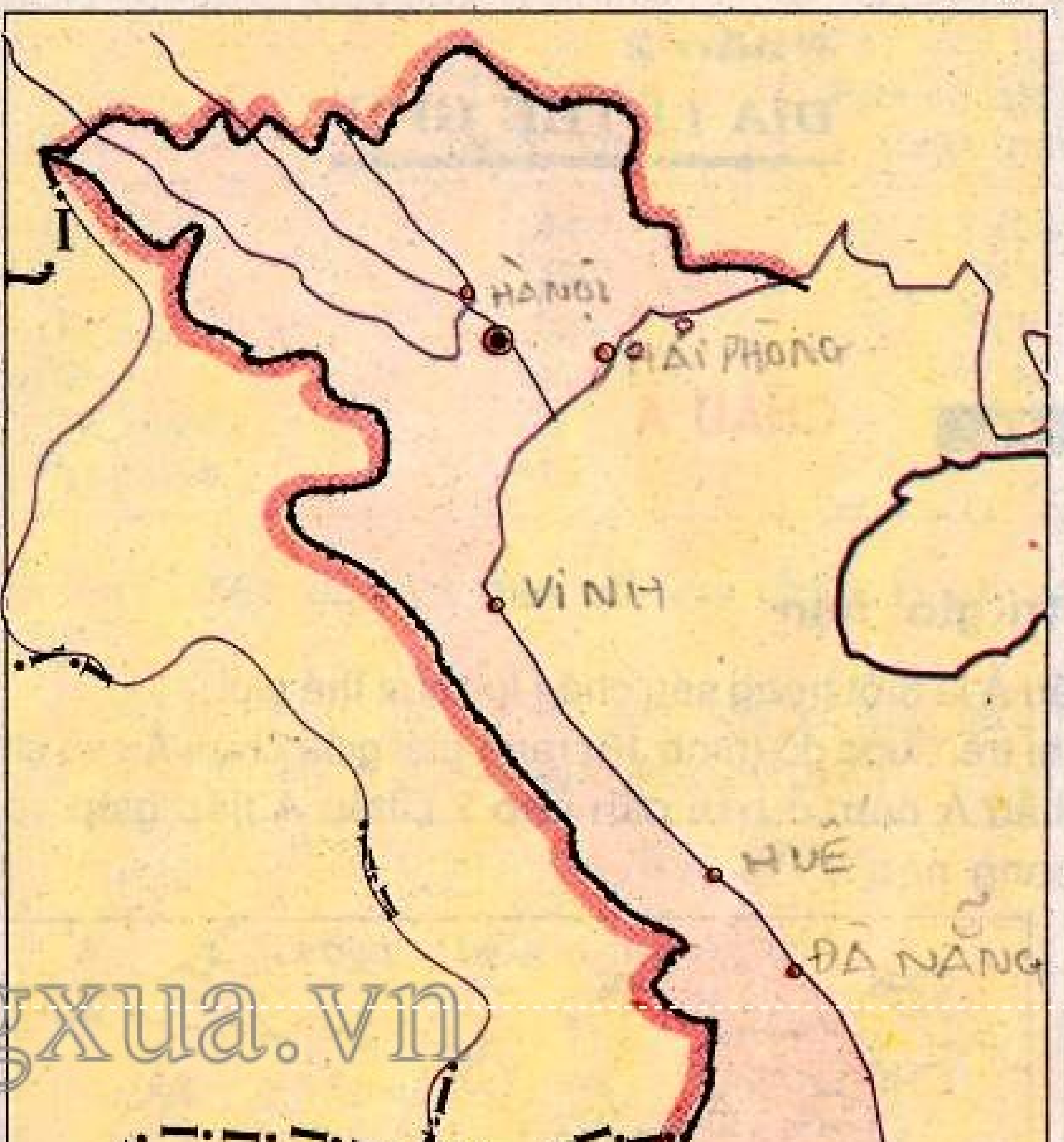

Hình 17 - Lược đồ Việt Nam (phần đất liền).

truongxua.vn

Phần 2

ĐỊA LÍ THẾ GIỚI

Bài 16 CHÂU Á

1. Vị trí giới hạn

Châu Á là một trong sáu châu lục của thế giới.

- Chỉ trên lược đồ (hình 18) ranh giới giữa châu Âu và châu Á.
- Châu Á nằm ở bán cầu nào ? Châu Á tiếp giáp với những đại dương nào ?

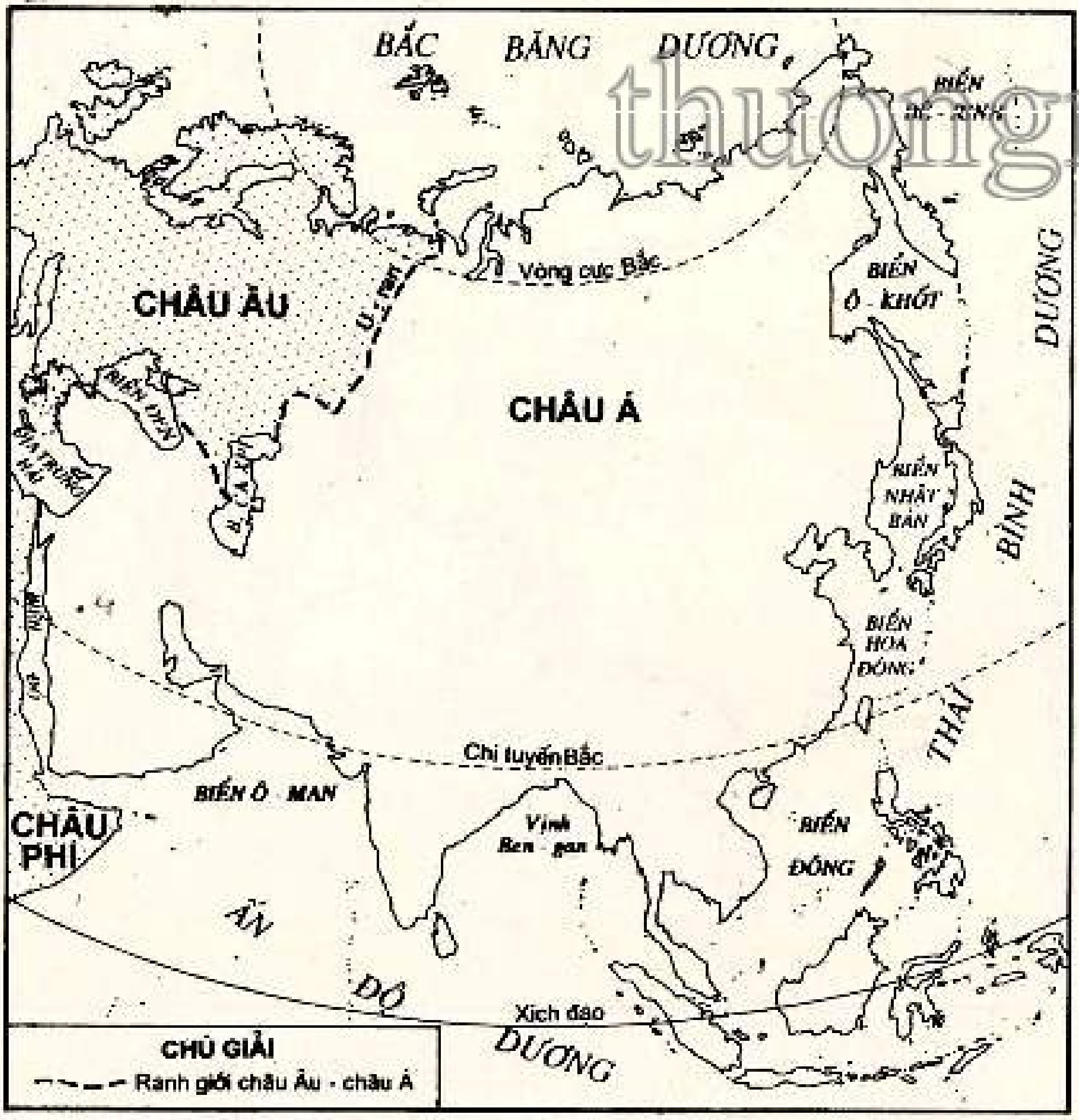

Hình 18 - Lược đồ vị trí châu Á.

thuongmaitr

Châu lục	Diện tích (triệu km^2)	Dân số năm 1994 (triệu người)
Châu Á	44	3 403
Châu Mĩ	42	763
Châu Phi	30	708
Châu Âu	10	726
Châu Đại Dương	9	28
Châu Nam Cực	14	

- So sánh diện tích và dân số của châu Á với các châu lục khác.

- Dựa vào lược đồ (hình 19), em hãy kể tên các khu vực của châu Á. Việt Nam thuộc khu vực nào ?

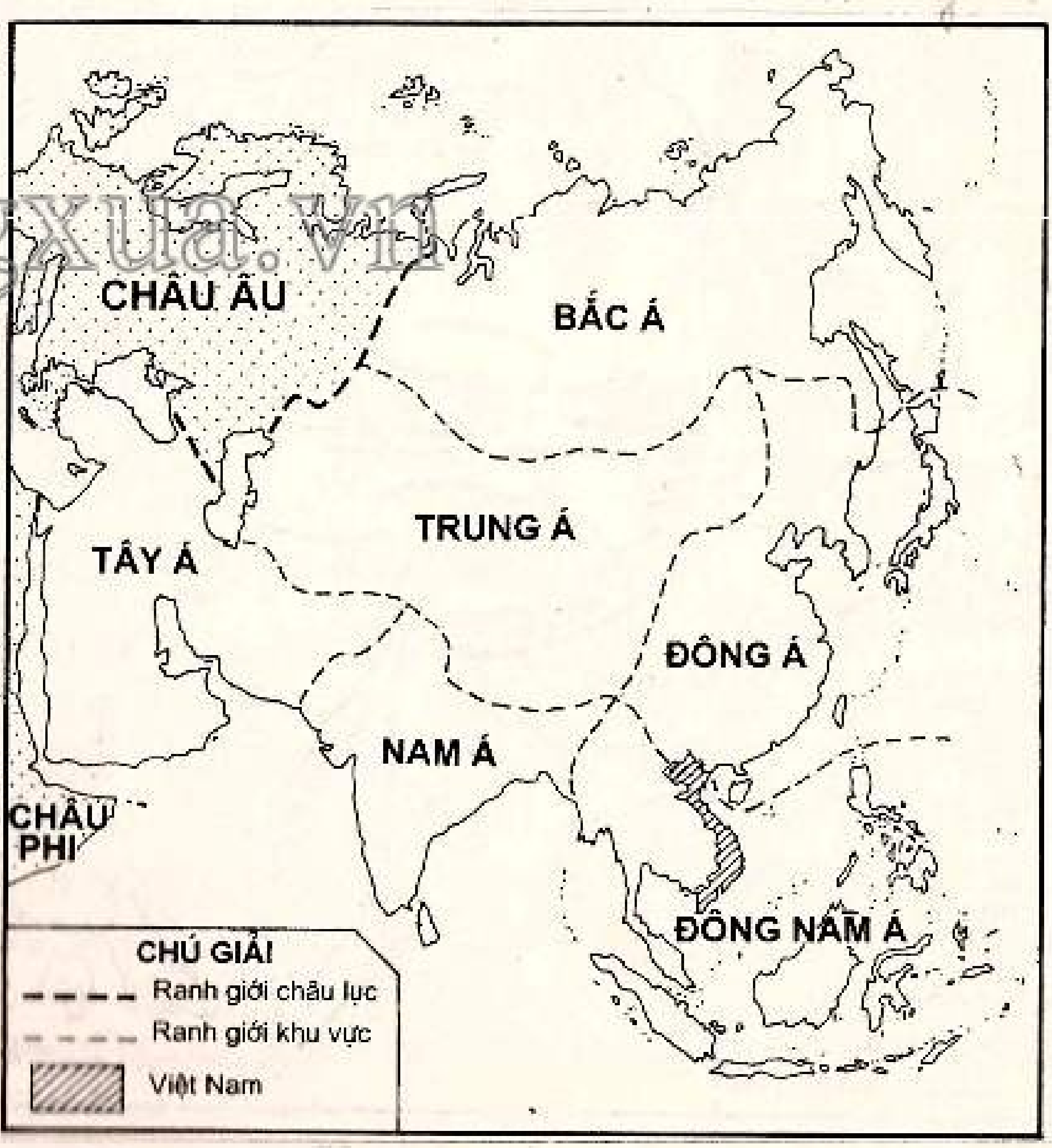

Hình 19 - Lược đồ các khu vực của châu Á.

truongxua.vn

2. Đặc điểm tự nhiên

a. Địa hình

$\frac{3}{4}$ diện tích châu Á là núi và cao nguyên ; nơi đây có những núi cao và đồ sộ bậc nhất thế giới.

- Dựa vào lược đồ (hình 20), hãy nêu tên các vùng núi, cao nguyên và đồng bằng lớn của châu Á. Đỉnh Chô-mô-lung-ma thuộc vùng núi nào ?

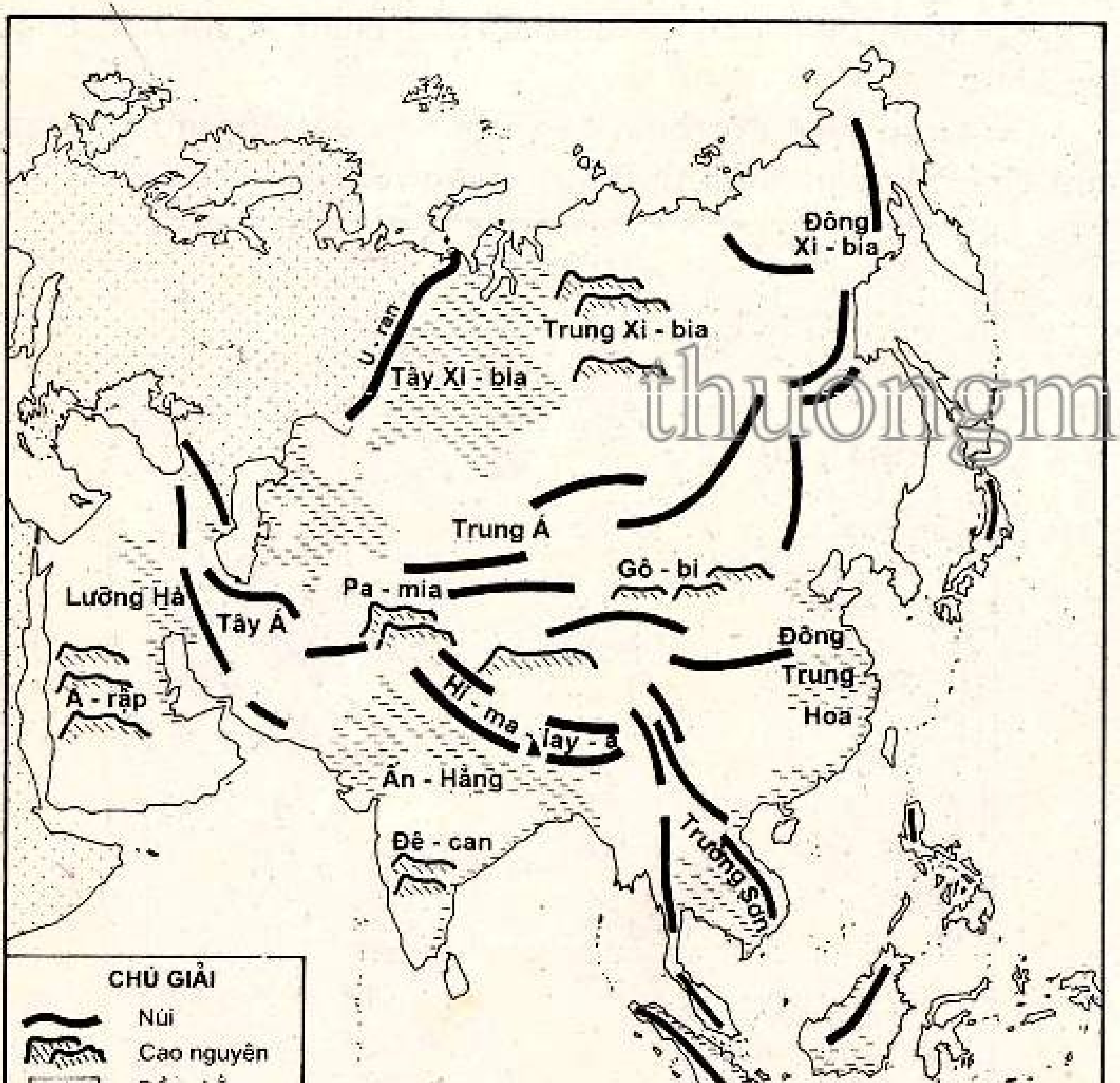

Hình 20 - Lược đồ địa hình châu Á.

thuongmaitr

Châu Á nằm ở bán cầu Bắc, có diện tích lớn nhất và số dân đông nhất trong các châu lục trên thế giới.

Núi và cao nguyên chiếm phần lớn diện tích châu Á. Đỉnh Chô-mô-lung-ma (cao 8 848m) của vùng núi Hi-ma-lay-a đồ sộ là đỉnh núi cao nhất thế giới.

Câu hỏi

Dựa vào các lược đồ trong bài, em hãy cho biết :

1. Vị trí, giới hạn của châu Á.

2. Tên các vùng núi, cao nguyên và đồng bằng lớn của châu Á. Chúng thuộc khu vực nào của châu Á ?

3. Tên gọi và vị trí của các biển ở châu Á ?

tuongxua.vn

Bài 17 CHÂU Á (tiếp theo)

2. Đặc điểm tự nhiên (tiếp)

b. Khí hậu và sông ngòi

Do có vị trí trải dài từ xích đạo đến gần cực Bắc nên châu Á có đủ các đới khí hậu, từ nhiệt đới đến ôn đới và hàn đới.

- Dựa vào lược đồ (hình 21), em hãy cho biết khoảng cách từ U-rum-si đến các biển xung quanh châu Á.

Châu Á có nhiều vùng nằm cách biển rất xa. Những vùng này có khí hậu khô khan, mùa đông giá rét, mùa hạ nóng bức, nhiệt độ giữa ban ngày và ban đêm chênh lệch nhau rất nhiều. Đó là khí hậu lục địa.

Ở các khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á thường có khí hậu gió mùa với một mùa mưa và một mùa khô.

Nước Việt Nam có khí hậu nhiệt đới gió mùa.

- Dựa vào lược đồ (hình 21), hãy nêu tên các sông lớn ở châu Á.

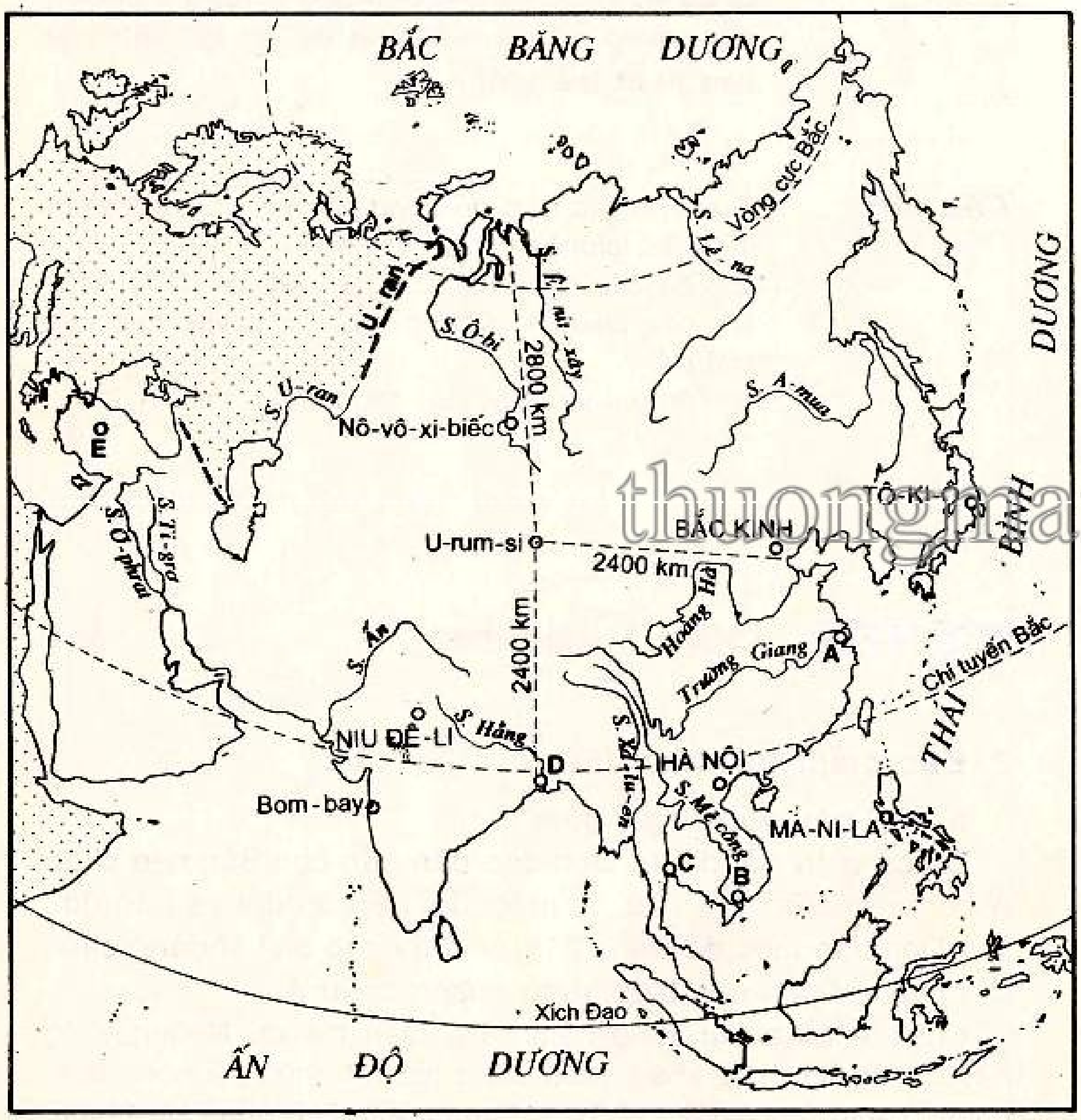

Hình 21 - Lược đồ sông ngòi châu Á.

3. Đặc điểm dân cư, kinh tế

Người châu Á chủ yếu thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it, da vàng, tóc và mắt đen (còn gọi là người da vàng). Họ sống tập trung đông đúc tại các vùng đồng bằng châu thổ màu mỡ và làm nghề nông là chính. Phần lớn các nước châu Á là nước nông nghiệp, đời sống nhân dân nói chung còn khó khăn. Chỉ ở một số nước có nền công nghiệp phát triển mạnh như Nhật Bản, Hàn Quốc, Xin-ga-po người dân mới có mức sống khá hơn. Hiện nay, nhiều nước châu Á đang cố gắng đẩy nhanh việc phát triển kinh tế.

Châu Á có đủ các đới khí hậu, từ đới nóng vùng xích đạo tới đới lạnh vùng cực.

Phần lớn dân cư châu Á thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-it (da vàng), họ sống tập trung đông đúc tại các đồng bằng châu thổ và làm nông nghiệp là chính. Một số nước châu Á có nền công nghiệp phát triển.

tuongxua.vn

Câu hỏi

1. *Tại sao châu Á lại có nhiều đới khí hậu ?*
2. *Tìm trên lược đồ (hình 21) các sông : Ê-nít-xây, Hoàng Hà, Mê Công. Các sông trên chảy qua những khu vực nào của châu Á?*
3. *Dân cư châu Á tập trung đông đúc ở những vùng nào ?*
4. *Tìm trên lược đồ châu Á các chữ cái A, B, C, D, E, điền tên các thành phố lớn thay cho các chữ cái này theo thứ tự :*

A - Thượng Hải
B - Thành phố Hồ Chí Minh
C - Băng Cốc
D - Can-cút-ta
E - An-ca-ra

Bài 18 KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

1. Vị trí, đặc điểm tự nhiên

Khu vực Đông Nam Á bao gồm bán đảo Trung Ấn (vì bán đảo này nằm giữa hai nước Trung Quốc và Ấn Độ) và nhiều đảo, quần đảo nằm ở phía Tây Thái Bình Dương.

Do nằm trong vòng đai nhiệt đới và khu vực gió mùa nên Đông Nam Á có khí hậu nhiệt đới gió mùa.

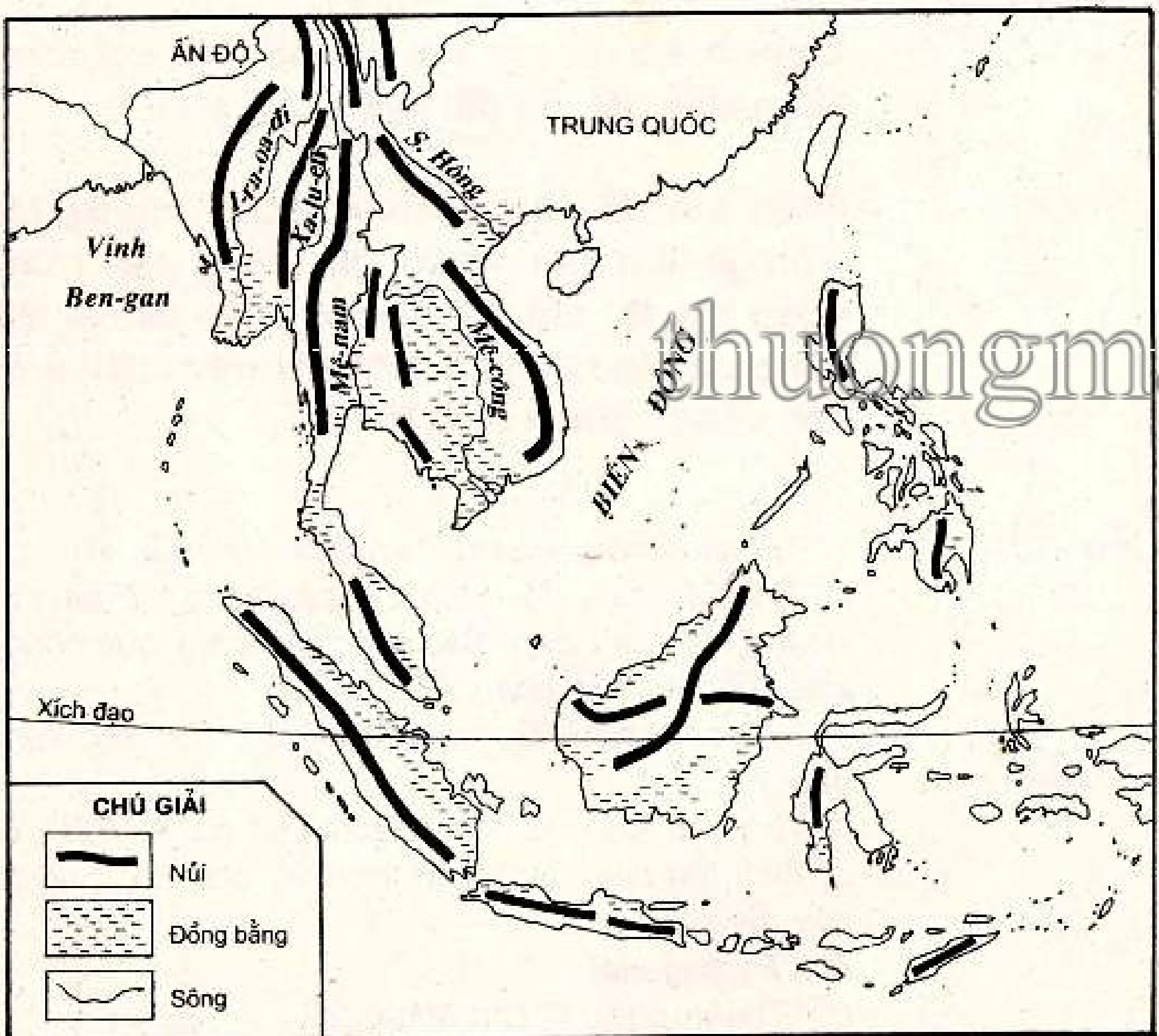

Hình 22 - Lược đồ tự nhiên Đông Nam Á.

Địa hình Đông Nam Á chủ yếu là núi và cao nguyên. Xen kẽ giữa các dãy núi là đồng bằng nhỏ hẹp nằm dọc các sông

thuongmaitr

như sông Hồng, sông Mê Công, sông Mê Nam, sông Xa-lu-en. Ra đến vùng ven biển, các đồng bằng mới được mở rộng. Các đồng bằng này là những vựa lúa quan trọng của khu vực Đông Nam Á.

Đông Nam Á khá giàu về khoáng sản (dầu mỏ, than đá, quặng sắt, thiếc, a-pa-tít, đá quý...), lâm sản và thủy sản.

2. Đặc điểm dân cư, kinh tế

Đông Nam Á là khu vực đông dân, số dân hiện nay khoảng 450 triệu người, $\frac{2}{3}$ trong số đó sống ở nông thôn.

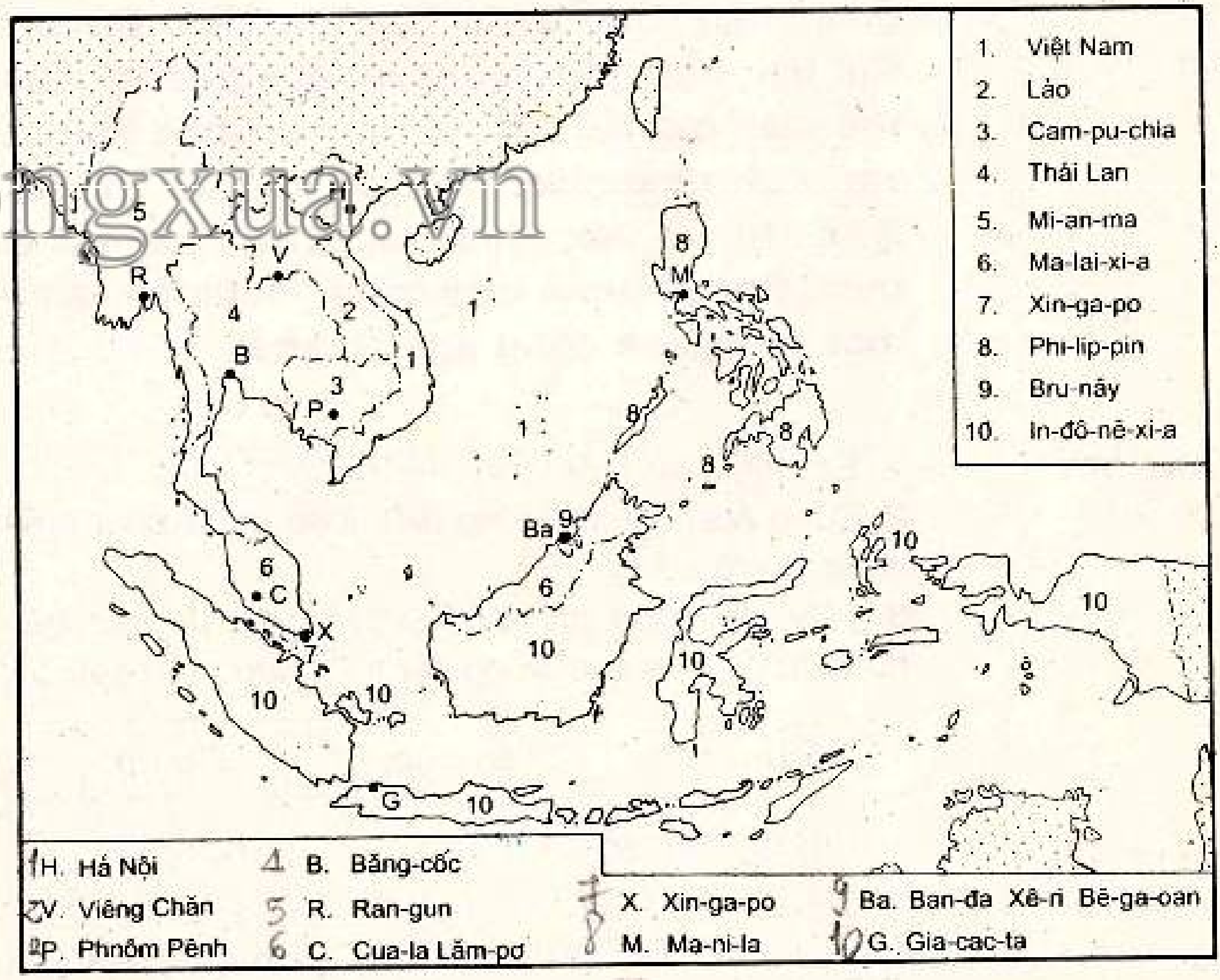

uongxua.vn

Hình 23 - Lược đồ các nước Đông Nam Á.

Nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng của nhiều nước Đông Nam Á. Các nông phẩm chủ yếu là lúa gạo và các cây công nghiệp nhiệt đới như cao su, dầu cọ, dầu dừa...

Bên cạnh ngành khai thác khoáng sản, các nước Đông Nam Á đang phát triển thêm nhiều ngành công nghiệp như luyện kim, lọc dầu, hóa chất, sản xuất máy nông nghiệp, ôtô... để có những sản phẩm phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Hầu hết các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam, đã tham gia vào tổ chức hợp tác kinh tế Đông Nam Á gọi tắt là ASEAN.

Xin-ga-po là nước có nền kinh tế phát triển nhất trong khu vực Đông Nam Á.

Đông Nam Á gồm bán đảo Trung Ấn và nhiều đảo, quần đảo ở phía Tây Thái Bình Dương. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, đồng bằng châu thổ màu mỡ tạo điều kiện cho Đông Nam Á sản xuất nhiều lúa gạo, cao su, dầu cọ, dầu dừa... Ngoài việc khai thác khoáng sản, các nước Đông Nam Á hiện đang phát triển mạnh một số ngành công nghiệp khác.

Câu hỏi

1. Em hãy cho biết vị trí của Đông Nam Á.

2. Đông Nam Á có những điều kiện gì để phát triển nông nghiệp ?

3. Hãy lập bảng ghi tên nước và thủ đô của các nước trong khu vực Đông Nam Á theo mẫu sau :

Số thứ tự	Tên nước	Thủ đô
1	Việt Nam	Hà Nội
2	Lào	Viêng chăn
3	Cam-pu-chia	Phnôm Pênh
4.		

Bài 19 MỘT SỐ NƯỚC Ở CHÂU Á

1. Các nước láng giềng của Việt Nam

Tên nước	Diện tích (km^2)	Dân số năm 1994 (triệu người)	Thủ đô
Trung Quốc	9 600 000	1 208	Bắc Kinh
Lào	230 000	4,7	Viên Chăn
Cam-pu-chia	181 000	9,9	Phnôm-pênh

a. Trung Quốc

Trung Quốc nằm ở Đông và Trung Á. Đây là một nước lớn, có số dân đông nhất thế giới. Trung bình cứ 5 người trên Trái Đất thì có 1 người Trung Quốc. Dân số đông gây nhiều khó khăn cho sự phát triển của đất nước này.

Miền Đông Trung Quốc có những đồng bằng màu mỡ do các sông lớn như Hoàng Hà, Trường Giang bồi đắp nên. Con người đã sinh sống ở đây từ xa xưa và tạo nên nền văn minh Trung Hoa cổ nổi tiếng.

Trung Quốc là nước đang phát triển. Ngoài những mặt hàng được biết đến từ lâu như tơ, lụa, gốm, sứ, chè... ngày nay Trung Quốc còn sản xuất máy móc, thiết bị, hàng điện tử, đồ chơi... Các hoạt động kinh tế diễn ra tấp nập ở miền Đông là nơi tập trung nhiều thành phố lớn.

b. Lào và Cam-pu-chia

Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia đều nằm trên bán đảo Đông Dương của Đông Nam Á, cùng có sông Mê Công chảy qua, cùng trải qua cuộc đấu tranh giành độc lập và hiện đang xây dựng, phát triển đất nước.

Lào nằm sâu trong đất liền, không có biển. Đại bộ phận lãnh thổ là núi và cao nguyên, trên đó có nhiều rừng gỗ quý, đặc biệt là gỗ tếch (rất bền, ngâm trong nước không mục). Sườn phía Tây của Trường Sơn Bắc nằm trên lãnh thổ Lào.

Lãnh thổ Cam-pu-chia chủ yếu là đồng bằng và có hình dạng trũng lòng chảo, nơi trũng nhất là Biển Hồ, tập trung nhiều tôm cá. Sông Tông-lê Xáp nối sông Mê Công với Biển Hồ có tác dụng đưa nước sông vào hồ khi mưa lũ và đưa nước hồ ra sông vào mùa cạn, làm cho nước sông Mê Công lên xuống điều hòa hơn.

Lào và Cam-pu-chia đều là nước nông nghiệp. Lào sản xuất nhiều thuốc lá, quế, sa nhân, cánh kiến. Cam-pu-chia sản xuất lúa gạo, cao su, hồ tiêu, đường thốt-nốt, cá.

Công nghiệp của cả hai nước mới bước đầu phát triển, chủ yếu là ngành khai thác khoáng sản, chế biến thực phẩm.

thuongmaitr

Trung Quốc có số dân đông nhất thế giới. Dân cư và các ngành kinh tế tập trung chủ yếu ở miền Đông.

Lào, Cam-pu-chia là những nước nông nghiệp, đang bước đầu phát triển ngành công nghiệp.

Câu hỏi

1. Hãy xác định vị trí của Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia trên lược đồ (hình 24).
2. Tại sao dân cư và các ngành kinh tế của Trung Quốc lại tập trung chủ yếu ở miền Đông ?
3. Nêu đặc điểm tự nhiên, kinh tế của Lào và Cam-pu-chia.

Bài 20 MỘT SỐ NƯỚC Ở CHÂU Á (tiếp theo)

2. Nhật Bản

Nước Nhật Bản là một quần đảo thuộc khu vực Đông Á, rất thuận lợi cho giao thông trên biển. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích Nhật Bản, trong đó có ngọn núi lửa Phú Sĩ nổi tiếng về vẻ đẹp hùng vĩ. Nhật Bản nghèo tài nguyên khoáng sản và hay bị thiên tai đe dọa (động đất, mưa bão...). Nhật Bản có số dân khá đông (124 triệu người). Người dân Nhật Bản có kỉ luật, có trình độ khoa học kĩ thuật cao và đã xây dựng được nền kinh tế vững mạnh hàng đầu thế giới. Nhật Bản nhập nhiều nguyên liệu, nhiên liệu để sản xuất hàng hóa bán ra nước ngoài, tăng nguồn thu nhập. Hàng hóa của Nhật Bản như : ôtô, xe máy, hàng điện, điện tử... nổi tiếng thế giới về chất lượng cao.

ruongxua.vn

Các thành phố và trung tâm công nghiệp của Nhật Bản tập trung chủ yếu ở miền Đông như : thủ đô Tô-ki-ô, Ô-xa-ca, Cô-bê, Na-ga-xa-ki...

3. Ấn Độ

Nước Ấn Độ nằm ở khu vực Nam Á. Lãnh thổ gồm : vùng núi cao ở phía Bắc, cao nguyên ở phía Nam và ở giữa là đồng bằng.

Ấn Độ có khí hậu nhiệt đới gió mùa. Mùa khô rất khô hạn, mặt đất nứt nẻ. Mùa mưa thường có những cơn mưa lớn.

Ấn Độ là nước đông dân thứ hai trên thế giới (trên 900 triệu dân). Dân số Ấn Độ tăng rất nhanh, mỗi năm tăng thêm 16 triệu người. Phần lớn dân cư sống ở nông thôn, đời sống còn nhiều khó khăn.

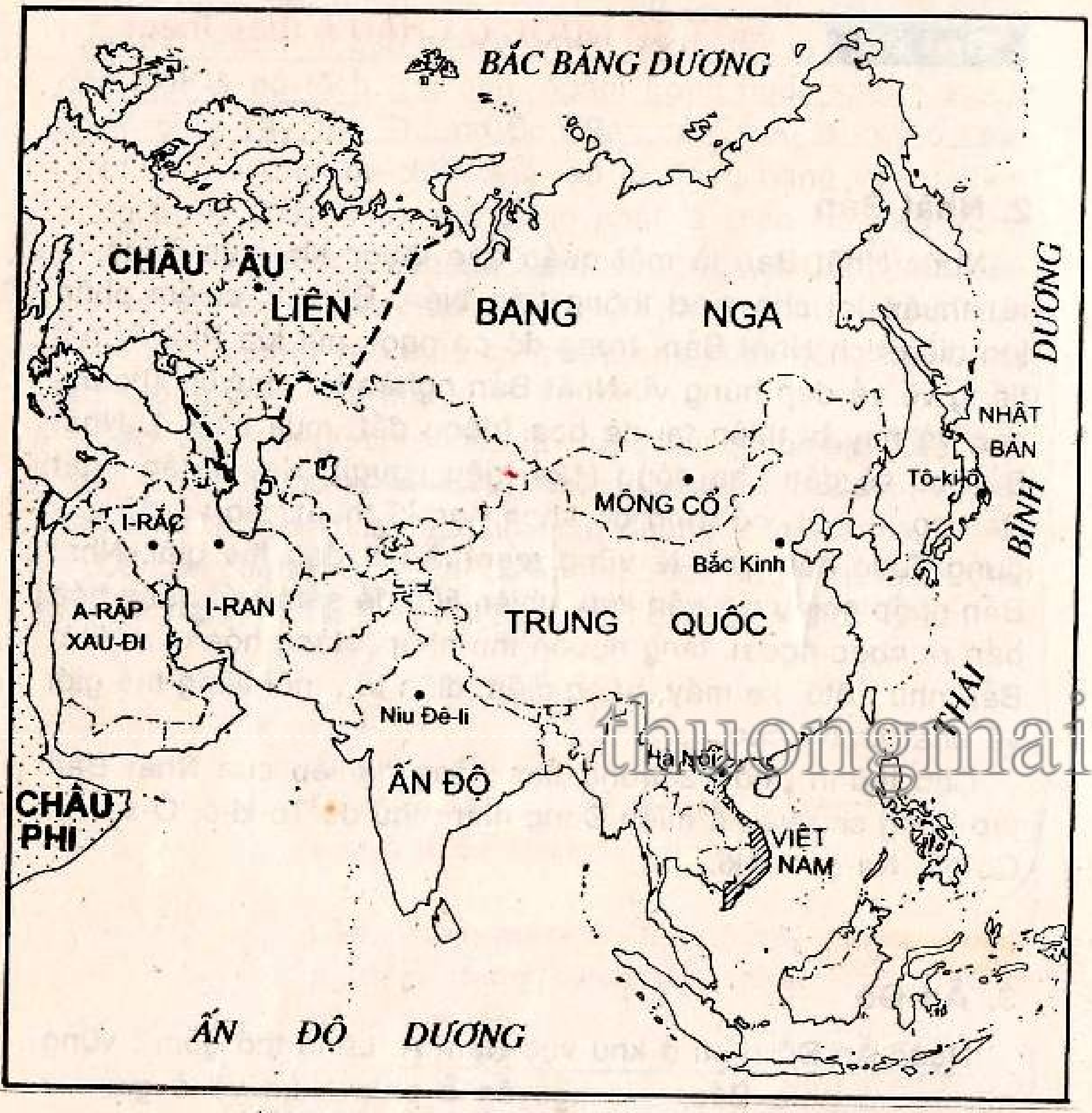

Hình 24 - Lược đồ một số nước châu Á.

Những năm gần đây, Ấn Độ phát triển mạnh ngành trồng trọt (cuộc cách mạng xanh) nên không còn bị nạn đói đe dọa triền miên. Ấn Độ cố gắng tự mình phát triển công nghiệp, sản xuất từ máy móc, phương tiện giao thông đến quần áo, thực phẩm... để đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong nước và ngoài ra còn để xuất khẩu.

Nhật Bản thuộc khu vực Đông Á, không giàu tài nguyên nhưng có nền kinh tế rất phát triển. Nước Nhật nổi tiếng về các mặt hàng công nghiệp như đồ điện tử, ô tô, xe máy... Nhật Bản xuất khẩu nhiều hàng công nghiệp ra nước ngoài.

Ấn Độ ở khu vực Nam Á, có số dân đông thứ hai thế giới. Nhờ thực hiện cách mạng xanh nên nhân dân Ấn Độ không còn bị nạn đói đe dọa triền miên. Ấn Độ cố gắng phát triển công nghiệp, tự mình sản xuất các mặt hàng để đáp ứng nhu cầu nhân dân trong nước và phần nào cho xuất khẩu.

Câu hỏi

1. Hãy xác định vị trí của Ấn Độ và Nhật Bản trên lược đồ (hình 24).

2. Nêu những đặc điểm chính về tự nhiên, dân cư, kinh tế của Nhật Bản và Ấn Độ.

truongxua.vn

Bài 21

CHÂU ÂU

1. Vị trí, đặc điểm tự nhiên

Châu Âu là một châu lục nhỏ, nằm ở phía Tây châu Á.

- Hãy quan sát lược đồ và cho biết châu Âu giáp những biển và đại dương nào ? Đại Tây Dương. Bắc Băng Dương. Địa Trung Hải

- Hãy đọc tên và chỉ các đồng bằng, các dãy núi U-ran, An-pơ, Các-pat trên lược đồ.

$\frac{2}{3}$ diện tích châu Âu là đồng bằng, còn lại là vùng núi và cao nguyên.

Vì nằm ở vùng ôn đới, lại có nhiều biển lấn sâu vào đất liền nên phần lớn lãnh thổ châu Âu có khí hậu ôn hòa, mùa đông lạnh có tuyết rơi, mùa hạ mát mẻ.

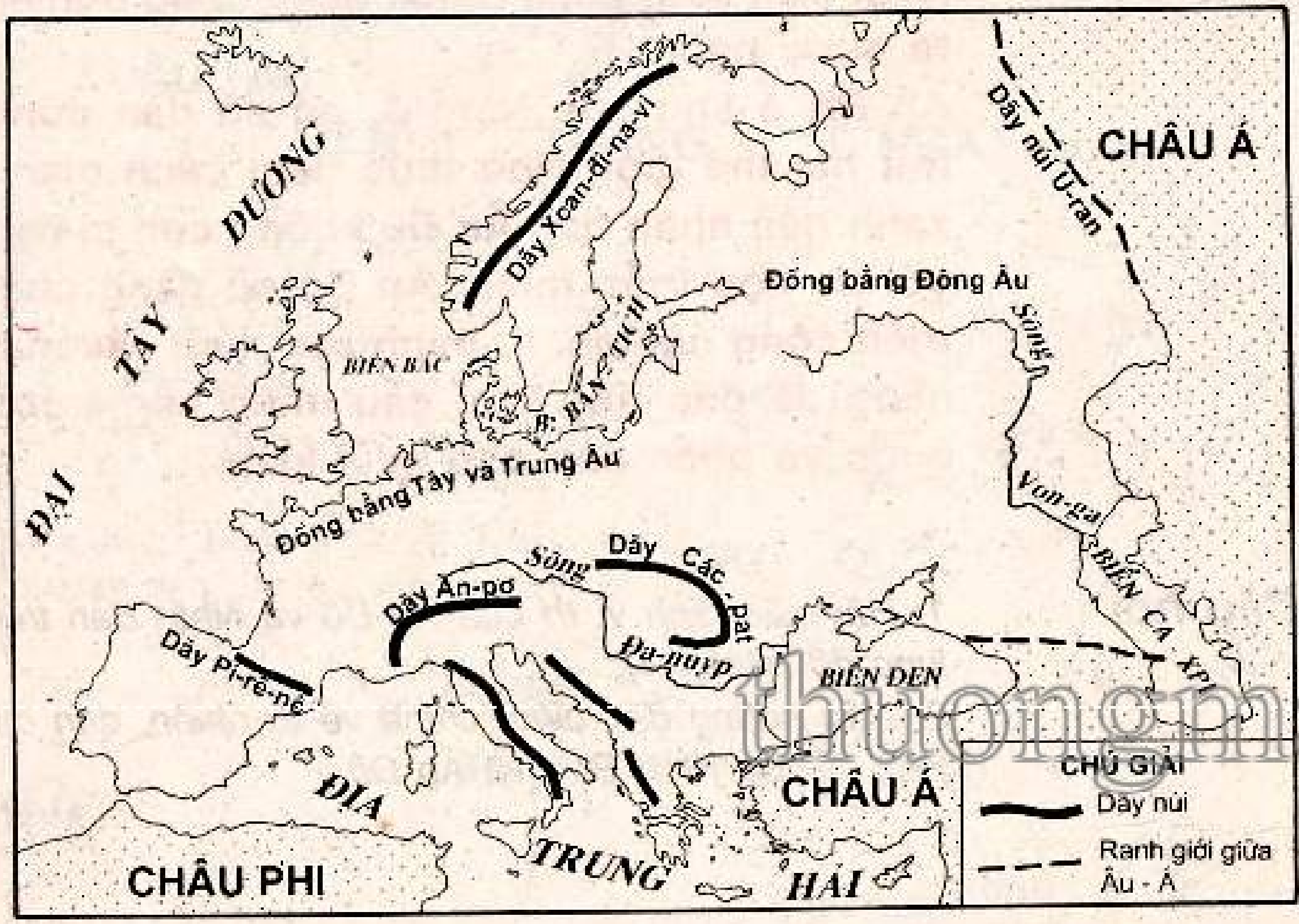

Hình 25 - Lược đồ tự nhiên châu Âu.

2. Đặc điểm dân cư, kinh tế

Châu Âu có mật độ dân số cao (72 người trên một km^2). Đa số dân châu Âu thuộc chủng tộc Ơ-rô-pê-ô-ít, người cao to, da trắng, mũi cao.

Nhiều nước châu Âu có nền kinh tế phát triển nhờ chú trọng nâng cao trình độ văn hóa, khoa học kĩ thuật và nhờ có điều kiện thiên nhiên thuận lợi (đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa...). Những sản phẩm công nghiệp của châu Âu nổi tiếng thế giới là máy móc, len dạ, đồ hộp, dược phẩm, mĩ phẩm... Nhìn chung, người dân châu Âu có mức sống cao.

Đồng bằng
Đông Âu
Tây và Trung Âu
Sông lớn
S. Đa-nuyp
S. Von-ga

Châu Âu nằm ở phía Tây châu Á, có khí hậu ôn hòa. Đa số dân châu Âu là người Ơ-rô-pê-ô-ít (da trắng).

Nhiều nước châu Âu có nền kinh tế phát triển, nhân dân có mức sống cao.

Câu hỏi

Núi.
Các-pat
Xcan-đi-na-vi
Pi-rê-nê
An-pơ
U-ran

1. Hãy xác định giới hạn của châu Âu trên lược đồ (hình 25).
2. Hãy nêu đặc điểm địa hình và khí hậu của châu Âu. Chỉ vị trí các đồng bằng và các dãy núi U-ran, An-pơ, Các-pat ; các sông Đa-nuýp, Von-ga trên lược đồ.
3. Nêu đặc điểm dân cư, kinh tế của châu Âu. Tại sao hầu hết các nước ở châu Âu có nền kinh tế phát triển ?

uongxua.vn

Bài 22

THỰC HÀNH : MỘT SỐ NƯỚC Ở CHÂU ÂU

1. Anh, Pháp, Đức

- Dựa vào lược đồ (hình 26), hãy tìm vị trí và thủ đô của 3 nước Anh, Pháp, Đức. Vị trí nước Anh có đặc điểm gì đáng chú ý ?

thuongmaitr

Hình 26 - Lược đồ một số nước châu Âu.

Tên nước	Diện tích (km^2)	Số dân năm 1994 (triệu người)	Một số sản phẩm công nghiệp chính
Anh	244 000	58,0	- Thiết bị, máy móc, phương tiện giao thông, len dạ.
Đức	365 000	81,2	- Thiết bị, máy móc, phương tiện giao thông, dụng cụ quang học.
Pháp	551 000	57,7	- Thiết bị, máy móc, phương tiện giao thông, mĩ phẩm.

Dựa vào bảng trên :

- Hãy so sánh diện tích và dân số của các nước Anh, Đức, Pháp với nước ta.

- Nêu những sản phẩm công nghiệp chính của các nước Anh, Đức, Pháp.

2. Liên bang Nga

Vị trí địa lí : Nằm trên hai châu lục là châu Á và châu Âu

Diện tích : 17 triệu km^2, lớn nhất thế giới

Dân số : 147 triệu người, đứng thứ 6 trên thế giới

Thủ đô : Mát-xcơ-va

Nước Nga có nhiều tài nguyên khoáng sản, nhất là dầu mỏ, khí đốt, than đá, quặng sắt. Nước Nga sản xuất nhiều máy móc,thiết bị, phương tiện giao thông.

tuongxua.vn

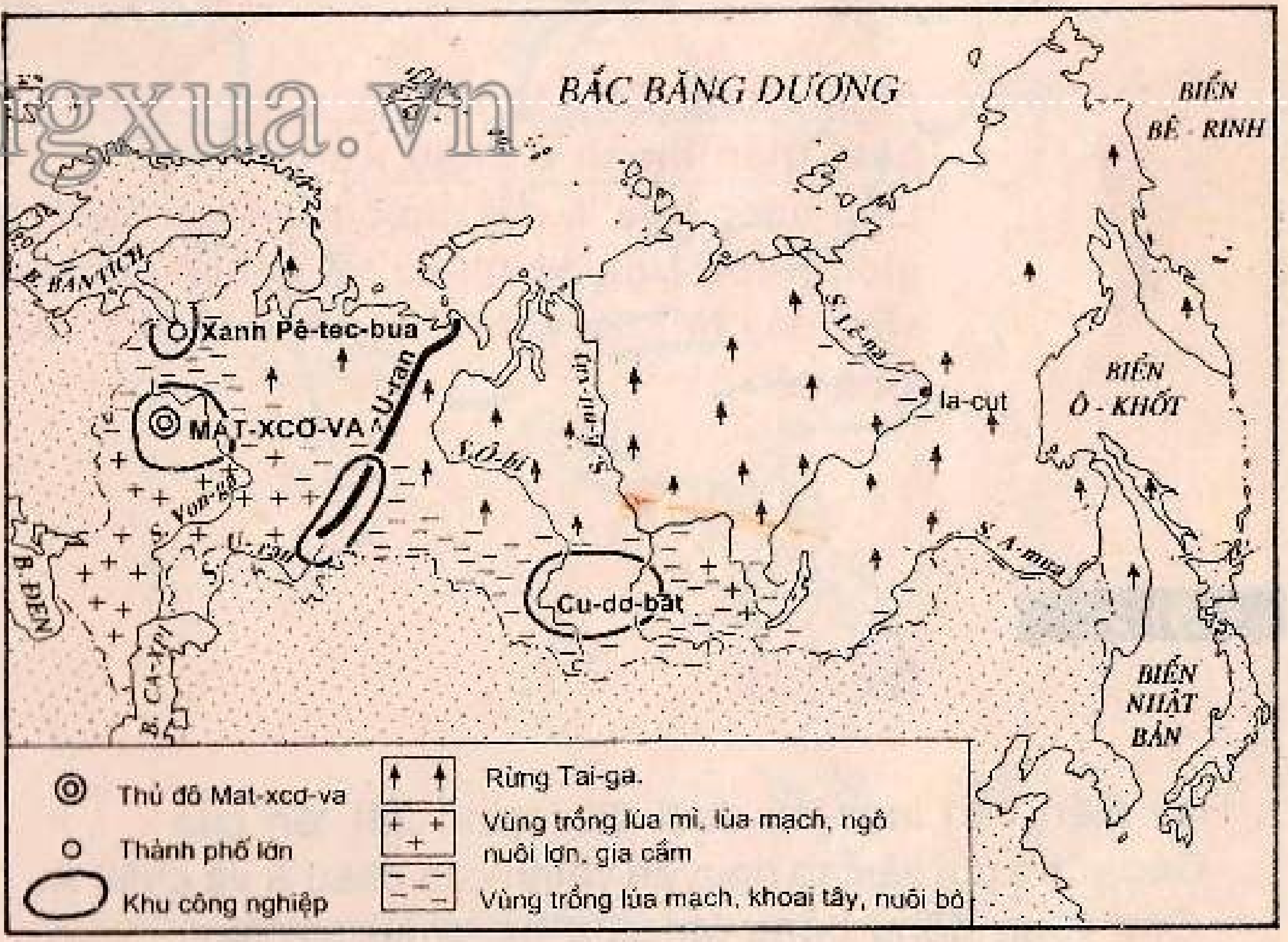

Hình 27 - Lược đồ công nghiệp và nông nghiệp Liên bang Nga.

Dựa vào lược đồ (hình 27) và các nội dung ghi trên, em hãy điền vào bảng thống kê sau :

LIÊN BANG NGA

Các yếu tố	Đặc điểm
- Vị trí địa lí	Nằm trên 2 châu lục châu Á và châu Âu.
- Diện tích	17.000.000km² lớn nhất thế giới
- Dân số	147000000 đứng thứ 6 trên thế giới
- Công nghiệp (nơi tập trung)	Mát-xcơ-va, Ca-dơ-bát, Xanh Pê-téc-bua, U-ran
- Nông nghiệp (nông phẩm chính)	lúa mì, lúa mạch, ngô, khoai tây, chăn nuôi bò, lợn, gia cầm

Chú thích : Rừng tai-ga còn gọi là rừng lá kim, bao gồm những cây lá nhọn và lá nhỏ như thông, tùng... Loại rừng này phân bố chủ yếu ở vùng ôn đới hoặc trên núi cao có khí hậu lạnh.

thuongmaitr

Anh, Pháp, Đức là những nước có kinh tế phát triển mạnh ở châu Âu.
Liên bang Nga là đất nước rộng lớn nhất thế giới. Nước Nga có nhiều tài nguyên khoáng sản, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế.

Bài 23

ÔN TẬP

1. Hãy điền vào lược đồ dưới đây (hình 28) tên của :
- Các vùng núi và cao nguyên chính của châu Á và châu Âu ;
- Các vùng đồng bằng lớn của hai châu lục này.

2. Dựa vào các bài học trước, hãy điền vào bảng sau :

Các yếu tố	Châu Á	Châu Âu
Vị trí	bán cầu Bắc	phía Tây châu Á
Diện tích	44 triệu km²	10 triệu km²
Dân cư	3404 triệu người	726 triệu người
Địa hình	3/4 núi và cao nguyên	2/3 đồng bằng còn lại là núi và c/nguyên
Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa	Ôn đới
Sông lớn	Mê Công, Hằng, Trường Giang, Hoàng Hà	Vônga, Sen, Đa-nuyp
Sản phẩm công nghiệp chính	điện tử, ô tô, xe máy	Thiết bị máy móc, ptgt
Sản phẩm nông nghiệp chính	Lúa, ngô, khoai	lúa mạch, lúa mì, khoai tây

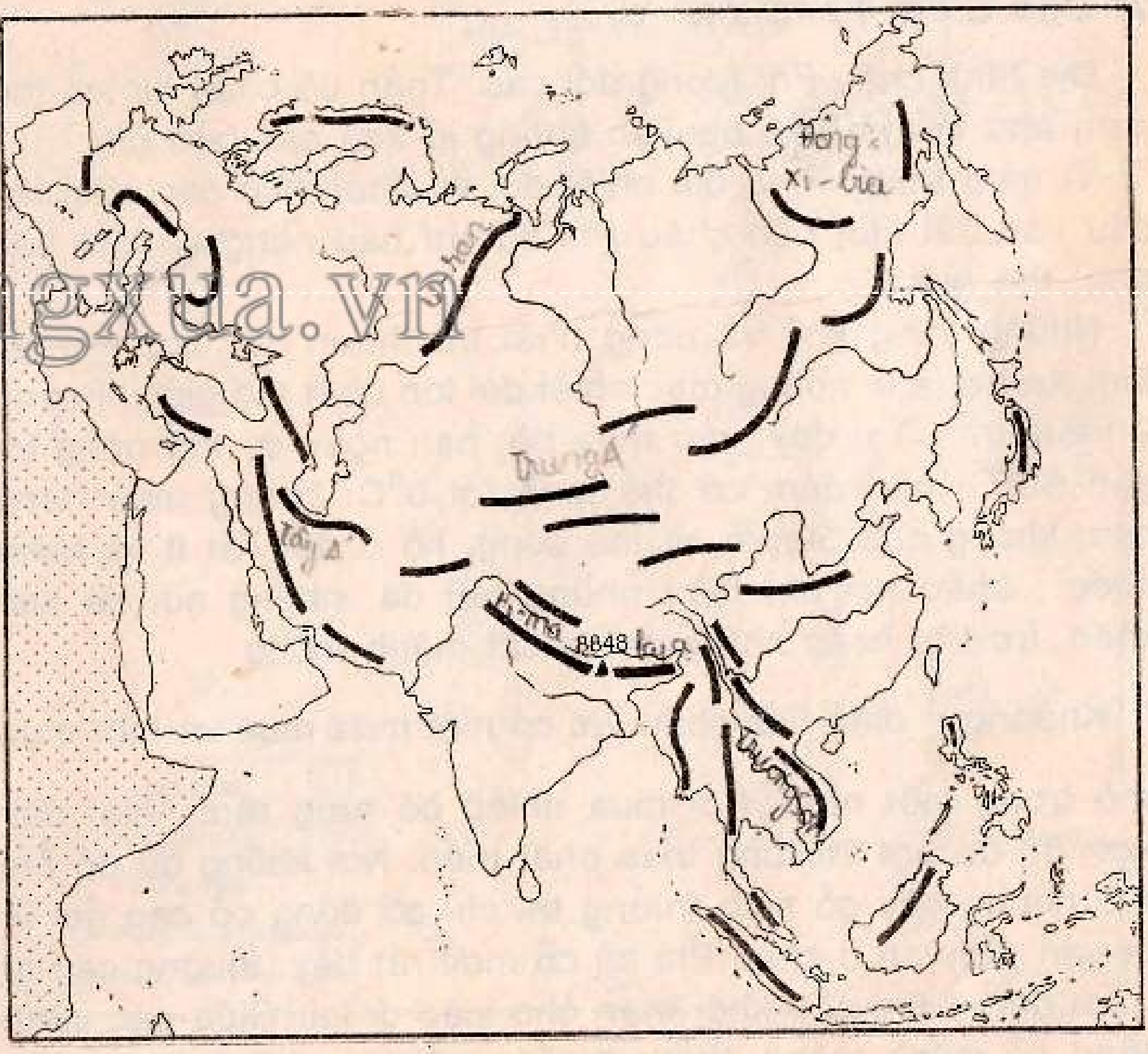

Hình 28 - Lược đồ châu Á, châu Âu.

truongxua.vn

Bài 24 CHÂU PHI

1. Vị trí, giới hạn

Châu Phi ở phía Nam châu Âu, cách châu Á bởi kênh đào Xuy-ê và Biển Đỏ. Đường xích đạo cắt ngang qua khoảng giữa châu lục.

- Hãy quan sát lược đồ tự nhiên châu Phi (hình 29) và cho biết châu Phi có những biển và đại dương nào bao quanh.

2. Đặc điểm tự nhiên

Địa hình châu Phi tương đối cao. Toàn bộ châu lục có thể xem như là một cao nguyên khổng lồ xen các bồn địa.

Vì nằm trong vòng đai nhiệt đới và không có các biển lấn sâu vào đất liền nên châu Phi có khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới.

Những vùng khô và nóng nhất trở thành các hoang mạc lớn. Xa-ha-ra là hoang mạc nhiệt đới lớn nhất thế giới, khoảng 9 triệu km^2. Tại đây, vào mùa hè, ban ngày có thể nóng tới gần 60^{o}C, ban đêm có thể lạnh tới 0^{o}C. Lượng mưa hàng năm không quá 50mm, vì thế sông, hồ ở đây rất ít và hiếm nước ; khắp nơi chỉ thấy những bãi đá, những núi đá khô khốc, trơ trụi hoặc những vùng cát mênh mông.

Khoảng $\frac{1}{3}$ diện tích châu lục có một mùa mưa và một mùa khô trong một năm. Nơi mưa nhiều có rừng rậm nhiệt đới. Nơi đủ độ ẩm thì rừng thưa phát triển. Nơi không đủ độ ẩm cho những cây gỗ sinh trưởng thì chỉ có đồng cỏ cao gọi là xa-van. Xa-van ở châu Phi có cỏ mọc rất dày, thường cao từ 1,5m đến 3,5m gây khó khăn cho việc đi lại. Giữa các cánh đồng cỏ mênh mông, thỉnh thoảng nổi lên những khóm cây

thuongmaitr

keo và đặc biệt là cây bao-báp. Cây bao-báp là một loại cây lớn có thể sống tới hàng ngàn năm, thân cao đến 15m, đường kính thân cây có khi tới 10m. Cây keo mọc thành từng khóm, cao từ 5m đến 10m, thường có tán rộng và đẹp. Nhờ có sẵn thức ăn nên ở xa-van có nhiều động vật ăn cỏ và ăn thịt như hươu cao cổ, ngựa vằn, voi, sư tử, báo...

- Em hãy tìm vị trí của các loại rừng ở châu Phi trên lược đồ (hình 29).

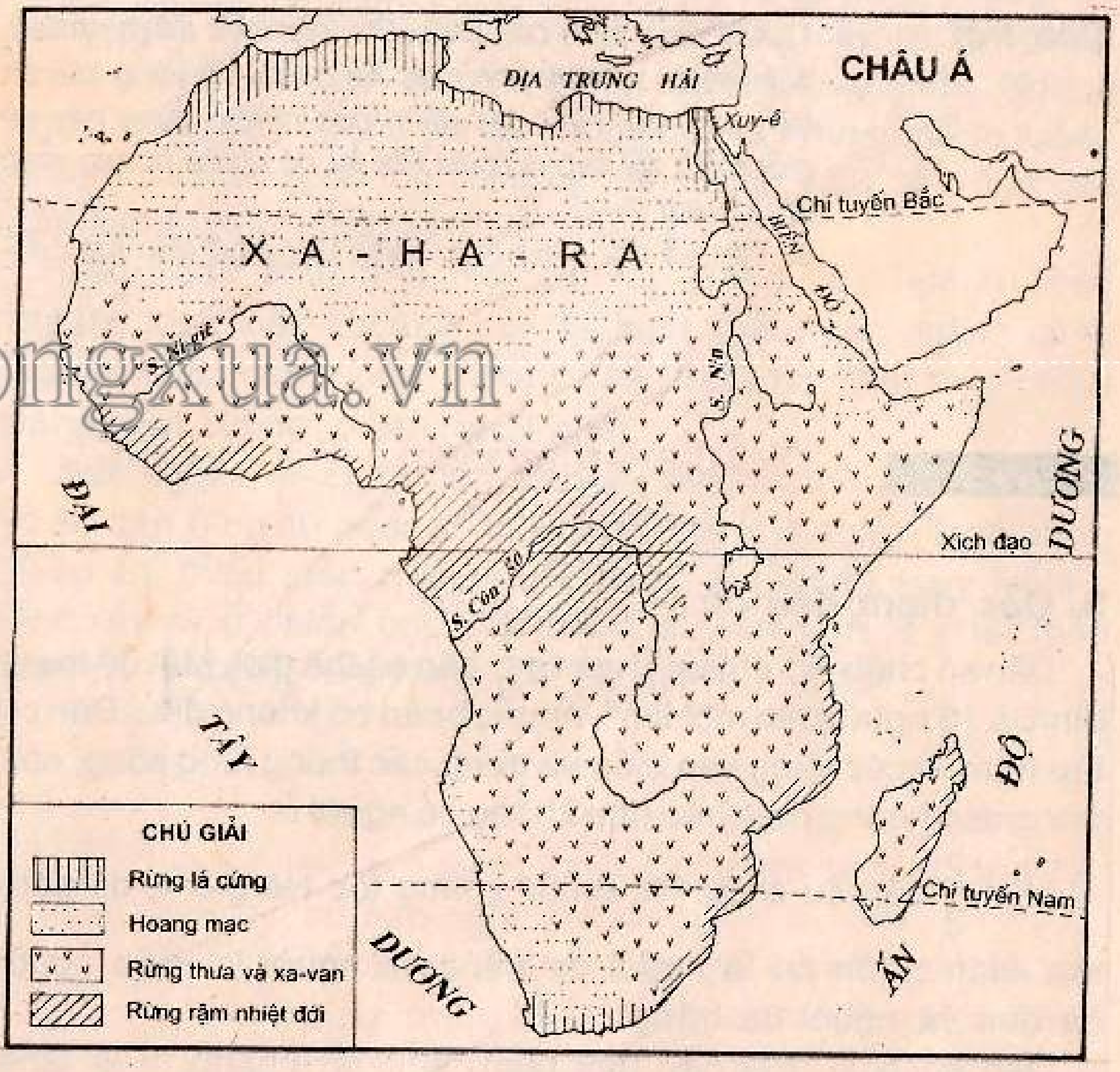

Hình 29 - Lược đồ tự nhiên châu Phi.

Châu Phi ở phía Nam châu Âu, có khí hậu nóng và khô vào bậc nhất thế giới. Đại bộ phận lãnh thổ châu Phi là hoang mạc và xa-van. Xa-ha-ra là hoang mạc nhiệt đới lớn nhất thế giới.

Chú thích : Bồn địa là nơi địa hình thấp, có hình lòng chảo.

Câu hỏi

1. *Xác định vị trí của châu Phi trên lược đồ (hình 29).*
2. *Hãy chỉ vị trí hoang mạc Xa-ha-ra, và vùng xa-van trên lược đồ. Nêu đặc điểm của những vùng này và giải thích tại sao ở châu Phi lại có nhiều hoang mạc và xa-van ?*
3. *Tìm và chỉ sông Nin, sông Công-gô trên lược đồ.*

thuongmaitr

Bài 25 CHÂU PHI (tiếp theo)

3. Đặc điểm dân cư

Dân số châu Phi chiếm khoảng $\frac{1}{9}$ dân số thế giới. Mật độ trung bình là 13 người trên một km^2, nhưng phân bố không đều. Dân cư tập trung ở các vùng ven biển và trong các thung lũng sông, còn trong các hoang mạc hầu như không có người ở.

Hơn $\frac{2}{3}$ dân cư châu Phi thuộc chủng tộc Nê-grô-it, da đen, tóc xoăn ; còn lại là người da trắng và người lai giữa người da đen và người da trắng.

Dân số châu Phi gần đây phát triển rất nhanh, tỉ lệ tăng dân số hàng năm vào loại cao nhất thế giới (trung bình cứ

1000 dân thì ở châu Phi mỗi năm tăng thêm 30 người, trong khi đó ở châu Á tăng 18 người, ở châu Âu tăng 2 người).

4. Đặc điểm kinh tế

Châu Phi là châu lục nghèo đói nhất thế giới vì hầu hết các nước ở châu Phi có nền kinh tế kém phát triển. Hơn $\frac{4}{5}$ dân số châu Phi làm nghề nông và sống ở nông thôn. Trong nông nghiệp có sự khác biệt rõ rệt giữa chủ trại và nông dân nghèo. Các chủ trại có những đồn điền rộng mênh mông, sử dụng máy móc, kĩ thuật hiện đại để trồng cây công nghiệp nhiệt đới như ca cao, cà phê, bông, lạc cho xuất khẩu. Những người nông dân nghèo chỉ có nương rẫy và những mảnh ruộng nhỏ, họ sử dụng những công cụ thô sơ, lạc hậu để trồng các cây lương thực (ngô, sắn, kê, đậu...).

Các nước châu Phi mới chỉ tập trung vào ngành công nghiệp khai thác khoáng sản để xuất khẩu, các ngành công nghiệp khác còn ít phát triển. Châu Phi là nơi khai thác nhiều vàng, kim cương, u-ran, phốt phát...

Sản xuất kém phát triển, dân số tăng nhanh nên đời sống nhân dân ở nhiều nước châu Phi còn rất khó khăn. Tình trạng thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu thuốc men, dịch bệnh nguy hiểm... còn xảy ra ở nhiều nơi. Các nước có nền kinh tế phát triển hơn cả là Cộng hòa Nam Phi, An-giê-ri, Ai Cập.

Dân cư châu Phi chủ yếu thuộc chủng tộc Nê-grô-it (da đen). Châu Phi có tỉ lệ tăng dân số cao nhất thế giới.
Đa số các nước châu Phi có nền kinh tế kém phát triển, đời sống nhân dân khó khăn. Nông nghiệp và khai thác khoáng sản là những ngành sản xuất chính.

ruongxua.vn

nghèo đói, nạn thất nghiệp, đời sống kém phát triển.

Câu hỏi

1. Dân cư châu Phi có đặc điểm gì ? Dân số châu Phi tăng nhanh gây ra những hậu quả gì ?

2. Hãy nêu đặc điểm kinh tế của các nước châu Phi.

Bài 26 CHÂU MĨ

1. Vị trí, giới hạn

Châu Mĩ gồm Bắc Mĩ, Nam Mĩ và dải đất hẹp Trung Mĩ nối hai phần trên với nhau.

Ngoài việc phân chia Trái Đất thành hai bán cầu : Bắc, Nam, người ta còn chia Trái Đất thành hai bán cầu : Đông, Tây. Châu Mĩ nằm ở bán cầu Tây.

- Tìm vị trí của châu Mĩ trên lược đồ thế giới (hình 36). Châu Mĩ giáp với những đại dương nào ? Đường xích đạo đi qua khu vực nào (Nam Mĩ) của châu Mĩ ?

Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, Bắc Băng Dương.

thuongmaitr

2. Đặc điểm tự nhiên

- Tìm trên lược đồ (hình 30) tên và vị trí các vùng núi của châu Mĩ.

- Tìm trên lược đồ các chữ cái a, b ; điền tên các con sông thay cho các chữ cái này theo thứ tự :

a - Mi-xi-xi-pi b - A-ma-dôn

Trung lưu và hạ lưu của hai con sông này nằm trên hai đồng bằng lớn của châu Mĩ : đồng bằng Trung tâm ở Bắc Mĩ và đồng bằng A-ma-dôn ở Nam Mĩ.

Bắc Mĩ có khí hậu ôn đới là chính nên nhiều rừng thông, sồi, dẻ. Phần lớn lãnh thổ Nam Mĩ lại có khí hậu nhiệt đới ẩm nên rừng rậm nhiệt đới phát triển mạnh. Đồng bằng

Bán cầu Đông: Châu Đại Dương, Châu Á, Châu Âu, Châu Phi
Bán cầu Tây: Châu Mĩ

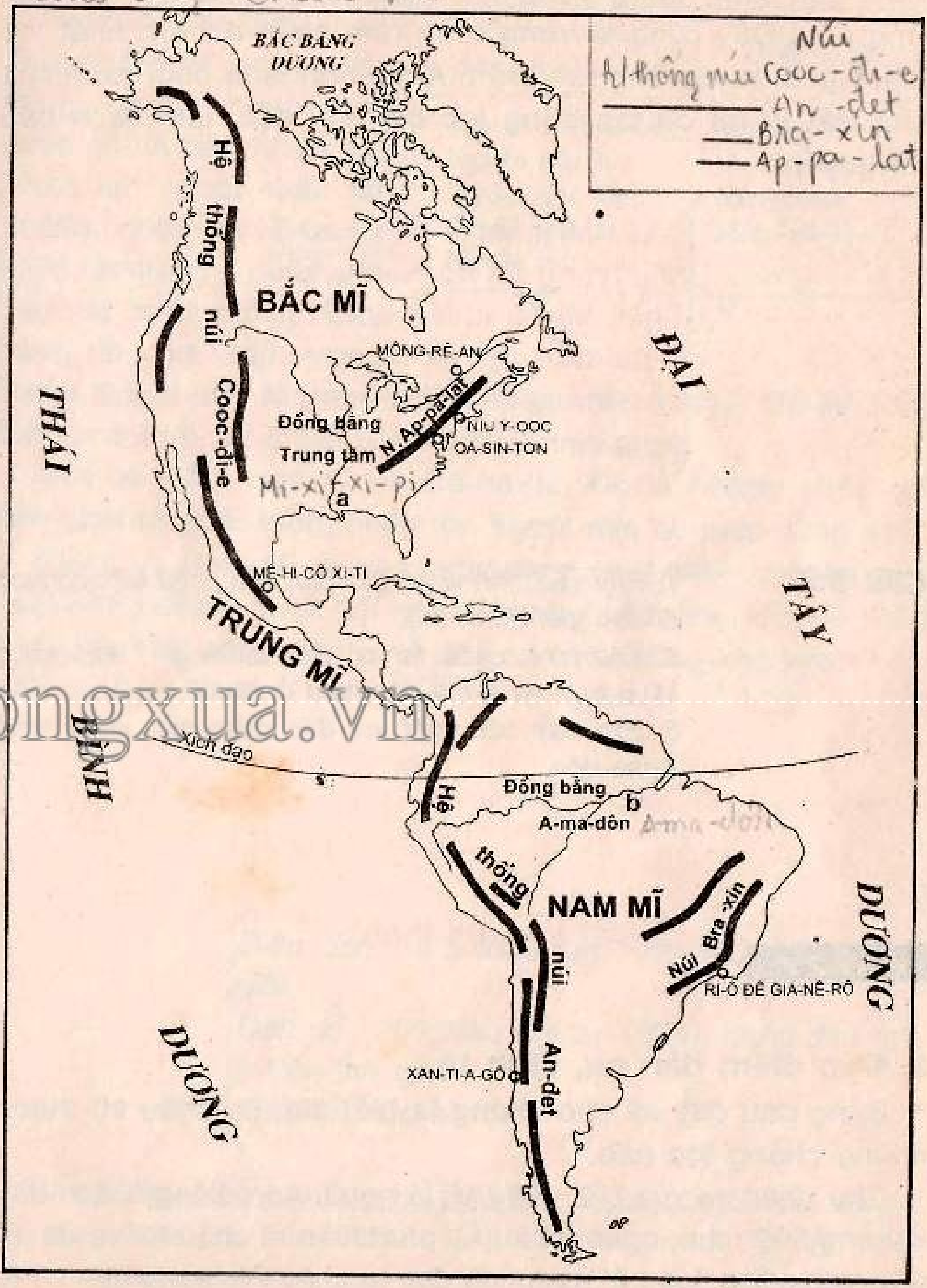

ruongxua.vn

Hình 30 - Lược đồ tự nhiên châu Mĩ.

A-ma-dôn nằm trong vùng xích đạo được phủ kín bởi loại rừng này. Đây cũng là vùng rừng rậm nhiệt đới lớn nhất thế giới. Người ta ví vùng rừng rậm A-ma-dôn là lá phổi xanh của Trái Đất vì nó có tác dụng lọc bụi, khí độc, làm sạch bầu khí quyển.

Châu Mĩ nằm ở bán cầu Tây, bao gồm Bắc Mĩ, Trung Mĩ và Nam Mĩ.
Châu Mĩ có nhiều đới khí hậu. Mi-xi-xi-pi và A-ma-dôn là hai trong số những sông lớn của thế giới. Vùng rừng A-ma-dôn là vùng rừng rậm nhiệt đới lớn nhất thế giới.

Câu hỏi

1. Hãy xác định vị trí, giới hạn của châu Mĩ trên lược đồ thế giới (hình 36).
2. Địa hình châu Mĩ có đặc điểm gì ? Hai sông Mi-xi-xi-pi và A-ma-dôn nằm ở đâu ?
3. Em hãy nêu một vài đặc điểm của vùng rừng A-ma-dôn.

Bài 27 **CHÂU MĨ (tiếp theo)**

3. Đặc điểm dân cư, kinh tế

Bảng sau đây sẽ cho chúng ta biết dân cư châu Mĩ thuộc những chủng tộc nào.

Chủ nhân xa xưa của châu Mĩ là người Anh-điêng. Cách đây khoảng 500 năm, người châu Âu phát hiện ra châu Mĩ và đã tới đây sinh sống. Họ bắt người da đen từ châu Phi sang làm nô lệ để khai khẩn các vùng đất màu mỡ của châu lục này.

Thành phần dân cư châu Mĩ	Chủng tộc
Người Anh-điêng	Môn-gô-lô-it
Người gốc Âu	Ơ-rô-pê-ô-it
Người gốc Phi	Nê-grô-it
Người gốc Á	Môn-gô-lô-it
Người lai	

Người từ các châu khác đến châu Mĩ ngày một đông. Những người này được gọi là dân nhập cư. Phần lớn người châu Mĩ là dân nhập cư. Dân cư sống tập trung ở miền ven biển và miền Đông. Đây cũng là nơi tập trung nhiều thành phố lớn như Mông-rê-an, Niu Y-oóc, Oa-sin-tơn, Mê-hi-cô Xi-ti, Ri-ô Đê Gia-nê-rô, Xan-ti-a-gô...

Bắc Mĩ gồm Hoa Kì và Ca-na-đa. Đó là những nước có nền kinh tế phát triển, phần lớn người dân có mức sống cao.

Trung và Nam Mĩ có các nước đang phát triển, chuyên sản xuất nông phẩm nhiệt đới hoặc khai thác khoáng sản để xuất khẩu. Đại bộ phận dân cư ở đây có cuộc sống khó khăn hơn dân cư Bắc Mĩ.

truongxua.vn

Hoa Kì

Diện tích : 9,3 triệu km^2, lớn thứ 4 trên thế giới
Dân số : 260 triệu người (1994), đông dân thứ 3 trên thế giới
Thủ đô : Oa-sin-tơn

Các thành phố lớn của Hoa Kì là : Si-ca-gô(1), Niu Y-oóc (2), At-lan-ta (3), Niu Oóc-lin (4), Lôt An-giơ-let (5) và Xan Phran-xi-xcô (6)...

Điền tên các thành phố vào vị trí của chúng trên lược đồ (hình 31) theo thứ tự đã cho.

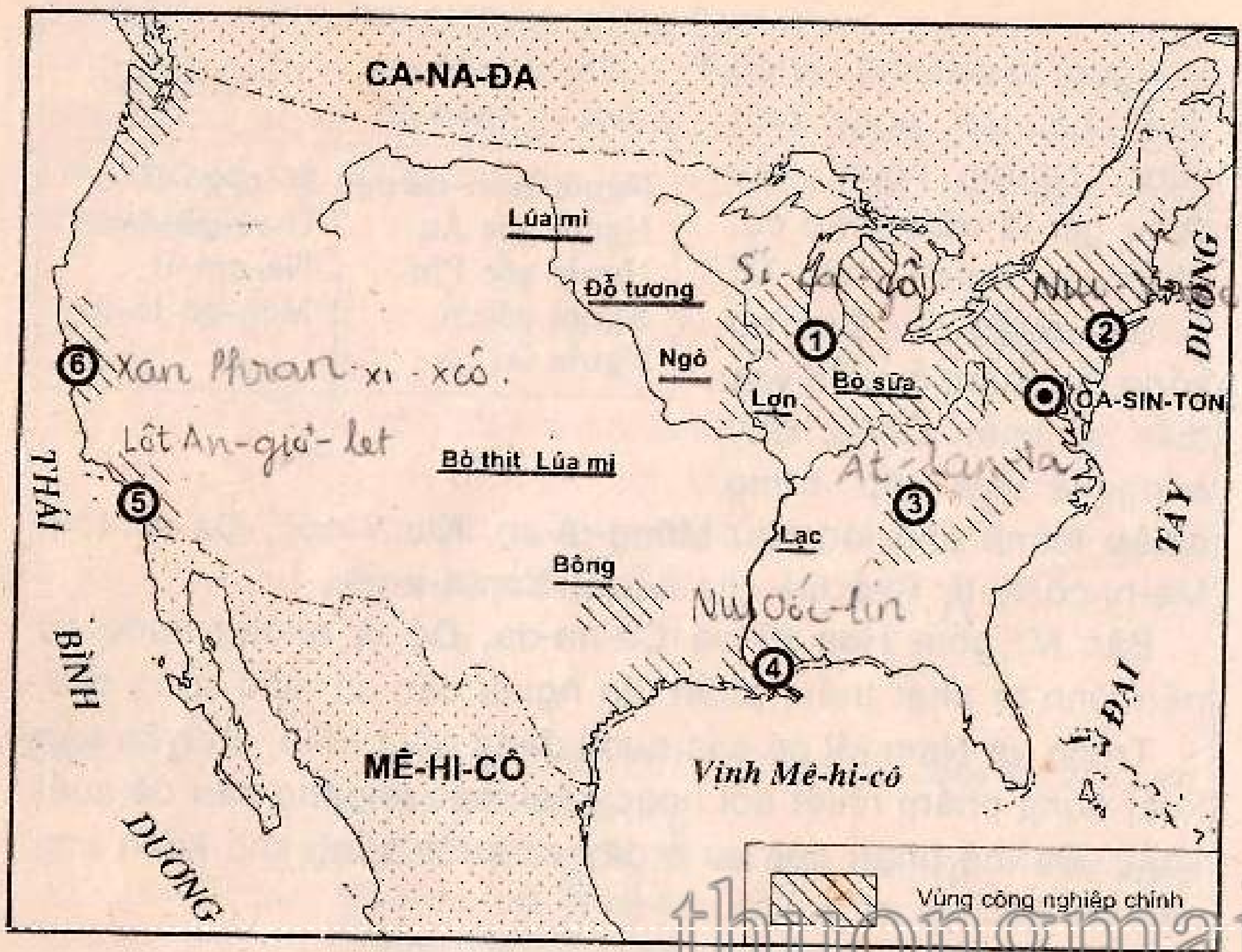

thuongmaitr

Hình 31 - Lược đồ kinh tế Hoa Kì.

Dựa vào lược đồ để điền vào bảng sau :

Các yếu tố	Đặc điểm
- Vị trí Hoa Kì : + nằm ở bán cầu + thuộc châu lục + giáp các nước, các đại dương - Vùng công nghiệp chính (nằm ở khu vực nào) : - Các nông sản chính :	

Hoa Kì có nền kinh tế phát triển. Nhiều ngành công nghiệp đứng hàng đầu thế giới như sản xuất điện, máy móc, thiết bị... Sản phẩm công nghiệp có chất lượng cao. Ngoài ra, Hoa Kì còn xuất khẩu nhiều nông phẩm như gạo, thịt, rau quả...

Phần lớn dân cư châu Mĩ là người nhập cư. Hoa Kì là một trong những nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới. Phần lớn người dân Hoa Kì có mức sống cao.
Các nước ở Trung Mĩ và Nam Mĩ có nền kinh tế kém phát triển hơn, người dân có cuộc sống khó khăn hơn.

Câu hỏi

1. Dân cư châu Mĩ có đặc điểm gì nổi bật ?
2. Em có nhận xét gì về sự phân bố của các thành phố lớn ở châu Mĩ.

ruongxua.vn

Bài 28 CHÂU ĐẠI DƯƠNG VÀ CHÂU NAM CỰC

I. Châu Đại Dương

1. Vị trí và đặc điểm tự nhiên

Châu Đại Dương gồm lục địa Ô-xtrây-li-a và các đảo, quần đảo ở vùng Trung và Tây Nam Thái Bình Dương.

- Dựa vào lược đồ (hình 32), cho biết lục địa Ô-xtrây-li-a ở bán cầu Bắc hay bán cầu Nam ?
- Đọc tên và chỉ vị trí một số đảo thuộc châu Đại Dương.

Lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô hạn. Phần lớn diện tích của lục địa này là hoang mạc và xa-van. Thực vật và động vật ở Ô-xtrây-li-a có nhiều loài độc đáo. Cây bạch đàn mọc ở khắp nơi, có loại bạch đàn khổng lồ cao đến 150m, đường kính thân cây có thể tới 10m. Trong các xa-van còn có loại cây hình chai (thân phình ra như một cái chai), ruột chứa

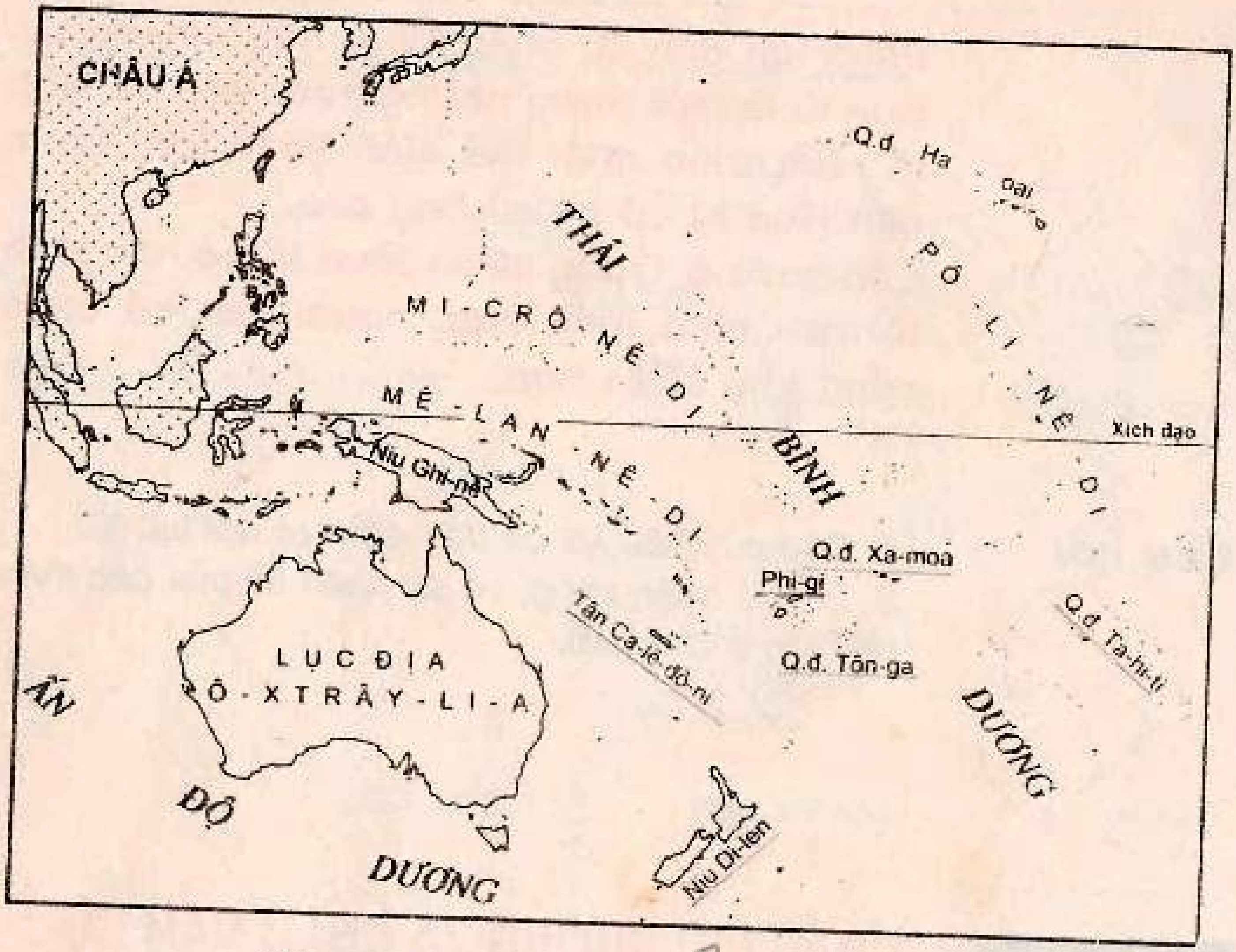

Hình 32 - Lược đồ châu Đại Dương.

thuongmaitr

nhiều nước. Có nhiều loài thú đặc biệt như loài căng-gu-ru, thú mỏ vịt.

Phần lớn các đảo có khí hậu nóng, ẩm nên có rừng rậm hoặc rừng dừa bao phủ.

2. Dân cư, kinh tế

So với các châu lục khác, châu Đại Dương là châu lục có số dân ít nhất. Trên lục địa Ô-xtrây-li-a và đảo Niu Di-len, dân cư chủ yếu là người da trắng (con cháu của người Anh di cư sang từ những thế kỉ trước). Còn trên các đảo thì dân cư chủ yếu lại là người bản địa có da màu sẫm, mắt đen, tóc uốn làn sóng, thuộc một nhánh của chủng tộc Nê-grô-it.

Ô-xtrây-li-a là nước phát triển nhất của châu Đại Dương, đứng đầu thế giới về nuôi cừu, sản xuất và xuất khẩu len.

II. Châu Nam Cực

Châu Nam Cực là châu lục duy nhất nằm ở vùng địa cực, vì vậy đây là châu lục lạnh nhất thế giới, quanh năm nhiệt độ dưới 0^oC, có khi xuống tới 88^o dưới 0^oC. Toàn bộ châu lục bị phủ một lớp băng dày trung bình gần 2000m. Động vật tiêu biểu nhất cho lục địa Nam Cực là chim cánh cụt. Đó là loài chim không biết bay, nhưng bơi lặn dưới nước rất giỏi, thường sống tập trung thành từng đàn đông đúc ở ven bờ biển.

Vì không có điều kiện thuận lợi cho sự sống nên trước đây châu Nam Cực hoàn toàn không có người ở. Hiện nay, đã có hàng trăm nhà khoa học của nhiều nước tới nghiên cứu châu lục này.

Q đ Xa-moa
Tân Ca-lê-đô-ni
Q đ Tôn-ga
Q đ. Ta-hi-ti
Phi-gi

Châu Đại Dương gồm lục địa Ô-xtrây-li-a và các đảo, quần đảo ở Trung và Tây Nam Thái Bình Dương.
Lục địa Ô-xtrây-li-a có khí hậu khô hạn, thực vật và động vật độc đáo. Nước Ô-xtrây-li-a có nền kinh tế phát triển, dân cư chủ yếu là người Anh di cư đến.
Châu Nam Cực là châu lục lạnh nhất thế giới.

tuongxua.vn

Câu hỏi

1. Hãy xác định vị trí, giới hạn của châu Đại Dương trên lược đồ (hình 32).
2. Đặc điểm tự nhiên và dân cư của lục địa Ô-xtrây-li-a và các đảo thuộc châu Đại Dương có gì khác nhau ?
3. Nêu đặc điểm tự nhiên của châu Nam Cực. Tại sao châu Nam Cực lại là châu lục lạnh nhất thế giới ?

Bài 29

THỰC HÀNH : CÁC ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI

1. Dựa vào bảng số liệu dưới đây :

- Hãy xếp các đại dương theo thứ tự từ lớn đến nhỏ về diện tích
- Cho biết đại dương nào có nhiệt độ trung bình nước biển thấp nhất, giải thích tại sao ở đó nước lại lạnh như vậy
- Cho biết đại dương nào có độ sâu lớn nhất.

Số TT	Đại dương	Diện tích (triệu km^2)	Độ sâu trung bình (m)	Độ sâu lớn nhất (m)	Nhiệt độ trung bình nước biển (^oC)
1	Ấn Độ Dương	76	3 963	7 455	17
2	Bắc Băng Dương	14	1 134	5 449	3
3	Đại Tây Dương	90	3 530	9 227	17
4	Thái Bình Dương	181	4 279	11 034	19

thuongmaitr

2. Dựa vào các lược đồ dưới đây (hình 33, 34, 35) để ghi tiếp vào bảng sau :

Số TT	Đại dương	Giáp với châu lục	Giáp với đại dương
1	Ấn Độ Dương	Nam Cực, Châu Phi, Á, Đại Dương	Thái Bình, Đại Tây Dương
2	Bắc Băng Dương	Châu Mĩ, Á	Thái Bình Dương
3	Đại Tây Dương	Châu Phi, Nam cực	Thái, Ấn
4	Thái Bình Dương	Châu Á, Mĩ, Nam Cực, Đại Dương	Ấn, Đại, Bắc

- Hãy chỉ vị trí các đại dương trên quả cầu hoặc lược đồ thế giới (hình 36).

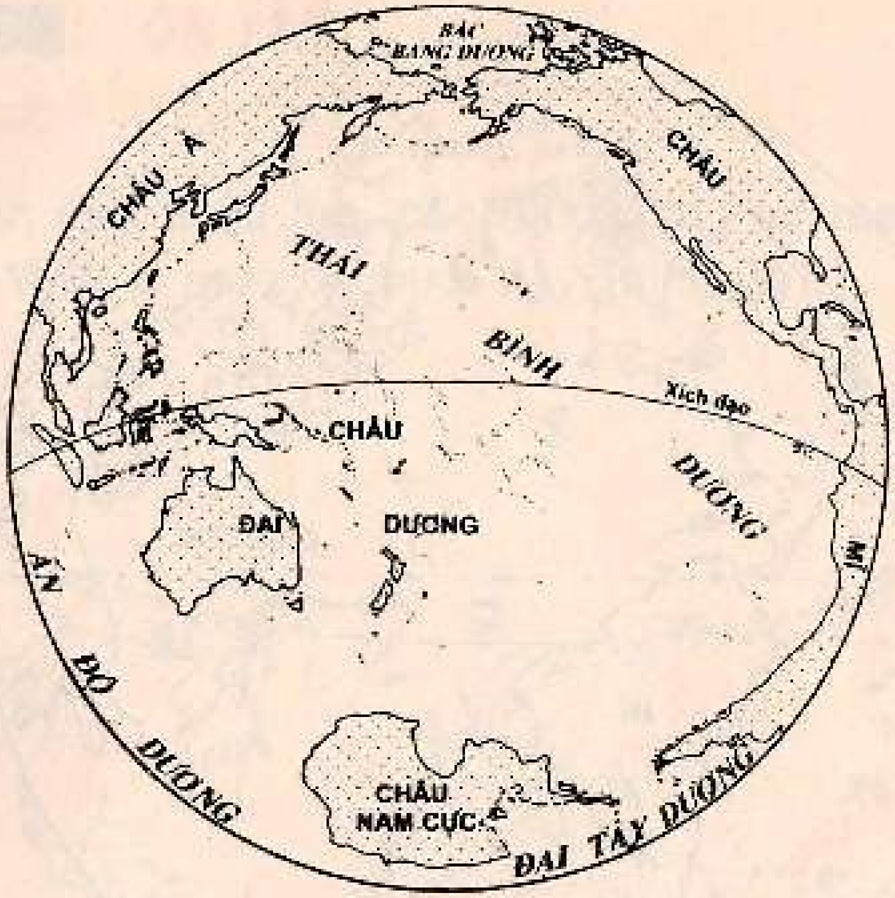

Hình 33 - Lược đồ Thái Bình Dương.

uongxua.vn

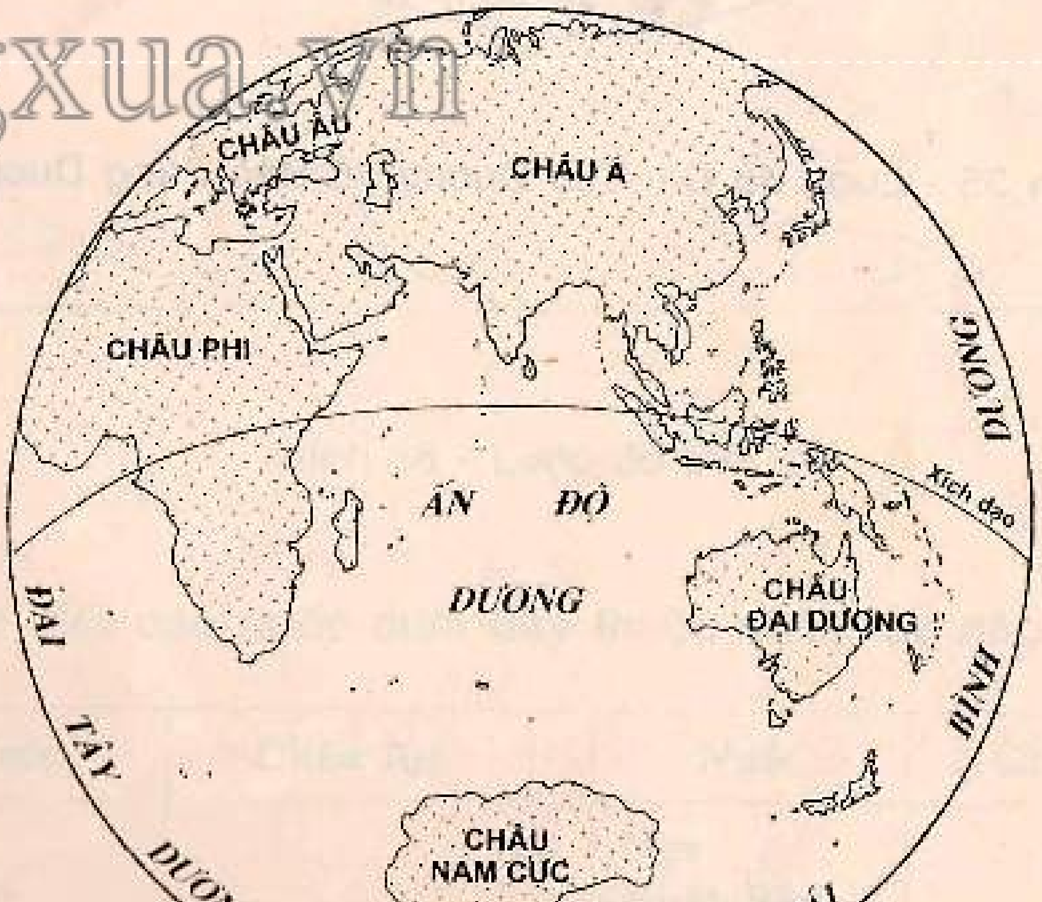

Hình 34 - Lược đồ Ấn Độ Dương.

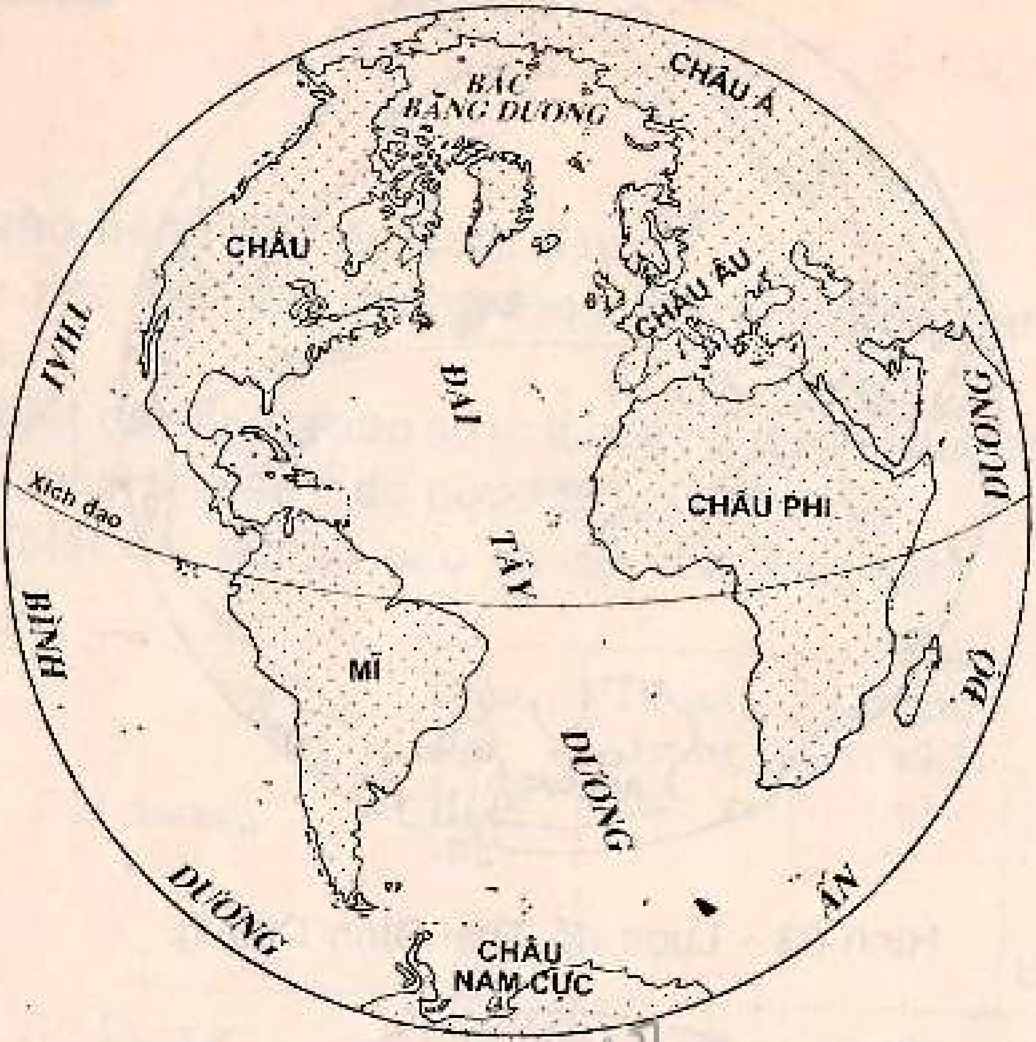

thuongmaitr

Hình 35 - Lược đồ Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.

Bài 30 **ÔN TẬP**

1. Điền tên các châu lục, các đại dương và nước Việt Nam vào đúng vị trí ở lược đồ dưới đây (hình 36).

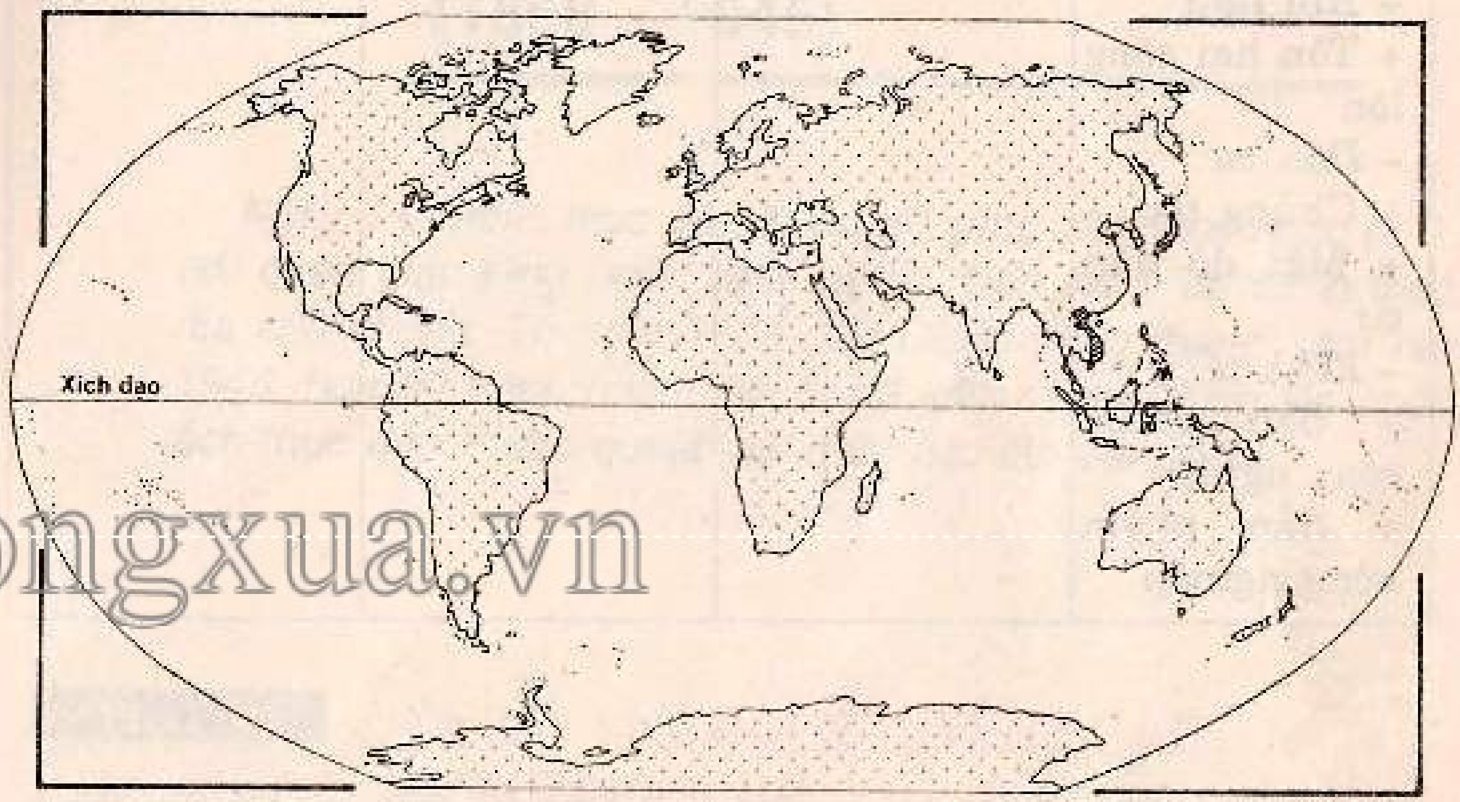

Hình 36 - Lược đồ thế giới.

2. Cho biết các nước dưới đây thuộc châu lục nào ?

Nước	Châu lục	Nước	Châu lục
Anh	. . . .	Nga	. . . .
Ấn Độ	. . . .	Nhật Bản	. . . .
Đức	. . . .	Ô-xtrây-li-a	. . . .
Hoa Kì	. . . .	Pháp	. . . .

uongxua.vn

3. Hãy ghi những đặc điểm nổi bật của các châu lục vào các bảng sau :

Yếu tố	Châu Phi	Châu Mĩ	Châu Đại Dương
- *Vị trí* (thuộc bán cầu nào ?) - *Tự nhiên :* + Địa hình + Khí hậu + Tên hai sông lớn - *Dân cư* : + Chủng tộc + Mật độ dân cư - *Kinh tế :* + Sản phẩm công nghiệp + Sản phẩm nông nghiệp			

thuongmaitr

LỊCH SỬ

HƠN TÁM MƯƠI NĂM CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1858 - 1945)

Ngày 1-9-1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Từ đó, quân giặc từng bước xâm chiếm, biến nước ta thành thuộc địa của chúng. Từ năm 1858 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945, hơn 80 năm, nhân dân ta đã kiên cường đứng lên chống ách thực dân Pháp, quyết giành lại độc lập dân tộc.

truongxua.vn

Bài 1 "BÌNH TÂY ĐẠI NGUYÊN SOÁI" TRƯƠNG ĐỊNH

Thực dân Pháp xâm lược nước ta. Nhân dân Nam Kì đã đứng lên chống Pháp, nổi tiếng nhất là phong trào kháng chiến dưới sự chỉ huy của Trương Định.

Trương Định gốc ở Bình Sơn, (nay là huyện Sơn Tịnh), Quảng Ngãi, sau theo cha vào sinh cơ lập nghiệp ở Tân An. Trương Định chiêu mộ nghĩa binh đánh Pháp ngay khi chúng vừa tấn công Gia Định (1859). Năm 1862, giữa lúc nghĩa quân Trương Định đang thu được thắng lợi làm cho Pháp hoang mang lo sợ thì có lệnh vua ban xuống : Trương Định phải giải

tán lực lượng kháng chiến của nhân dân 3 tỉnh miền Đông, đi An Giang nhận chức lãnh binh ngay. Nhận được lệnh, Trương Định hết sức băn khoăn, lo nghĩ. Làm quan thì phải tuân lệnh vua, nếu không sẽ phải chịu tội phản nghịch. Nhưng dân chúng và nghĩa quân không muốn giải tán lực lượng, một lòng một dạ tiếp tục kháng chiến. Giữa lệnh vua và ý dân, Trương Định không biết làm thế nào cho phải lẽ.

Giữa lúc ấy, chỉ huy đạo nghĩa quân đóng ở Tân An là Phan Tuấn Phát truyền thư đi cho các đạo nghĩa quân, suy tôn Trương Định làm chủ soái. Sáng kiến đó được dân chúng và nghĩa quân khắp nơi ủng hộ. Họ đắp đàn, mời Trương Định

Hình 1 - Trương Định nhận phong soái

đến làm lễ, đem nhiễu điều quàng lên vai nhà yêu nước, suy tôn ông làm "Bình Tây đại nguyên soái". Cảm kích trước niềm tin yêu của nghĩa quân và dân chúng, Trương Định đã vui lòng ở lại.

Đại nguyên soái Trương Định đã phất cao cờ "Bình Tây" chỉ huy hàng ngàn nghĩa quân hoạt động chống thực dân Pháp ở miền Đông Nam Bộ.

Năm 1862, triều đình nhà Nguyễn kí hòa ước, cắt 3 tỉnh miền Đông Nam Kì cho thực dân Pháp. Vua ra lệnh cho Trương Định phải giải tán lực lượng kháng chiến. Trương Định không tuân lệnh vua, đứng về phía nhân dân, kiên quyết cùng nhân dân chống giặc xâm lược.

ruongxua.vn

CHÚ THÍCH

1. *Gia Định :* Một trong ba tỉnh miền Đông, trung tâm chính trị của Nam Kì lúc bấy giờ.
2. *Tân An :* Thuộc tỉnh Gia Định
3. *An Giang :* Một vùng đất thuộc miền Tây Nam Kì
4. *Lãnh binh :* Chúc quan võ thời nhà Nguyễn, chỉ huy quân đội ở một tỉnh.
5. *"Bình Tây đại nguyên soái" :* Người có chúc cao nhất chỉ huy quân đội đánh Tây (Pháp)

Câu hỏi

1. Em hãy nêu những băn khoăn, lo nghĩ của Trương Định.

2. Trước những băn khoăn đó, nghĩa quân và dân chúng đã làm gì ?

3. Trương Định đã làm gì để đáp lại tấm lòng yêu nước của nhân dân ?

Bài 2

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ MONG MUỐN ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

Trước mối họa thực dân Pháp xâm lăng, một số người chủ trương đổi mới đất nước để đủ sức tự lập, tự cường. Đó là các nhà Nho yêu nước như Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ.

Nguyễn Trường Tộ sinh ra trong một gia đình theo đạo Thiên chúa ở Nghệ An. Thuở nhỏ, ông học chữ Nho, thông minh hiểu biết hơn người, được gọi là "Trạng Tộ". Lớn lên, ông được học thêm tiếng La tinh, tiếng Pháp. Từ năm 1860, ông được sang Pháp. Những năm ở Pháp, ông ra sức quan sát, tìm hiểu sự giàu có văn minh của họ để tìm cách cứu nước nhà thoát khỏi cảnh nghèo đói lạc hậu. Từ năm 1863 đến năm 1871, Nguyễn Trường Tộ đã trình lên vua Tự Đức 58 bản hiến kế, thiết tha bày tỏ mong muốn đổi mới đất nước. Ông đề nghị mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước, thông thương với thế giới, thuê chuyên gia nước ngoài đến giúp ta khai thác các nguồn lợi về biển, rừng, đất đai, khoáng sản ; mở các trường kĩ nghệ, học cách sử dụng máy móc, đóng tàu, đúc súng. Ông mong muốn nước ta phải mạnh lên, có nhiều bạn trên thế giới để đủ sức đối phó với giặc Pháp.

Vua quan nhà Nguyễn không muốn thay đổi công việc trong nước, họ không hiểu biết tình hình các nước trên thế giới. Ngay cả những điều đơn giản như đèn điện không có dầu vẫn sáng,... họ cũng cho là bịa đặt. Trước đề nghị đổi mới của Nguyễn Trường Tộ, triều đình bàn tán ngược xuôi. Vua Tự Đức cho rằng : không cần nghe theo Nguyễn Trường Tộ. "Những phương pháp cũ đã đủ để điều khiển quốc gia rồi !". Cuối cùng những đề nghị đổi mới đất nước của Nguyễn Trường Tộ không được thực hiện.

Mặc dù vậy, người đời sau vẫn kính trọng ông là người hiểu biết sâu rộng, có lòng yêu nước, mong muốn dân giàu, nước mạnh.

Từ năm 1863 đến năm 1871, Nguyễn Trường Tộ đã nhiều lần đề nghị đổi mới đất nước. Cuối cùng, những đề nghị của ông không được vua quan nhà Nguyễn nghe theo và thực hiện.

Câu hỏi

1. Hãy nêu nội dung những đề nghị đổi mới đất nước của Nguyễn Trường Tộ ?

2. Những đề nghị đó có được vua quan nhà Nguyễn nghe theo và thực hiện không ? Vì sao ? Không.

3. Hãy kể lại những điều em biết về Nguyễn Trường Tộ.

truongxua.vn

Hình 2 - Mười hai sứ thần Việt Nam đi sứ tại Kinh đô Pháp (Pa-ri) năm 1863.

Bài 3 CUỘC PHẢN CÔNG Ở KINH THÀNH HUẾ

Năm 1884, triều đình Huế kí hòa ước công nhận quyền đô hộ của thực dân Pháp đối với nước ta. Tuy triều đình đầu hàng nhưng nhân dân không chịu khuất phục. Trong các quan lại có phái chủ chiến, đứng đầu là Tôn Thất Thuyết. Trái với phái chủ hòa, phái chủ chiến đứng về phía nhân dân, chủ trương tiếp tục chiến đấu để khôi phục chủ quyền dân tộc.

Để chuẩn bị kháng chiến lâu dài, Tôn Thất Thuyết cho lập các căn cứ ở vùng núi rừng từ Quảng Trị đến Thanh Hóa. Ông còn lập các đội nghĩa quân ngày đêm luyện tập, sẵn sàng đánh Pháp. Biết được tin, tướng Pháp kéo quân từ miền Bắc trở về Huế, cho mời Tôn Thất Thuyết đến họp để bắt cóc ông. Ông cáo bệnh không đến. Tướng Pháp trắng trợn ra lệnh : nếu bị bệnh cũng phải cáng ông sang.

Trước sự uy hiếp trắng trợn của kẻ thù, Tôn Thất Thuyết quyết định nổ súng trước để giành thế chủ động. Một giờ sáng ngày 5-7-1885, trong cảnh đêm khuya vắng lặng của chốn đế đô, bỗng có tiếng đại bác nổ rầm trời. Tiếp đó, tiếng súng rền vang, lửa cháy sáng rực. Tôn Thất Thuyết cho các đạo quân tấn công đồn Mang Cá và tòa Khâm sứ. Bị đánh bất ngờ, quân Pháp vô cùng bối rối. Nhưng nhờ có ưu thế về vũ khí, sau thời gian hoảng hốt ban đầu, quân Pháp ra sức cố thủ, đến sáng thì phản công lại. Giặc Pháp tiến quân vào kinh thành, mặc sức giết người và tàn phá. Trước tình hình đó, Tôn Thất Thuyết quyết định đưa vua Hàm Nghi và triều đình lên vùng rừng núi Quảng Trị. Được Tôn Thất Thuyết báo trước về những khó khăn gian khổ sắp tới, vua Hàm Nghi khẳng khái nói : "Đi đâu cũng đi, sống thế nào cũng được, miễn là đuổi giặc Pháp ra khỏi đất nước". Tại căn cứ kháng chiến, Tôn Thất Thuyết đã nhân danh vua Hàm Nghi ra lời kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên giúp vua cứu nước. Ngay sau đó, một phong trào

thuongmaitr

chống Pháp bùng lên mạnh mẽ trong cả nước, tiêu biểu là khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hóa) do Phạm Bành, Đinh Công Tráng, khởi nghĩa Bãi Sậy (Hưng Yên) do Nguyễn Thiện Thuật, khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh) do Phan Đình Phùng lãnh đạo. Lịch sử gọi đó là phong trào Cần Vương.

Hình 3 - Vua Hàm Nghi

Hình 4 - Phan Đình Phùng

ruongxua.vn

Năm 1885, Tôn Thất Thuyết tổ chức phản công đánh Pháp tại kinh thành Huế. Sau đó, ông đưa vua Hàm Nghi lên vùng rừng núi kháng chiến. Nhân danh nhà vua, ông kêu gọi nhân dân cả nước đứng lên chống Pháp. Từ đó, bùng nổ một phong trào chống Pháp mạnh mẽ, kéo dài 12 năm (1885 - 1896), gọi là phong trào Cần Vương.

CHÚ THÍCH

1. *Chủ chiến* : Chủ trương chiến đấu chống Pháp
2. *Chủ hòa* : Chủ trương thương lượng với Pháp
3. *Cần Vương* : Giúp vua

Câu hỏi

1. Em hãy nêu nguyên nhân xảy ra cuộc phản công kinh thành Huế.

2. Hãy giới thiệu các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của phong trào Cần Vương.

Bài 4

XÃ HỘI VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

Những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, sau khi dập tắt phong trào đấu tranh vũ trang của nhân dân, thực dân Pháp tăng cường bóc lột, vơ vét đất nước Việt Nam chúng ta.

Câu 1 Chúng đẩy mạnh khai mỏ để chiếm đoạt các khoáng sản, nhất là than ở Hồng Gai, Quảng Yên, thiếc ở Tĩnh Túc, bạc ở Ngân Sơn, vàng ở Bồng Miêu... để chở về Pháp hay bán cho các nước. Chúng xây dựng các nhà máy điện, nước, xi măng, dệt... để sử dụng nguồn nhân công rẻ mạt ở nước ta, nhằm sản xuất các mặt hàng thu lãi lớn hoặc phục vụ sinh hoạt của người Pháp tại Việt Nam. Chúng cướp đất đai của nông dân, lập những đồn điền rộng hàng ngàn, hàng vạn hec-ta trồng cao su, chè, cà phê... Để phục vụ chính sách khai thác kinh tế, các hệ thống giao thông vận tải được hình thành. Lần đầu tiên ở Việt Nam có đường ô tô, đường xe lửa.

Hoạt động kinh tế mới đã làm cho xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến. Một số người làm ăn phát đạt đã trở thành chủ xưởng lớn hoặc chủ nhà buôn. Thành thị phát triển, buôn bán

Hình 5 - Ga Hà Nội 1900

ruongxua.vn

Hình 6 - Phố Tràng Tiền (Hà Nội) năm 1905

mở mang, bộ máy cai trị hình thành đã nảy sinh đông đảo những người buôn bán nhỏ, chủ xưởng nhỏ, viên chức, trí thức...

Hình 7 - Nông dân Việt Nam trong thời kì Pháp thuộc

Sự phát triển các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền... đã thu hút hàng vạn người nông dân mất ruộng đất, nghèo đói vào làm việc, trở thành công nhân. Vào đầu thế kỉ XX, nước ta có 10 vạn công nhân.

Trước đây, trong xã hội Việt Nam chỉ có phong kiến và nông dân. Từ cuối thế kỉ XIX đã xuất hiện thêm những lực lượng mới : chủ xưởng, nhà buôn, viên chức, trí thức, công nhân...

thuongmaitr

Từ cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp tăng cường khai mỏ, lập nhà máy, đồn điền. Tài nguyên khoáng sản bị chiếm đoạt, nhân dân bị bóc lột nặng nề.

Những chuyển biến về kinh tế đã tạo ra chuyển biến về xã hội : xuất hiện thêm những lực lượng mới như công nhân, chủ xưởng, nhà buôn, viên chức, trí thức...

Câu hỏi

1. Từ cuối thế kỉ XIX, ở Việt Nam có những chuyển biến lớn gì về mặt kinh tế ?

2. Những chuyển biến về kinh tế đã tạo ra những chuyển biến gì về mặt xã hội ?

Bài 5

PHAN BỘI CHÂU VÀ PHONG TRÀO ĐÔNG DU

Hình 8 - Phan Bội Châu

tuongxua.vn

Phan Bội Châu lớn lên khi đất nước đã bị thực dân Pháp đô hộ. Ông day dứt lo tìm con đường giải phóng cho dân tộc.

Cùng với những người chung chí hướng, ông lập hội Duy Tân. Ông được hội cử ra nước ngoài để tìm sự giúp đỡ. Năm 1905, Phan Bội Châu tới Nhật Bản. Một số người Nhật hứa giúp đỡ đào tạo thanh niên yêu nước Việt Nam.

Phan Bội Châu trở về nước, vận động thanh niên sang Nhật học. Phong trào Đông Du bắt đầu từ đây. Lúc đầu, có chín người sang Nhật cùng với Phan Bội Châu. Để có tiền ăn học, chín người đã phải làm đủ các nghề, kể cả việc đánh giày hay rửa bát đĩa trong các quán ăn. Cuộc sống của họ hết sức kham khổ, được bữa nay lo bữa mai, nhà cửa chật chội, thiếu thốn

đủ thứ. Với tấm lòng mong mỏi học tập để cứu đất nước ra khỏi cảnh nô lệ, nhóm sinh viên này đã vượt qua mọi khó khăn để học tốt.

Phan Bội Châu ra sức tuyên truyền, cổ động cho phong trào Đông Du. Vì vậy, tiền trong nước gửi ra ủng hộ ngày càng nhiều và hàng trăm thanh niên nô nức sang Nhật học. Sau khi học được tiếng Nhật, sinh viên Việt Nam được đưa vào học trường riêng. Họ học khoa học và quân sự. Ai cũng mong học chóng xong để về nhà thực hiện ý chí cứu nước của mình.

Phong trào Đông Du phát triển làm cho thực dân Pháp rất lo ngại. Năm 1908, Chính phủ Pháp thỏa thuận với Nhật chống lại phong trào Đông Du. Ít lâu sau, chính phủ Nhật ra lệnh trục xuất sinh viên Việt Nam và Phan Bội Châu khỏi Nhật Bản.

Phong trào Đông Du thất bại. Phan Bội Châu cùng với nhiều thành viên lánh sang Quảng Châu, sang Xiêm tiếp tục các hoạt động cứu nước.

thuongmaitr

Phan Bội Châu là một nhà yêu nước ở đầu thế kỉ XX. Phong trào Đông Du do ông cổ động, tổ chức và lãnh đạo nhằm đào tạo nhân tài cứu nước.

CHÚ THÍCH

1. *Duy Tân :* Theo cái mới
2. *Đông Du :* Đi về phương Đông (cụ thể ở đây là Nhật Bản)
3. *Xiêm :* Bây giờ là Vương quốc Thái Lan
4. *Quảng Châu :* Thành phố thuộc tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc)

Câu hỏi

1. Em hãy thuật lại phong trào Đông Du.

2. Phong trào Đông Du thất bại như thế nào ?

Bài 6

QUYẾT CHÍ RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC

Cậu bé Nguyễn Sinh Cung, sau đổi tên là Nguyễn Tất Thành, sinh ngày 19-5-1890 trong một gia đình trí thức quê ở làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Cậu lớn lên vào lúc nước ta đã bị thực dân Pháp xâm chiếm. Đánh đuổi giặc Pháp, giành lại độc lập dân tộc, đó là ước mơ của các thế hệ người dân Việt Nam thời ấy.

Mười lăm tuổi, Nguyễn Tất Thành đã sớm hiểu tình cảnh đất nước và nỗi thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ, anh đã có chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh tham gia công tác bí mật, nhận công việc liên lạc. Anh khâm phục các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu nhưng không hoàn toàn tán thành cách làm của các cụ. Anh nghĩ rằng :

Cụ Phan Bội Châu muốn dựa vào Nhật để đánh đuổi giặc Pháp. Anh nhận thấy điều đó là nguy hiểm chẳng khác gì "Đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau".

Cụ Phan Châu Trinh yêu cầu người Pháp làm cho nước ta giàu có, văn minh. Đó là điều không thể thực hiện được, "chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương".

Cụ Hoàng Hoa Thám trực tiếp đấu tranh chống Pháp, nhưng vì lẻ loi nên phong trào của cụ cũng bị thất bại.

Nguyễn Tất Thành quyết định phải tìm ra con đường mới để có thể cứu nước, cứu dân.

Đầu thế kỉ XX, Sài Gòn (ngày nay là thành phố Hồ Chí Minh) là trung tâm kinh tế, chính trị của chế độ thuộc địa Pháp ở Đông Dương. Nguyễn Tất Thành từ Trung Kì vào đó và ở nhà một người bạn. Anh gặp Tư Lê, một người cùng lứa tuổi và trở nên đôi bạn thân. Một hôm, anh hỏi Tư Lê : "Anh Lê, anh có yêu nước không ?"

Anh Lê ngạc nhiên đáp : "Tất nhiên là có chứ !"

- Anh có thể giữ bí mật được không ?

- Có !

- Tôi muốn ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta. Nhưng nếu đi một mình, thật ra cũng có điều mạo hiểm, nhất là những khi đau ốm. Anh muốn đi với tôi không ?

- Nhưng bạn ơi, chúng ta lấy đâu ra tiền mà đi ?

- Đây, tiền đây. Anh Thành vừa nói vừa giơ hai bàn tay và nói : Chúng ta sẽ làm việc. Chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi. Thế thì anh cùng đi với tôi chú ?

Bị lôi cuốn vì lòng hăng hái của anh Thành, anh Lê đồng ý. Nhưng sau khi suy nghĩ kĩ về cuộc phiêu lưu, anh Lê không đủ can đảm để giữ lời hứa.

Hình 9 - Tàu La-tu-sơ Tờ-rê-vi-ơ (Latouche Tréville),
Bác Hồ đã làm phụ bếp trên tàu này

Vài hôm sau, tại bến Nhà Rồng, một chàng thanh niên dáng mảnh khảnh đến xin việc trên một chiếc tàu buôn Pháp sắp trở về châu Âu. Chàng trai ấy xưng tên là Ba, sẵn sàng nhận làm bất cứ việc gì. Người ta giao cho anh làm phụ bếp trên tàu, một công việc nặng nhọc và nguy hiểm. Chàng thanh niên đó là Nguyễn Tất Thành. Ngày 5-6-1911, anh rời Tổ quốc, ra đi tìm đường cứu nước.

Ngày 5-6-1911, với lòng yêu nước, thương dân, Nguyễn Tất Thành đã quyết chí ra đi tìm đường cứu nước.

Câu hỏi

1. Hãy nêu những khó khăn khi Nguyễn Tất Thành đi ra nước ngoài.

2. Tại sao anh quyết chí ra đi tìm đường cứu nước ?

ruongxua.vn

Bài 7 ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI

Từ giữa năm 1929, ở nước ta lần lượt ra đời ba tổ chức cộng sản ở Bắc, Trung, Nam. Các tổ chức cộng sản đã lãnh đạo phong trào đấu tranh chống Pháp, giúp đỡ lẫn nhau trong việc tổ chức các cuộc bãi công, biểu tình... Để tăng cường sức mạnh của cách mạng, cần phải sớm hợp nhất các tổ chức cộng sản. Việc này, đòi hỏi phải có một lãnh tụ đủ uy tín và năng lực mới làm được.

Vào thời điểm này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Thái Lan. Luôn theo dõi tình hình trong nước, được sự ủy

nhiệm của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc trở về Hồng Công, triệu tập đại biểu ba tổ chức cộng sản để bàn việc thống nhất lực lượng. Dưới sự chủ tọa của Người, hội nghị đã họp từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930, trong một căn phòng hẹp của một công nhân ở Cửu Long, gần Hồng Công. Vào cuộc họp, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nói : "Chúng ta cùng nhau đấu tranh để giải phóng dân tộc, giải phóng đồng bào. Để thực hiện được mục đích ấy, phải thống nhất tổ chức".

Hình 10 - Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (năm 1930)

thuongmaitr

Sau 5 ngày làm việc khẩn trương, trong hoàn cảnh bí mật, hội nghị đã nhất trí hợp nhất các nhóm cộng sản thành Đảng Cộng sản duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, đề ra cương lĩnh hành động cho toàn Đảng.

Từ đó, cách mạng Việt Nam có Đảng lãnh đạo, liên tiếp giành được nhiều thắng lợi to lớn. Ngày 3-2 trở thành ngày kỉ niệm lớn của dân tộc.

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Từ đó, cách mạng nước ta có Đảng lãnh đạo, giành được nhiều thắng lợi to lớn.

CHÚ THÍCH

1. *Quốc tế cộng sản :* Tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng của thế giới, thành lập từ năm 1919.
2. *Cương lĩnh :* Những việc phải làm của một tổ chức chính trị trong thời gian dài.

Câu hỏi

1. Ai chủ trì hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản ngày 3-2-1930 ở Hồng Công ? Em đã biết những gì về lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc ?

2. Em hãy trình bày kết quả của hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản.

Bài 8 XÔ VIẾT NGHỆ - TĨNH

uongxua.vn

Đảng vừa ra đời đã lãnh đạo một phong trào cách mạng mạnh mẽ, nổ ra trong cả nước, trong thời gian 2 năm : 1930-1931. Nghệ - Tĩnh (Nghệ An và Hà Tĩnh) là nơi phong trào nổi lên mạnh nhất.

Ngày 12-9-1930, hàng vạn nông dân huyện Hưng Nguyên xếp hàng dài hàng mấy kilômét với cờ đỏ búa liềm dẫn đầu kéo về thị xã Vinh. Nông dân vừa đi vừa hô khẩu hiệu "Đả đảo đế quốc !", "Đả đảo Nam triều !", "Nhà máy về tay thợ thuyền !", "Ruộng đất về tay dân cày !"... Thực dân Pháp cho binh lính đến đàn áp nhưng không ngăn được bước tiến của đoàn biểu tình. Chúng cho máy bay ném bom vào đoàn người. Trên 200 người chết, hàng trăm người bị thương.

Tức nước vỡ bờ, làn sóng đấu tranh càng lên mạnh. Suốt tháng 9 và tháng 10-1930, nông dân tiếp tục nổi dậy đánh phá

các huyện lị, đồn điền, nhà ga, công sở... Những kẻ đứng đầu các thôn xã sợ hãi bỏ trốn hoặc đầu hàng. Nhân dân cử ra người lãnh đạo mình. Lần đầu tiên, nhân dân có chính quyền của mình. Suốt thời kì có chính quyền nhân dân, không hề xảy ra lưu manh, trộm cắp. Những phong tục lạc hậu như ma chay, đình đám bị bãi bỏ. Tệ cờ bạc, rượu chè... cũng mất hẳn. Đời sống ở thôn, xã tưng bừng, phấn khởi. Tối nào đình làng cũng vui như hội. Tiếng trống là hiệu lệnh tập trung dân làng. Nghe tiếng trống báo tin, bà con nô nức đi họp, nghe nói chuyện, nghe giải thích chính sách hoặc bàn bạc công việc chung. Ai cũng thấy mình thoát khỏi ách nô lệ, trở thành người chủ thôn xóm.

Bọn đế quốc, phong kiến dùng mọi thủ đoạn dã man để đàn áp. Đến giữa năm 1931, phong trào bị dập tắt.

thuongmaitr

Hình 11 - Xô viết Nghệ-Tĩnh

Ngày 12-9 là ngày kỉ niệm Xô viết Nghệ-Tĩnh. Trong những năm 1930-1931, nhân dân Nghệ-Tĩnh đã đấu tranh mạnh mẽ, giành được quyền làm chủ, xây dựng cuộc sống mới văn minh, tiến bộ ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn.

Câu hỏi

1. Em hãy kể lại cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 ở Hưng Nguyên.

2. Trong thời kì 1930-1931, ở các thôn xã của Nghệ-Tĩnh diễn ra điều gì mới ?

Bài 9 MÙA THU CÁCH MẠNG

uongxua.vn

Mùa thu năm 1945, nước ta chói ngời trang sử hào hùng.

Ngày 14 tháng 8, Nhật đầu hàng Đồng minh. Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương và Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào, quyết định Tổng khởi nghĩa.

"Thời cơ đã đến ! Phải giành chính quyền trước khi quân Đồng minh vào !"

Những dòng chữ trong bản "Quân lệnh số một" như có sức mạnh vang dội khắp nơi :

"Hỡi quân dân toàn quốc !

...Phát xít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật đã bị tan rã tại khắp các mặt trận. Kẻ thù chúng ta đã ngã gục."

Giờ Tổng khởi nghĩa đã đến.

Toàn dân ta nổi dậy như sóng cồn cuốn trôi hết những rác rưởi đen tối cũ. "... Chúng ta phải hành động cho nhanh với một tinh thần vô cùng quả cảm, vô cùng thận trọng !

Tổ quốc đang đòi hỏi những hi sinh lớn lao của các bạn ! Cuộc thắng lợi hoàn toàn nhất định sẽ về ta !"

Chiều 16-8, quân giải phóng từ Tân Trào tiến về thị xã Thái Nguyên, chiếm nhiều vị trí, bao vây và tiến công quân Nhật.

Tại thủ đô Hà Nội, chiều 17-8, cuộc mít tinh ở quảng trường Nhà hát lớn đã biến thành cuộc biểu tình tuần hành qua các phố. Ngày 19-8, cờ đỏ sao vàng tung bay khắp nơi. Hàng chục vạn nhân dân xuống đường. Tiếng nhạc "Tiến quân ca" lần đầu tiên vang lên giữa trời Hà Nội. Phủ Khâm sai, Tòa thị chính, Trại lính bảo an, Sở cảnh sát, các công sở của chính quyền bù nhìn... đều lọt vào tay quân cách mạng.

Hình 12 - Biểu tình chiếm phủ Khâm sai

Hơn một vạn quân Nhật ở Hà Nội không dám chống lại. Cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi.

Những ngày sau đó, nhân dân ta giành chính quyền ở Huế, Sài Gòn và các địa phương khác.

Trong khoảng hai tuần, cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước.

Thời cơ ngàn năm có một xuất hiện, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu, nhân dân ta đã tiến hành cuộc Cách mạng tháng Tám thành công. Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành nước độc lập, tự do.

ruongxua.vn

CHÚ THÍCH

1. *Phát xít Nhật* : Chỉ bọn quân phiệt Nhật lúc đó. Chúng chủ trương sử dụng vũ lực xóa bỏ mọi quyền tự do của con người, khủng bố nhân dân tàn bạo, gây chiến tranh xâm lược.
2. *Đồng minh* : Khối các nước Liên Xô (cũ) - Anh - Pháp - Mĩ trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu hỏi

1. Em hãy nêu nội dung chủ yếu của bản "Quân lệnh số một".

2. Em hãy kể lại diễn biến cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội.

Bài 10 BÁC HỒ ĐỌC TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Ngày 2-9-1945, Hà Nội tưng bừng màu đỏ. Một vùng trời bát ngát cờ, hoa. Các nhà máy, các cửa hiệu buôn đều nghỉ việc, các chợ không họp. Đồng bào Hà Nội, già trẻ, trai, gái đều xuống đường. Những dòng người từ khắp các ngả tập trung về quảng trường Ba Đình.

Nắng mùa thu làm đẹp thêm quảng trường lịch sử. Đội danh dự đứng nghiêm trang chung quanh lễ đài mới dựng.

Đúng 14 giờ, buổi lễ bắt đầu. Sau khi ông Võ Nguyên Giáp giới thiệu, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các vị trong Chính phủ lâm thời bước lên lễ đài. Chủ tịch đội chiếc mũ vải đã ngả màu vàng, mặc áo ka ki, đi dép cao su trắng. Đó là một cụ già mảnh khảnh, trán cao, mắt sáng. Bác Hồ giơ tay vẫy chào đồng bào. Nhân dân hoan hô như sấm dậy. Với dáng điệu khoan thai, Bác giơ tay ra hiệu im lặng và bắt đầu đọc bản Tuyên ngôn Độc lập :

thuongmaitr

"Hỡi đồng bào cả nước,

Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc..."

Giọng của Bác điềm đạm, đầm ấm, khúc chiết, rõ ràng. Cả biển người nín thở lắng nghe. Đọc được nửa chừng, Bác dừng lại và hỏi :

"Tôi nói, đồng bào nghe rõ không ?"

Hơn nửa triệu người cùng đáp, tiếng vang như sấm : "Có !".

Từ giây phút đó, Bác cùng với cả biển người đã hòa làm một. Lời của Bác lại càng thấm sâu vào lòng người.

Tuyên ngôn Độc lập kết thúc bằng sự khẳng định quyền độc lập, tự do chính đáng của dân tộc và quyết tâm của nhân dân :

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thật sự đã trở thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc

Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Bác Hồ đọc xong, cả biển người hoan hô vang dậy, cả rừng cờ vẫy lên không ngớt. Tiếp đó là lễ ra mắt và tuyên thệ của các thành viên Chính phủ lâm thời trước quốc dân đồng bào...

Đến chiều, buổi lễ kết thúc. Giọng nói Bác Hồ và những lời thề độc lập còn vang mãi trong lòng mỗi người dân.

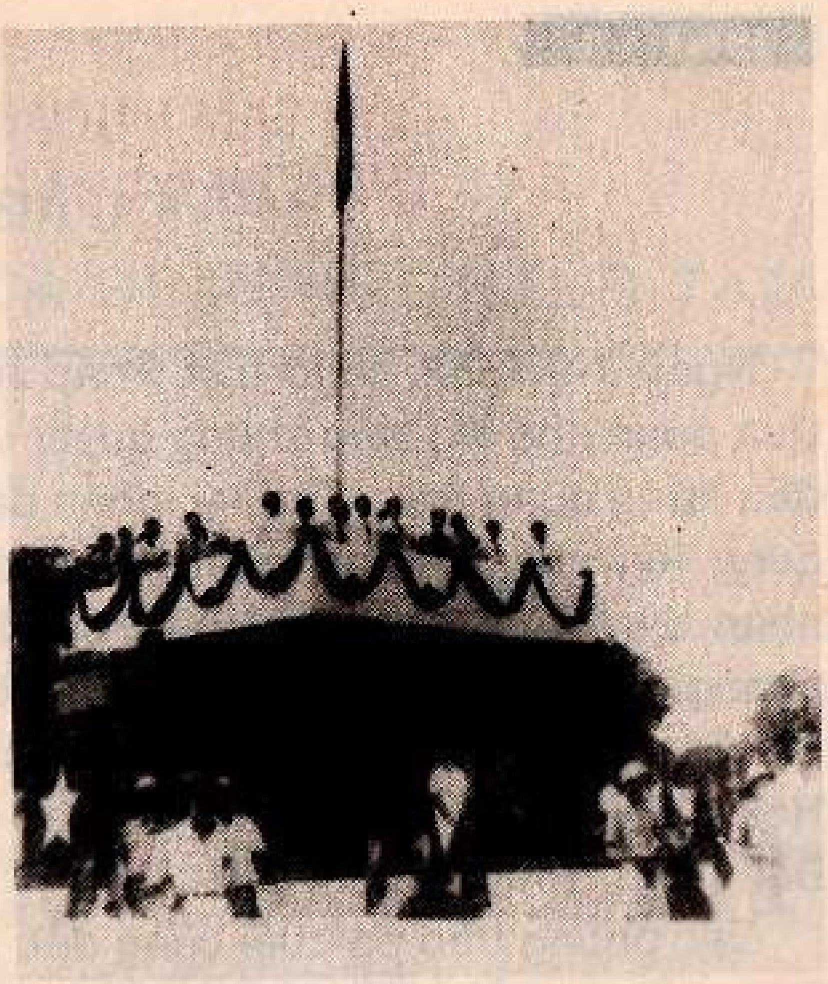

Hình 13 - Bác Hồ đọc "Tuyên ngôn Độc lập"

truongxua.vn

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố nền độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Câu hỏi

1. Em hãy tả lại không khí tưng bừng của buổi lễ ?
2. Cuối bản "Tuyên ngôn Độc lập", Bác Hồ thay mặt nhân dân Việt Nam tuyên bố điều gì ?
3. Trong buổi lễ, nhân dân đã thể hiện ý chí của mình vì độc lập tự do như thế nào ?

Cuộc tuần hành vừa bắt đầu thì súng của thực dân Pháp từ các lầu quanh nhà thờ Đức Bà bắn xối xả vào đoàn biểu tình nhưng đồng bào vẫn không lùi bước.

Lực lượng vũ trang nhanh chóng trấn áp bọn khiêu khích. Đoàn người vẫn tiếp tục diễu hành.

Đêm 22-9, Pháp chiếm trụ sở Bưu điện, Sở Cảnh sát...

Sáng 23-9, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ kêu gọi kháng chiến :

"... Tất cả đồng bào, già, trẻ, trai, gái hãy cầm vũ khí xông lên đánh đuổi quân xâm lược..."

Sài Gòn những ngày đó không điện, không nước, không chợ, không mở cửa tiệm... Trong thành phố luôn có tiếng súng tập kích địch. Lửa thiêu cháy nhiều kho tàng.

Trước sự chống cự của quân và dân ta, thực dân Pháp kinh hoàng, yêu cầu thương thuyết.

Những ngày đầu sau cách mạng, Sài Gòn đã trở thành niềm tin chiến thắng của cuộc kháng chiến suốt chín năm sau.

Hình 14 - Bộ đội Nam tiến lên đường

"Những trận đánh mở đầu" ở Sài Gòn đã trở thành niềm tin chiến thắng của cuộc kháng chiến suốt chín năm sau : "Sài Gòn đi trước về sau".

CHÚ THÍCH :

1. *Sài Gòn :* Một trong những thành phố lớn nhất nước ta, từ năm 1976 đổi là Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu hỏi

1. Em hãy nêu những sự kiện chính xảy ra ở Sài Gòn ngày 2-9-1945.

2. Em hãy kể lại sự kiện : "Pháp gây hấn bằng vũ lực trước".

Em suy nghĩ gì về sự kiện này ?

ruongxua.vn

Bài 13 CHÍNH QUYỀN NON TRẺ

Chính quyền non trẻ của nhân dân ta như măng mới mọc đã gặp biết bao giông tố.

Nạn lụt tháng 8-1945 làm vỡ đê ở chín tỉnh thuộc miền Bắc. Tiếp sau lại hạn hán kéo dài, một nửa số ruộng không thể cày cấy được. Nạn đói đầu năm 1945 đã cướp đi hơn hai triệu đồng bào ta, nay lại tiếp tục đe dọa. Các tệ nạn xã hội lan tràn khắp nơi. Nước ta như trong tình thế "nghìn cân treo sợi tóc".

Tháng 9-1945, chính quyền thuộc về nhân dân. Ngày 6-1-1946, toàn dân sôi nổi đi bỏ phiếu bầu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, 333 đại biểu Bắc - Trung - Nam được bầu vào Quốc hội.

CHÍN NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

Từ năm 1946 đến 1950, chúng ta phát động cuộc kháng chiến trong cả nước. Sau tiếng súng mở đầu ở Hà Nội ngày 19-12-1946, quân dân ta phá tan kế hoạch tấn công Việt Bắc của địch trong chiến dịch Thu - đông năm 1947, đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân toàn diện 1948-1950 và thắng lợi trong chiến dịch Biên giới Thu - đông năm 1950.

Từ năm 1951 đến 1953, cuộc kháng chiến của nhân dân ta có những bước phát triển mới. Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được tiến hành. Tháng 5-1954, chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ thắng lợi, hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 đã lập lại hòa bình ở Đông Dương.

thuongmaitr

Bài 14 HÀ NỘI NHỮNG NGÀY ĐẦU KHÁNG CHIẾN

Cuối năm 1946, Hà Nội, trái tim của Tổ quốc lại rung chuyển trong tiếng súng kháng chiến.

Ngày 18-12-1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư buộc ta nộp vũ khí.

Không thể đầu hàng ! Vào lúc 20 giờ ngày 19-12, khi điện phụt tắt thì pháo của ta bắt đầu nã vào thành. Tiếng súng kháng chiến toàn quốc bùng nổ !

Sáng ngày 20-12, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được công bố :

"... Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không ! Chúng ta thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ !..."

Bàn, ghế, tủ, cây cối, cột đèn, xe điện, xe ô tô... ken chặt mặt đường, kết thành các chiến lũy. Chiến lũy được dựng lên khắp các ngả đường Hà Nội.

Tiếng trống thúc đổ hồi từ ngoại thành dội về càng làm cho tinh thần chiến đấu của quân dân ta thêm sôi động.

Các chiến sĩ Vệ quốc quân và tự vệ giành giật với địch từng căn nhà, từng góc phố với những trận đánh nổi tiếng ở Bắc Bộ phủ, nhà Bưu điện, chợ Đồng Xuân.

Sau gần hai tháng giam chân địch trong thành phố, các chiến sĩ trung đoàn thủ đô được lệnh rút khỏi Hà Nội.

ruongxua.vn

Hình 16 - Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh !

Tiếng súng kháng chiến ở Thủ đô là tiếng súng mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc, nêu cao ý chí bất khuất, quyết giữ vững nền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam. Ngọn lửa kháng chiến sẽ tiếp tục bùng cháy trên toàn cõi Việt Nam.

20 giờ ngày 19-12-1946, tiếng súng kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Quân dân Hà Nội đã anh dũng chiến đấu, "quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh".

CHÚ THÍCH

1. *Tối hậu thư :* Một văn bản gồm những điều kiện buộc đối phương phải chấp nhận, nếu không sẽ sử dụng những biện pháp quyết liệt.
2. *Vệ quốc quân :* Tên gọi Quân đội nhân dân Việt Nam sau Cách mạng tháng 8-1945.
3. *Bắc Bộ phủ :* Dinh của thống sứ Bắc Kì (được xây dựng từ năm 1918) ; sau khi Nhật đảo chính Pháp, trở thành phủ Khâm sai ; sau Cách mạng tháng Tám, Bác Hồ đã làm việc ở đây.

thuongmaitr

Câu hỏi :

1. Em hãy kể lại những sự kiện chính đã diễn ra trong hai ngày 18, 19-12-1946 và nêu ý nghĩa của những sự kiện đó.

2. Theo em, câu nào trong đoạn trích "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh" thể hiện sâu sắc quyết tâm kháng chiến của dân tộc ta ?

3. Quân dân ta đã chiến đấu trong những ngày đầu kháng chiến như thế nào ?

Bài 15

CHIẾN DỊCH VIỆT BẮC THU-ĐÔNG NĂM 1947

Thu-đông năm 1947, căn cứ địa Việt Bắc trở thành ảo mộng xâm lăng của thực dân Pháp.

Từ sáng sớm ngày 7-10, Bắc Cạn, Chợ Mới trắng xóa dù của quân địch.

Cũng ngày đó, một binh đoàn bộ binh từ Lạng Sơn tiến lên Cao Bằng, bao vây phía Đông và phía Bắc Việt Bắc.

Ngày 9-10, binh đoàn bộ binh và lính thủy đánh bộ từ Hà Nội ngược sông Hồng, sông Lô lên Tuyên Quang bao vây phía Tây Việt Bắc.

Quyết tâm phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp, ta buộc chúng phải rút chạy ở đường số 3.

truongxua.vn

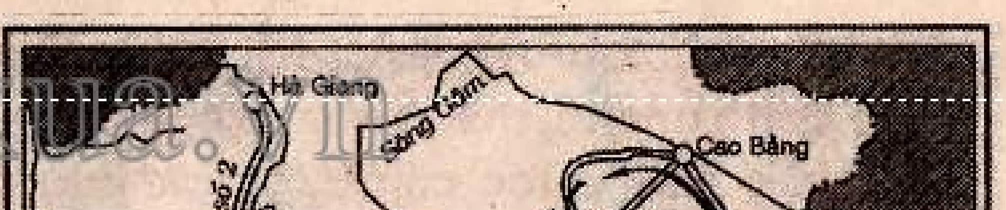

Hình 17 - Lược đồ chiến dịch Việt Bắc năm 1947.

Trên đường số 4, ta phục kích ở đèo Bông Lau, con đường qua đây trở thành "con đường chết" của giặc Pháp.

Với ý đồ khống chế dòng sông Lô, giặc Pháp hi vọng sẽ kiểm soát được đường số 2, chia cắt căn cứ địa Việt Bắc và bao vây các tỉnh Cao-Bắc-Lạng-Thái-Tuyên-Hà. Chúng khao khát làm chủ dòng sông này nhưng nay chỉ thấy dòng lửa trên khúc sông Đoan Hùng và những tàu chiến, ca nô chìm dưới đáy sông Lô.

Tháng 12-1947, sau 75 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, Việt Bắc trở thành "mồ chôn" giặc Pháp. Cơ quan đầu não kháng chiến của ta được bảo vệ an toàn.

Việt Bắc, núi rừng âm u lại sáng mãi ngọn lửa anh hùng, cháy đỏ niềm tin thắng lợi.

Chiến dịch Việt Bắc đã phá tan chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp, bảo toàn được căn cứ địa kháng chiến.

thuongmaitr

CHÚ THÍCH

1. *Căn cứ địa :* Vùng an toàn và thuận tiện cho ban lãnh đạo kháng chiến và bộ đội chủ lực để duy trì cuộc kháng chiến lâu dài.
2. *Cao - Bắc - Lạng - Thái - Tuyên - Hà :* Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang.

Câu hỏi

1. Theo em, Việt Bắc có tầm quan trọng như thế nào trong cuộc kháng chiến ?

2. Em hãy kể sơ qua diễn biến chiến dịch Việt Bắc.

3. Chiến thắng Việt Bắc đã đập tan những âm mưu nào của thực dân Pháp ?

Bài 16 TẤT CẢ CHO TIỀN TUYẾN

Không thể chiến thắng ở mặt trận nếu hậu phương không ổn định.

Trong những năm 1948-1949, chúng ta phải giành giật với thực dân Pháp từng mảnh ruộng, từng vụ gặt để có đủ lương ăn cho các chiến sĩ. Phải hi sinh tất cả để tiếp sức cho tiền tuyến.

Thực dân Pháp thực hiện chủ trương "Đốt sạch, phá sạch, cướp sạch". Nhiều đê, đập bị bắn phá. Khẩu hiệu "Bảo vệ mùa màng để chiến thắng" tràn ngập khắp những cánh đồng. Dân quân du kích canh gác cho đồng bào cày cấy, gặt hái.

ruongxua.vn

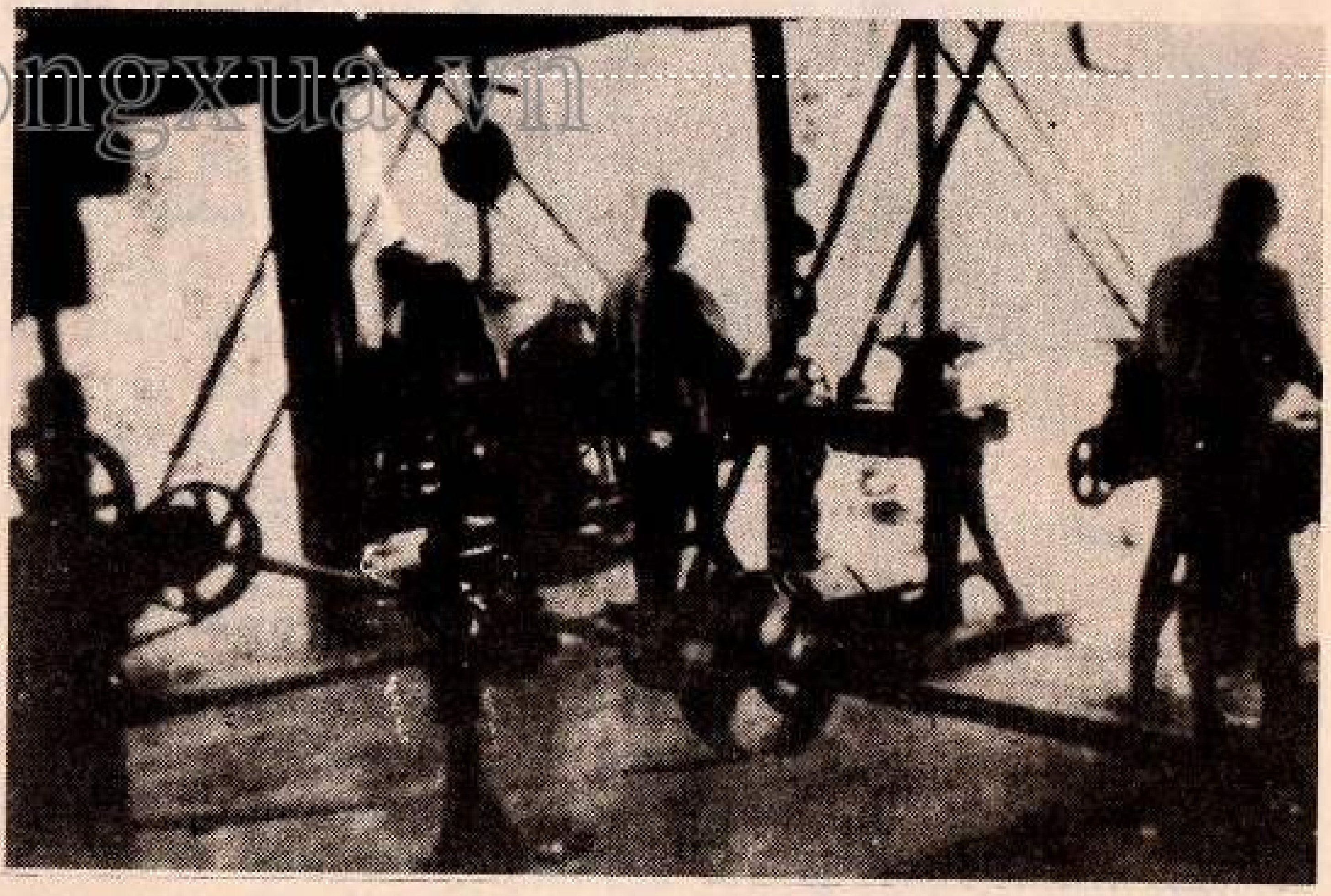

Hình 18 - Một phân xưởng quân giới trong khu căn cứ kháng chiến

Bộ đội ta còn tự chế tạo những vũ khí lớn như súng SKZ, ống phóng bom, súng cối... dưới những mái nhà tranh, nứa trong các khu rừng bí mật.

Nhân dân ta kiên nhẫn chịu đựng mọi hi sinh gian khổ, vừa kháng chiến vừa xây dựng đất nước. Các lớp học vẫn mở. Những bước chân của các em học sinh vẫn tung tăng trong đêm tối bên những chiếc đèn dầu cầm tay.

Các trường Đại học Sư phạm và Đại học Y-Dược ẩn náu trong những khu rừng ở vùng tự do và chiến khu Việt Bắc.

Hậu phương gian khổ nhưng vẫn ánh lên niềm tin chiến thắng.

Hậu phương vững chắc mới có chiến thắng ở tiền phương. Chính vì thế, nhân dân ta đã dốc sức xây dựng hậu phương vững mạnh ngay trong những năm đầu kháng chiến.

thuongmaitr

CHÚ THÍCH

SKZ : Súng không giật.

Câu hỏi

1. Hãy nêu những suy nghĩ của em về khẩu hiệu "Bảo vệ mùa màng để chiến thắng".

2. Em hãy kể lại những khó khăn của nhân dân ta ở hậu phương những năm 1948-1949.

3. Trong hoàn cảnh kháng chiến, sự nghiệp giáo dục của nhân dân ta vẫn phát triển như thế nào ?

Bài 17

CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI THU-ĐÔNG NĂM 1950

Thu-đông năm 1950, trên đường số 4, các chiến sĩ chia nhau từng nắm cơm chờ giặc...

Đường số 4 chạy dọc theo biên giới Việt-Trung, dài 340km qua Lạng Sơn, Cao Bằng.

Địch dựng vòng đai thép "khóa chặt biên giới" gồm trên 40 đồn bốt, vừa khống chế ta, vừa bảo vệ chúng ở Cao-Bắc-Lạng. Ta quyết "chặt" con đường huyết mạch này.

Hình 19 - Bác Hồ quan sát mặt trận Biên giới

Sáng ngày 16-9, ta nổ súng tiến công cụm cứ điểm Đông Khê. Địch không dám phản kích mà chỉ cố thủ. Máy bay địch yểm trợ, bắn phá liên tiếp suốt ngày đêm. Quân ta chiến đấu rất dũng cảm.

Anh La Văn Cầu có nhiệm vụ đánh bộc phá lô cốt phía Đông Bắc cứ điểm Đông Khê. Anh bị trúng đạn, nát một phần cánh tay phải nhưng đã nghiến răng chịu đựng để đồng đội chặt đứt cánh tay lủng lẳng.

Sau hơn hai ngày đêm chiến đấu, bộ đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm Đông Khê. Bác Hồ đã theo dõi diễn biến trận đánh và chỉ đạo trực tiếp ở đài quan sát trên đồi cao.

Mất Đông Khê, quân Pháp rút khỏi Cao Bằng. Quân ta phục kích, tiêu diệt địch ở nhiều nơi.

Địch ra hàng lũ lượt. Bị đói lâu ngày, chúng chìa tay xin cơm bộ đội. Bộ đội ta chiến đấu dài ngày, tuy không đủ gạo nhưng vẫn dành cho chúng một phần.

Cuối năm 1950, đường số 4 sạch bóng quân thù, trở lại như xưa nhưng đượm thêm khí phách hào hùng của dân tộc.

Trong chiến dịch Biên giới, Bác Hồ đã chỉ đạo trực tiếp mặt trận Đông Khê. Quân dân ta chiến đấu rất gian khổ và anh dũng. Anh La Văn Cầu đã trở thành tấm gương của lòng dũng cảm.

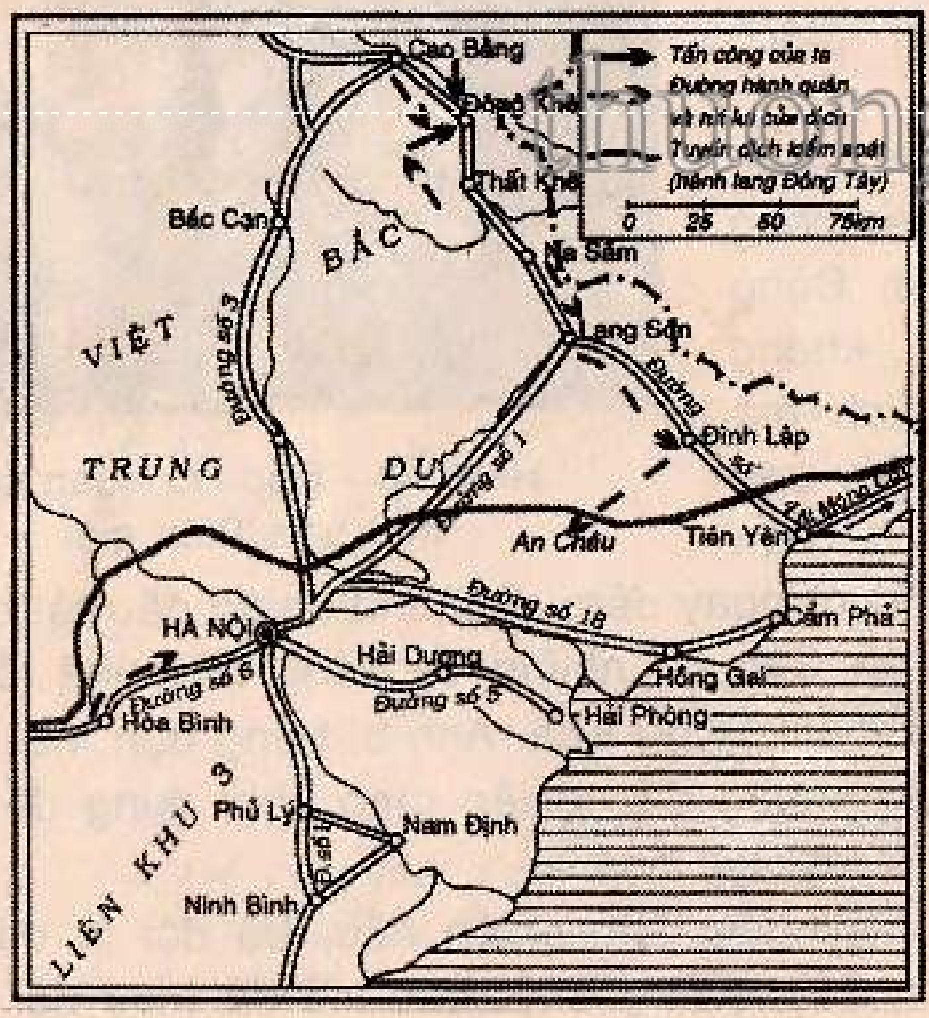

Hình 20 - Lược đồ chiến dịch Biên giới năm 1950

CHÚ THÍCH

1. *Cao-Bắc-Lạng :* Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn.
2. *Đông Khê :* Cụm cứ điểm quan trọng nằm giữa Cao Bằng và Thất Khê. Đánh Đông Khê trước là chủ trương rất sáng suốt của ta vì đánh cứ điểm Đông Khê thì Cao Bằng sẽ bị cô lập, Thất Khê bị uy hiếp.
3. *Bộc phá :* Khối thuốc nổ để phá các vật rắn chắc.
4. *Lỗ châu mai :* Lỗ ở thành công sự để bắn súng từ trong công sự ra ngoài.

Câu hỏi

1. Em hãy cho biết đường số 4 có tầm quan trọng như thế nào ?

2. Em hãy kể sơ qua diễn biến chiến dịch Biên giới.

3. Em suy nghĩ gì về hình ảnh "anh bộ đội Cụ Hồ" chia cơm cho hàng binh ?

lòng nhân đạo của anh bộ đội đối [illegible] giặc

uongxua.vn

Bài 18

HẬU PHƯƠNG NHỮNG NĂM SAU CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI

Tháng 12-1950, kế hoạch của tướng Đờ Lát đờ Tát-xi-nhi được tung ra hòng giành lại thế chủ động trên chiến trường. Giặc Pháp tưởng có thể giăng bẫy, hòng xoay chuyển tình hình có lợi cho chúng.

Tháng 2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng họp, đề ra nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam thời kì này.

Chúng ta đã nhanh chóng đánh thắng những trận lớn, giành lại nhiều vùng đông dân.

Nhiều cứ điểm ở Vĩnh Yên, Phúc Yên bị diệt. Địch rút khỏi Uông Bí. Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình liên tiếp bị ta tấn công. Tháng 2-1952, thực dân Pháp buộc phải rút khỏi Hòa Bình.

Ngày 1-5-1952, Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất của ta được khai mạc, đánh dấu bước trưởng thành của cuộc kháng chiến, cổ vũ cả nước tiến lên giành thắng lợi.

Hình 21 - Hành quân chuẩn bị cho chiến dịch Tây Bắc

Hơn một triệu học sinh phổ thông, đêm thì học tập, ngày tham gia sản xuất. Tuy lao động vất vả nhưng ai cũng hăng say học tập, vì mọi người đều hiểu rõ học tập cũng là góp phần cho kháng chiến.

Những cuộc càn quét quy mô, tàn bạo của địch không những không phá nổi lũy tre xanh của làng chiến đấu mà càng đẩy

mạnh tinh thần chống giặc của nhân dân. "Làng kháng chiến" mọc lên khắp nơi.

Thu-đông 1952, ta mở chiến dịch Tây Bắc, phòng tuyến sông Đà của địch bị vỡ. Lửa kháng chiến lan rộng ra các tỉnh miền núi.

Với ý nguyện giành lại nền độc lập, nhân dân ta quyết tâm chiến đấu, từng bước mở rộng vùng giải phóng.

Sau năm 1950, chúng ta liên tiếp thắng địch trên các mặt quân sự, kinh tế, văn hóa. Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất là biểu tượng về sức mạnh của phong trào thi đua yêu nước. Hậu phương được mở rộng và xây dựng vững mạnh.

truongxua.vn

CHÚ THÍCH

1. *Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất* họp để tổng kết và biểu dương những thành tích rực rỡ của phong trào thi đua yêu nước. Đại hội chọn được 7 anh hùng : Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Quốc Trị, Nguyễn Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, Trần Đại Nghĩa, Hoàng Hanh.
2. *Càn quét :* Địch hành quân để vây ráp, bắt bó, giết chóc hàng loạt.

Câu hỏi

1. Theo em, về quân sự, sau chiến dịch Biên giới ta có những chiến thắng mới nào ?

2. Em hãy nêu sự kiện chỉ rõ việc chúng ta quan tâm đến kinh tế, văn hóa trong thời kì kháng chiến sau năm 1950.

3. Em hiểu như thế nào về "Làng kháng chiến" ? là tập trung dân ở một làng để chiến đấu. tinh thần chống giặc của nhân dân ta

Bài 19

ĐIỆN BIÊN PHỦ - PHÁO ĐÀI THỰC DÂN SỤP ĐỔ

Cánh đồng Mường Thanh, cánh đồng bao la của vùng thượng du bỗng trắng xóa dù lính Âu-Phi. Bầu trời Điện Biên hoen ố những vết đạn loang lổ của các loại vũ khí. Tiếng gầm rít chói tai suốt ngày, đêm. Tại đây, 49 cứ điểm với 3000 tấn dây thép gai, súng phun lửa, súng đại liên nhiều nòng có trang bị máy móc để quan sát và bắn ban đêm... giăng khắp một khu vực dài 10km, rộng 5km. Pháp và Mĩ coi đây là "Pháo đài không thể công phá !".

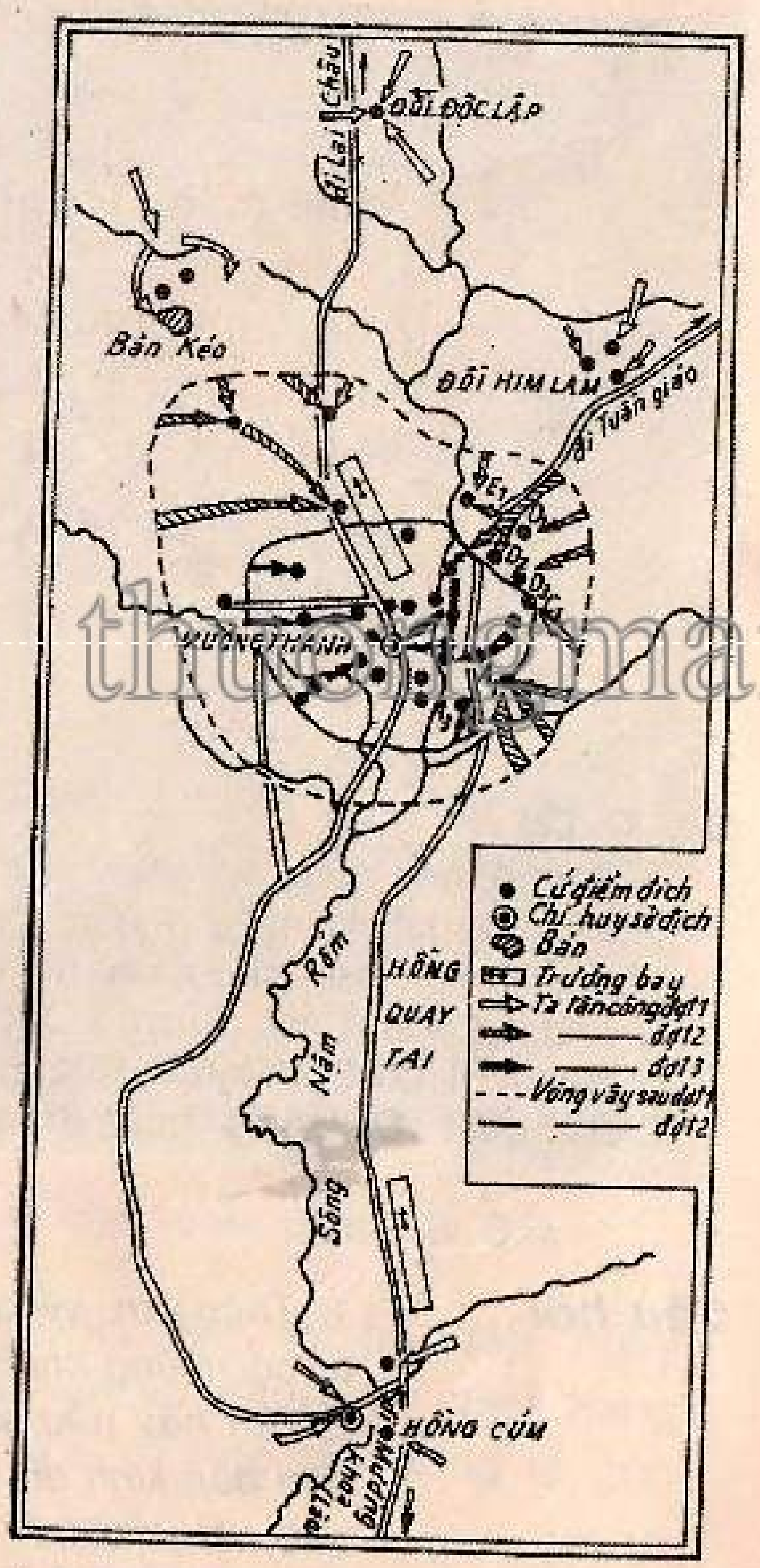

Hình 22 - Sơ đồ khu Mường Thanh

Muốn đánh cụm cứ điểm này, phải có pháo. Pháo trở thành "xương máu". Anh Tô Vĩnh Diện đã lấy thân mình chèn vào bánh pháo để cứu pháo khi dây kéo pháo bị đứt. Mọi người ghi nhớ mãi tấm gương dũng cảm của anh.

Trong trận tiêu diệt cứ điểm Him Lam chiều ngày 13-3-1954, anh Phan Đình Giót đã lao cả thân mình lấp lỗ châu mai để đồng đội ào ạt xông lên như vũ bão, diệt gọn cứ điểm.

Bộ đội ta khép chặt vòng vây quanh khu trung tâm

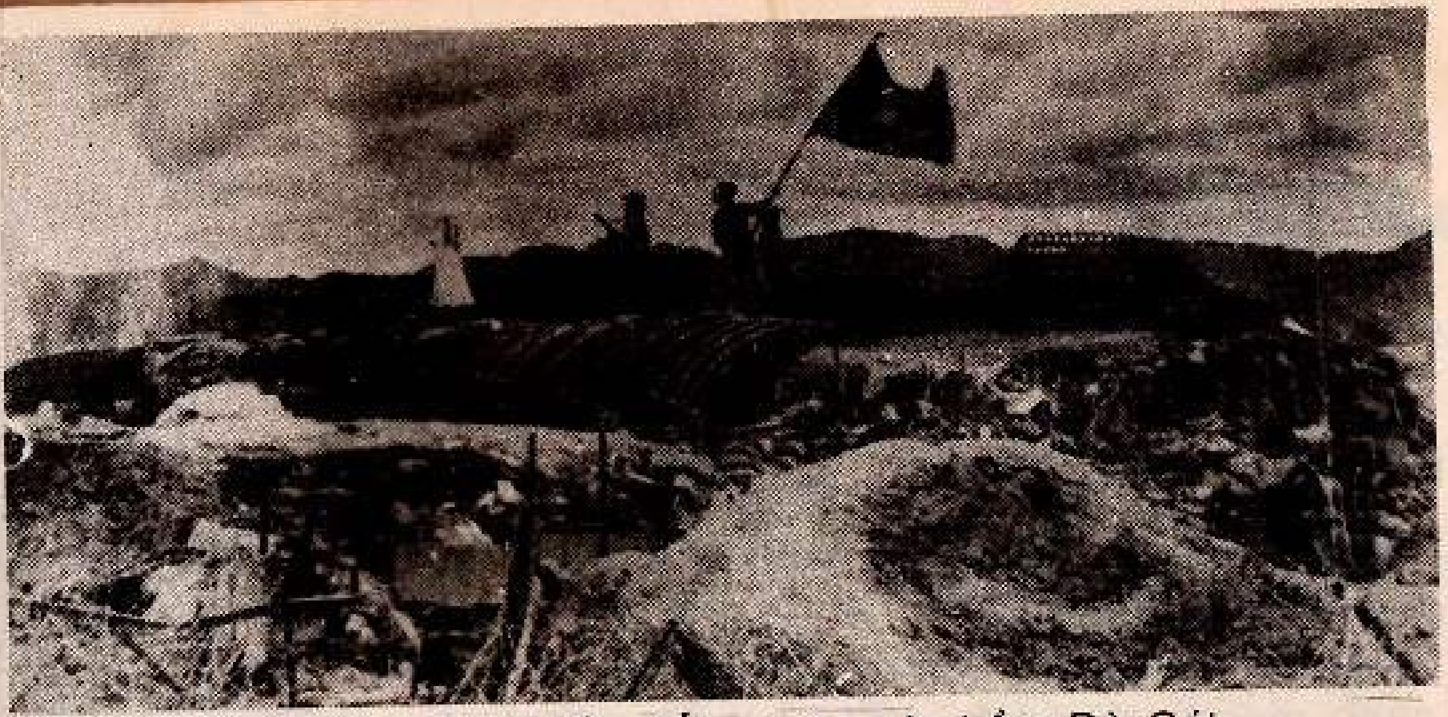

Hình 23 - Cờ chiến thắng trên nóc hầm Đờ Cát

bằng một hệ thống giao thông hào, tiến sát sân bay Mường Thanh, cắt đứt đường tiếp tế duy nhất của địch.

Chiều ngày 6-5-1954, trái bộc phá nặng một tấn đặt trong lòng đồi A1 nổ tung đã trở thành lệnh tổng công kích.

17 giờ 30 phút ngày 7-5-1954, tướng Đờ Cát và Bộ tham mưu tập đoàn cứ điểm bị bắt. Gần một vạn quân địch ra hàng.

Sau 56 ngày đêm liên tục chiến đấu, "Pháo đài không thể công phá" đã hoàn toàn sụp đổ. Thực dân Pháp phải kí hiệp nghị Giơ-ne-vơ, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

truongxua.vn

"Điện Biên Phủ - Việt Nam - Hồ Chí Minh" trở thành niềm cổ vũ lớn lao cho các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Điện Biên Phủ không chỉ là tấm gương về tinh thần chiến đấu dũng cảm của quân dân ta, Điện Biên Phủ còn là biểu trưng về sự sụp đổ của "pháo đài thực dân".

CHÚ THÍCH

Pháo đài : Công trình xây dựng vững chắc để có thể phòng thủ lâu dài.

Câu hỏi

1. Em hãy kể lại những gương chiến đấu điển hình trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

2. Vì sao nói : Điện Biên Phủ là biểu trưng về sự sụp đổ của "pháo đài thực dân" ?

phá tan ách thống trị của Thực dân Pháp trong việc xâm lược nước ta.

Bài 20

ÔN TẬP
Năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám. Chín năm kháng chiến chống Pháp

Năm 1945-1946, nước ta đứng trước tình thế "nghìn cân treo sợi tóc". Đảng và Chính phủ thực hiện những chính sách vô cùng sáng tạo vượt qua mọi hiểm nguy, giữ vững chính quyền cách mạng, chuẩn bị mọi lực lượng để kháng chiến lâu dài.

Những năm 1946-1954, nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến trong toàn quốc. Đó là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng, xã, khu phố là một trận địa. Với sức mạnh tự lực cánh sinh, kháng chiến trường kì, nhân dân ta đã phát triển mọi lực lượng, giành thắng lợi từ nhỏ đến lớn, từ du kích chiến tiến dần lên vận động chiến kết hợp với trận địa chiến. Chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954) và Hiệp định Giơnevơ, chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương (7-1954), kết thúc 9 năm kháng chiến. Hòa bình được lập lại, miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Cách mạng Việt Nam bước sang giai đoạn mới.

thuongmaitr

Bài tập

1. Hãy viết lại những sự kiện chính theo biểu đồ sau :

1945	1946	1947	1948	1949	1950	1951	1952	1953	1954

2. Hãy điền vào những đoạn bỏ trống sau :

- Ngày ..... tháng ..... năm ....., cuộc tuần hành của ..... vừa bắt đầu thì súng của thực dân Pháp đã xả vào đoàn biểu tình.

- *Ngày ..6.. tháng 1..... năm 1946, 333 đại biểu Bắc-Trung-Nam được bầu vào* Quốc hội

- *Sáng ngày 20-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi : " ..... "* Chúng ta ... nô lệ

3. Hãy viết lại những địa danh lịch sử chính trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

4. Hãy kể lại những câu chuyện về các anh hùng, liệt sĩ đã học trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

5. Hãy trình bày cho các bạn cùng lớp nghe về những di tích lịch sử nơi em ở.

6. Hãy sưu tầm những tranh, ảnh về di tích lịch sử, anh hùng, liệt sĩ và những bài báo viết về thời kì kháng chiến chống Pháp tại địa phương nơi em ở.

3. Điện Biên Phủ, Việt Bắc, Hà Nội, Sài Gòn

4.

uongxua.vn

KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC (1954 - 1975)

Đế quốc Mĩ từng bước thay thế thực dân Pháp vào xâm lược miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Nhân dân ta cùng một lúc vừa phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ vừa xây dựng đất nước.

Bài 21 NƯỚC NHÀ BỊ CHIA CẮT

thuongmaitr

Sau những thất bại nặng nề ở Điện Biên Phủ, ngày 20-7-1954, thực dân Pháp buộc phải kí hiệp định Giơ-ne-vơ, chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định sông Bến Hải (huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị) là giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai miền Nam Bắc. Quân Pháp sẽ rút hết khỏi miền Bắc, chuyển vào miền Nam. Trong vòng hai năm, quân Pháp phải rút khỏi Việt Nam. Đến tháng 7 năm 1956, nhân dân hai miền Nam, Bắc sẽ tiến hành tổng tuyển cử bầu cơ quan lãnh đạo chung, thống nhất đất nước.

Hòa bình đã lập lại sau 9 năm kháng chiến đầy hi sinh gian khổ. Nhân dân miền Bắc bắt tay vào công cuộc khôi phục và phát triển đất nước. Nhân dân miền Nam lưu luyến tiễn đưa những người con ưu tú của mình tập kết ra Bắc. Trên các bến tàu, những người thân chia tay nhau, tuy rưng rưng nước mắt nhưng vẫn nuôi hi vọng : sau hai năm nữa, đất nước sẽ thống nhất, gia đình sẽ sum họp.

Hi vọng đó không trở thành hiện thực. Đế quốc Mĩ đã tìm mọi cách phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ. Trong thời gian Pháp rút quân, Mĩ đã dần dần thay chân Pháp xâm lược miền Nam, đưa Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống, lập ra chính phủ thân Mĩ.

Đế quốc Mĩ và chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức vi phạm Hiệp định Giơ-ne-vơ, điên cuồng tiêu diệt lực lượng cách mạng. Chúng ra sức lùng sục, tìm bắt, thẳng tay tàn sát những người tham gia kháng chiến chống Pháp. Chúng khủng bố tàn khốc những người đòi thống nhất đất nước, đòi hiệp thương tổng tuyển cử. Chúng điên cuồng thực hiện chính sách "tố cộng", "diệt cộng". Với khẩu hiệu "giết nhầm còn hơn bỏ sót", chúng lê máy chém đi khắp miền Nam, giết hại các chiến sĩ cách mạng và những người dân vô tội. Chúng gây ra hàng loạt vụ thảm sát ở Chợ Được, Vĩnh Trinh, Hướng Điền... Đặc biệt, ngày 1-12-1958, chúng bỏ thuốc độc vào nước uống, cơm ăn, đầu độc 6000 người ở nhà giam Phú Lợi (Sông Bé), gần một nghìn người bị chết.

Hai năm... ba năm... bốn năm, máu của đồng bào miền Nam ngày ngày vẫn chảy. Kẻ thù ngày càng lộ rõ âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Nước nhà sau hơn 80 năm đấu tranh giành độc lập, sau 9 năm kháng chiến chống Pháp, giờ đây lại đau nỗi đau chia cắt.

"Nam Bộ là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lí ấy không bao giờ thay đổi". Lời Bác Hồ kính yêu lại vang lên trong lòng mỗi người dân Việt Nam. Để bảo vệ chân lí ấy, nhân dân ta không còn con đường nào khác, buộc phải cầm súng đứng lên.

Sau Hiệp định Giơnevơ, nhân dân ta chờ mong ngày gia đình đoàn tụ, đất nước thống nhất. Đế quốc Mĩ và bè lũ tay sai đã khủng bố, tàn sát đồng bào miền Nam, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta.

CHÚ THÍCH :

1. *Hiệp định :* Văn bản ghi lại những nội dung do các bên có liên quan thỏa thuận kí kết.
2. *Tổng tuyển cử :* Tổ chức bầu cử trong cả nước.
3. *Tố cộng :* Vu cáo, bôi nhọ những người cộng sản, những người kháng chiến cũ.
4. *Diệt cộng :* Tiêu diệt những người cộng sản
5. *Thảm sát :* Giết hại hàng loạt người một cách tàn ác.

Câu hỏi

1. Hiệp định Giơ-ne-vơ quy định những gì ?

2. Em hãy nêu nguyện vọng thiết tha của nhân dân ta sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết.

3. Vì sao đất nước ta, nhân dân ta phải đau nỗi đau chia cắt ?

Bài 22

BẾN TRE ĐỒNG KHỞI

thuongmaitr

Từ năm 1955 đến năm 1959, chính quyền Ngô Đình Diệm ngày càng điên cuồng khủng bố các chiến sĩ cách mạng và đồng bào miền Nam. Tháng 5 - 1957, chúng ban hành đạo luật cho phép tự do giết hại những người cộng sản, những người kháng chiến cũ mà không cần điều tra, xét xử. Tháng 3-1959, chúng tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh. Lấy cớ đó, chúng lập hàng loạt tòa án quân sự đặc biệt, huy động quân đội cảnh sát vào các cuộc càn quét, đàn áp, tàn sát đồng bào, đồng chí miền Nam.

Nhân dân miền Nam không thể chịu đựng được mãi, không còn con đường nào khác, buộc phải cầm vũ khí đứng lên. Cuối năm 1959 đầu năm 1960, khắp miền Nam bùng lên phong trào "đồng khởi", điển hình là ở tỉnh Bến Tre. Ngày 17 tháng 1 năm 1960, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bến Tre,

Hình 24 - Đồng khởi nổi dậy phá thế kìm kẹp

nhân dân huyện Mỏ Cày đứng lên khởi nghĩa, mở đầu cho phong trào khởi nghĩa của toàn tỉnh. Với vũ khí thô sơ, gậy tầm vông , giáo mác, nhân dân Mỏ Cày nhất loạt vùng dậy. Tiếng trống, tiếng mõ, tiếng súng... hòa cùng tiếng hò reo vang động của nhân dân đã làm cho bọn lính ngụy khiếp đảm. Nhân dân đã cùng với các chiến sĩ tự vệ phá đồn giặc tiêu diệt ác ôn đập tan bộ máy cai trị của Mĩ - Diệm ở các xã ấp. Từ cuộc nổi dậy thắng lợi ở Mỏ Cày, phong trào lan nhanh ra các huyện Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri. Chỉ trong một tuần lễ, ở Bến Tre đã có 22 xã được giải phóng hoàn toàn. 29 xã khác đã tiêu diệt ác ôn, vây đồn, giải phóng nhiều ấp.

Từ Bến Tre, ngọn lửa đồng khởi lan khắp miền Nam. Ở nhiều nơi, chính quyền địch tê liệt, tan rã. Ở vùng mới giải phóng, chính quyền cách mạng được thành lập. Nhân dân, chiến sĩ ta phấn khởi, vui mừng được sống những ngày thực sự làm chủ quê hương.

Cuối năm 1959 đầu năm 1960, phong trào đồng khởi nổ ra và thắng lợi ở nhiều vùng nông thôn miền Nam. Bến Tre là nơi tiêu biểu của phong trào đồng khởi.

CHÚ THÍCH

1. *Đồng khởi* : Toàn dân cùng nổi dậy khởi nghĩa
2. *Ác ôn* : Kẻ gây nhiều tội ác với nhân dân
3. *Mĩ-Diệm* : Chỉ đế quốc Mĩ và chính quyền Ngô Đình Diệm.

Câu hỏi

1. Vì sao đồng bào miền Nam cùng nổi dậy chống Mĩ - Diệm ?

2. Hãy tìm vị trí tỉnh Bến Tre trên bản đồ Việt Nam.

3. Phong trào "đồng khởi" ở Bến Tre đã diễn ra như thế nào ?

thuongmaitr

Bài 23 "CHỮA" CÁNH ĐỒNG TRŨNG

Nam Bình là một xã thuộc tỉnh Thái Bình. Cánh đồng của xã rộng tới vài trăm hec-ta nhưng gần như quanh năm úng nước. Vụ chiêm thu hoạch cao nhất cũng chỉ gần 2 tấn thóc một hec-ta. Vào mùa nước, các thôn xóm như những hòn đảo nổi lên giữa biển nước mênh mông. Người dân ở đây còn lưu truyền câu ca :

"Nam Bình đồng trắng nước trong
Ngô khoai thì ít, rêu rong thì nhiều".

Năm 1965, dân Nam Bình bàn nhau phải cải tạo cánh đồng để dân được no ấm và có thêm thóc gạo chi viện miền Nam đánh giặc.

Có người gạt đi : "Gạo ít, hàng tháng mỗi người chỉ được 8kg thóc thì lấy sức đâu "chữa" cánh đồng. Thôi đành chịu thua trời vậy".

Nhưng thanh niên lại bàn :"Không chỉ nhờ trời, phải chữa cánh đồng".

Họ để ra kế hoạch đào một con đê bao quanh cánh đồng để ngăn nước và xây dựng một số cửa cống thoát nước.

Hình 25 - Trên cánh đồng 5 tấn đầu tiên ở Thái Bình

tuongxua.vn

Mùa rét năm ấy, Nam Bình khởi công xây dựng công trình. Năng suất đào đất tăng vùn vụt, nhưng thời vụ đã đến nơi mà xem ra công trình chưa làm được bao nhiêu. Làm ngày không kịp, họ quyết tâm đốt đuốc làm đêm. Trời rét như cắt da, cắt thịt, thanh niên thay phiên nhau lội xuống nước đào đất. Con đê ngăn nước dần hiện ra. Mọi người càng thêm phấn khởi, dốc sức làm việc. Trời đổ mưa dầm. Các cửa cống thoát nước vừa xây xong, xi măng còn chưa khô. Đêm hôm đó, dân làng đem ni lông che cống và tát nước dưới ánh đuốc để bảo vệ cống.

Người dân Nam Bình đã chiến thắng, 30 km đê ngăn nước đã hoàn thành, không còn ngập úng. Năm sau, Nam Bình cấy được hai vụ, thu hoạch hơn 5 tấn thóc một hec-ta.

Thái Bình là tỉnh đầu tiên đạt 5 tấn thóc trên một hecta gieo trồng cả năm. Thành tích đó là kết quả của quyết tâm cải tạo đồng ruộng. Một trong những ví dụ đó là việc "chữa" cánh đồng trũng của nhân dân xã Nam Bình.

Câu hỏi

1. Em hãy cho biết cánh đồng xã Nam Bình vốn là một cánh đồng như thế nào ?
2. Em hãy thuật lại quá trình cải tạo đồng ruộng của nhân dân Nam Bình.
3. Sau khi "chữa" được cánh đồng trũng, nhân dân Nam Bình đã đạt được kết quả gì trong sản xuất ?

Bài 24 ĐƯỜNG TRƯỜNG SƠN

thuongmaitr

Trong kháng chiến chống Pháp, trên dãy núi Trường Sơn, hình thành "đường dây giao liên Bắc - Nam". Từ khi miền Nam đồng khởi, đường giao liên không còn đáp ứng được nhu cầu chi viện cho miền Nam. Ngày 19 tháng 5 năm 1959, ta quyết định "mở đường Trường Sơn". Đường Trường Sơn ra đời vào ngày sinh của Bác Hồ nên còn được gọi là "Đường Hồ Chí Minh".

Tính đến ngày đất nước thống nhất (ngày 30 tháng 4 năm 1975), đường Trường Sơn đã tồn tại gần 6000 ngày đêm. Trong thời gian ấy, đường Trường Sơn đã chứng kiến biết bao chiến công, thấm đượm biết bao mồ hôi, máu và nước mắt của bộ đội và thanh niên xung phong Trường Sơn.

Hôm nay, chúng ta gặp lại anh Nguyễn Viết Sinh, một trong những người anh hùng Trường Sơn năm xưa, người đã

6 năm gùi hàng trên chặng đường dài gần bằng vòng quanh Trái Đất. Anh kể lại :

- Cùng với đoàn xe ngày đêm nối đuôi nhau chở hàng hướng về phía Nam là đoàn người gùi thồ gạo và xăng trên lưng luồn lách qua đèo núi dùng bè mảng vượt qua sông sâu. Có những dốc cao leo đến tức ngực. Nếu đi không khéo, chân người trước giẫm lên tóc người sau. Vậy mà người nào cũng gùi trên lưng 40 - 50 kg. Để tránh sự rình rập và kiểm soát của địch, có những lúc vượt qua đường cái, đoàn người phải chui qua cống, phải trải ni lông trên mặt đường rồi vượt qua, không để lại dấu vết gì. Muốn trao đổi với nhau, mọi người phải nói thì thầm.

Hình 26 - Đường Trường Sơn

uongxua.vn

Được hỏi về những kỉ niệm không thể nào quên trong những năm tháng ấy, anh mỉm cười, mộc mạc kể lại :

- Một lần, đường bị tắc đến gần nửa tháng. Gạo ở sau lưng mà không ai dám ăn. Chúng tôi kiếm măng, rau ăn cho qua ngày. Nhưng khổ nhất là nửa tháng không có hạt muối nào. Thèm đến nỗi sau này khi chúng tôi được tặng một lọ muối nhỏ, ai cũng có cảm giác sung sướng.

Chị Lê Phương, người chiến sĩ thông tin ở Trường Sơn, chưa tròn 18 tuổi, chị xúc động kể lại một kỉ niệm khó quên :

– Nhiệm vụ sống còn của chiến sĩ thông tin là bảo đảm liên lạc thông suốt. Có đồng chí đi nối dây không về, anh em đi tìm chỉ thấy những mảnh quần áo rách vương lại, mới biết bị cọp vồ. Mọi người nhìn nhau không nói mà nước mắt cứ tuôn trào. Còn tôi, lần ấy, cả trung đội thông tin bị sốt rét. Dây đứt, không còn cách nào khác, một mình lần theo đường dây giữa rừng trong đêm tối. Đi được một đoạn, tôi lại luồn ra xa, đốt một đống lửa để tránh thú rừng. Lần mò đến chỗ đứt, nối lại được thì trời rạng sáng. Tôi chạy nhanh về trạm để trực điện thay các đồng chí bị ốm.

Dưới mưa bom, bão đạn của quân thù, trước những khó khăn, gian khổ ngoài sức chịu đựng của con người, đường Trường Sơn ngày càng được mở thêm và vươn dài về phía Nam Tổ quốc. Trên các con đường Trường Sơn, miền Bắc chi viện suốt ngày đêm cho miền Nam sức người, của cải, lương thực, vũ khí... Cùng với đường Hồ Chí Minh trên biển, đường Trường Sơn góp phần to lớn vào thắng lợi của cách mạng miền Nam.

Ngày nay, đường Trường Sơn đã được mở rộng, nối liền đất nước. Ai đã đến đây đều không thể không nhớ con đường nổi tiếng và những con người đã một lòng vì con đường thống nhất đất nước.

Ngày 19-5-1959, đường Trường Sơn bắt đầu được mở. Đây là tuyến giao thông quân sự chính chi viện sức người, vũ khí, lương thực, của cải... cho chiến trường, góp phần to lớn vào thắng lợi của cách mạng miền Nam. Biết bao tấm gương về lòng yêu nước của quân và dân ta đã tỏa sáng trên con đường này.

CHÚ THÍCH

1. *Đường giao liên :* Đường giao thông liên lạc từ chỗ này đến chỗ kia.
2. *Gùi :* Mang đồ trên lưng để đi lại thuận lợi hơn.

Câu hỏi

1. Đường Trường Sơn ra đời như thế nào ?

2. Em hãy thuật lại những tấm gương tiêu biểu của chiến sĩ Trường Sơn.

3. Hãy nêu vai trò của đường Trường Sơn đối với cách mạng miền Nam.

Bài 25 SẤM SÉT ĐÊM GIAO THỪA

Sài Gòn đêm 30 Tết. Trong lúc mọi người đang chuẩn bị đón giao thừa thì ở các địa điểm bí mật trong thành phố, các chiến sĩ Quân giải phóng lặng lẽ xuất kích. Kim đồng hồ nhích dần, nhích dần đến con số 12. Đúng vào lúc tiếng pháo giao thừa nổ ran, khi nhân dân cả nước lắng nghe thơ chúc Tết của Bác Hồ, cả Sài Gòn đã vang lên tiếng bom, tiếng súng. Sài Gòn là trọng điểm của cuộc tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968. Quân ta đánh vào Tòa sứ quán Mĩ, Bộ Tổng tham mưu ngụy, đài phát thanh, sân bay Tân Sơn Nhất, Tổng nha cảnh sát, Bộ tư lệnh hải quân... Cuộc tiến công quá bất ngờ, ngoài sức tưởng tượng của địch. Đặc biệt, trận tiến công Tòa sứ quán Mĩ đã làm cho Nhà Trắng, Lầu Năm Góc và nhiều nước phương Tây kinh ngạc.

Đúng 2 giờ 50 phút ngày 31-1-1968, một tiếng nổ rầm trời rung chuyển tòa nhà sứ quán Mĩ làm sập một mảng tường bảo vệ. Các chiến sĩ đặc công lập tức bắn chết 4 tên lính gác Mĩ, lao vào chiếm giữ tầng dưới Tòa sứ quán. Phân đội

lính thủy đánh bộ Mĩ bảo vệ sứ quán chống trả quyết liệt nhưng không đẩy lùi được cuộc tiến công. Địch phải dùng máy bay lên thẳng chở một trung đội lính thủy đánh bộ Mĩ đổ xuống nóc nhà sứ quán, tăng viện phản kích. Bọn chỉ huy hoảng hốt, ra lệnh cho các nhân viên an ninh Mĩ bí mật đưa đại sứ Bâncơ chạy khỏi biệt thự của y bằng xe bọc thép. Trong khi đó, quân ta tiếp tục tiến công lên các tầng trên. Cuộc kịch chiến ở khu sứ quán Mĩ đã diễn ra suốt 6 giờ đồng hồ, làm cho sứ quán Mĩ bị tê liệt, làm cho cả Sài Gòn rung chuyển.

Cùng với Sài Gòn, bộ binh, pháo binh, đặc công, biệt động Quân giải phóng đã tiến công đồng loạt ở hầu khắp các thành phố, thị xã miền Nam như Cần Thơ, Nha Trang, Huế, Đà Nẵng... Hầu hết các cơ quan trung ương và địa phương của Mĩ - ngụy đều bị tiến công mãnh liệt... khiến chúng rất hoang mang lo sợ hoặc bị tê liệt.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 là cuộc tiến công chiến lược quy mô rộng lớn, mãnh liệt và đều khắp, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Xuân Mậu Thân 1968, quân dân miền Nam đồng loạt tổng tiến công và nổi dậy ở khắp các thành phố và thị xã, gây cho Mĩ - ngụy thiệt hại nặng nề và hoang mang lo sợ.

CHÚ THÍCH

1. *Nhà Trắng :* Nơi làm việc của Tổng thống và các quan chức cao cấp trong chính phủ Mĩ.
2. *Lầu Năm Góc :* Trụ sở Bộ quốc phòng Mĩ.

Câu hỏi

1. Hãy kể lại cuộc tấn công Tòa sứ quán Mĩ của Quân giải phóng miền Nam.

2. Hãy nêu ý nghĩa của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

Bài 26 CHIẾN THẮNG "ĐIỆN BIÊN PHỦ TRÊN KHÔNG"

Sáu tháng đầu năm 1972, quân dân ta giành được nhiều thắng lợi quan trọng trên chiến trường miền Nam. Đế quốc Mĩ buộc phải thỏa thuận sẽ kí kết Hiệp định Pa-ri vào tháng 10 - 1972 để chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Sau gần 18 năm chiến tranh, nhân dân ta mong chờ ngày hòa bình đang đến. Nhưng gần đến ngày kí, Tổng thống Mĩ Ních-xơn lật lọng, ra lệnh sử dụng máy bay tối tân nhất thế giới lúc bấy giờ ("pháo đài bay" B52) ném bom hủy diệt Hà Nội và các thành phố lớn khác. Ních-xơn nghĩ có thể dùng bom B52 đè bẹp ý chí quyết thắng của Hà Nội, buộc Hà Nội phải làm theo ý Mĩ.

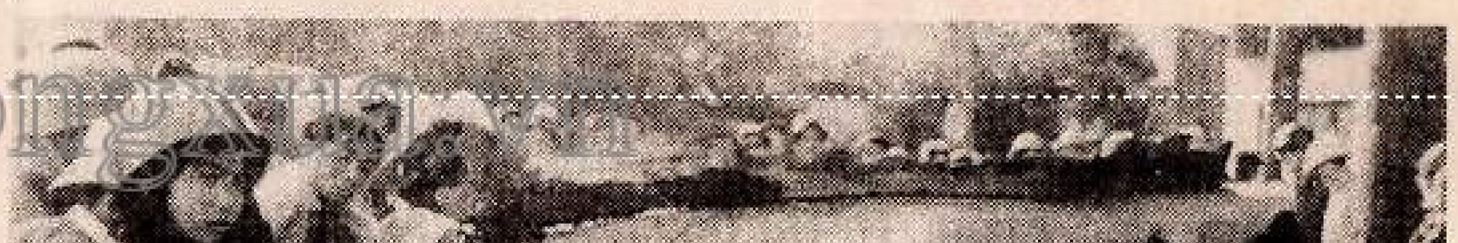

Hình 27 - Máy bay Mĩ rơi trên đường Hoàng Hoa Thám (Hà Nội)

Khoảng 20 giờ ngày 18-12-1972, hàng chục tốp máy bay B52 và các loại máy bay khác đã hung hãn ném bom vào Hà Nội mở đầu 12 ngày đêm ném bom hủy diệt. Trong 12 ngày đêm đó, Mĩ đã dốc hết khả năng, sử dụng 750 lần chiếc B52, 2000 lần các loại máy bay khác đánh phá Hà Nội và các vùng phụ cận. Chúng ném bom bừa bãi vào bệnh viện, trường học, khu phố, bến xe... làm cho hàng nghìn người dân bị chết và bị thương nặng.

Trước sự tàn bạo của Mĩ, quân dân ta đã kiên cường đánh trả. Nhà nước đã tổ chức cho nhân dân Thủ đô sơ tán về các miền quê hẻo lánh. Trong khi đó, Trung ương Đảng và Chính phủ ta vẫn ở lại Hà Nội, trực tiếp chỉ huy cuộc đọ sức với Mĩ. Trong 12 ngày đêm anh dũng chiến đấu, lập nhiều chiến công, quân dân ta đã đánh thắng hai trận tiêu biểu nhất.

Đêm 20 rạng ngày 21-12, quân dân Hà Nội đã đánh thắng một trận xuất sắc, bắn rơi 7 chiếc B52, có 5 chiếc rơi tại chỗ, bắt sống 12 giặc lái.

Ngày 26-12, địch tập trung số lượng B52 lớn nhất (105 lần chiếc) hòng hủy diệt Hà Nội. Hơn 100 điểm Hà Nội bị trúng bom. Riêng phố Khâm Thiên, bom B52 đã sát hại 300 người, phá hủy 2000 ngôi nhà. Lực lượng phòng không ta đã kiên cường đánh trả máy bay địch. 22 giờ 30 phút, tốp B52 đầu tiên từ hướng Tây Bắc đánh vào Thủ đô liền bị 3 tiểu đoàn tên lửa của ta đồng loạt phóng đạn, bắn rơi tại chỗ 1 chiếc. Máy bay địch vẫn hung hãn lao vào. Sau hơn một giờ chiến đấu, quân ta đã thắng giòn giã : bắn rơi 18 máy bay Mĩ trong đó có 8 máy bay B52, 5 chiếc bị bắn rơi tại chỗ, bắt sống nhiều phi công Mĩ.

Những ngày đêm khác, máy bay Mĩ cũng không thoát khỏi sự trừng trị. Đêm 29-12, quân dân Hà Nội đánh thắng trận cuối cùng, tiêu diệt thêm một chiếc B52.

Sáng ngày 30-12-1972, biết không thể khuất phục được nhân dân ta bằng bom đạn, Ních-xơn tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc. Gần 4 tuần sau, Mĩ phải kí Hiệp định Pa-ri.

thuongmaitr

Cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29-12) bằng máy bay B52 của đế quốc Mĩ đã bị đập tan. 81 máy bay hiện đại của Mĩ, trong đó có 34 máy bay B52 bị bắn rơi, nhiều chiếc rơi trên bầu trời Hà Nội. Quân và dân Hà Nội lập công đầu, hạ 25 máy bay B52, xứng đáng là Thủ đô anh hùng. 12 ngày đêm chiến đấu và chiến thắng cuối năm 1972 là một chiến dịch phòng không đạt mức tiêu diệt cao nhất, oanh liệt nhất trong cuộc chiến đấu bảo vệ miền Bắc. Đây cũng là thất bại nặng nề nhất trong lịch sử không quân Mĩ. Về tầm vóc vĩ đại của chiến thắng oanh liệt này, quân dân ta và dư luận thế giới đã gọi đây là trận "Điện Biên Phủ trên không".

Trong 12 ngày đêm (từ 18 đến 29-12-1972), đế quốc Mĩ điên cuồng dùng máy bay B52 ném bom hủy diệt Hà Nội và các thành phố lớn ở miền Bắc, âm mưu khuất phục nhân dân ta. Quân dân ta đã chiến thắng vẻ vang, bắn rơi nhiều máy bay B52 của giặc Mĩ, làm thất bại âm mưu của chúng.

uongxua.vn

CHÚ THÍCH

Máy bay B52 : Loại máy bay hiện đại nhất thời ấy, có thể bay cao 16 km, pháo cao xạ không bắn được, mang số lượng bom gấp 40 lần các loại máy bay khác (khoảng 100 - 120 quả bom). Máy bay này còn gọi là "Pháo đài bay".

Câu hỏi

1. Tại sao Mĩ ném bom hòng hủy diệt Hà Nội ?

2. Em hãy kể lại trận chiến đấu đêm 26 - 12 - 1972 trên bầu trời Hà Nội.

3. Tại sao ngày 30 - 12 - 1972, Tổng thống Mĩ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc ?

4. Tại sao gọi chiến thắng 12 ngày đêm cuối năm 1972 ở Hà Nội và các thành phố khác là "Điện Biên Phủ trên không " ?

Câu hỏi

1. Hiệp định Pa-ri về Việt Nam được kí kết vào thời gian nào, trong khung cảnh như thế nào ?
2. Hãy nêu những điểm cơ bản của Hiệp định Pa-ri về Việt Nam.
3. Hiệp định Pa-ri về Việt Nam có ý nghĩa lịch sử như thế nào ?

Bài 28 TIẾN VÀO DINH ĐỘC LẬP

Sau 40 ngày tổng tiến công và nổi dậy, quân và dân ta đã giải phóng toàn bộ Tây Nguyên và cả dải đất miền Trung. 17 giờ ngày 26-4 -1975, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, cuộc tổng tiến công vào Sài Gòn bắt đầu. Tất cả 5 cánh quân của ta đồng loạt nổ súng, ồ ạt tiến vào các vị trí quan trọng của ngụy quân, ngụy quyền trong thành phố.

Tại mũi tiến công từ phía Đông, dẫn đầu đội hình là lữ đoàn xe tăng 203. Bộ chỉ huy chiến dịch giao nhiệm vụ cho lữ đoàn phối hợp với các đơn vị bạn cắm lá cờ của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam lên nóc dinh Độc Lập.

Sau mấy ngày hành quân thần tốc,đè bẹp nhiều ổ phòng ngự của địch, sáng ngày 30-4, lữ đoàn tiến vào trung tâm thành phố Sài Gòn. Được nhân dân dẫn đường, xe tăng ta nhanh chóng nhằm hướng dinh Độc Lập xông tới.

Đi đầu đội hình là chiếc xe tăng 843 của đại đội trưởng Bùi Quang Thận, tiếp theo là xe tăng 390 do chính trị viên đại đội Vũ Đăng Toàn chỉ huy. Đến trước dinh Độc Lập, xe tăng 843 lao vào cổng phụ và bị kẹt lại. Thấy vậy, chính trị viên đại đội Vũ Đăng Toàn lập tức ra lệnh cho xe 390 rú

mạnh ga, húc đổ cổng chính xông thẳng vào. Bùi Quang Thận cầm cờ cách mạng, nhảy khỏi xe tăng 843, chạy bên xe 390, xông lên bậc thềm của tòa nhà. Tiếp theo xe 390 là xe tăng 843 và các xe khác dũng mãnh tiến vào sân dinh. Chỉ huy lữ đoàn ra lệnh cho bộ đội không được bắn, tất cả ở trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Nhiều tốp chiến sĩ nhanh chóng tỏa lên các tầng...

Cửa ra vào phòng họp lớn ở tầng 2 đã mở sẵn. Tổng thống Dương Văn Minh mới nhậm chức 2 ngày, đang ngồi ủ rũ cùng với khoảng 50 thành viên chính phủ và viên chức cao cấp. Thấy quân giải phóng ập vào, họ đứng dậy, mặt tái mét. Dương Văn Minh nói : "Chúng tôi sốt ruột chờ các ông từ sáng để làm nghi thức bàn giao". Một sĩ quan cách mạng dõng dạc trả lời : "Các ông đã thất bại. Toàn bộ ngụy quyền đã sụp đổ hoàn toàn. Người ta không thể bàn giao cái mà

truongxua.vn

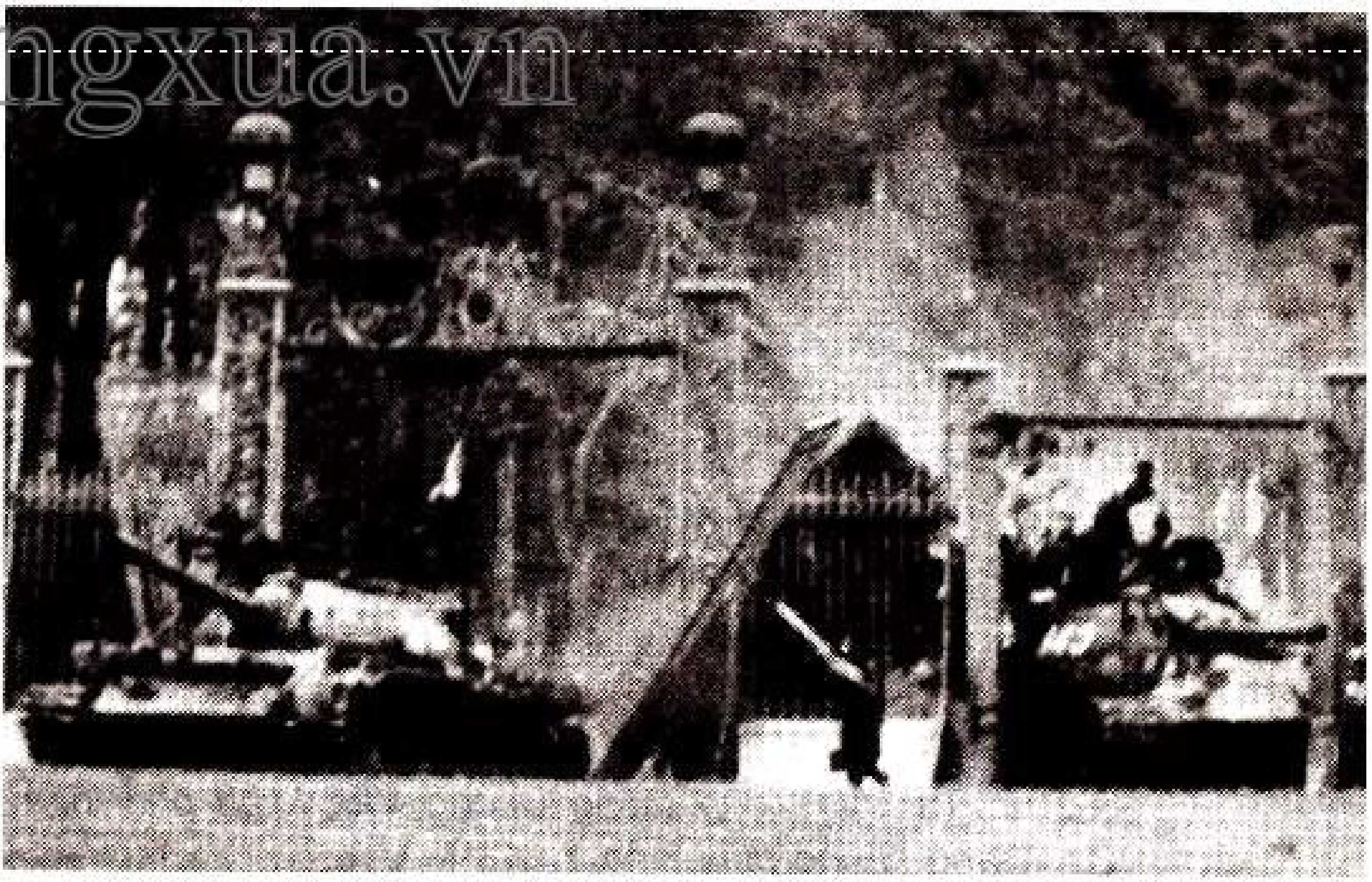

Hình 29 - Xe tăng tiến vào dinh Độc Lập
(Ảnh của bà François de Mulder)

người ta không có. Các ông phải đầu hàng ngay !". Tất cả các thành viên nội các ngụy quyền Sài Gòn cúi mặt. Dương Văn Minh ra lệnh cho toàn bộ ngụy quân, ngụy quyền đầu hàng không điều kiện.

Trong khi đó, trên nóc dinh Độc Lập, lá cờ cách mạng kiêu hãnh tung bay. Các chiến sĩ xe tăng, bộ binh ta cùng nhân dân vô cùng sung sướng reo hò mừng giờ phút lịch sử. Lúc ấy là 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975. Niềm mơ ước về ngày đại thắng của toàn thể nhân dân Việt Nam, của những người đã hi sinh và đang chiến đấu, giờ đây đã trở thành hiện thực. Miền Nam đã được giải phóng, non sông thu về một mối.

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, quân ta giải phóng Sài Gòn, kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đất nước đã hoàn toàn độc lập, Nam Bắc sum họp một nhà.

thuongmaitr

CHÚ THÍCH

Dinh Độc Lập : Trụ sở của Tổng thống ngụy quyền miền Nam trước năm 1975, nay gọi là dinh Thống Nhất.

Câu hỏi

1. Hãy kể lại cảnh xe tăng ta tiến vào dinh Độc Lập.

2. Tại sao Tổng thống Dương Văn Minh phải đầu hàng không điều kiện ?

3. Tại sao nói : Ngày 30 tháng 4 năm 1975 là mốc quan trọng trong lịch sử dân tộc ta.

Bài 29 ÔN TẬP
Cuộc kháng chiến chống Mĩ và xây dựng đất nước (1954 - 1975)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, đế quốc Mĩ và tay sai âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Nhân dân ta đồng thời làm nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Cuối năm 1959, đầu năm 1960, nhân dân miền Nam đã tiến hành đồng khởi. Phong trào cách mạng ngày càng cao, chính quyền ngụy, tay sai của Mĩ có nguy cơ sụp đổ. Trước tình hình đó, Mĩ đã can thiệp ngày càng thô bạo vào Việt Nam. Năm 1965, Mĩ công khai xâm lược miền Nam, ném bom hủy diệt miền Bắc.

Nhân dân Việt Nam muôn người như một, quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược. Miền Bắc vừa sản xuất, vừa tích cực chi viện cho miền Nam. Quân và dân miền Nam kiên cường, anh dũng đánh bại nhiều chiến dịch lớn của Mĩ, lập nhiều chiến công, tiêu biểu là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968, cuộc tiến công chiến lược năm 1972, Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.

tuongxua.vn

Với chiến thắng 30-4-1975, đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta một lần nữa lại sạch bóng quân thù, non sông thu về một mối.

Câu hỏi

1. Vì sao đất nước ta bị chia cắt ?
2. Hãy nêu các sự kiện lịch sử tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước mà em đã học.
3. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ của nhân dân ta có ý nghĩa như thế nào ?

XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG CẢ NƯỚC (1975 đến nay)

Từ năm 1975, sau khi đất nước thống nhất, nhân dân cả nước bắt tay vào hàn gắn vết thương chiến tranh và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bài 30 HOÀN THÀNH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

thuongmaitr

Sau ngày 30-4-1975, nước ta đã hoàn toàn độc lập, non sông thu về một mối. Nhưng chúng ta chưa có Nhà nước chung cho cả nước. Nhiệm vụ đặt ra lúc này là phải lập Quốc hội chung do nhân dân hai miền Nam Bắc bầu ra.

Ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội thống nhất được tổ chức trong cả nước.

Thành phố Hà Nội tràn ngập cờ và hoa. Nhân dân phấn khởi thực hiện quyền công dân của mình. Tại khu vực bỏ phiếu số 30 thuộc khu phố Ba Đình, đúng 7 giờ 30 phút, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất của Đảng ta, đi bỏ phiếu. Ra khỏi phòng phiếu, đồng chí đã dừng lại, niềm nở thăm hỏi các cử tri, vui vẻ nói với mọi người : "Hôm nay là ngày vui nhất của nhân dân ta, ngày vui nhất của nước Việt Nam độc lập, cũng là ngày vui của các nước anh em, bầu bạn trên thế giới."

Thành phố Sài Gòn tràn ngập không khí ngày hội non sông. Khắp nơi đầy cờ, hoa, biểu ngữ. Năm ngoái, nhân dân vui mừng đón chào Quân giải phóng, năm nay phấn khởi đi bầu cử Quốc hội của mình. Các cụ già mặc dù tuổi cao sức yếu nhưng vẫn cùng con cháu đến tận trụ sở bầu cử. Các cụ muốn tự tay bỏ lá phiếu của mình. Vui sướng nhất là lớp thanh niên vừa tròn 18 tuổi, lần đầu tiên được vinh dự cầm lá phiếu bầu Quốc hội thống nhất.

Chiều ngày 25-4, cuộc bầu cử kết thúc tốt đẹp. Hơn 23 triệu cử tri (chiếm gần 99% tổng số cử tri) đã đi bầu cử.

Cuối tháng 6, đầu tháng 7-1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất, Quốc hội khóa VI, họp tại Hà Nội.

Quốc hội quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc kì là lá cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là bài "Tiến quân ca". Thủ đô của nước Việt Nam thống nhất là Hà Nội. Theo đề nghị của nhân dân miền Nam, Quốc hội quyết định đổi tên thành phố Sài Gòn, Gia Định là thành phố Hồ Chí Minh.

uongxua.vn

Quốc hội đã bầu ra Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội và Chính phủ. Kể từ đây, nước ta có Nhà nước thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi đưa cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày 25-4-1976, nhân dân Việt Nam vui mừng, phấn khởi đi bầu cử Quốc hội chung cho cả nước. Cuối tháng 6, đầu tháng 7-1976, Quốc hội thống nhất họp phiên đầu tiên tại Hà Nội quyết định những công việc quan trọng. Kể từ đây, nước ta có Nhà nước thống nhất.

Câu hỏi

1. Tại sao nói : Ngày 25-4-1976 là ngày vui nhất ?

2. Em hãy nêu ý nghĩa của cuộc bầu cử và của kì họp đầu tiên của Quốc hội thống nhất.

Bài 31

XÂY DỰNG NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN HÒA BÌNH

Kháng chiến chống Mĩ cứu nước thắng lợi, đất nước thống nhất, nhân dân ta bắt tay ngay vào việc xây dựng một nhà máy thủy điện lớn trên sông Đà. Thị xã Hòa Bình được chọn làm nơi chinh phục con sông dữ.

Ngày 6-11-1979, Chính phủ ta chính thức ra lệnh khởi công xây dựng tổng thể công trình. Trên công trường xây dựng vĩ đại này, ngày đêm có 35.000 người và hàng ngàn xe cơ giới làm việc hối hả trong những điều kiện khó khăn, thiếu thốn. Đó là những công việc quá sức, nhưng cán bộ và công nhân làm việc trên công trường đã vượt lên tất cả. Cả nước hướng về Hòa Bình, sẵn sàng chi viện người và của. Từ các nước Cộng hòa của Liên Xô (cũ), 800 kĩ sư, công nhân bậc cao đã tình nguyện sang giúp đỡ Việt Nam. Tại công trường, các vị lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước ta cũng như Liên Xô đã đến thăm, động viên công nhân xây dựng, dấy lên các phong trào thi đua lao động. Đó là các đợt thi đua : "120 ngày đêm ngăn sông Đà đợt 1", "110 ngày đêm ngăn sông Đà đợt 2", "Cao độ 81 hay là chết !"...

Ngày 30-12-1988, tổ máy đầu tiên của nhà máy thủy điện Hòa Bình đã bắt đầu phát điện. Ngày 4-4-1994, tổ máy số 8, tổ máy cuối cùng đã hòa điện vào lưới điện quốc gia.

Nhà máy thủy điện Hòa Bình là thành quả 15 năm lao động gian khổ, sáng tạo của cán bộ, công nhân hai nước Việt Nam, Liên Xô. Những chiến sĩ trên công trường xây dựng vĩ đại đó đã cống hiến sức lực và tài năng cho đất nước. Có 168 người trong đó có 11 công dân Liên Xô đã hi sinh tính mạng vì dòng điện ngày mai.

Nhà máy thủy điện Hòa Bình là một công trình thủy điện lớn bậc nhất ở châu Á. Nhờ đập ngăn lũ Hòa Bình, đồng

Hình 30 - Nhà máy thủy điện Hòa Bình

bằng Bắc Bộ thoát khỏi những trận lũ lụt khủng khiếp. Từ Hòa Bình, điện cung cấp cho mọi miền của Tổ quốc. Điện sông Đà đã tăng thêm ánh sáng cho thành phố, bản làng, tăng cường sức mạnh kinh tế, văn hóa cho đất nước ta.

truongxua.vn

Nhà máy thủy điện Hòa Bình được xây dựng từ ngày 6-11-1979 ; đến ngày 4-4-1994 phát điện tổ máy cuối cùng.

Đó là thành quả 15 năm lao động sáng tạo đầy hi sinh, gian khổ của 35.000 cán bộ, công nhân Việt Nam và Liên Xô.

Nhà máy thủy điện Hòa Bình đã chống lũ cho đồng bằng Bắc Bộ và cung cấp điện cho cả nước.

CHÚ THÍCH :

1. *Nhà máy thủy điện :* Nhà máy sản xuất điện nhờ dùng sức nước làm quay máy phát điện.
2. *Sông Đà :* Con sông lớn có lượng nước chiếm tới một nửa các dòng sông thuộc hệ thống sông Hồng, có nhiều thác dữ.
3. *"Cao độ 81 hay là chết !" :* Năm 1986, nếu không đắp đập sông Đà đến cao độ 81 trước mùa mưa lũ thì đập sẽ bị cuốn trôi. Cán bộ, công nhân công trường xây dựng nhà máy thủy điện Hòa Bình đã nêu quyết tâm sẵn sàng hi sinh vì mục tiêu đắp đập đến cao độ 81 đúng thời hạn. "Cao độ 81 hay là chết !" là phong trào thi đua thể hiện quyết tâm đó.

Câu hỏi

1. Em hãy nêu những mốc thời gian quan trọng trong quá trình xây dựng nhà máy thủy điện Hòa Bình.

2. Tinh thần xây dựng nhà máy thủy điện của cán bộ, công nhân hai nước Việt Nam, Liên Xô thể hiện như thế nào ?

3. Nhà máy thủy điện Hòa Bình ra đời có ý nghĩa gì ?

thuongmaitr

Bài 32 TỔNG KẾT

Các em được tìm hiểu một số sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử nước ta từ khi thực dân Pháp xâm lược (năm 1858) cho đến nay.

Qua đó, các em cần ghi nhớ những điều sau :

1. Ngay từ khi Pháp xâm lược nước ta, nhân dân ta đã kiên quyết đứng lên chống giặc. Có những người đã bất chấp lệnh của vua để cùng dân xông ra trận tuyến. Có những người đưa ra những cải cách đổi mới đất nước nhằm làm cho nước ta đủ sức đánh giặc.

Triều đình nhà Nguyễn lúc đầu còn cùng dân chống xâm lược, sau đó, từ chỗ sợ giặc đã đi đến chỗ đầu hàng giặc. Nước ta trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.

2. Vào đầu thế kỉ XX, người thanh niên Nguyễn Tất Thành (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) đã quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước. Người đã tiếp thu chủ nghĩa cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã lãnh đạo nhân dân ta vừa đấu tranh vừa xây dựng lực lượng. Đến mùa thu năm 1945, khi có thời cơ, cả nước đồng loạt đứng lên khởi nghĩa, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, trên Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt nhân dân cả nước tuyên bố nước Việt Nam từ nay hoàn toàn độc lập.

3. Từ cuối năm 1945, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Cả dân tộc lại phải tiến hành một cuộc kháng chiến giữ nước. Sau chín năm vừa chiến đấu vừa xây dựng đất nước, nhân dân ta đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ (năm 1954) lẫy lừng thế giới, thực dân Pháp phải đầu hàng.

4. Từ cuối năm 1954, đế quốc Mĩ từng bước thay chân thực dân Pháp xâm lược miền Nam, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta. Miền Nam một lần nữa phải đứng lên kháng chiến. Miền Bắc vừa xây dựng vừa chống trả cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, đồng thời chi viện cho miền Nam đánh giặc.

Năm 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Đất nước thống nhất.

5. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta vượt qua muôn vàn khó khăn xây dựng lại đất nước, từng bước vươn lên sánh vai với các quốc gia trên thế giới.

uongxua.vn

MỤC LỤC

KHOA HỌC

Đồ vật thường dùng

Bài 1. Trang phục 3
Bài 2, 3. Đồ dùng sinh hoạt trong nhà 7
Bài 4. Đồ dùng học tập 12
Bài 5. Thực hành : Đồ dùng lao động 14
Bài 6. Phương tiện giao thông vận tải 20
Bài 7. Phương tiện thông tin 25
Bài 8. Ôn tập : Những đồ vật thường dùng 27

Các chất thường dùng

Bài 9. Một số chất thường dùng 29
Bài 10. Hỗn hợp và dung dịch 31
Bài 11. Tách các chất trong hỗn hợp và trong dung dịch 32
Bài 12. Sự biến đổi hóa học của các chất 34
Bài 13. Than mỏ 37
Bài 14. Dầu mỏ 39
Bài 15. Kim loại và hợp kim 42
Bài 16. Kim loại và hợp kim (tiếp theo) 44
Bài 17. Kim loại và hợp kim (tiếp theo) 46
Bài 18. Kim loại và hợp kim (tiếp theo) 48
Bài 19. Cao su 50
Bài 20. Gốm, thủy tinh 51
Bài 21. Vôi, xi măng 54
Bài 22. Ôn tập : Các chất thường dùng 56

thuongmaitr

Một số loại năng lượng thường dùng

Bài 23. Năng lượng 58
Bài 24. Sử dụng năng lượng của Mặt Trời, gió, nước chảy 60
Bài 25. Sử dụng năng lượng của chất đốt 63
Bài 26. Sử dụng năng lượng của nam châm 65
Bài 27. Sử dụng năng lượng điện để thắp sáng 68
Bài 28. Sử dụng năng lượng điện để thắp sáng (tiếp theo) 70
Bài 29. Sử dụng năng lượng điện để đốt nóng 73
Bài 30. Sử dụng năng lượng điện để chạy máy 75
Bài 31. Tránh lãng phí và đảm bảo an toàn khi dùng điện 77
Bài 32. Ôn tập : Năng lượng 79
Bài 33 : Kiểm tra 81

Sự sinh sản ở thực vật và động vật

Bài 34. Sự sinh sản ở thực vật có hoa 82
Bài 35. Sự sinh sản ở thực vật có hoa (tiếp theo) 84
Bài 36. Thực hành : Trồng cây bằng hạt (cây đậu) 86
Bài 37. Thực hành : Trồng cây bằng thân, cành 88
Bài 38. Ôn tập : Sự sinh sản ở thực vật 91
Bài 39. Sự sinh sản ở động vật 92
Bài 40. Sự sinh sản của ruồi 94
Bài 41. Sự sinh sản của ếch 96
Bài 42. Sự sinh sản và nuôi con của chim 98
Bài 43. Sự sinh sản và nuôi con của hươu, nai, hoẵng 100
Bài 44. Sự sinh sản và nuôi con của hổ 102

Bài 45. Sự sinh sản và nuôi con của khỉ 104
Bài 46. Ôn tập : Sự sinh sản của động vật 105
Bài 47, 48. Ôn tập và kiểm tra giữa học kì II 106

Sự sinh sản và phát triển của cơ thể

Bài 49, 50. Sự sinh sản ở người 108
Bài 51. Vài đặc điểm của cơ thể trẻ mới sinh 111
Bài 52. Sự lớn lên về chiều cao của cơ thể người 113
Bài 53, 54. Ôn tập và kiểm tra : Sự sinh sản ở người 114

Con người và môi trường

Bài 55. Môi trường và tài nguyên 116
Bài 56. Vai trò của môi trường tự nhiên đối với đời sống con người 119
Bài 57. Ảnh hưởng của con người đến môi trường 120
Bài 58. Dân số và diện tích đất trồng 124
Bài 59. Dân số và tài nguyên rừng 126
Bài 60. Dân số và sự ô nhiễm môi trường đất 129
Bài 61. Sự ô nhiễm môi trường không khí và nước 131
Bài 62. Một số biện pháp bảo vệ môi trường 133
Bài 63. Thực hành : Làm vệ sinh lớp học 136
Bài 64. Ôn tập : Con người và môi trường 137
Bài 65, 66. Ôn tập và kiểm tra cuối năm 137

ĐỊA LÍ

Phần một. ĐỊA LÍ VIỆT NAM

Địa lí tự nhiên

Bài 1. Vị trí giới hạn và hình dạng của nước ta 141
Bài 2. Thực hành : Địa hình và khoáng sản 143
Bài 3. Khí hậu 147
Bài 4. Sông ngòi 150
Bài 5. Vùng biển nước ta 152
Bài 6. Thực hành : Đất và động, thực vật 154
Bài 7. Ôn tập 158

Địa lí dân cư

Bài 8. Thực hành : Dân số và sự tăng dân số 159
Bài 9. Các dân tộc Việt Nam. Sự phân bố dân cư 161

Địa lí kinh tế

Bài 10. Nông nghiệp 164
Bài 11. Thực hành : Nông nghiệp (tiếp theo) 167
Bài 12. Công nghiệp 170
Bài 13. Thực hành : Sự phân bố các ngành công nghiệp 172
Bài 14. Giao thông vận tải và thương mại 174
Bài 15. Ôn tập 176

Phần hai. ĐỊA LÍ THẾ GIỚI

Bài 16. Châu Á 178
Bài 17. Châu Á (tiếp theo) 181
Bài 18. Khu vực Đông Nam Á 184
Bài 19. Một số nước ở châu Á 187
Bài 20. Một số nước ở châu Á (tiếp theo) 189
Bài 21. Châu Âu 191

uongxua.vn

Bài 22. Thực hành : Một số nước ở châu Âu 19
Bài 23. Ôn tập 19
Bài 24. Châu Phi 19
Bài 25. Châu Phi (tiếp theo) 20
Bài 26. Châu Mĩ 20
Bài 27. Châu Mĩ (tiếp theo) 20
Bài 28. Châu Đại Dương và châu Nam Cực 20
Bài 29. Thực hành : Các đại dương trên thế giới 21
Bài 30. Ôn tập 21

LỊCH SỬ

Hơn tám mươi năm chống thực dân Pháp (1858 - 1945)

Bài 1. "Bình Tây đại nguyên soái" Trương Định 215
Bài 2. Nguyễn Trường Tộ mong muốn đổi mới đất nước 218
Bài 3. Cuộc phản công ở kinh thành Huế 220
Bài 4. Xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX 222
Bài 5. Phan Bội Châu và phong trào Đông Du 225
Bài 6. Quyết chí ra đi tìm đường cứu nước 227
Bài 7. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời 229
Bài 8. Xô viết Nghệ - Tĩnh 231
Bài 9. Mùa thu cách mạng 233
Bài 10. Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập 236
Bài 11. Ôn tập 238

Năm đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám

Bài 12. Sài Gòn những ngày đầu sau cách mạng 239
Bài 13. Chính quyền non trẻ 241

Chín năm kháng chiến chống Pháp

Bài 14. Hà Nội những ngày đầu kháng chiến 244
Bài 15. Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947 247
Bài 16. Tất cả cho tiền tuyến 249
Bài 17. Chiến dịch biên giới thu-đông năm 1950 251
Bài 18. Hậu phương những năm sau chiến dịch biên giới 253
Bài 19. Điện Biên Phủ - Pháo đài thực dân sụp đổ 256
Bài 20. Ôn tập 258

Kháng chiến chống Mĩ và xây dựng đất nước (1954 - 1975)

Bài 21. Nước nhà bị chia cắt 260
Bài 22. Bến Tre đồng khởi 262
Bài 23. "Chữa" cánh đồng trũng 264
Bài 24. Đường Trường Sơn 266
Bài 25. Sấm sét đêm giao thừa 269
Bài 26. Chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" 271
Bài 27. Lễ kí hiệp định Pa-ri 274
Bài 28. Tiến vào dinh Độc lập 276
Bài 29. Ôn tập 279

Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước (1975 đến nay)

Bài 30. Hoàn thành thống nhất đất nước 280
Bài 31. Xây dựng nhà máy thủy điện Hòa Bình 283
Bài 32. Tổng kết 284

MỤC LỤC 286

thuongmaitr

ruongxua.vn

thuongmaitruongxua.vn

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 5

In 170.000 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Xí nghiệp in số 4,
61 Phạm Ngọc Thạch, Q.3, TP. Hồ Chí Minh. Giấy phép XB số : 706/98-96.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 1997.

Giá : 10.600đ